



Văn Hóa

NGUYỆT SAN

SỐ ĐẶC-BIỆT PHỤ-NỮ

CƠ-QUAN TRUYỀN-BÀ GIÁO-DỤC, KHOA-HỌC VÀ VĂN-HÓA



vol 1
NĂM THỨ NHẤT
THÁNG SÁU NĂM 1952

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN XUẤT-BẢN



Phụ-nữ với văn-hóa



T nhiều du - khách ngoại-quốc qua thăm nước nhà, thường ghi chép rằng : phụ-nữ Việt-Nam không được nhân dân quý trọng như trong xã-hội Âu-tây. Lời xét đoán ấy không khỏi có phần nông nổi. Đã đành rằng : Ở Á - đông, xưa kia, vẫn có tục « trọng nam khinh nữ ». Nền cổ-học lại bắt buộc phụ-nữ phải theo đạo tam tông, khiến họ suốt đời phải đóng vai vị thành niên. Về luật - pháp, thì người đàn ông thời trước có quyền ly-dị cùng vợ trong bảy trường-hợp khác nhau : không con, thất tiết, phạm lỗi với cha mẹ chồng, lảm điều, trộm cắp, ghen tuông, có ác tật. Ngay trong văn-giới, người ta cũng quan niệm rằng : nam nữ không những có nhiệm-vụ khác nhau, mà « khách tu-mi » vẫn đáng

được quý trọng hơn. Một thi-nhân ca-tụng phụ-nữ, đã thay lời đàn bà mà viết :

« Chàng như mây mùa thu,
« Thiếp như khói trong lò.
« Tuy cao thấp khác nhau,
« Một thả cùng tuyệt vời.

Thi-sĩ ấy đã vô tình công-nhận có sự cao thấp giữa chàng và nàng...

VỊ - HOÀNG

Tuy nhiên, quốc-tục Việt-Nam đã sửa chữa nhiều các thành-kiến kể trên Pháp luật đời Gia-Long, cũng như đời Lê, nêu lên ba điều-kiện, để ràng buộc người chồng, không được ly-dị :

— Nếu vợ đã để tang cha mẹ chồng,

— Nếu vợ đã giúp chồng làm nên giàu có.

— Nếu ngoài nhà chồng ra, vợ không có chỗ nào nương tựa.

Về đời Lê, pháp-luật và phong tục nước nhà đã công-nhận người



Chàng như mây mùa thu...

vợ có địa-vị tương đương với chồng. Công việc trong nhà đều do đàn bà đảm đương, nên mới có những danh-từ xưng-đáng để cho phụ-nữ như : chủ-phụ, nội-trợ hay nội-tướng. Theo cổ-tục, khi chồng chết, đàn bà phải theo con; nhưng sự thực thì người sùng-phụ có quyền quản lý tài sản và trông nom con cái không khác gì người cha khi còn sống. Nếu người con đầu lòng là tộc-trưởng

mà còn nhỏ, thì bà mẹ góa nghiêm nhiên thay-thế con mà tế-tự tổ-tiên, miễn là trong khi hành-lễ, phải có một người đàn ông trong họ như ông chú hay ông bác giúp đỡ. Hơn nữa, luật lệ Hồng-Đức năm 1471, đã công-bố rằng : nếu gia-đình không có con trai thì con gái trưởng được phép giữ hương-hỏa để thờ-phụng cha mẹ, tổ-tiên. Câu « vô nam dung nữ » thường được áp-dụng trong hầu-hết các tầng lớp xã-hội.

Pháp-luật lại trừng phạt những kẻ thất-kính với phụ-nữ. Theo luật Gia-Long, điều 11 khoản 268, ai dùng lời thô-tục làm cho người đàn bà xấu-hổ mà tự-tử, thì phải xử đến hình-giáo giam-hậu. Điều 12 trong khoản ấy thêm rằng : nếu người ta vô ý dùng một ngôn ngữ khiếm-nhã, khiến người đàn bà nghe thấy phải xấu-hổ mà tự-tận, thì phải phạt 100 trượng hay lưu vãng ngoài 300 lý.

Còn trong địa hạt văn-chương, thì xét ra nước nhà đã có những bậc nữ-lưu xuất chúng, tiếng thơm vang dội trên khắp giải non sông và lưu-truyền thiên-cổ. Về thế-kỷ thứ XVII, Đoàn-thị-Điểm đã dịch cuốn Chinh-phụ-ngâm của Đặng-trần-Côn bằng những lời văn réo-rất, hùng-hồn, đến nỗi đã xem bản dịch, đọc giả không còn ai nghĩ tới nguyên-văn bằng chữ Hán... Văn dịch mà hay tới bậc ấy, xét ra thật ít có trên hoàn hải. Về đầu thế-kỷ thứ XIX, Hồ-xuân-

Hương lại là một nữ-sĩ có thiên tài, không ngại giễu cợt cả các bạn tu mi, và không e dè đề lời dị-nghị, khi qua đền Sầm-nghi-Đồng :

« *Vì chẳng đời phận làm trai được,* »

« *Thì cái anh-hùng có bấy nhiêu ?* »

Gần đây dưới đời Tự-Đức, bà Huyện Thanh-Quan đã được triệu vào kinh giữ chức Cung-trung giáo-tập. Vượt khỏi nền-nếp cũ, bà đã dời chốn hương-khuê, để nghĩ tới việc quốc-gia, nên đã thốt ra câu :

« *Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc,*

« *Thương nhà mỗi miếng cái da da...* »

Nhưng chắc các bạn đã mỉm cười tự nhủ : « Đó là các bậc kỳ tài, mấy khi trong nước đã có người như vậy. Trừ vài ba kẻ tới bậc ấy, các bạn phụ-nữ khác liệu có được đồng-bào quý mến chẳng ? » Nghĩ thế là sai. Từ bao nhiêu lâu, đại đa số đàn bà nước ta, kể cả các hạng bình dân, đã luôn luôn được lân bang kính-nể, vì có tài quán-xuyến, và một lòng thiết tha đến gia-đình... Ta chỉ nhắc tới mấy câu thơ của Tú-Xương thương vợ nhọc nhằn là đủ rõ. Thi sĩ họ Trần đã viết :

« *Quanh năm buôn bán ở mom sông,*

« *Nuôi đủ năm con với một chồng,* »

« *Lặn lội thân cò nơi quãng vắng,*
« *Eo sèo mặt nước buổi đò đông...* »

Xem như thế, thì ai còn dám bảo người nước nhà coi thường phụ-nữ. Đến ngày nay, các học đường từ cấp sơ-đẳng đến cấp trung-học đều ra thêm hạn tuổi, để các nữ-sinh được theo đuổi đèn sách một cách dễ-dàng. Các trường Đại-học lại mở rộng cửa tiếp đón sinh-viên, không phân biệt nam nữ... Ta cũng không lấy gì làm ngạc nhiên, khi nước nhà vừa được mời tham dự Hội-nghị phụ-nữ Thái-bình-Dương, trong đó, người ta đương khảo sát cách khuyếch-trương các công-cuộc giáo-dục phụ-nữ. Vậy nay, ta thử xét xem có nên trau giồi nền văn-hóa của nữ-lưu chẳng, và nếu có, thì cần áp-dụng những phương-pháp nào cho phải lẽ.

Trước hết, ta thử xét xem các bạn phụ-nữ, qua các thời-đại, đã có một nền văn-học đáng kể chưa.

Về thời thượng-cổ, Platon, trong cuốn « Nước Lý tưởng » (1), đã mạnh bạo bàn rằng : phụ-nữ cũng nên có địa-vị xã-hội như nam-giới. Ông lại thêm : cả hai phái nam nữ nên chỉ có một nền giáo-dục và văn-hóa. Song đó, chỉ là một tiếng kêu gọi giữa sa mạc, không một ai hưởng-ứng. Ta có thể nói được rằng : ở cả Đông lẫn Tây, đến một thời-kỳ gần đây, các dân tộc đều áp-dụng bốn chữ : nam ngoại nữ nội. Các

(1) La République.

nhà văn cũng chịu ảnh-hưởng của định-kiến ấy. Tại các nước Âu-tây, trong suốt các thời-đại, đến tận cuối thế kỷ thứ XVIII, nền giáo-dục chỉ rèn cho phụ-nữ hiểu biết những công việc trong chốn buồng the : xếp đặt gia - chánh, dưỡng - dục con trẻ, bảo tồn cổ tục... Các ý kiến của bà De Maintenon và của Fénelon về thế-kỷ thứ XVII, tuy chưa có gì là mới lạ, mà đã có vẻ táo-bạo đối với các người đương thời; đại đa số nhân dân đều cho tư-tưởng của Molière là đúng. Về sau, chính nhà văn đại cách-mạng Rousseau cũng không hề bảo chữa cho phụ-nữ; ông đã viết : « Sở phận họ là phải theo người và làm đẹp lòng người... Phụ-thuộc về chồng, họ sẽ luyện-tập về nội trợ. Vừa là mẹ vừa là người nuôi trẻ, người ta cố dạy cho họ hiểu rằng : chỉ có tình mẫu ái và sự nuôi con mới làm cho họ sung sướng được ». (1) Đối với trò Emile, ông có những sáng-kiến tân-kỳ bao nhiêu, thì đối với cô Sophie, ông thiên về cổ tục bấy nhiêu. Ta phải chờ cuộc cách-mệnh Pháp năm 1789, mới thấy có sự cải cách rõ ràng. Condorcet đã viết : « Cũng như đàn ông, đàn bà là những phần-tử biết phải trái, có thể dùng sáng - kiến và trí thông-minh để giúp việc cải-thiện xã-hội và giống nòi... Vậy ta phải giáo-huấn họ. Kiến-thức rồi-rào không có hại gì cho nhiệm vụ làm vợ và làm mẹ của họ ;

trái lại, học-thức chỉ giúp họ thi-hành bổn-phận và thúc giục họ khuyên chồng con yêu qui sự thực và tận tâm với việc công » (2). Tuy nhiên, đó mới là lý-thuyết. Mãi đến thế-kỷ thứ XIX, nhờ có phong trào dân chủ và cuộc tiến triển của kinh-tế, việc giáo-huấn phụ-nữ mới bắt đầu thực hiện một cách rõ ràng. Từ năm 1875 đến năm 1880, các nước Hợp-chúng-quốc, Anh và Đức mới mở các trường công cho nữ-sinh. Ở Pháp, đạo luật Camille Sée, ban bố năm 1880, đã thiết lập nền trung-học riêng cho phụ-nữ; Nhưng lúc đó, chương trình học còn khác hẳn chương trình của nam-sinh. Chẳng bao lâu, các nữ sinh viên đã nhập học các Đại học đường, mới hay bánh xe lịch-sử không gì kìm hãm được.

(1) « Leur destin est de plaire et d'être assujetties. . Servante du mari, la femme sera préparée aux travaux ménagers. Mère et nourrice, on l'entretiendra dans le sentiment que seuls l'amour et la maternité peuvent la rendre heureuse »

J.J. ROUSSEAU

(2) « Les femmes sont comme les hommes des êtres raisonnables et capables de collaborer, par leurs initiatives intelligentes, à l'amélioration de la société et de l'espèce... Il faut donc les instruire. Loin de les gêner dans leurs fonctions de mère et d'épouse, une culture intellectuelle forte les y rendra plus aptes comme elle les rendra plus aptes à entretenir chez leurs maris et à former chez leurs enfants, l'amour de la vérité et le dévouement au bien public »

CONDORCET

Nhưng sau hồi kinh-tế khủng-hoảng, tức là trước trận Đại-chiến 1939—45, người ta đã tìm cách ngăn cản phụ-nữ, lấy cớ là để giảm bớt nạn thất-nghiệp. Người ta phản nản rằng: Các nữ-lưu đã chiếm nhiều chỗ trong công-sở và nhân đó, đã khiến nạn thất-nghiệp thêm phần trầm-trọng. Vì vậy, người ta đã tưởng rằng cần phải giảm bớt sự học hỏi của phụ-nữ, để họ trở lại với gia-đình, và đồng thời, bảo tồn được những phong-tục cổ-truyền, cần thiết cho sự thăng-bằng của xã-hội. Hầu hết các chính-phủ chuyên đoán (1) đều giữ một lập-trường tương tự như vậy. Ở nước Đức Quốc-xã, số nữ-sinh theo học các trường Đại-học hồi đó, chỉ được bằng một phần mười số nam sinh là cùng. Các hội phụ-nữ đã phản kháng; quốc-hội Thụy-Điền đã lên tiếng tuyên bố rằng: « mỗi cá nhân, không kể nam nữ, giống nòi, giai-cấp, có một giá-trị riêng biệt. Đó là một quan-niệm quý hóa nhất mà nhân-loại đã lĩnh-hội được » (2). Quốc-hội đó ngụ ý rằng: phụ-nữ cũng có một giá-trị, mà người ta không có quyền giảm thiểu đi được. Từ đó, các nước tân tiến đã dần dần khuyếch

trương nền giáo-dục phụ-nữ, để đặt ngang hàng với trình-độ kiến-thức của nam-sinh.

Đó là lược sử nền văn-hóa phụ-nữ qua các thời-đại; nay ta thử xét xem nam nữ có nên được hưởng sự bình-đẳng về phương diện văn-học chẳng.

a) *Bồn phận đối với nhân-loại.*— Nhân loại chỉ là một khối, ta không nên chia rẽ vì sự phân biệt nam nữ, chủng-tộc hay giai-cấp. Phụ nữ đều là các phần tử trong khối đó, họ có quyền được người ta quý-trọng và săn-sóc không khác gì nam giới; vậy lẽ tự nhiên là họ có quyền học hỏi và hiểu biết. Và chẳng họ cũng có nhiệm-vụ tham gia cuộc tiến-hóa của thế-nhân; nếu không có học-lực thì họ làm tròn bồn-phận kia sao được. Tóm lại, nhân-loại phải được thống-nhất, chẳng khác gì một Quốc Gia.

b) *Xét về tâm-lý học* — Các triết nhân đã công nhận những tiêu-đi giữa hai phái nam nữ. Người ta thấy rằng:

— Khiếu thông-minh của phụ nữ kém phần rộng-rãi và không phù hợp với những lý-luận thuần túy như tư-chất đàn ông; nhưng trái lại, chí sáng suốt ấy lại mềm giảo và tế-nhị hơn.

— Ý chí của phụ-nữ thường kiên-nhẫn và tỉ-mỉ, nhưng kém phần cương-quyết và táo-bạo.

(1) Gouvernements autoritaires.

(2) « La conception de la valeur individuelle que possède chaque être humain indépendamment de son sexe, de sa race, de sa classe sociale, est l'acquisition la plus précieuse »

— Tình-cảm của phụ-nữ rời rạc, tình-vi và thường phát-triển sớm hơn cơ - năng tình-cảm của đàn ông. Có lẽ đó là vì phụ-nữ luôn luôn săn sóc và chung sống với các thiếu nhi.

— Sau hết, phụ - nữ thường trưởng-thành mau chóng hơn nam giới.

Song các tiêu-dị ấy chỉ đáng để ít nhiều môn học khác nhau, chứ không thể là một cơ để cả nền giáo-dục và văn-hóa phân tán giữa hai ngành nam nữ.

Hơn nữa, hiện nay người ta chưa biết các tiêu dị ấy có thực là do bản-chất sinh ra, hay chỉ tại các công việc hàng ngày, các nền giáo-huấn và các hoàn-cảnh tạo-tác nên. Auguste Comte nhất thiết tin rằng: phụ nữ có nhiều tình-cảm hơn đàn ông, dù ở trường-hợp nào cũng vậy; nhưng tình-cảm rời rạc là một ưu-điểm, chứ không phải là một nhược-điểm, miễn là tình-cảm ấy đặt lên những công cuộc cao cả của tinh-thần, chứ không trộn lẫn với những cảm xúc sơ-đẳng của sinh-lý. Nhưng chính muốn đặt nó lên những công cuộc tinh thần cao cả, mà phụ-nữ phải có một trình-độ văn hóa khá cao.

c) *Xét về địa-hạt xã-hội.* — Ngày nay, ai cũng công nhận rằng: về bậc tiểu học, nam nữ cần phải học hỏi tương-tự như nhau. Người ta chỉ

bất đồng ý kiến về những cấp học cao hơn, những cấp học đưa đến các công-việc xã-hội; tỉ-dụ nhiều quốc gia không muốn để phụ nữ giữ những địa vị hành-chính; nhiều nơi khác lại mong phụ-nữ trở lại với gia-đình, để chỉ đóng vai những bậc nội-tướng, những vợ thảo, mẹ hiền... Nhưng dù sao, ta cũng nên nhận định rằng; nam nữ phải được bình-đẳng về phương-diện văn-hóa, và dù chỉ nói đến những công-việc trong chốn gia-đình, nữ-giới cũng cần được học hỏi đến những cấp trên. Trong gia-môn, các phụ-nữ phải là những người bạn xứng-đáng, hiểu biết công việc của chồng, chia sẻ các nỗi ưu-tư và cùng rung-động đối với các ý nghĩa thanh-cao; phụ-nữ lại còn là những bà mẹ, trông nom, săn-sóc, khuyên răn và hướng dẫn con cái từ lúc sơ-sinh cho đến khi chúng trưởng-thành: chỉ riêng về phương-diện đó, phụ-nữ cũng đã có quyền lên tới các bậc học tối cao.

Về địa-hạt văn-hóa, ta nên bàn thêm đến những tiêu dị nên có giữa các môn học; để chương-trình giáo-dục có thể phù-hợp với tâm-lý và công-việc riêng-biệt, hiện nay đương thấy. Ta nên phân biệt ba cấp học:

— Cấp tiểu-học: Ở đây, học-sinh lĩnh-hội những kiến-thức căn bản, cần thiết cho cuộc nhân-sinh cũng

như cho nền học vấn mai sau. Vậy, đại đa số các môn học đối với nam nữ đều giống nhau. Chỉ một vài chi tiết là hơi khác, như: con trai học thủ-công, con gái học nữ-công. Về thể-dục và hoạt-động thanh niên, những cử chỉ và các bài tập đối với nữ-sinh cũng mềm dẻo và có phần lệ-làng hơn.

— Cấp trung-học: Ở đây, môn nữ công có tính-cách đầy đủ hơn cấp dưới; các khoa-học đối với nữ sinh đều hướng một phần lớn về vệ-sinh và dục-nhi pháp; các bài luân-lý, giảng-văn, luận thuyết trong các trường nữ-học lại thường nhắc nhở đến nữ-lưu nhiều hơn. Vì vậy cái môn học nên có những nữ giáo-sư phụ trách, để dễ có sự thích-nghi đối với học-sinh.

— Cấp đại-học: Ở đây, tri-thức đã mở rộng; sự học hỏi đã cao; các nam nữ sinh-viên không cần có những sự phân biệt như ở các cấp dưới. Các bài giảng dạy đã có tính cách khoa-học: mà khoa-học đối với ai cũng không thay đổi. Các phương-sách đưa đến khoa-học, các đường lối dẫn đến những kiến thức cao rộng, đều như nhau dù sinh-viên là trai hay gái. Lẽ tự nhiên, nam nữ, vẫn có thể phô bày những đức tính khác nhau.

Tóm lại, chỉ có môn gia-chánh là điều đặc-sắc nhất trong nền văn hóa phụ-nữ. Vì vậy, môn học này

đã được các nhà sư-phạm đặc-biệt nghiên-cứu trong các học-đường Âu Mỹ. Ở các nước đó, nhiều người phản nản rằng công việc gia-chánh, ít lâu nay, đã bị coi thường, vì những lẽ như sau:

— Không kể nhiều người bận công việc ở bên ngoài, nhưng vì có những dụng cụ khoa-học, người ta thời nấu nhanh chóng, nhiều khi chỉ muốn xong việc, không để ý đến cách sửa-soan chu đáo các thực phẩm. Nhiều nhà không ngại dùng đồ hộp cho đỡ phải đun thối.

— Đã thế, ở các nơi đô-thị, lại có nhiều cách giải-trí, như đi xem chớp bóng, hay diễn-kịch, đọc sách, nghe truyền-thanh, thành nhiều người trong lúc nhàn-hạ thường không lưu lại trong chốn gia-đình.

— Nhiều con cái cũng ở ngay ký-túc xá trong trường; lúc rảnh lại tập rượt thể-thao, cắm trại hay đi du lịch nơi xa...

— Ta nên thêm rằng: nhiều nhà bình dân, chật hẹp, tối-tăm, khó làm cho người ta chung sống một cách vui-vẻ mà nghĩ đến các việc gia-đình.

Hiểu biết như vậy, các nhà giáo dục đã hướng môn học đó tới những đường lối thích-hợp mà ta nên biết, để nếu tiện, sẽ áp-dụng trên đất nước nhà.

Trước hết ta nên tránh hai điều : — Ở một vài nơi, kẻ trí-thức đã nghi ngờ rằng : nhà trường dụng tâm cho học nhiều gia-chánh, để phụ-nữ mất thi-giờ, và nhân đó, sẽ có thể kìm hãm việc học hỏi của họ...Về phương

diện này, ta không lo ngại gì, vì nước nhà ngày nay đã là một quốc gia độc-lập.

— Hai nữa là, ta không nên gán cho môn gia-chánh một địa - vị quá đáng; vì thật ra, nhiều người chỉ khảo - sát thực - tế cũng đủ biết cách tề-gia. Lắm phụ-nữ thông minh chỉ đọc qua một cuốn sổ tay cũng hiểu nhiều cách nấu ăn tài tình, hơn là đi học gia-chánh trong bao nhiêu ngày tháng. Người ta không khỏi ngạc-nhiên khi thấy những nhà ưa lý thuyết trình-trọng tuyên bố : muốn xếp đặt một bữa thịnh-soạn, các bà nội-trợ phải tính dùng bao nhiêu nhiệt độ ca lô (1) và khảo sát công-dụng của mọi thứ sinh-tổ (2).

(1) Calories

(2) Vitamines

Tout ra, về gia-chánh, các giáo-sư chỉ nên đề ý đến mấy nguyên-tắc như sau :

— Điểm cần nhất không phải là học cách thổi nấu, mà là rèn luyện những đức-tính và tập-quán

như : lòng ưa trật-tự, sự sạch sẽ, tinh cần kiệm, trí mẫn tiệp và khiếu thẩm mỹ.

— Nữ - sinh đừng coi thường những việc mà họ sẽ phải làm khi có một gia-đình như : xếp đặt thời giờ, lựa chọn các vật-dụng, thiết lập ngân sách... Việc kim chỉ cũng rất cần, vì có những công việc may



Kim chỉ...

vá, cấp-bách hay phức tạp, không tiện mỗi lúc thuê người. Muốn làm trọn những công-tác kể trên, người ta phải suy xét và có trí minh-mẫn, vậy cần phải có học-thức.

— Sau nữa, người nội-trợ phải khôn khéo để biến chốn gia đình thành một nơi êm-ái, dịu-dàng, đầm-ấm, để tô điểm giang-sơn nhỏ bé ấy, khiến các vật vô-tri cũng hầu như hiểu biết và có linh thân

ái, đối với người chung quanh. Họ phải làm sao để gia đình hàn hoan, và có thể nói như nhà thi-sĩ:

— « Hỡi các vật vô tri, phải chăng các người cũng có tâm - hồn, tha thiết với tâm hồn ta và khiến ta yêu dấu ? . . . »

Trừ một vài tiểu-tiết kể trên,

một nền văn-hóa xứng-đáng không phân biệt nam nữ, tôn-giáo hay đẳng-cấp, và chỉ nhằm một mục tiêu là rèn luyện cho thanh thiếu nhi thành những nhân-vật hoàn toàn về cả ba phương-diện thể-dục, trí-dục, đức-dục, để có đủ năng-lực phụng sự Quốc Gia, xã-hội.

Việt-Nam tại Hội-nghị phụ-nữ

Thái-bình-dương

BÀ TÁNG-XUÂN-AN

Thưa Ngài Tổng-Trưởng Thủ-Hiến Bắc-Việt

Thưa Vị Đại-diện Bộ Quốc-gia Giáo-Dục

Thưa các Cụ, các Bà, các Ngài,

Thưa các bạn thanh-niên, nam, nữ, (1)

THẬT là một cái vinh-dự lớn cho chúng tôi, được hầu chuyện các Ngài tại Giảng-đường trường Đại-Học, nơi mà cách đây hơn 20 năm, chúng tôi thường đến nghe lời giảng dạy của các giáo-sư của chúng tôi. Cái vinh-dự đó chúng tôi có được là nhờ ở sự tín-nhiệm của Ngài Tổng-trưởng Thủ-hiến đã cử chúng tôi thay mặt Phụ-nữ Bắc-Việt tại Hội-Nghị Phụ-Nữ Quốc-tế vừa nhóm họp tại Tân-Tây-Lan. Trước khi khởi-hành, chúng tôi đã được Ngài Tổng-Trưởng tiếp và, cùng với những huấn-lệnh, Ngài đã cho chúng tôi những nhận xét rất xác-đáng của Ngài về Phụ-nữ Việt-Nam. Những nhận xét đó đã giúp chúng tôi rất nhiều trong các cuộc thảo-luận tại Hội-Nghị. Hôm nay, tuy bận trăm công nghìn việc, Ngài cũng tới chủ-tọa buổi

nói chuyện này. Sự hiện-diện của Ngài chứng tỏ việc Chính-Phủ luôn luôn săn-sóc tới Phụ-nữ. Chúng tôi xin Ngài nhận ở đây lòng biết ơn sâu xa của chúng tôi.

Đồng thời, chúng tôi trân-trọng nhờ vị Đại-diện bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đệ lên Ngài Tổng-Trưởng lòng tôn kính và tri-ân của chúng tôi. Nhờ sự che-chở và lòng ân - cần của Ngài Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, chúng tôi đã có dịp đi thăm nhiều nước, học hỏi được thêm. Trước khi lên đường, chúng tôi đã được Ngài Tổng-Trưởng chỉ bảo những việc phải làm ở Hội-Nghị và khi chúng tôi

(1) *Tại liệu lấy ở cuộc diễn-thuyết đặc-biệt, do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục tổ-chức ngày 28-3-52 tại Giảng-đường trường Đại-học Hà-nội.*

trở về nước, Ngài lại vui lòng để chúng tôi được trình-bày các điều tai nghe, mắt thấy.

Chúng tôi cũng không quên cảm ơn vị Đại-diện Ngài Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã giới-thiệu chúng tôi với những lời khen-ngợi mà chúng tôi tự xét không xứng-đáng, ông Chánh Sự-vụ Sở Văn-Hóa đã tổ-chức cuộc nói chuyện hôm nay, ông Giám-Đốc Nha Thanh-Niên và Đại-Chúng Học-vụ đã đề-cử chúng tôi đi Hội-nghị, ông Vũ-Quốc-Thức, Luật-khoa Tiến-sĩ, Giáo-sư trường Luật-Khoa Đại-Học đã giúp chúng tôi những tài-liệu rất quý-báu về « Địa-vị xã-hội và pháp-lý của Phụ Nữ Việt-Nam », một trong các vấn-đề chính đã đem ra thảo-luận trong Hội-Nghị, các vị Giám-Đốc Học-chính, Y-Tế, Xã-Hội, ông Thanh-Tra Lao-Động đã cho chúng tôi những con số về trường nữ-học, nữ-sinh, vấn-đề chống nạn mãi-dâm, những đạo-luật về sự bảo-vệ sức-khỏe của Phụ-Nữ và Nhi đồng.

Sau hết, chúng tôi xin cảm-tạ các Cụ, các Bà, các Ngài và các bạn đã đến dự buổi nói chuyện này. Chúng tôi tài sơ, học thiển, mà được cái vinh-dự đứng trước một cử-tọa chọn-lọc, chúng tôi không khỏi cảm-động và xin các Ngài lượng-thứ cho, nếu câu chuyện của chúng tôi, vì lực bất tòng tâm, không mang lại những điều hữu-ích như lòng mong muốn.

Thưa các Ngài,

Câu chuyện của chúng tôi chia ra 4 phần :

I — Trong phần thứ nhất, chúng tôi lược-khảo về địa-lý và lịch-sử nước Tân-Tây-Lan cùng hành-trình của Phái đoàn Việt-Nam.

2. — Phần thứ nhì là phần chính dành cho Hội-nghị Phụ-Nữ Quốc-tế khu Thái-

Bình dương vừa rồi. Chúng tôi xin lần lượt trình-bày về sự thành-lập Hội Phụ-Nữ Thái-Bình-dương, mục-đích của Hội, thành-phần của kỳ Hội-Nghị vừa qua, những vấn-đề chính đã đem ra thảo-luận, những quyết định của Hội-Nghị.

3. — Phần thứ ba gồm có những nhận-xét của chúng tôi về Phụ-Nữ Tân-Tây-Lan và sự so-sánh Phụ-Nữ Việt-Nam với Phụ-Nữ các nước.

4. — Trong phần thứ tư, chúng tôi nói qua về kết-quả mà Phái đoàn Việt-Nam đã thu được.

...

I. — Địa - Lý. — Nước Tân-Tây-Lan gồm có nhiều đảo ở phía Đông-Nam nước Úc. Hai đảo chính, diện-tích đo được 268.264 cây số vuông, rộng bằng cả Bắc và Trung-Việt, ở giữa Thái-Bình-Dương, từ 34 đến 47 độ ở Nam Bán-cầu, hoàn-toàn thuộc về miền ôn-đới. Trên địa-cầu, nước Tân-Tây Lan đối chích với nước Pháp, nghĩa là người Pháp và người Tân-Tây-Lan đứng đối chân nhau,

Vì ở miền ôn-đới và thêm vào đó nhờ ảnh-hưởng êm-dịu của gió biển và nước biển, nên khí-hậu Tân-Tây Lan rất dễ chịu. Về mùa đông, chỉ ở đảo phía nam mới rét nhiều, còn ở đảo phía Bắc ấm. Về mùa hạ, khí-hậu mát. Hiện nay, ở các xứ trên Bắc Bán-cầu là mùa đông thì ở Tân-Tây-Lan là mùa hạ Tuy nhiên, trong những ngày ở Chrischurch, chúng tôi thường mặc áo ấm như về mùa thu ở nước ta. Ban ngày, hàn-thử-biểu thường chỉ từ 20 đến 22 độ, ban đêm xuống 17, 18 độ. Những ngày chúng tôi ở bên ấy, thỉnh-thoảng về buổi chiều có những trận mưa lớn.

Nhờ khí-hậu ôn-hòa và ẩm-thấp, nên nghề nông và nghề chăn nuôi rất quan trọng. Chúng tôi đã có dịp ngắm những



Phụ-nữ trên diên-dàn

đồng lúa mì bát-ngát, màu vàng rực-rỡ dưới ánh thái-dương, chúng tôi đã trông thấy những đồng cỏ xanh-tươi với những đàn mục-súc như bò, cừu, con nào cũng đầy-đà khỏe-mạnh. Trong các trại, những cây cam, táo nặng trĩu những quả, trên nền cỏ xanh trảm hoa đua nở. Phong cảnh thực nên thơ !

Những tỉnh lớn mà chúng tôi có dịp được ghé qua như Auckland, Wellington, rất đẹp. Những tòa nhà từ 7, 8 đến 15, 16 tầng rất nhiều. Đường xá rộng rãi, 3, 4 chiếc xe ô-tô có thể tránh nhau một cách dễ-dàng. Thường chỉ những phố buôn bán mới sầm-uất, đông người đi lại ; những phố khác vắng-vẽ, khách bộ-hành thưa-thớt, vì phần nhiều dân chúng đều dùng xe tắc-xi hay ô-tô riêng.

Hôm chúng tôi mới đến Auckland, chúng tôi có cảm-tưởng như đi chơi ở các phố Hanoi sáng ngày mừng một Tết. Một đặc-điểm nữa, là ở các tỉnh bên

nước Úc, cũng như bên Tân-Tây-Lan, chỉ có một thiểu-số người da vàng. Tại mỗi tỉnh, chỉ có một hay hai hiệu của người Trung-Hoa, thường là những hiệu bán thực-phẩm. Tuy đất rộng, dân ít, Tân-Tây-Lan đã ban-bổ những đạo-luật rất nghiêm-đề hạn-chế sự di-dân của người da vàng, vì họ sợ đề nhiều người Trung-Hoa hay Nhật-Bản sang thì dân cần-cù này sẽ cạnh-tranh gây nên những sự thiệt-thòi cho dân bản-xứ.

Chúng tôi không bao giờ quên được cảnh-tượng huy-hoàng đã hiện dưới mắt chúng tôi, lúc phi-cơ bay lượn trên tỉnh Wellington trước khi hạ cánh xuống phi - trường.

Những chuỗi kim - cương xanh, đỏ, trắng, vàng, chạy dài trên mặt đất và lấp-lánh như muôn vạn tinh-tú. Ở trên phi-cơ xuống, chúng tôi đi xe lướt qua nhiều phố, có phố toàn thấp đèn xanh, có phố toàn thấp đèn đỏ, đèn trắng hay vàng. Wellington, thủ-đô Tân-Tây-Lan, có những con đường khi chạy dài theo bờ biển, khi biến thành toại-đạo, khi lên khi xuống, khi ẩn khi hiện như trên màn bạc. Nhiều phố ở ngay sườn non trông ra biển.

Tỉnh Christchurch ở hòn đảo phía Nam, nơi có nhiều núi lửa đã tắt và hay động đất, nên nhà thường làm bằng gỗ, và chỉ có một hay hai tầng là nhiều. Chính Hội-Nghị họp ở tỉnh này.

Dù lớn lao, sầm-uất như Wellington, hay bé nhỏ như Christchurch, các thành-phố đều khoáng-trang, sạch-sẽ, nhà cửa làm theo giòng thẳng, phố xá rộng-rãi, xe, ô-tô tắc-xi đi lại lượn lờ, nhưng không có vẻ ồn-ào nhộn-nhip như Sài-gòn hay Tân-gia-hà.

Ngay các làng cũng có đèn điện, có giếng nước. Dân chúng bơm nước giếng lên bể chứa để ở trên cao, nên nhà nào cũng có nước máy, có phòng tắm, phòng rửa mặt tối-lân. Các biệt-thự tư-gia, hoặc bằng gạch, hoặc bằng gỗ, chỉ có cửa kính nên sáng sủa. Hầu hết các nhà đều có sàn gỗ, trên phủ một lán cao-su hoặc dải thảm len dày. Đường làng cũng lát đá, dải nhựa, ô-tô đi được. Tất cả những thôn-xã mà chúng tôi đã qua thăm đều có bệnh-viện, có nhà hộ-sinh, có trường học, có sân thể-thao và có cả bể bơi. Dân quê sống một cách đầy đủ, họ có xe hơi để đi ra tỉnh.

Cũng như nước Úc, Tân-tây-Lan đất rộng, dân thưa, lại không bị tàn phá chút nào trong hai trận thế-giới đại chiến tranh vừa qua. Thật là những dân-tộc sung-sướng ! Chả bù với dân Việt-Nam trong 13 năm trời nay, chịu biết bao tân-khổ ! Nào những trận ném bom dữ dội tàn-phá Hải-Phòng, Hà-Nội, trong thời kỳ Nhật chiếm đóng, nào những đô thị bị tiêu thổ, không còn một bức tường vôi...

2. — Lịch-sử. — Đảo Tân-tây-Lan được các nhà thám-hiểm Hà-Lan phát-kiến ra từ thế-kỷ thứ 17. Đến năm 1840, người Anh chiếm hai đảo này làm thuộc địa. Về sau thấy khí-hậu tốt, đất phì-nhiều, dân Anh di cư sang mỗi năm một đông, và hiện nay dân số lên tới gần 2 triệu người, hầu hết là giống Anglo-Saxons.

Theo lời chị CHÂU, Trưởng Phái-đoàn đã được đi thăm nước Anh, thì tuy cùng giống Anglo-Saxons, nhưng có lẽ, vì sống trong một khung cảnh thiên nhiên đẹp đẽ, vì đời sống dễ-dàng, nên người Tân-tây-Lan có nhiều đặc tính đáng cho du khách chú ý. Đối với người ngoại quốc, họ rất lễ phép, lịch sự. Trong sự giao thiệp hằng ngày, họ có những cử chỉ thân mật, họ tiếp đón niềm nở, không có vẻ lạnh nhạt như người Anh ở chính quốc.

Dân Tân-tây-Lan cao lớn, đàn bà trông hơi thô, không bé nhỏ như người Úc, có lẽ là vì họ là những người Anh pha lộn với người Maori, thổ dân sống trên đảo đó, trước khi người Anh tìm đến. Đàn ông cũng như đàn bà mặc âu phục, không khác gì người Anh hay người Pháp mà ta thường gặp. Họ nói tiếng Anh, và có những tập quán như người Anh ở chính-quốc.

Trong khi ở Tân-tây-Lan, chúng tôi có ý muốn gặp những người Maori còn giữ được phong tục cổ, nhưng ở gần nơi Hội-Nghị họp, không còn người nào nữa. Sau gần một thế-kỷ chung sống với người Anh, một số dân Maori bị người Anh tiêu diệt trong khi tranh đất sống. Một số thiên sang các đảo gần đấy. Những người còn lại trên đảo Tân-tây-Lan đồng-hóa với người Anh, họ mặc âu-phục, nói tiếng Anh và sống như người Anh.

Trước cảnh một dân-tộc gần bị xóa-nhòa trên địa-đồ của hai hòn đảo rộng gần bằng nước Việt-Nam, chúng tôi tự thấy vinh-hạnh và thêm lòng tin tưởng ở tương lai nước nhà. Sau 10 thế-kỷ bị người Trung Hoa đô-hộ, dân-tộc Việt-Nam vẫn còn giữ nguyên cá-tính, vẫn còn là một nước Độc-Lập, có tiếng nói riêng, có một nền văn-hóa riêng. Điều đó chứng tỏ sức sống mãnh-liệt của nòi giống Việt-Nam. Trông lại quá-khứ, chúng tôi càng đặt hy-vọng ở tương-lai. Sau khi bị người Minh tìm hết cách đồng-hóa, sau khi bị thu hết sách vở, bắt mặc y-phục Tàu, nói tiếng Tàu, mà người Việt còn quật-khởi lên được, còn đánh Liễu-Thắng không còn manh giáp, dựng cờ Độc-Lập trong gần ba thế-kỷ, thì dân-tộc ta có lo gì chẳng có một tương lai vẻ-vang rực-rỡ...

3. — Chính-trị và phong-tục. — Từ năm 1924, Tân-tây-Lan được Độc-Lập và đứng trong khối Liên-Hiệp Anh. Nước Tân-

tây-Lan theo chính-thể Dân-Chủ Cộng-Hòa, có nghị-viện do toàn dân bầu ra. Nước Anh chỉ có một vị Toàn-Quyền thay mặt Anh - Hoàng, và không can-thiệp gì đến việc ngoại-giao và nội-trị của Tân-tây-Lan. Chính sách của người Anh đối với các thuộc-quốc rất khéo, nên cũng như Gia-Nã-Đại, Úc, Liên Nam-Phi, tuy hoàn-toàn độc-lập, Tân-tây-Lan vẫn còn giữ những sợi dây liên-lạc tinh-thần ràng buộc với chính-quốc. Tại các tòa Thị-trưởng, chân-dung của Anh - Hoàng được treo ở chỗ danh-dự, nhiều phố mang tên các bậc vĩ-nhân nước Anh, đồng tiền của Tân-tây-Lan có hình của vua George Đệ-lục. Trong trận thế-giới chiến-tranh vừa rồi, ngay từ lúc đầu, Tân-tây-Lan đã chiến-đấu bên cạnh người Anh. Những đạo-quân Tân-tây-Lan đã được gửi sang Âu-Châu, Phi-Châu và Á-Châu. Tân-tây-Lan đã góp phần xương máu vào việc chống Phát-Xít Đức, Ý, Nhật.

Như chúng tôi đã thưa với các Ngài, trên hai hòn đảo rộng bằng cả Bắc và Trung-Việt, chỉ có gần 2 triệu dân, nghĩa là chỉ bằng dân-số Sài-gòn-Chợ-lớn, nên người Tân-tây-Lan sống một cách đầy-đủ và dễ-dàng. Ở khách-sạn cũng như ở tư gia, ban đêm người ta thường để cửa sổ ngỏ mà ít khi xảy ra trộm cắp. Sau mùa gặt, rom-rạ chất thành từng đống cao ở ngoài đồng. Những vườn cam, táo, đào, mận chỉ có hàng rào thấp mà không ai vào hái trộm.

Vì kế sinh-nhai chẳng đòi hỏi sự *gắng-công*, nên dân Tân-tây-Lan không *cần-cù* như các dân-tộc khác. Mỗi tuần-lễ, họ chỉ làm việc trong 5 ngày. Buổi sáng mãi 9 giờ, các công-sở và thương-diếm mới mở cửa. Họ làm việc đến 5 giờ 30, buổi trưa nghỉ 1 giờ để dùng cơm. Thường những người đi làm mang sẵn bữa cơm trưa, những ngày đẹp trời, họ ra bờ sông ngồi trên nền cỏ dưới bóng những cây dương-liệu, để vừa ăn vừa ngắm những đàn vịt

lội tung-tăng trên mặt nước và tranh nhau đớp những mẩu bánh thừa mà người ta vứt cho chúng. Những đàn vịt này không biết có tự bao giờ, và không ai bắt cả. Mỗi năm đến mùa săn bắn, thì mới được giết chúng. Còn những ngày mưa, thì họ dùng cơm ngay tại nơi làm việc. Chiều thứ sáu, riêng các hàng bán thực-phẩm mở cửa đến 9 giờ đêm, để dân chúng mua sẵn thứ ăn trong 2 ngày thứ bảy và chủ nhật. Từ sáng thứ bảy đến tối chủ-nhật, dân-chúng ở thành-phố cũng như ở thôn quê đều nghỉ-ngoi. Các gia-đình đưa nhau ra bờ biển hóng gió hay thăm các miền quê, chiều chủ-nhật hay sáng thứ hai mới kéo nhau về. Ngày ở các khách-sạn, vì nhân-công làm việc có giờ, nên người ta phải yết rõ-ràng giờ ăn. Những người đến chậm phải ẩu cho nhanh để kịp giờ nhà hàng đóng cửa. Chẳng bù với những hiệu bán thực-phẩm bên ta, người làm phải túc trực từ sáng đến nửa đêm.

Một đặc-điểm nữa là tại các khách-sạn, chỉ có bán món ăn chứ không bán rượu. Những người muốn uống rượu phải tới những hiệu riêng. Chúng tôi thấy trong bữa ăn, dân Tân-tây-Lan thường uống nước hay uống sữa, ngay ở các bữa tiệc cũng vậy.

Tóm lại, Tân-tây-Lan là một nước *đồng ruộng phì-nhiều*, dân-cư *thừa thớt*, vừa rồi không bị nạn chiến-tranh, nên dân-chúng sống một cách *đầy đủ, yên vui*.

4 — Hành-trình của Phái-đoàn Việt-Nam.—

Sau khi thu-thập những tài-liệu cần-thiết, chúng tôi ở Hà-nội khởi-hành ngày mùng 2 tháng giêng Dương-lịch. Tại Sài-gon, chúng tôi đến chào Ngài Tổng-Trưởng Bộ Ngoại-Giao và Ngài Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục để nhận huấn-lệnh. Sau đó, chúng tôi liên-lạc với chị NGUYỄN-THỊ-CHÀU, hệu-trưởng trường trung-học Gia-Long, Trưởng Phái-đoàn, để thảo-

luận về công việc phải làm trước khi khởi hành. Trong 3 hôm, nhờ có sự giúp đỡ của Bộ Ngoại-Giao, chúng tôi lấy giấy thông hành, xin đổi tiền Anh để tiêu ở Tân-tây-Lan, giữ chỗ trên phi-cơ hãng Air France. Đêm mùng 5, bốn chị em chúng tôi nghỉ ở trường Trung-Học Gia-Long để sáng sớm mùng 6 ra phi-trường Tân-Sơn Nhứt. Phi-cơ cất cách hồi 7 giờ, có các vị Đại-Diện hai Ngài Tổng-Trưởng Bộ Ngoại-Giao và Quốc-Gia Giáo-Dục ra tiễn. 10 giờ 45, chúng tôi tới Labuan, một tỉnh nhỏ trên đảo Bornéo thuộc về Nam-Dương Quần-Đảo. Chúng tôi dùng cơm ở khách-sạn dựng ngay ở sân bay. Đến 12 giờ, phi-cơ lại cất cánh.

Theo thường-lệ, khi chúng tôi bay qua đường xích-đạo, thì trên phi-cơ tổ-chức cuộc hành-lễ gọi là cuộc bành-lễ trên Xích-Đạo (Baptême de l'Equateur). Một nhân viên hãng Air France mang một chiếc bánh đã chia ra từng phần theo số hành-khách. Mỗi người lấy một phần, ai được chiếc nhãn có đề trước trong bánh, thì coi là Hoàng-Đế hay Hoàng-Hậu. Lần này ông Thanno được chiếc nhãn, người ta đội lên đầu ông một chiếc mũ miện, ông tìm trong các nữ hành-khách để chọn Hoàng-Hậu. Ông THANNO chọn một chị Đại-Biểu phái-đoàn Cao-Mên, đội lên đầu chị chiếc mũ miện khác. Đoạn Hoàng-Đế và Hoàng-Hậu mời các bạn đồng-hành dùng sâm-banh và bánh ngọt, sau khi ông lấy một cành lá dúng vào một cốc rượu vẩy rượu lên chân tất cả mọi người làm phép. Sau cùng, mỗi hành-khách được một tấm bằng nhận rằng mình đã vượt qua Xích-Đạo.

Vì phi-cơ bay trên cao, nên chúng tôi không thấy sự thay đổi của khí-hậu. Phi-cơ của chúng tôi bay luôn trong 14 tiếng đồng hồ, và hồi 10 giờ đêm mùng 7, chúng tôi đến tỉnh Darwin thuộc nước Úc. Chúng tôi không có thì giờ đi thăm tỉnh này,

vì đến 12 giờ đêm, chúng tôi lại lên phi-cơ đi Brisbane. Sáng hôm sau, chúng tôi dậy, nhìn xuống đất, chỉ thấy bãi sa-mạc mênh-mông, phong-cảnh một màu bát-ngát không có gì đáng ghi nhớ.

10 giờ, chúng tôi tới Brisbane.

Vì có giữ chỗ trước, nên Phái-đoàn Cao-Mên được đi ngay, còn chúng tôi đành lẽ phải ở lại để đi xe lửa đến Sydney. Đi như thế vừa vất vả, vừa không kịp dự lễ khai-mạc Hội Nghị. Chị CHÁU phải hết sức đi điều-đinh với hãng máy bay, và nhờ ở tài ngoại-giao của chị, chúng tôi mới có chỗ và được cùng đi một chuyến với Phái-đoàn Cao-Mên. 6 giờ chiều, chúng tôi tới Sydney, một hải-cảng quan-trọng của nước Úc. Ông Phó Lãnh-Sự Pháp được Chính-Phủ Cao Mên báo trước đã trân trọng ra đón ; ông rất vui vẻ được nhân dịp này thừa tiếp cả Phái-đoàn Việt-Nam.

Trưa hôm sau, ông Lãnh-Sự Pháp, Strauss, mời chúng tôi tới tòa Lãnh-sự dùng cơm trưa. Tại bữa tiệc này, chúng tôi được tiếp-súc với những Phụ-Nữ trí-thức tỉnh Sydney. Cả ngày hôm đó, chúng tôi đi thăm tỉnh Sydney là một hải-cảng rất lớn, phố xá rộng-rãi, xe hơi, xe điện có hai tầng đi lại như mắc cửi. Tỉnh này có một chiếc cầu rất lớn, trên cầu có đường xe lửa, đường xe điện, có chỗ để xe hơi đi, có nơi dành riêng cho khách bộ - hành. Dân Sydney rất hãnh-diện đã dựng được chiếc cầu lớn vào bậc nhất nhì trên thế-giới, họ thường dùng chiếc cầu này làm tiêu biểu cho tỉnh Sydney.

Nửa đêm mùng 8, chúng tôi lên một chiếc thủy phi-cơ, và sáng hôm sau chúng tôi đã đề chân lên đất Tân-tây-Lan. Tỉnh Auckland mà chúng tôi vừa tới là một tỉnh thương-mại sầm-uất. Chúng tôi ở một ngày tại Auckland, đi thăm phố-sá, rồi đáp phi-cơ đi Wellington, thủ-đô của Tân-tây-Lan. Chúng tôi dừng lại Well-ing-

ton một lúc rồi đi ngay Chrishurch, nơi Hội-Nghị họp. Lúc về, chúng tôi ở lại Wellington 2 ngày.

Nhưng thôi, « kể chi những nỗi dọc đường », chúng tôi xin mời các Ngài tới dự Hội-Nghị Phụ-Nữ Quốc-Tế khu Thái-Bình-Dương với chúng tôi.

II. — Hội-nghị Phụ-nữ Quốc-tế khu Thái-Bình-dương

1. — Sự thành-lập Hội Phụ-nữ khu Thái-Bình-dương. — Năm 1924, ông MARK COHEN, Hội-Trưởng Hội Liên-Hiệp Thái-Bình-dương (Pan Pacifique Union) có sáng kiến muốn họp một Hội-Nghị Phụ-nữ các nước ở chung quanh Thái-Bình-Dương, để phụ-nữ có dịp gặp-gỡ, mục-đích chính là để thắt chặt dây thân-ái, và cùng nhau hoạt-động để phụng-sự Hòa-Bình. Ý-kiến đó được phụ-nữ đảo Hawai và Phi-Luật-Tân tán-thành.

Năm 1928. Hội-Nghị phụ-nữ khu Thái-Bình-dương họp lần thứ nhất tại Honolulu. Mười hai nước được công, nhận là sáng lập-hội-viên : nước Mỹ, Gia-Nã-Đại, Trung-Hoa, Nam-Dương, Fiji Hawai, Cao-ly, Nhật-Bản, Mễ-Tây-Cơ, Tân-Tây-lan, Phi-Luật-Tân, Samoa.

Năm 1934, thêm Mã-lai được nhận.

Theo điều-lệ của Hội, thì từ 3 năm đến 5 năm, Hội Nghị phải họp một lần.

Suốt trong thời-kỳ chiến-tranh 1939-1945, Hội-Nghị không họp lần nào.

Cuộc họp thứ nhất, sau khi hòa-bình trở lại, là cuộc họp năm 1949 tại Honolulu, thuộc đảo Hawai.

Sau kỳ Hội-Nghị thứ 5 đó, nước Tân-Tây-lan được chọn làm trụ-sở cho kỳ Hội-Nghị thứ 6 vừa rồi, và nữ luật-sư SCHAIN, một nữ chiến-sĩ Xã-Hội Hợp-chủng quốc được bầu làm Hội-Trưởng.

Ngay sau buổi Hội-Nghị ở Honolulu, những nữ hội-viên hội phụ-nữ khu

Thái-Bình-dương của nước Tân-Tây-lan đã bắt tay vào việc tổ chức kỳ Hội-Nghị vừa rồi.

Công việc thứ nhất, là quyên tiền. Ngoài số tiền của Chính-Phủ Tân-Tây-lan giúp. . Hội quyên các Hội-viên và các đoàn-thể phụ-nữ trong nước.

Người cho nhiều nhất là 50 bảng Anh, độ hơn 3.000\$, kẻ ít nhất là 1 bảng.

Đủ tiền rồi, lại phải in giấy tờ cần-thiết để phát cho các đại-biểu, tìm địa-điểm thuận-tiện để Hội-Nghị họp, tìm chỗ ăn ở cho gần 200 đại-biểu, điều-đinh với các đoàn thể phụ-nữ trong tỉnh để chia việc tiếp đón các phái-đoàn.

Chính nhờ ở sự tổ-chức tỉ-mỉ và chu-đáo đó, nên trong 15 hôm họp ở Chrishurch, tất cả đại-biểu của 21 nước đều được tiếp đón ân-cần, niềm-nở và không hề thiếu thốn chút gì.

2 — Thành-phần Hội-nghị. — Có 21 nước tới dự kỳ Hội-Nghị Phụ-Nữ thứ 6 vừa rồi. Số nhân-viên chính-thức là 121 vị chia như sau :

Tân-Tây-lan đứng đầu với 33 đại-biểu, Úc và Hawai đứng thứ nhì với 20 đại-biểu,

Mỹ gửi 10 đại-biểu và xếp thứ 4 Việt-Nam, Tonga và các đảo ở phía Nam Tân-Tây-lan mỗi nơi có 4 đại-biểu, Diến-Điện có 3 đại-biểu,

Nhật-Bản, Nam-Dương, Ấn-Độ, Thái-lan, Cao-Mên, Hồi-Quốc có 2 đại biểu, Sau cùng Phi-Luật-Tân, Papou, Samoa, đảo Cook, Tích-lan, Tân-Gia-Ba, mỗi xứ chỉ gửi sang có 1 đại-biểu.

Trong số các đại-biểu, có 3 nữ nghị-sĩ, 4 nữ luật-sư, còn thì đều là nữ bác-sĩ, nữ giáo-sư các trường Đại-học và Trung-học, nữ phóng-viên các tạp-chí hay nhật-báo phụ-nữ, Hội-trưởng các đoàn-thể phụ-nữ. Những bà Hội-trưởng

này đều là những người học rộng, biết nhiều, lắm bà đã có bằng Tiến-sĩ văn-chương.

Ngoài số đại biểu chính-thức do các nước cử đến, lại còn những vị đến dự-thính và có cả quan-sát-viên của Liên-Hiệp-Quốc cử đến theo dõi công việc của Hội-Nghị.

Tất cả các buổi họp đều do nữ luật-sư SCHAIN, Hội-Trưởng Hội Phụ-Nữ Thái-Bình-Dương khóa năm 1949-1952 chủ tọa.

3. — Thời-khoá-biểu của Hội-Nghị và công việc của Phái-Đoàn V.N.

Trong 15 hôm, ngày nào Hội-Nghị cũng họp từ 9 giờ đến 10 giờ rưỡi, nghỉ nửa giờ để các đại-biểu uống trà, dùng bánh ngọt. Đến 11 giờ, lại tiếp-tục họp đến 12 giờ. Buổi chiều, các buổi họp bắt đầu từ 2 giờ 15 đến 5 giờ 30.

Trong các buổi họp, đại-biểu các nước đọc bản thuyết-trình nói về tình-hình phụ-nữ của nước mình. Sau các bài thuyết-trình, có những cuộc Hội-nghị Bàn Tròn. Bà Thư-ký tóm-tắt những điểm chính của các bài thuyết-trình để các đại-biểu thỏa-thuận. Sau cuộc thảo luận, thỉnh-thoảng có chiếu những phim ảnh liên-quan tới đời sống hay sự tiến-triển của phụ-nữ, do các phái-đoàn mang tới.

Vì trong Hội-nghị dùng toàn tiếng Anh, nên những bản thuyết-trình bằng tiếng Pháp phải đưa cho Bà Hội-Trưởng dịch ra Anh-văn. Chúng tôi may mắn quen một đại-biểu nước Úc, nữ giáo-sư dạy Pháp-văn tại một trường Đại-học. Cô bạn tôi chịu khó lấy nốt cho tôi bằng tiếng Pháp : nhờ những nốt đó, chúng tôi có thể theo dõi được cả các cuộc thảo luận.

Phái đoàn Việt-Nam có 2 bản thuyết trình. Bài thứ nhất nói về địa-vị phụ-nữ Việt-Nam về phương-diện xã-hội và

pháp-lý, bài thứ nhì nói về tình-cảnh phụ-nữ hiện-thời ở thành-phố và ở thôn quê.

Chúng tôi xin tóm-tắt hai bài thuyết-trình đọc ở Hội-Nghị :

Bài thứ nhất nói về « địa-vị Phụ-Nữ Việt-Nam » chia ra làm 3 phần :

1 — Địa-vị Phụ-Nữ Việt-Nam về thời cổ,

2 — Địa-vị Phụ-Nữ trước khi nước Pháp đặt nền bảo-hộ,

3 — Địa-vị Phụ-Nữ hiện nay.

Căn cứ vào tài-liệu sử-ký, ta có thể nói rằng, về thời cổ, phụ-nữ ta có một địa-vị rất quan trọng trong xã-hội, và được bình-đẳng với nam-giới. Các Ngai còn nhớ truyện « Một trứng trăm giai ». Theo tục-truyền, Lạc-Long-Quân, một trong 18 vị vua đời Hồng-Bàng gặp Tiên Nữ Âu-Cơ ở Hồ Động-Đinh. Kết quả cuộc nhân-duyên đó là Âu-Cơ sinh ra một bọc có 100 con trai. Về sau vì Tiên và Rồng không thể chung sống với nhau được, nên Lạc-Long-Quân chia đôi số con, 50 người ở lại với mẹ trên núi và 50 người theo cha xuống bờ biển. Câu chuyện hoang đường này, ngoài ý muốn cho dân-tộc Việt-Nam có một nguồn gốc cao quý, còn ngụ một quan-niệm đáng ghi nhớ : trong việc chia con, Lạc-Long-Quân và Âu-Cơ mỗi người được một nửa số con, chỉ một việc ấy cũng đủ chứng tỏ rằng thời bấy giờ nam nữ đã bình quyền. Con mà còn chia đôi, thì tất cả của cải khác chắc chắn cũng phải chia một cách công-bình như thế.

Hơn nữa, nhiều bằng cứ chứng tỏ thuyết trên là đúng. Năm 39 sau Tây-nguyên, Trưng-Trắc và em là Trưng-Nhi, con gái quan Lạc-Tướng Mê-Linh phát cờ nghĩa đuổi Tô-Định ra khỏi bờ cõi, và sau khi chiếm 65 thành-trị,

hai Bà xưng Vương. và trị-vị được 3 năm. Theo sử, Hai Bà đi tới đâu, dân chúng theo rất đông.

Hai thế-kỷ sau, năm 248, Bà Triệu khởi binh ở mạn Thanh-Hóa, đã đánh đuổi quân Tàu ra khỏi vùng Bắc Trung-Việt, và cũng được dân chúng ủng hộ.

Nếu Bà Trưng, Bà Triệu điều khiển được những tướng tá mà một phần nhơn là nan nhi, nếu lời hiệu triệu của các vị nữ anh-hùng được nhiều người hưởng-ứng, thì chúng ta có thể kết-luận rằng trong nước Việt-Nam cũ chưa có thuyết « trọng nam khinh nữ », chưa xuất hiện đạo Tam-Tòng, chưa có câu « *nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô* ».

Ngoài xã-hội, phụ-nữ đã được bình đẳng với nam-giới, thì trong gia-đình, địa-vị của phụ-nữ cũng rất quan trọng. Khi xưa phụ-nữ buôn bán, cày sâu cuốc bẫm, làm lụng vất vả để giúp chồng trong việc nuôi nấng con cái. Người nội-trợ giữ tay hòm chìa khóa, nên có rất nhiều quyền, được con cái, tôi tớ trong nhà kính sợ, được chồng vi nể.

Nhưng sau 10 thế-kỷ Bắc-thuộc, ảnh hưởng của nền văn-minh Trung-Hoa đã làm cho Phụ-Nữ Việt-Nam mất dần địa vị trong gia-đình cũng như ngoài xã-hội.

Các Ngai đã biết rằng tổ-chức xã-hội Trung-Hoa dựa vào những lễ-nghi đối với trời đất, đối với vua, chúa, với tổ-tiên, với cha, mẹ, với giáo-sư. Theo những lễ-nghi đó thì việc thờ cúng tổ-tiên rất quan trọng mà trong việc này phụ-nữ bị coi là không được trong-sạch và không thể đứng làm chủ-lễ. Chính vì lý-do đó nên gia-đình nào cũng phải có con trai để nối giới tông-đường và cũng vì lẽ đó nên sinh ra cái tục đa thê và người đàn bà chỉ là một cái máy sinh đẻ. Địa-vị của người đàn bà kém thấp đến nỗi cả

đời bị coi như là vị thành niên. Theo đạo Tam-Tòng, thì khi còn con gái, phải theo cha, lấy chồng phải theo chồng, nếu không may góa bụa thì lại phải theo con. Vì không muốn cho phụ-nữ có học-thức, nên mới giữ người đàn bà trong chốn buồng thê không cho học-hành thi-cử gì.

Ảnh-hưởng của 10 thế-kỷ Bắc-thuộc ăn sâu vào các tầng-lớp trí-thức, còn đa số dân chúng vẫn giữ những phong-tục cổ của nước nhà. Sự xung-đột giữa hai nền văn-minh Trung-Hoa và Việt-Nam hiện ra trong các đạo-luật. Luật Hồng-Đức ban-bố năm 1483 còn cho phụ-nữ hưởng nhiều quyền-lợi vì đạo-luật đó vẫn chịu một phần ảnh-hưởng của phong tục hoàn-toàn Việt-Nam. Trái lại, đạo-luật ban bố năm 1812 đã chịu nhiều ảnh-hưởng của văn-minh Trung-Hoa, nên quyền-lợi của Phụ-Nữ không còn gì nữa.

Đến thế-kỷ thứ XIX, người Pháp sang Việt-Nam. Ảnh-hưởng của văn-minh phương Tây bắt đầu xuất-hiện. Địa-vị của Phụ-nữ dần dần được nâng lên. Trong các gia-đình theo tây-bộc, cha mẹ đã chú-ý đến việc giáo-dục của các con gái. Nhiều trường nữ-học được mở tại các tỉnh-ly, sau lan dần đến các vùng thôn-quê. Trong việc dựng vợ gả chồng, cha mẹ đã hỏi ý-kiến con gái, không áp-dụng câu : « *cha mẹ đặt đâu, con phải ngồi đấy* » nữa !

Pháp-luật cũng có ý bênh-vực phụ-nữ : sắc-lệnh năm 1883 áp-dụng tại Nam-Việt, hay các đạo luật năm 1931 và 1933 ban-bố tại Bắc và Trung-Việt, không cho đàn ông được phủ về những người vợ « tám cám » để có thể lập gia-đình mới được. Những nguyên nhân của các cuộc ly-hôn phải được chỉ-định một cách bình-đẳng giữa người chồng và

người vợ. Tuy trong Luật chưa cấm hẳn tục đa thê, nhưng luật đã bắt người chồng phải có sự thỏa-thuận của chính-thất mới được cưới thiếp. Khi chia gia-tài thì con trai và con gái đều được hưởng phần bằng nhau.

Nhưng, vì ngay trong luật của Pháp, phụ-nữ vẫn chưa được bình-đẳng với nam-giới nên cố-nhiên trong những đạo-luật ban bố dưới thời Pháp-thuộc, người đàn bà vẫn bị coi là vị thành niên.

Người đàn bà không có quyền ký khế-uớc, ký văn-tự mua hay bán nhà cửa, cả đến việc xin lập thương-diểm, hay mở sò gửi tiền ở các nhà ngân-hàng, cũng phải có phép của chồng.

Về chính-trị, trước trận thế-giới chiến tranh vừa rồi, ngay Phụ-Nữ Pháp cũng chưa có quyền bầu-cử và ứng-cử thi lễ tất nhiên phụ-nữ Việt-Nam cũng không có những quyền đó.

Ngày nay vì hiến-pháp của nước Việt-Nam độc-lập chưa có, tạm thời Phụ-nữ vẫn giữ địa-vị cũ. Nhưng chúng tôi tin chắc rằng một ngày gần đây, Phụ-Nữ sẽ được một địa-vị xứng-đáng.

Bài thuyết-trình thứ hai nhấn mạnh vào những đức-tính cần-cù nhẫn-nại của phụ-nữ Việt-Nam, vào sự hy-sinh cao-cả của những bà mẹ hiền, vợ thảo để chồng con được đầy đủ. Bài này nói nhiều đến sự thất-học của một số phụ-nữ ở thành-thị cũng như ở thôn-quê và đến những công việc phải làm để nâng cao địa-vị phụ-nữ.

Hai bài thuyết-trình của Phái-đoàn Phụ-Nữ Việt-Nam được Hội-Nghị chú-ý đặc-biệt, và ở các buổi hội-nghị bàn tròn, các đại-biểu đã thảo-luận ráo-riết về cách giúp đỡ Phụ-Nữ Việt-Nam, để chúng ta có thể theo kịp phụ-nữ các nước khác.

Ngoài những bài thuyết-trình của các đoàn đại biểu Hội-Nghị còn mời vị quan-sát-viên của Liên-Hiệp-Quốc diễn-thuyết về vấn đề « Sự liên-đời quan-hệ về Kinh-tế giữa các nước trên thế-giới » (Inter-dépendance économique entre les nations), và một vị nữ nghị-sĩ nước Úc diễn thuyết về vấn-đề giáo-dục tại các nước dân-chủ. Hai bài diễn văn này được nhiệt-liệt hoan-nghênh, được báo-chí ở Chrishchurch đăng và được in phát cho các đại-biểu.

Như trên chúng tôi đã thưa cùng các Ngài, sau các cuộc thảo-luận thường, có chiếu những phim do các phái-đoàn đem theo. Việt-Nam chiếu một cuốn phim nhỏ tả Saigon trong ngày Tết Nguyên-Đán. Cao-Mên chiếu một phim nói về nền nữ-học, phim này cho ta xem một trường nữ trung-học. Học-sinh trong buổi tập thể-thao đều mặc xiêm áo đồng-màu, trông rất đẹp mắt.

Hai cuốn phim của các đại-biểu Nhật mang sang, được Hội-Nghị chú ý đến nhiều nhất.

Phim thứ nhất đưa ta đến một trường trung-học. Một số nữ-sinh, sau một bài học về Vệ-Sinh ở gia-đình, họp nhau lại và quyết-định ngay hôm ấy về nhà sẽ áp-dụng những điều đã học để làm cho nhà cửa vui tươi và sạch-sẽ hơn trước. Một nữ-sinh về nhà, thấy mẹ phải khó nhọc mới mang được ít củi từ ngoài vườn vào bếp, phải tốn nhiều hơi sức mới xách được thùng nước vào nhà. Em đó bèn áp dụng những bài vật-lý, chế ra một thứ quang đề mang củi một cách không khó nhọc, lấy tre làm máng để dẫn nước từ giếng vào bếp. Thấy mẹ phòng má trợn mắt mới dóm được bếp, em nữ-sinh bàn với mẹ phá bếp củi, xây bếp than. Thấy con, tuy còn ít tuổi, nhưng nhiều sáng kiến, bà mẹ nghe theo và từ đấy trong nhà sạch-sẽ, ngăn-nắp và đầm ấm hơn nữa.

(Xem tiếp trang 138)

CƯƠNG-BÁCH GIÁO-DỤC

Một lợi - khí đề duy - trì văn - hóa

« Với tham-vọng sống trong một thế giới đoàn kết, chúng ta không thể đề tồn tại một biên giới bất công nhất trong mọi thứ biên giới, ấy là biên giới đã chia rẽ những người biết chữ và những người mù chữ ».

Jame Torres Bodet

Tổng Giám-Đốc Tổ-chức Văn-Hóa Liên-Hiệp-Quốc

TRONG tập văn-hóa Nguyệt-San số ra mắt, tôi đã có dịp nói đến quyền học-lập, một công quyền cần được đảm-bảo trong xã-hội văn-minh. Bài xã-thuyết đó viết giữa lúc Đức Quốc-Trưởng ký hai đạo sắc-lệnh số 6 và số 7 ban-bố trên toàn cõi Việt - Nam chế-độ cương-bách giáo-dục. Từ nay, nền giáo-dục quốc-gia đã có một căn-bản chính-thức, ấy là căn-bản dân tộc và từ nay, trong lịch-sử văn-hóa nước nhà, hai đạo dụ đó đã ghi một trang vẻ-vang, cao-quý, và rồi đây, sẽ có tiếng vang dội trên khắp thế giới văn minh.

1). Thăm-trạng giới mù chữ —

Thật vậy, hơn nửa phần nhân-loại trên thế-giới hiện thời vẫn còn mù chữ, nghĩa là chừng 1.200 triệu người, vừa đàn ông vừa đàn bà, chưa biết đọc, chưa biết viết. Tình-trạng đó càng thăm-thương hơn nữa, khi ta chịu nhận thấy rằng ngoài nạn mù chữ, đám người đó còn là nạn-nhân của mọi sự thiếu thốn, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu vệ

sinh, thiếu sản-xuất. Trong hoàn-cảnh ấy, e rằng nếu khối người đó một ngày một tăng gia, nền văn-minh sẽ vấp phải một trở-lực lớn trong sứ-mệnh cải-thiện nhân-loại. Ở Việt - Nam, các đô-thị hãy còn quá ít ỏi, rải-rác trên một lãnh-thổ phần lớn gồm những làng mạc, đồng ruộng, rừng núi. Mặc dầu trong khoảng hơn chục năm gần đây,

phong trào truyền-bá quốc - ngữ đã bành-trướng nhiều, mặc dầu nhiều chiến - sĩ chống-

nạn mù chữ đã tận-tụy hy-sinh, một số lớn dân ta hãy còn sống một cuộc đời lầm than, không hơn gì đời sống của tổ tiên ta cách đây hàng chục thế-kỷ. Sau lũy tre xanh, người dân quê âm-thầm sống ngoài vòng văn-minh, vẫn có những ao tù nước đọng, vẫn chân lấm tay bùn, cây sâu cuốc bẫm, có chăng cây đèn dầu hỏa đã chiếm chỗ ngọn bắc tờ mờ, nhưng chưa đủ phá tan cả một thế-giới dị đoan, mê-tin, ám ảnh dân quê chất-phác, xa xôi thay những danh-từ khoa-học, văn-chương, kỹ-thuật, vệ-sinh!..

của

HUYỀN - THANH

Căn-nguyên tình-trạng đó phải tìm ở trình-độ thấp kém của người dân không biết chữ. Thật vậy, có biết đọc, biết viết, người dân quê mới có dịp tiếp-súc với văn-minh, hiểu thế nào là khoa-học, là văn-chương, cùng thế nào là kỹ-thuật và vệ-sinh. Sau nữa có biết chữ, người dân mới có can đảm bỏ những dị đoan mê-tín. Cho nên, muốn nâng cao dân-trí, cũng như muốn gây hạnh-phúc trong dân-gian, điều cần nhất là lo cho dân biết đọc, biết viết. Dĩ-nhiên rằng lo ăn, lo mặc, tìm việc làm, chống bệnh - tật cũng cần - thiết, nhưng nhiệm-vụ cao-cả nhất cũng như khẩn cấp nhất phải là nhiệm-vụ gieo rắc học-thuật, vì có học mới biết ăn một cách ngon lành và vệ-sinh, có học mới biết tổ-chức việc làm một cách khoa-học, có học mới biết phương-pháp chống bệnh-tật.

II). Một sứ-mệnh thiêng-liêng : Sứ-mệnh phổ-biến giáo-dục

Trước tiên, ta nhận-định rằng con người là một linh-vật xã-hội, do xã-hội tạo ra, sống trong xã-hội và sống cho xã-hội. Ta không thể quan niệm một người sống ngoài vòng một đoàn-thể. Về đời thượng-cổ đoàn-thể có lẽ là những bộ-lạc, lâu dần xuất hiện làng mạc, thành-thị, quốc-gia. Cuộc tiến-hoá của nhân-loại với thời gian đã lặng lẽ đáp-đỗ những hàng rào, những thành-trì ngăn cản sự tiếp-súc của các dân-tộc, làng nọ giao thiệp với làng kia, thành phố nọ giao thiệp với thành

phố kia, nước nọ giao thiệp với nước kia, chính những cuộc tiếp-súc đó đã tạo nên thế-giới hiện-tại với sự bang-giao nhộn-nhip làm đời sống xã-hội trở nên một sự cần-thiết. Trong hoàn cảnh này, xã-hội bảo đảm sự sinh-tồn của loài người, hơn nữa duy-trì văn-minh nhân-loại. Cho đó, người không được hưởng văn-minh có cảm-giác sống bên lề xã-hội hiện tại, sống lẻ loi nếu không phải là bị ruồng bỏ. Từ xưa, đã có quan-niệm rằng « người văn-minh » là một người được ưu-đãi. Phải chăng số người ưu-đãi đó là một thiểu-số được công-nhận có quyền và có đủ phương-liện cấp sách đến nhà trường ? Phải chăng số người ưu-đãi đó là những người coi học-thuật như một giá trị tinh-thần tuyệt-đối, dành riêng cho giới thượng-lưu trí thức, không liên-quan với đời sống thực-tế ? Quan-niệm đó trong một thời dĩ-vãng đã chia rẽ giới trí thức và giới cần-lao. Tuy nhiên, ta cũng phải công nhận rằng nếu quan-niệm trên kia đã gây những ảnh-hưởng tai hại dưới trời tây, từ thời trung-cổ tới khoảng thế kỷ thứ XVII, trái lại ở nước Việt-Nam ta, quan-niệm đó không có cơ hội bành trướng. Các vua chúa ta, không những trọng-đãi những bậc hiền-tài, không hề đặt lên trên việc học một thành - kiến nào về giòng - giống, về giai-cấp, hoặc về của - cải. Công dân nào cũng được coi như là phần-tử trong một quốc-gia, dĩ-nhiên được dự vào công cuộc

xây-dựng kiến-thiết quốc-gia đó, và dĩ nhiên dù sang dù hèn, mỗi công dân có quyền được quốc-gia đó bảo đảm cho sự tiến-hóa của cá-nhân mình.

Tiêu-chuẩn của công-cuộc tiến hóa một cá-nhân trong xã-hội, phải tìm ở ý-niệm trách-nhiệm. Thật vậy, mỗi phần-tử trong xã-hội có một trách-nhiệm duy trì xã-hội mình; nhưng người trí thức có một trách-nhiệm nặng nề hơn nữa, tức là dìu dắt những người không biết đọc, không biết viết, như thế tức là dự vào công-cuộc xây dựng nền văn-hóa của cả nhân loại. Văn-minh có cơ tiến-triển cũng là nhờ ở sự hướng dẫn đám người thất học. Nhà văn-hào Dostoïevski đã nói: « Mỗi người chịu trách-nhiệm về tất cả, và trước mọi người ».

Ngoài ý-niệm trách-nhiệm, chúng ta còn phải đặt tin-tưởng vào nhiệm-vụ. Người cán-bộ tuyên-chữ cũng như nhà tín-đồ truyền-giáo, coi nhiệm-vụ mình như một sứ-mệnh thiêng-liêng, không ngại vất vả, không chịu chán-nản mà chỉ nhắm mục-đích là thành-công. Muốn như vậy, chúng ta cần có một quan-niệm lạc-quan về đời sống và giá trị cá-nhân ta. Thật vậy, nhiều người bi-quan nghĩ rằng số người mù chữ đã đông-đảo, thảm-trạng chiến tranh chưa chấm dứt, các phương-tiện giao thông lại khó khăn, như vậy thì công-cuộc rồi sẽ chắc-chắn

đi tới thất bại. Thái độ đó không còn thích-xứng với trình-độ văn-minh hiện tại nữa. Muốn tiến theo kịp thời-gian, chúng ta cần nuôi tin-tưởng rằng mỗi cá-nhân tất có đủ thiện-chí sống hòa hợp với xã-hội và có đủ năng-lực sáng-tạo để giúp ích xã-hội. Người ta đã nói: muốn là được, Cũng như St Augustin đã có câu: « Homo capax dei » (Người ta cũng có thể là Thánh).

Nói tóm lại, nếu những người trí-thức biết nhận-định trách-nhiệm của mình, tin tưởng nhiệt-thành vào sự thành-công, vào sứ-mệnh gieo rắc ánh-sáng văn-hóa trong đám người mù chữ, thì thiết tưởng chẳng bao lâu, giặc dốt sẽ không còn đất hoành hành nữa.

III.) Một kế-hoạch cưỡng-bách giáo-dục chung cả thế-giới. —

Để kết-luận, tôi xin trích dịch dưới đây, cống hiến các độc-giả và các tổ-chức công hoặc tư có mục-đích văn-hóa, một đoạn trong bản quyết-nghị mới nhất của Đại-hội đồng quốc tế thứ 14, một hội-đồng nghiên-cứu vấn đề cưỡng-bách giáo-dục. Bản quyết-nghị có giá-trị này đã được gửi cho tất cả các bộ giáo-dục trên thế giới

« Đại-hội-dồng quốc-tế giáo-dục, do Tổ-chức Giáo-dục, Khoa học và Văn-hóa Liên-Hiệp-Quốc cùn; Phòng Quốc-tế Giáo-dục triệu tập, họp tại Genève ngày 12 tháng 7 năm 1951, kỳ thứ 14, tán-thành gửi « những đề-nghị dưới đây :

Hội đồng xét rằng:

« Bản tuyên-ngôn nhân-quyền ngày 10-
« 12-1948 công-nhận quyền học-tập của mỗi
« người, chủ-trương việc học vô-phí về ngành
« giáo-dục căn-bản và bậc tiểu-học; bậc
« này phải được cưỡng-bách.

« — Dự thảo minh-ước tuyên-ngôn nhân-
« quyền đệ-trình Đại hội đồng L. H. Q. đã
« tuyên bố rằng bậc tiểu-học phải cưỡng-
« bách và phải cho mọi người được hưởng
« không lấy tiền; bậc trung-học về đủ mọi
« ngành, kể cả ngành kỹ-thuật và chuyên-
« nghiệp phải được phổ-thông và tiến dần
« tới chỗ vô-phí.

« — Cũng theo bản dự-thảo đó; mỗi
« nước hội-viên, nếu khi gia nhập minh ước
« chưa kịp ban-hành, trong chính-quốc hoặc
« trên các lãnh thổ nước đó cai trị, chế-độ
« giáo dục cưỡng bách và vô-phí về bậc tiểu
« học, thì phải cam kết cho thi-hành trong thời
« hạn 2 năm một chương-trình gồm những
« biện-pháp cần-thiết để thực hiện trong
« thời gian ấn định, nguyên-tắc giáo dục
« cưỡng bách và vô-phí.

« Việc phổ-thông quyền học-tập không
« phải chỉ cần ở những nước chậm tiến về
« phương diện giáo dục, mà còn cần ở những
« nước mà dân số tăng lên không ngừng.

« — Vấn-đề kéo dài thời hạn cưỡng-
« bách giáo dục cũng được lưu ý tại nhiều
« nước, kể cả những nước có nhiều đô-thị
« thương-mại và kỹ-nghệ.

« — Đại hội đồng Quốc-tế Giáo-dục kỳ
« thứ 3 họp tại Genève năm 1934 đã công
« nhận rằng vấn đề cưỡng bách giáo dục và
« vấn đề kéo dài thời-hạn cưỡng bách giáo
« dục được nêu ra dưới nhiều hình thức
« khác nhau tùy từng nước; những biện-
« pháp đề nghị cần phải dựa vào hoàn cảnh
« từng nước, từng địa-phương.

« — Những phương - pháp giáo-dục
« cần phải :

a) Giúp sự phát triển những giá-trị đặc
« sắc của từng nền văn hóa cổ truyền, đồng
« thời gây một sự hòa hợp giữa mọi nền văn
« hóa.

b) Ăn nhịp với sự phát triển về phương
« diện xã hội và kinh-tế trong sự hợp tác
« chặt chẽ giữa các nước.

« Đề-nghị cùng các Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục
« của tất cả các nước :

« 1. — Những chương-trình phổ-thông
« nên cưỡng-bách giáo-dục theo đúng tinh-
« thần điều 26 trong bản Tuyên ngôn nhân
« quyền phải được thảo gấp trong một thời
« hạn ngắn.

« 2. — Những chương-trình phổ-thông
« cưỡng-bách giáo dục, ngoài những biện
« pháp sự phạm, còn phải dự-tính cả những
« biện-pháp tài chính, xã hội. Những chương
« trình đó phải được thảo-luận trong các hội-
« đồng liên bộ, những cơ-quan hỗn-hợp cùng
« hợp tác với những tổ-chức tiên biếu nhất
« trong nước.

3 — Những chương-trình đó phải dự-
« tính cả những biện pháp có hiệu lực tức-
« khắc và những biện-pháp có hiệu-lực tiệm-
« tiến.

4 — Những chương trình đó được
« khởi-thảo sau khi đã điều-tra kỹ lưỡng
« phương-diện lượng của vấn đề, nghĩa là
« lập những bản thống kê rõ ràng về số
« lượng giới học sinh hiện tại và tương
« lai.

5. — Những chương-trình phổ-thông
« cưỡng-bách giáo-dục thảo ra phải ăn nhịp
« với những chương trình cải cách kinh tế,
« xã hội trong nước; vì thế, trước khi khởi
« thảo, cần phải nghiên-cứu những yếu-tố
« kinh tế, tài chính, xã-hội địa-lý, chính-
« trị và ngôn ngữ hiện hành trong nước.

6. — Những chương-trình đó phải có
« tính-cách co giãn, có thể sửa đổi tùy trường

« hợp, theo kết quả lượng được và theo sự
« tiến-triển phạm vi hoạt động.

7. — Những chương trình giáo-khoa
« cùng những biện-pháp thi-hành phải được
« tuyên truyền một cách hết sức rộng rãi,
« nhấn mạnh vào sự quan hệ đối với cá
« nhân và xã hội.

8. — Tùy theo thời hạn ấn-dịnh giải
« hay ngăn cho việc thực-hiện những chương-
« trình đó, có thể hoặc gây một phong-trào
« trên toàn lãnh-thổ, hoặc hoạt động dần
« ở từng địa phương một.

9. — Nền cưỡng bách giáo-dục phải
« được phổ thông đều trong nam giới cũng
« như trong nữ giới. . . .

Đọc các chi-tiết kể trên, ta có
thể nhận thấy rằng : các nguyên-
tắc của Hội-Đồng Giáo-dục Quốc-
tế rất phù hợp với tôn-chỉ của
tạp-chí « Văn-hóa nguyệt-san » :
dung-hòa những đặc-sắc cổ-truyền
với các tân-trào khoa-học, để xây
dựng một nền văn-hóa ăn nhịp với
sự tiến-triển kinh tế và xã-hội của
thế-nhân ... Phải chăng luật cưỡng-
bách giáo-dục vừa được ban-bố, là
một trong những bước đầu ải tới
mục đích cao-cả kể trên?

Ca-dao mới

I. — Lênh-dênh mặt nước con thuyền,
Sông sâu sóng cả, biết bên nào bờ. . .
Đêm hôm sấm chớp gió mưa,
Anh vững tay lái cho vừa lòng em.

II. — Bao giờ sóng lặng gió êm,
Mây quang trắng tỏ cho em đỡ chèo.
Hò-đò anh xướng em theo,
Con sông sáu ngã, mái chèo đôi ta.

III. — Bao giờ thắt chặt giải đồng,
Anh em bốn bề như trong một nhà,
Chẳng còn khẩu phật tâm xà,
Lòng đạo thì ít, lòng ma thì nhiều. (1)

THÙY-THIÊN

(1) Dịch ở câu « đạo cao nhất xích, ma cao nhất trượng »

Việt - Nam tại Hội - nghị Phụ - nữ Thái - Bình - Dương

(Tiếp theo trang 132)

Phim thứ hai, có tính-cách tuyên truyền, phá bỏ những phong tục của nước cổ Nhật Bản. Thoạt đầu, ta thấy một gia-đình Nhật, gồm có hai vợ chồng, 1 mẹ già và 2 đứa con nhỏ, đứa con gái nhón độ 6, 7 tuổi, đứa bé chưa biết đi, mẹ còn địu trên lưng. Lúc ấy, trời đã về chiều, vợ bảo chồng: « Anh ở nhà trông con, tôi đi họp một lúc sẽ về thôi nấu ». Chồng không bằng lòng, nhưng cũng không ngăn vợ. Sau khi vợ đi rồi, người chồng, vẽ mặt cáu kỉnh, ngồi ở hiên đan rổ. Đứa con nhón nằm chơi với bà và hỏi:

— Bà nhỉ, tại sao lưng bà còng thế?

— Lưng bà còng, lưng mẹ cháu cũng đã hơi còng và sau lưng cháu cũng sẽ còng, vì Phụ-Nữ Nhật phải lạy nhiều quá. Lúc bé lạy cha mẹ, nhớn lên lạy chồng, lạy bố mẹ chồng, lạy bạn bè của chồng. Vì mỗi lần lạy, phải gập đôi người xuống nên chóng còng.

— Tại sao mẹ cháu lại phải lạy bố cháu và phải lạy nhiều người thế? Ngày sau, cháu không lạy ai cả, vì cháu không muốn còng.

Đương không bằng lòng vì vợ bỏ nhà đi họp, lại nghe thấy con lý-luận như thế, anh chàng vút chiếc rổ đang đan dở, hăm hăm đi tới chỗ vợ họp Hội-Nghị. Tới nơi vì tò mò, chàng ta leo lên một chỗ cao có thể nhìn vào phòng Hội-Đồng được. Thấy vợ, lưng địu con, đương diễn thuyết, bênh vực quyền lợi của phụ-nữ. Cử tọa vỗ tay, luôn luôn tán thưởng, và bầu chị ta làm Hội-Trưởng. Nghe những lời vợ nói, nghe những câu thảo luận, anh ta dần dần tỉnh ngộ và lẳng lặng ngồi chờ vợ ở dưới một gốc cây.

Một lát sau, Hội-Nghị tan, vợ anh ta cùng các bạn ra về. Chàng ta lẳng lẳng theo sau. Đến quãng đường vắng, chàng ta rảo bước để kịp vợ. Thấy động, người vợ quay lại trông thấy chồng, ngờ rằng chồng mình đã nghe thấy những lời mình vừa nói, nàng có vẻ bối rối e ngại. Nhưng người chồng dịu dàng bảo: « Em không sợ, từ nay anh không cấm em đi họp nữa, vì công việc của em làm có lợi cho giống nòi, cho tổ-quốc. Anh sẽ giúp em trong mọi việc, để em có thể nâng cao trình độ phụ-nữ Nhật-Bản ».

Cạnh những phim có tính cách tuyên truyền, cũng có những cuốn phim trình bày một cách « tàn bạo » những sự thực, như cuốn phim của Phái-đoàn Papou cho ta xem một gia-đình Papou gồm đức lang-quân có những 6 bà vợ quây quần chung quanh, hay cảnh những phụ-nữ làm ăn vất vả dưới ánh nắng gay gắt của trời hè.

4. — Sự tiếp-đón Phái-đoàn. — Dân chúng tỉnh Chrischurch và các tỉnh lân-cận rất chú-ý tới Hội-Nghị Phụ-Nữ Quốc-Tế, các báo-chi ngày nào cũng dành nhiều cột để đăng ảnh những đại-biểu các nước, những bài thuyết-trình cùng các cuộc thảo-luận tại Hội-Nghị bàn tròn. Nhờ ở sự tổ-chức rất chu-đáo của chi-hội Tàn-Tây-Lan, nên suốt trong 15 hôm ở Chrischurch, chiều nào Phái-đoàn cũng được các đoàn-thể phụ-nữ hoặc tư-gia mời đi chơi và dự tiệc. Số người mời nhiều quá; nên vị Hội-Trưởng phải chia các đại-biểu ra làm nhiều nhóm để không phải từ chối nơi nào.

Ngay sáng hôm Hội-Nghị khai-mạc, nhân-danh Chính-Phủ Tân-Tây-Lan, ông Thị-Trưởng tỉnh Chrischurch mời toàn-thể Phái-đoàn tới dự tiệc. Tiệc đặt trong một gian phòng rất rộng của một viện Bảo-tàng. Số người dự có tới 400 người, đa số là phụ-nữ trí-thức ở tỉnh đó. Sau bữa tiệc, ông Thị-Trưởng đọc diễn-văn chào mừng Hội-Nghị và mời phái-đoàn phải cử một người phát-biểu cảm-tưởng. Chúng tôi cử Chị CHÂU. Chị ứng khẩu bằng tiếng Anh cảm-ơn sự tiếp đón nồng hậu của dân-tộc Tân-Tây-Lan, và mong rằng tình giao-hữu giữa hai nước, Tân-Tây-Lan và Việt-Nam, ngày một thêm khăng-khít.

Hôm sau, chúng tôi được mời dự tiệc trà tại lâu đài Monavale cách Chrischurch độ 10 cây số. Lâu đài Monavale giống như những lâu đài cổ của Pháp mà chúng ta thường trông thấy trong các trang sử hay trên màn ảnh, chung quanh có những vườn cỏ rộng rãi, có những con đường hai bên trồng cỏ-thụ, có giồng suối quanh co.

Trước khi dự tiệc trà, chúng tôi ngồi trên nền cỏ ngấu, sạch-sẽ và êm-dịu như ngồi trên thảm len dưới bóng những cây dương-liễu, để xem người Maori nhảy múa và người Tân Tây-Lan diễn lại cảnh người Anh đổ-bộ lên đảo cách đây một thế-kỷ. Cuộc vui rồi cuộc Hội-hợp kéo dài từ 2 giờ đến 6 giờ chiều; lúc tau, chúng tôi lại được xe đưa về khách-sạn.

Trong các bữa tiệc, phóng-viên các báo, phần đông là những bạn gái, phỏng-vấn chúng tôi về nước Việt-Nam, về phong-tục, về gia cảnh từng người. Họ chụp ảnh để hôm sau đăng lên báo.

Trong số 121 đại-biểu, phần lớn mặc Âu-phục, chỉ có đại-biểu Việt-Nam, Hồi-quốc, Nhật-Bản, Thái-Lan, Cao-Mên và Diến-Điện là mặc quốc-phục.

Các báo ca tụng vẻ đẹp mềm mại của y-phục phụ-nữ Việt-Nam và tả những

tả áo màu phấp-phới trước làn gió thoảng...

5. — Những vấn-đề chính được Hội-Nghị chú-trọng.

a) Vấn-đề Hòa-Bình thế giới: Hội-Nghị Phụ-Nữ Quốc-Tế khu Thái-Bình-dương lần thứ 6 này nhóm họp giữa lúc tình-hình thế-giới đương căng-thẳng, sự đe dọa của trận thế-giới chiến-tranh thứ 3 đương đè chĩa trên đầu dân tộc, nên vấn-đề thứ nhất được Hội-Nghị đặc-biệt chú-trọng đến là việc thắt chặt dây thân-ái giữa phụ-nữ các nước, và việc dùng sức mạnh của phụ-nữ để phụng-sự hòa-bình...

Ngay trong buổi họp đầu, nữ luật sư SCHAIN, Chủ - Tịch Hội-Nghị đã nhấn mạnh vào việc Hội-Nghị phụ-nữ không bàn đến các vấn-đề chính-trị và tôn-giáo. Hội-Nghị chỉ chú trọng đến những vấn-đề có thể thắt chặt dây thân-ái giữa phụ-nữ các nước.

Theo lời nữ luật-sư SCHAIN, trong thời-kỳ chiến-tranh, giới phụ-nữ bị đau khổ nhiều nhất: nào là những tang-tóc, gieo rắc trong các gia-đình, nào là những điều ô-nhục mà phụ-nữ phải chịu trong khi nơi mình ở bị quân địch chiếm đóng. Còn gì đau đớn hơn cảnh thấy cha, chồng hay con làm mồi cho bom đạn. Nếu phụ-nữ là hạng người bị đau khổ nhất vì chiến-tranh, thì phụ-nữ sẽ là một động-lực rất quan trọng để tránh nạn chiến-tranh.

Nếu toàn-thể phụ-nữ trên thế-giới hiểu biết nhau hơn, thân yêu nhau, cùng nhau cố gắng tìm những mầm chia rẽ làm cho loài người nghi-ky nhau, thù ghét nhau rồi một khi những mầm chia rẽ đó đã được biết thì toàn-thể phụ-nữ sẽ trù-liệu những phương-pháp để trừ-khử.

Nếu tất cả phụ-nữ đều theo đuổi mục-đích đó, thì nền hòa-bình thế-giới vẫn có cơ cứu vãn được, tuy đám mây đen đương che phủ khắp chân trời.

Trước khi Hội-Nghị bế-mạc, bản tuyên-ngôn sau đây đã được gửi đi các nước :

« Nhận thấy những mầm chiến-tranh như sự nghèo-khổ, tật-bệnh, sự thất-học, sự không hiểu nhau có thể mất đi được, nếu các dân-tộc cố-gắng đi tới chỗ đó, chúng tôi đại-biểu phụ-nữ của 21 nước khu Thái-Bình-Dương, chúng tôi nguyện đem hết tâm-tri, sức-lực để tranh-đấu cho nền hòa-bình thế-giới. Chúng tôi yêu cầu các bà mẹ, các bà vợ, các bà chị cùng chúng tôi tiến tới mục đích cao cả này. Chúng tôi nguyện hy-sinh tính-mệnh, tài-sản cho nền Hòa-Bình thế-giới. »

b) Văn - đề nâng cao đời sống vật-chất và tinh-thần của giới phụ-nữ cũng được Hội - Nghị đặc - biệt chú - ý, Sau bài thuyết-trình của một phái-đoàn, Hội-Nghị thảo-luận để có một quan-niệm rõ-ràng về địa-vị xã-hội của phụ-nữ nước đó, đồng thời tìm phương-pháp giúp đỡ những dân-tộc chậm tiến về hai phương-diện vật-chất và tinh-thần.

Về đời sống vật-chất, Hội Phụ-Nữ Quốc-Tế khu Thái-Bình-Dương sẽ liên-lạc với tiểu-ban xã-hội của Liên-Hiệp-Quốc để can-thiệp với các chính-phủ cho phụ-nữ được hưởng đạo luật lao-động quốc-tế như luật cấm đàn bà làm việc đêm trong các hầm mỏ, luật cho phụ-nữ được nghỉ trước và sau khi sinh nở, luật cho phụ-nữ được hưởng số lương tương-đương với nam-giới khi cùng làm một công việc.

Về điểm này, phụ-nữ Việt-Nam đã được Chính-phủ săn-sóc tới. Không cần phải có sự can-thiệp của Liên-Hiệp-Quốc, sở Lao-động đã bắt buộc các chủ xí-nghiệp phải triệt-đề theo những đạo luật lao-động, mục đích bảo-vệ quyền-lợi và sức khỏe của giới cần lao, thứ nhất là của phụ-nữ và nhi-đồng.

Chúng tôi tin chắc rằng, sau khi trật-tự và an-ninh đã trở lại, sau khi công-quỹ không phải dành những món tiền lớn vào vấn-đề quân-sự, chúng ta sẽ có những tổ-chức thợ thuyền không khác các nước, đề đời sống của phụ-nữ lao-động nước nhà đỡ vất vả.

Khi đó, ngoài công việc hàng ngày, phụ-nữ lao-động sẽ có thì giờ tham-gia vào công cuộc *kiến thiết non sông*.

Về vấn đề nâng cao đời sống tinh-thần, Hội Phụ-nữ khu Thái-bình-dương yêu cầu các phái đoàn, ngay sau khi về nước, sẽ tìm mọi phương pháp để phụ-nữ được học hỏi và tiến dần đến chỗ trình độ học - thức của nam và nữ ngang nhau.

Đi đôi với việc này, Hội Phụ-nữ Quốc-tế khu Thái-bình-Dương sẽ nhờ Liên-hiệp-Quốc can thiệp để phụ-nữ có quyền bầu cử và ứng cử như các bạn trai. Theo báo cáo của vị Hội-trưởng thì từ năm 1945 đến nay, Liên-hiệp-Quốc đã can thiệp để phụ-nữ của hơn 20 nước được đi bầu.

Tóm lại : Hội Phụ-nữ khu Thái-bình-dương vừa họp kỳ thứ 6 ở Tân-Tây-Lan, có mục đích chính là *hỗ hào phụ-nữ các nước phụng sự nền hòa-bình thế-giới*.

III — Vài nhận - xét về phụ-nữ Tân - Tây - Lan

Kể cả những ngày giờ đợi phi-cơ tại các thành-thị, chúng tôi ở Tân-Tây-Lan chừng 20 hôm. Thời gian đó quá ngắn ngủi, thứ nhất trong những ngày ở Christchurch, chúng tôi phải dự hội-nghị từ sáng đến chiều, chỉ được nghỉ một lát lúc giữa trưa. Chúng tôi đã hết sức lợi dụng những giờ ở nước ngoài, cố trông và nghe, cố hỏi tỉ mỉ những bạn biết tiếng Pháp, để có một vài nhận xét về phụ-nữ Tân-Tây-Lan. Sau những

buổi họp, tuy mệt mỏi, chúng tôi cũng cố sức đi dự các tiệc trà, đi thăm các đoàn-thể phụ-nữ, vì chỉ ở những chỗ đó chúng tôi mới hiểu biết được phụ-nữ nước người.

Đặc-diểm thứ nhất của phụ-nữ Tân-Tây-Lan là dù ở tỉnh hay thôn quê, đại đa số đều có một nền học-vấn vững chắc. Một số lớn đã theo học tại các trường nữ trung-học hay nữ công. Nhiều vị nữ trại-chủ đã xuất thân ở các trường Đại-học. Số phụ-nữ tham-gia chính quyền khá nhiều. Chúng tôi đã có dịp gặp gỡ các nữ nghị-sĩ, nữ luật-sư, nữ bác-sĩ, nữ kỹ-sư, rất nhiều nữ phóng-viên các báo và tạp-chí. Những phụ-nữ này, một khi có con cái, phải nghỉ việc, vì ở Tân-Tây-Lan dân số ít, không mấy nhà nuôi được người ở, vả lại, những bà mẹ Tân-Tây-Lan nhận thấy bổn phận chính của mình là phải trông nom con trước khi làm việc khác.

Chúng tôi đã dự một bữa tiệc ở nhà một nữ điền-chủ, cách nơi chúng tôi họp gần 80 cây số. Bà ta có một thửa trại rộng ngoài 500 mẫu, phần lớn là đồng cỏ. Trong trại nuôi cừu, có tới 4.000 con, vừa lớn vừa bé. Số lợi-tức hàng năm hơn một vạn bảng Anh, nghĩa là vào khoảng 65 vạn tiền Việt-Nam.

Vì không có đầy tớ, trong bữa tiệc, hai ông bà và cậu con trai, sinh-viên một trường Đại-Học, phải đứng lên ngồi xuống luôn. Trong khi hai mẹ con làm món ăn, bày bàn, ông chồng thái thịt cừu, ra vườn hái cam, táo về thết khách. Họ làm lung một cách tự nhiên và vui vẻ, không lấy thế làm mất thể diện.

Đặc-diểm thứ hai là ở Tân-tây-Lan có rất nhiều đoàn thể phụ-nữ. Thường thường những người cùng một nghề hay cùng một tôn-giáo họp thành một đoàn-thể,

Có đoàn-thể nữ điền chủ, đoàn thể nữ thương gia, nữ kỹ nghệ gia, nữ giáo viên, nữ sinh viên các trường Đại-học. Hai đoàn thể tôn-giáo quan trọng nhất là Hội Phụ-Nữ Công - Giáo và Hội Phụ-Nữ Tin-Lành. Ngoài ra lại còn Hội các « Bà Mẹ », Hội « Phụ-Nữ chống nghiện rượu ». Đoàn thể sau cùng này có một tờ tạp-chí lấy tên là « Sợi Băng Trắng » xuất bản từ năm 1895 và có nhiều độc-giả. Hội này rất có thể lực, vì trong số 6 bà quan tòa đầu tiên của Tân-tây-Lan thì 5 người là hội viên của Hội, và vị nữ nghị-sĩ thứ nhất là nhân viên ban Chấp - Hành trung-ương.

Thường mỗi đoàn thể phụ-nữ, ngoài việc bảo vệ quyền lợi của hội viên, còn nghĩ cách tổ chức một việc gì có ích cho dân chúng. Hội « Phụ-Nữ Công-Giáo » đặt tại mỗi tỉnh lớn một nhà khách sạn dành riêng cho phụ-nữ. Những người không có gia đình được nhận vào khách sạn đó với một giá rẻ. Những phụ-nữ ở các nơi xa mới tới tỉnh, có thể đến ở khách-sạn của Hội, và không còn e sợ những ảnh hưởng không hay.

Phụ-nữ Tân-tây-Lan ưa hoạt-động cho đoàn-thể, có khi bỏ cả việc gia-đình để nghĩ đến việc công. Trong khi Hội-Nghị họp ở Chrischurch, các nữ đại-biểu ở các vùng lân-cận ngày ngày lái xe đi họp. Nhiều người không phải là nữ đại-biểu cũng chịu khó tới nghe các bài thuyết trình, dự các cuộc Hội-Nghị bàn tròn. Sau buổi họp, các vị đó vui lòng lái xe đưa chúng bạn đi dự tiệc trà hay đi thăm các nơi.

Đặc-diểm thứ ba là phụ-nữ Tân-tây-Lan rất chăm chỉ, có lẽ cũng vì nước họ hiếm nhân-công. Hội-Nghị Phụ-nữ kỳ thứ 6 vừa rồi họp tại một trường Đại-học, các nữ đại-biểu ở trong Ký-Túc-Xá của

trường. Trong khi Hội-Nghị họp thì trường đương trong thời-kỳ nghỉ hè, thế mà các giáo-sư, giám-thị, nữ sinh-viên, chịu khó ngày ngày đến trường trông nom thời nấu cho chúng tôi. Nữ sinh-viên nào nói được tiếng Pháp lại nhận làm thông-ngôn cho chúng tôi trong Hội-Nghị, hay trong khi chúng tôi đi vắng cảnh tại thành phố.

Đặc-điểm thứ tư là phụ-nữ Tân-tây-Lan chăm nom con cái rất cẩn-thận và chiều chuộng lắm. Chính-phủ cũng ân-cần săn sóc trẻ em. Vài phố lại có một trường Mẫu-Giáo. Mỗi lớp chỉ nhận độ 30 học sinh mà có tới 3 giáo viên. Các bà hay cô giáo trông nom trẻ như một bà mẹ hay một người chị, rửa dáy lau chùi cho chúng, dỗ chúng khi chúng khóc. Học-hiệu thường ở gần công-viên hay ấu-trĩ viển. Các giáo-chức hàng ngày dẫn nhi-đồng ra đây để dạy chúng ca hát, chơi đùa.

Chúng tôi rất tiếc vì các trường đương nghỉ hè, nên không được đi thăm các học-sinh để khảo cứu về phương-pháp giáo-dục ở nước Úc cũng như ở Tân-tây-Lan. Để có một ý kiến đơn-giản về việc giáo-huấn ở nước này, chúng tôi đã đến xem một trường Mẫu-Giáo, một trường Nữ Trung-học và một trường Canh-nông. Chỉ trông những bàn ghế, tranh ảnh, những phòng thí-nghiệm, chúng tôi cũng có thể đoán được tất cả sự tổ-chức chu-đáo của họ.

Nhiều đại-biểu đã phải cho Tân-tây-Lan là thiên-đường của trẻ nhỏ.

— Chúng tôi lại được đi thăm hai trại Trừng-giới giữ những trẻ vô hạnh từ 9, 10 tuổi, đến 19 tuổi, Những trẻ này phần đông là đứa con mồ-côi phạm tội ăn cắp vặt. Trại giữ con gái tổ chức như sau: các em sống ở trong trại chia ra làm nhiều đội, mỗi đội có một giám-thị trông nom. Những đội chia nhau làm các công việc nội trợ. Tuần lễ này, đội thứ

nhất thời nấu cho cả trại, thì đội thứ hai phụ trách việc giặt, là, đội thứ ba việc may, vá, còn đội thứ tư thì lau, dọn và làm vườn. Tuần lễ sau lại thay đổi khác hẳn.

Mỗi ngày, ngoài công việc kể trên, các em dành riêng số giờ để học chữ. Vì không muốn cho những trẻ này làm hư những thanh thiếu nhi khác, nên chúng không được ra trường, phải học theo lối hàm-thụ. Cuối năm chúng có thể dự các kỳ thi. Ngoài những giờ làm việc tiếp-tế hay học chữ, các trẻ em còn học đàn hát và tập diễn-kịch.

Mục đích của những trại Trừng-Giới này không phải là giam cầm các em để trừng phạt chúng, nhưng là để bắt chúng vào khuôn phép, sửa đổi tính nết, dạy dỗ chúng để sau khi ở trại ra, ai nấy có thể trở nên công-dân hữu-ích.

Chính vì không muốn cho các em có cảm-tưởng bị giam-cầm trong các nhà tù, nên những trại Trừng-Giới thường làm ở nơi *phong cảnh đẹp*, các gian nhà không có *chấn song sắt*, không có những tấm cửa dày, chung quanh trại không có những bức tường cao chằng chịt dây thép gai, hay lờm chờm những mảnh trai sắc nhọn.

Chúng tôi đã đi thăm tất cả các nơi, từ chỗ các em ăn uống đến buồng ngủ, rạp chiếu bóng, nơi diễn kịch. Chỗ nào cũng sạch sẽ ngăn nắp, bày biện giống các nhà thường. Nếu không được bà Giám-đốc trại Trừng Phạt cho biết trước, thì có lẽ chúng tôi tưởng-lầm đó là Ký-Túc-Xá của một trường nữ học nào.

Theo lời bà Giám-Đốc kể lại, thì thỉnh-thoảng cũng có em không chịu được đời sống có quy-củ của Trại, nên đã trốn đi, Nhưng sau khi đi lang-thang không ai nuôi, không ai chữa, chúng thường lại trở

về trại. Có lần các em đi mãi không kiếm được người nuôi, rồi bị cảnh-sát bắt về. Tuy dân chúng thiếu nhân-công, nhưng không ai nhận những trẻ đó cả.

Đời sống ở trong trại không những sửa đổi tâm-tính của các em, mà nhiều khi còn làm nảy nở những cảm-tình đối với bạn, đối với bà Giám-Đốc và các giám-thị. Chúng tôi được đọc những bức thư rất cảm-động của những em, sau khi ở trại ra và dựng được gia đình tử-tế, gửi cho bạn và bà Giám-Đốc. Nhiều em, sau khi khá-giả, hàng năm đến thăm trại, luôn luôn gửi quà bánh tiền nong cúng vào quỹ Trại.

Trại Trùng-Giới giữ con trai, cũng không ngăn rào cẩn thận hơn. Trong trại có sân quần, có bể bơi, đề hằng ngày các em tập-dượt. Các em trai không tập những công việc gia-chánh, thì được học nghề. Ta có thể nói trại đó là một trường Kỹ-Nghệ. Có những thầy dạy các em nghề thợ rèn, thợ mộc, thợ nề, thợ điện, thợ sơn.

Ngay khi các em bắt đầu vào trại Trùng-Giới, ban Giám-Đốc đã đề ý xem các em có khiếu về nghề gì thì cho chúng học nghề đó.

Thường thường thời hạn ở Trại Trùng-Giới kéo dài từ 6 tháng đến 2 năm rưỡi, tùy theo bản án. Nếu trong khi ở trại các em ngoan - ngoan, tuân theo kỷ-luật, thì thời-hạn sẽ được rút ngắn lại.

Có lẽ nhờ những trại trùng-giới, nên tại Tân-tây-Lan ít khi có những vụ trộm vặt. Một hôm vào hiệu mua ít nhiên vật-dụng, chúng tôi bỏ quên áo khoác trên tủ hàng. Ra khỏi, chúng tôi thấy có người chạy theo mang trả áo. Một lần nữa, chúng tôi đáp xe đi dự tiệc trà giữa đường, khăn quàng của tôi rơi lúc nào không biết. Một người chở xe tắc-xi nhặt chiếc khăn, phóng xe đuổi theo chúng tôi để trả.

Trong sử Trung-Hoa, người ta thường ca tụng cảnh thái-bình dưới đời vua Nghiêu, vua Thuấn, kể đi đường thấy của rơi không thêm nhặt, đêm ngủ không phải đóng cửa. Ngày nay, không ngờ ở 2 hòn đảo Tân-tây-Lan, dân chúng cũng có cái *phong-độ của thời xưa*.

Thưa các Ngài.

Phụ-nữ Tân-tây-Lan rất xứng-đáng với địa-vị quan-trọng trong gia-đình và ngoài xã-hội mà các bạn hiện được hưởng. Đa số các bạn đó có học-thức, có nhiệt-tâm với công việc cải-tạo giống nòi, rất chăm chỉ và ưa hoạt động. Tình-trạng này không làm chúng ta ngạc nhiên, vì như chúng tôi đã trình ở trên, dân Tân-tây-Lan là người Anh di-cư sang, hay sinh-trưởng ở đó, nên cố nhiên họ có một trình-độ văn-minh tương-tự như người Anh.

Còn phụ-nữ tại các nước khác trong khu Thái-Bình-Dương thì sao?

Nếu căn cứ vào các bài thuyết-trình của các đại biểu thi phụ-nữ Nhật-Bản, Ấn-Độ, Thái-Lan, Diến Điện đã tiến rất nhiều, từ sau khi thế-giới chiến-tranh kết-liệu. Trước kia phụ-nữ Nhật nổi tiếng là hiền lành, nhẫn nại, phục tòng ý muốn của người chồng, và lúc nào cũng tìm cách làm cho người ta không chú ý đến mình. Thế mà sau khi bị thua trận, phụ-nữ Nhật đã thay đổi hẳn. Họ đã tranh đấu để được bình-đẳng với nam-giới. Ngay từ năm 1946, phụ - nữ Nhật đã có quyền bầu cử và ứng cử. Trong cuộc bầu cử đầu tiên đã có 15 phụ-nữ được bầu vào nghị-viện. Hiện nay đã có phụ-nữ làm quan tòa, làm luật-sư, bác-sĩ, hay giáo-sư. Hai vị đại-biểu của Nhật tại Hội-Nghị Phụ-Nữ Quốc-Tế khu Thái-Bình-Dương vừa rồi là những nhà đại tri thức. Một người là Hội Trưởng phòng Thương-Mại tỉnh Đông-Kinh, một người là giáo sư trường Đại Học, đã đỗ Tiến-Sĩ Văn-Khoa,

Nam-Dương Quần-Đảo mới độc-lập được 6 năm nay cũng đã cho phụ-nữ một địa-vị rất quan trọng. Phụ-nữ Nam-Dương đã có quyền ứng-cử và bầu cử. Hai lần trong Chính-Phủ đã có phụ-nữ giữ chức Tổng-Trưởng, và những vị nữ Tổng-Trưởng đó đã tỏ ra rất xứng đáng với địa-vị của mình.

Ấn-Độ là một nước trước kia coi thường phụ-nữ thì nay cũng nhận thấy cần phải cho phụ-nữ được học hỏi như nam-giới. Em gái Thủ-Tướng NERHU đã được cử làm Sứ-Thần Ấn-Độ tại Hoa-Thịnh-Đốn, đại-diện cho hơn 300 triệu dân Ấn.

Sau khi đã biết qua về trình-độ phụ-nữ của nhiều nước ở khu Thái-Bình-Dương, thiết tưởng ta nên xem xét một cách vô-tư-tình-trạng phụ-nữ tại nước nhà. Phụ-nữ Việt-Nam có rất nhiều đức-tính và khả-năng. Họ đã làm những việc «vá trời», còn ghi chép trong lịch-sử. Sau khi Trung-Hoa đặt nền đô-hộ, trong gần hai thế-kỷ, tuy nhân-dân bị bóc lột, hà-hiếp, mà không ai có can-đảm nổi lên. Mãi đến năm 39, mới có hai vị nữ anh-hùng đất Mê-linh phát cờ, khởi-nghĩa đuổi quân nhà Hán ra khỏi bờ cõi, mà xây một nước độc-lập ở phương Nam. Bàn về nữ anh-hùng Jeanne d'Arc, sử-gia Michelet đã viết: «Hỡi người Pháp, chúng ta nên nhớ lòng ái-quốc ở nước ta đã phát sinh ra từ con tim một thiếu-nữ (Français, souvenons-nous qu'en France, le patriotisme est né du cœur d'une femme). Lời bình-luận bất-hủ này có thể áp-dụng về hai Bà Trưng.

Phụ-nữ Việt-Nam không kém thông-minh. Tuy không được học như các bạn trai, nhưng văn-chương Việt-Nam đã có những giai-tác do phụ-nữ thảo như Chính-Phụ - ngâm của Đoàn-Thị-Điềm, có

những bài thơ ý đẹp lời hay của Hồ Xuân-Hương, của bà Huyện Thanh-Quan...

Phụ-nữ Việt-Nam rất chăm-chỉ, cần-cù, có đức tính hy-sinh cao cả. Nhà thơ Trần-Tế-Xương, trong bài thơ tặng vợ, đã có câu :

«Quanh năm buôn bán ở mom sông,

«Nuôi đủ năm con với một chồng»...

Phụ-nữ Việt-Nam không thua kém gì phụ-nữ các nước. Vậy vì lẽ gì mà ngày nay, phụ-nữ Việt-Nam chưa có một địa-vị xứng-dáng ?

Lý do chính là vì đa số phụ-nữ không được học hỏi. Không nói gì đàn bà con gái ở thôn-quê là những người bị thất học, ngay ở các đô-thị, ngay trong những gia-đình khá-giả, tân-tiến nhiều vị phụ-huynh vẫn không muốn cho con gái học rộng biết nhiều. Có lẽ nhiều vị cho rằng con gái chỉ cần biết dăm ba chữ, biết ký tên dưới bông thu họ, hay ghi trong cuốn sổ tay sổ tiền chi-phí trong một ngày là đủ, nên chỉ chăm chú đến việc học cho con trai để những người «nổi dôi tông-đường» thành-đạt làm rạng vẻ gia-môn. Chính vì lẽ đó mà số nữ sinh-viên ở các trường Đại-học của chúng ta có thể đếm trên mười đầu ngón tay được.

Phụ-nữ thất học không phải Chính-phủ không mở trường, hạn-chế việc tiến-thủ của nữ-sinh, hay cấm phụ-nữ xuất-du học. Trái lại, chính vì đã sống lâu năm ở ngoại quốc, đã nhận thấy việc cần thiết phải nâng cao trình độ học-thức của phụ-nữ Việt-Nam, nên Ngài NAM PHƯƠNG đã thừa dịp ngày «Phụ-Nữ Việt-Nam», đặt nhiều học-bổng cho nữ sinh-viên đi du-học tại các nước tân tiến Âu-Mỹ.

Vấn-đề nâng cao trình-độ hiểu-biết của nữ-giới là một trong các vấn-đề quan trọng. Thực vậy, hiện nay ở nước ta, phụ-nữ chiếm tới hơn 60 phần trăm dân số, nếu quá nửa dân Việt-Nam ở trong tình-trạng thất-học, thì còn mong gì nước thịnh, dân cường, còn mong gì chen vai thích cánh với các cường-quốc trên thế-giới !

Nữ-lưu cần phải có học mới làm trọn nhiệm-vụ khó khăn của một người mẹ hiền, vợ thảo. Các Ngài đã đọc chuyện Mạnh-tử. Nếu Mạnh-mẫu không có học, nếu Mạnh-mẫu cũng có những tư-tưởng tầm-thường, chỉ nhìn thấy cái lợi thiên-cận, không muốn tốn kém vì phải di-trú, để con có tấm gương tốt noi theo, thì sao Mạnh-tử có thể trở nên một vị Thành-hiền mà ngày nay nhiều nước ở Á-Châu còn sùng-bái ?

Bà mẹ Hoa-Thịnh-Đốn, vị anh-hùng dân-tộc của Hợp-Chủng-Quốc, và bà mẹ Pasteur, nhà bác-học trứ-danh, đều là những bậc hiền mẫu, sáng suốt nên Hoa-Kỳ ngày nay mới thành một cường-quốc trên thế-giới, Pasteur mới phát-minh ra được những phương-pháp cứu-vãn người đời, và được tôn là ân-nhân của thế-giới ?

Ảnh-hưởng của mẹ đối với nền giáo-dục của con thật là vô cùng hệ trọng, đúng như lời nhà đại văn-hào Anatole France : « *trường học gia-dình là trường học tốt nhất* » ; song, trái lại ảnh-hưởng của người vợ hiền đối với chồng cũng không phải là nhỏ. Nếu vì Đát-Kỷ mà nhà Trụ đi đến chỗ diệt-vong, nếu vì Thuý-Kiều mà anh hùng như Từ-Hải phải sa cơ giữa trận tiền, thì những

lời nỉ non trong chốn hương-khuê không phải là không có ảnh-hưởng tới chí-hướng của nam-nhi.

Những thí-dụ trên chứng tỏ một cách hùng-hồn sự quan-trọng của giáo-dục đối với phụ-nữ. Chúng tôi tha-thiết mong các Ngài nghĩ đến tương-lai của tổ-quốc, cố-gắng giúp Chính-Phủ, giúp Bộ Quốc-gia Giáo-dục, để nâng cao trình-độ hiểu biết của Phụ-nữ, để chúng tôi có đủ điều-kiện gánh một phần công việc kiến-thiết non sông.

..

IV. — NHỮNG KẾT-QUẢ MÀ PHÁI-ĐOÀN VIỆT-NAM ĐÃ THU ĐƯỢC

1) — Nhờ uy-tín của ĐỨC QUỐC TRƯỞNG, nhờ sự hiện diện của Trần Thủ-Tướng tại Hội-Nghị Cựu Kim-Son, nước Việt-Nam đã được các cường quốc Âu-Mỹ thảo-luận đến rất nhiều. Các báo-chí ngoại-quốc cũng luôn luôn bàn tới nước nhà, đến sự quan-trọng của địa-điểm Việt-Nam trên bàn cờ quốc-tế.

Nhưng ở Đại-Dương-Châu, trước đây không ai biết đến hai chữ Việt-Nam, vì một lẽ giản-dị nước ta không liên lạc gì về thương-mại với khu-vực này.

Sau 15 ngày hội-hop cùng đại-biểu các nước, sau những bài thuyết-trình của phái-đoàn Việt-Nam và những cuộc thảo-luận ở Hội-Nghị bàn tròn, các báo chí Tân-Tây-Lan đã đăng nhiều bài nói về nước ta. Họ nhắc-nhở đến sự chiến-đấu của dân-tộc Việt-Nam, bên cạnh các nước dân-chủ, để phụng-sự Hòa-Bình và Tự-Do.

Trong những khi hội họp với phụ-nữ trí-thức các nước, chúng tôi đã mô-tả những *thuần-phong mỹ-lục* của đồng-bào, đã trình bày những trang sử *vẻ-vang rực-rỡ* của giang-sơn.

Làm cho nhiều nước ở khu Thái-Bình-Dương biết đến nước Việt-Nam, đó là cái *kết-quả thứ nhất* mà phái-đoàn chúng tôi đã thu được.

2.) Sau 15 ngày ở Hội-Nghị Phụ-Nữ Quốc-Tế khu Thái - Bình - Dương, tuy không cùng một tổ-quốc, không hiểu ngôn-ngữ của nhau, nhưng vì cùng theo đuổi một mục-đích là nâng cao đời sống vật-chất và tinh-thần của phụ-nữ trên thế-giới, là hoạt-động cho nền hòa-bình của nhân-loại, nên toàn-thể đại-biêu các nước đã cùng nhau tỏ lòng đoàn-kết và thân-ái.

Ngày Hội-Nghị bế-mạc, lúc chia tay để các phái đoàn trở về nước, chúng tôi bịn rịn, nhớ nhung, hẹn sẽ tái-ngộ trong nhiều dịp khác, như tại Hội-Nghị Phi-Luật-Tân sắp tới. Chúng tôi tặng nhau những vật kỷ-niệm, trao đổi địa-chỉ để rồi ra có thể trao đổi những tài-liệu về phụ-nữ, những cách thi-hành nghị-quyết của Hội-nghị, để đi tới thành-công.

Thắt chặt dây thân-ái giữa phái-đoàn các nước, gây cảm-tình với phụ-nữ tri-thức của những nước tân-tiến trên bờ Thái-Bình-Dương, đó là *kết-quả thứ nhì* mà chúng tôi đã được.

3.) Phương-ngôn ta có câu : « Đi một bước đàng, học một sàng khôn ». Chúng tôi, sau khi ngồi trên phi-cơ gần 40 tiếng đồng-hồ, vượt qua gần một vạn rưỡi cây số, được xúc-tiếp với phụ-nữ nhiều nước, được trông thấy nhiều cái hay cái lạ, chúng tôi đã học hỏi được nhiều, kiến-vấn đã mở-mang thêm.

Những điều đã khảo-sát được khi ở ngoại-quốc, sẽ giúp chúng tôi trong công việc phụng-sự quyền lợi của phụ-nữ. Phải chăng đó là cái *kết-quả thứ ba* mà Phái-đoàn không lãng quên trong các nhiệm-vụ sau này ...

..

Thưa các Ngài.

Được cử đi đại-diện cho Phụ-Nữ Việt-Nam tại một Hội-Nghị Quốc Tế, chúng tôi không khỏi *bối-hối e-ngại*, vì chúng tôi tự xét thiếu kinh-nghiem, không biết có thể làm tròn được nhiệm-vụ mà Chính-Phủ đã trao phó cho chăng.

Nhờ ở những *tài-liệu* mà các nhà tri-thức trong nước đã giúp chúng tôi, nhờ ở sự *khích lệ* của các bạn xa gần, bốn chị em chúng tôi đã luôn luôn cố gắng.

Đảm-nhận *sứ-mệnh* « mang chuông đi đấm nước người », chúng tôi đã theo lời cổ-nhân « *chẳng kêu cũng thử một hồi cho kêu* ».

Tiếng chuông Việt-Nam, *tuy chưa vang* trên năm châu bốn bể, nhưng không đến nỗi là một tiếng chuông dè ; nó đã lọt vào tai đại-biêu của hơn 20 nước, và đã *gây được* những tiếng *vang dội* trong *trẻo* trên khắp ven bờ một đại-dương ...

Chúng tôi thành-thực mong rằng : tại *Hội-Nghị sắp tới*, cũng như tại các cuộc *hội-hop quốc-tế* sau này, các bạn tài giỏi hơn chúng tôi sẽ có dịp *tranh luận* để *gây thành* những *phản hưởng* và *âm-ba thanh-cao* hơn nữa.

Phụ-nữ trong nền quốc-học xưa

NỀN giáo-dục Khổng-Mạnh cổ-truyền đã thu hẹp vòng hoạt-động của phụ-nữ trong giới hạn gia-đình. Tề-gia nội-trợ, đó là trách nhiệm nặng nề mà thời xưa, trong một cuộc sống âm thầm, lặng-lẽ, với sự phấn đấu nhọc nhằn, không một tiếng than, phụ-nữ ta đã quên mình, hy-sinh cả một đời, để gánh vác cho tròn bổn phận của một vợ đảm, mẹ hiền. Giáo-dục cốt đào tạo những đàn bà kiêu mẫu đó, suốt mấy trăm năm không vượt ngoài phạm-vi bốn chữ Tứ Đức Tam Tông. Bị rèn đúc một cách khắc khổ, bó buộc, vậy mà ngay từ thời xưa, bóng đội nón quai thao, bỏ tóc đuôi gà, người cũng đã xuất hiện trên đài văn-chương nước Việt, đem tài năng thi thố cùng văn nhân bên nam giới.

Ngay trong tục-ngữ ca-dao, tất cũng đã có những nữ tác-giả vô-danh sớm biết đem tâm hồn chất phác, tình cảm nhẹ nhàng tế nhị, bày tỏ trong những lời ca chân thật mà đầy thi vị :

*Em là con gái Phụng thiên,
Bán rau mua bút, mua nghiên cho chồng.
Nữa mai chồng chiếm bằng rồng,
Bỏ công tắm-tươi vun trồng cho rau...*

Nhưng ta hãy lần giở lịch-sử văn-học nước nhà, kiểm điểm lại những công trình mà phụ-nữ thời xưa đã góp phần vào cuộc xây dựng nền quốc-học.

Ở thời kỳ sơ khởi, vì tài liệu còn thiếu sót, ta chưa thể biết phụ-nữ có đề lại một tác phẩm văn chương nào không, nhưng với những phụ-nữ có tài lãnh đạo dân-tộc, chống xâm-lăng như Bà Trưng, Bà Triệu, chắc hẳn cũng phải có phụ-nữ có tài ăn nói để cổ vũ lòng yêu nước, kích thích chí phấn-đấu của quân sĩ và nhất là để thúc đẩy nữ lưu mạnh bạo ra gánh vác nhiệm-vụ chung.

*Ta lên núi
Ta lên núi
Đuổi đàn hươu
Đuổi đàn hươu.
Chị em năm ba, mặt cùng dầu dàu.
Ta lên núi
Ta lên núi
Đuổi đàn nai
Đuổi đàn nai
Nỗi niềm tâm sự ngổ cùng ai?
Đoài trông phương Đông : nước
rộng mệnh mỏng.
Đoài trông phương Tây : đá trắng
gỗ ghè.
Đoài trông phương Nam : mây che
dầu ngàn.
Đoài trông phương Bắc : núi cao
ngất*

Bài hát này, tương truyền là do các nữ tướng của Trưng-Vương đặt ra, để khuyến khích những đội nữ binh đã theo đi chiến-trận. Ta hãy chú ý tới lời ca giản-dị, mà bao hàm những ý tưởng thiết tha, đau lòng vì vận nước, nhưng không nhụt chí phấn đấu. Tình-trạng xã-hội điêu tàn, lao khổ dưới sự thống trị tàn ác của nhà Hán, đã ảnh-hưởng đến bài hát lâm ly thống thiết này.

Nhưng đó chỉ là một bài thơ truyền khẩu; muốn thành hình, nền quốc - văn phải đợi đến nhà Trần, khi phong trào thơ nôm bắt đầu bành-trướng, và mãi tới nhà Lê, ta mới thấy một nữ thi-sĩ xuất hiện : Bà Ngô-chi-Lan.

Bà sống dưới đời Lê - Thánh - Tôn, một triều đại đã nổi danh là thịnh-trị. Lê-Thánh-Tôn là một ông vua thông minh, hiếu học, có tài văn-chương, đã mở mang giáo-dục và khuyến-khích các nhà văn làm thơ nôm. Quốc văn nhờ đó bắt đầu nảy nở. Thi-sĩ, văn-nhân đua nhau

ngâm vịnh; và bà Ngô-chi-Lan đã để lại cho chúng ta bốn bài thơ tứ tuyệt: Vịnh bốn mùa. Thơ của bà đáng làm tiêu biểu cho thứ văn chương thượng lưu của đám trí thức đương thời.

Sinh trưởng ở một gia-đình quý phái, chồng làm quan đến chức Đông các đại học-sĩ, bà lại còn được cử vào dạy các cung nữ. Hoàn cảnh một xã-hội thái bình thịnh-vượng, dân-chúng an-cư lạc-nghệp; hoàn cảnh một gia-đình phong-lưu, trâm anh thế phiệt, lại thêm giáo-dục Khổng-mạnh rèn đúc, tất cả đã ảnh hưởng đến thơ văn của bà. Nhân đó, mới có lời thơ tao nhã, lịch-sự, giọng điệu nhẹ nhàng đài các:

*Khí trời ấm áp dượm hơi dương,
Thấp thoáng lầu cao vẻ ác vàng.
Rèm liễu lầu lo oanh hót gió,
Đầu hoa phơi phới bướm chân hương.*

(Cảnh xuân)

Bài thơ đã phản ảnh một đời sống đầy đủ trong một khung cảnh rực rỡ, phú quý của một bà mệnh phụ. Nhưng cuộc đời đó cũng chỉ tạo nên những tư tưởng phù phiếm, những tình cảm không nồng nàn chân thật. Hình thức rất điêu-luyện nhưng nói đúng, nó chưa thoát khỏi các sáo ngữ.

*Lò sưởi bên mình ngọn lửa hồng,
Giải buồn chén rượu lúc sâu đông.
Tuyết đưa khỏi lạnh xông lên cửa,
Gió phảng mùa băng giải mặt sông.*

(Cảnh đông)

Tuy vậy, Ngô-chi-Lan đã khác các thi-sĩ đương thời là đã không dùng đến điển tích câu kỳ. Đây lại là một bức tranh mùa hạ, rực-rỡ và khéo-léo hơn.

*Gió đưa bóng lụa đỏ tới bời,
Tựa gốc cây đa đứng nhón chơi.
Oanh nọ tiếc xuân còn vỗ cánh,
Én kia tức cảnh cũng gào hơi...*

Và đây nữa, một cảnh thu hiu quạnh, dưới một ngọn bút tài-tình:

*Gió vàng hiu hắt cảnh tiêu sơ,
Lẻ tẻ bên trời bóng nhạn thưa...
Giếng ngọc sen tàn, bóng hết thắm,
Rừng phong lá rụng tiếng như mưa...*

Tuy nhiên, nhà Lê suy dần; quân lính phải luôn luôn đi đánh dẹp tại các miền chinh chiến xa xôi. Hoàn cảnh mới, này đã tạo nên khúc Chinh-phụ ngâm của Đặng-trần-Côn và bản dịch của một nữ thi-sĩ: Bà Đoàn-thị-Điễm.

Cũng như nữ-sĩ Ngô-chi-Lan, bà Đoàn-thị-Điễm sinh trưởng trong một gia đình quý phái dưới thế kỷ thứ XVIII. Bà đã sáng tác nhiều văn phẩm chữ Hán, nhưng bà đã nổi tiếng vì bản dịch Chinh phụ ngâm. Tuy « dịch là phản » mà ta sẽ thấy nhà nữ sĩ không mắc phải lỗi ấy. Ta thử đọc một đoạn Hín văn và đoạn dịch:

*Tương cố bất tương kiến,
Thanh thanh mạch thượng tang.
Mạch thượng tang, mạch thượng tang,
Thiếp ý quân làm thủy đoản trường...*

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.*

*Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*

Ý ở bản Hán văn vẫn giữ nguyên vẹn; nhưng bà Đoàn-thị-Điễm đã đem uốn nắn vào trong âm điệu nhẹ nhàng đặc biệt Việt-Nam. Câu dịch lại thành công hơn câu nguyên văn. Ta hãy so sánh:

*« Thiếp ý quân tâm thủy đoản trường »,
« Ý thiếp lòng chàng, cái nào dài ngắn.*

Nếu dịch như vậy thì thật là ngô nghê, trúc trắc không thấu triệt được hết ý, không thấy bản sắc dân tộc.

Trái lại :

«Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai?»

Lời văn nhẹ nhàng kín đáo, đượm một mối buồn âm thầm sâu xa, đúng là lời của một chinh phụ Việt Nam.

Bà Đoàn-thị Điểm tuy dịch mà đã hầu như sáng tác. Ngày nay, ngoài những bậc tinh-thông Hán-tự, ai còn biết đến chinh phụ ngâm khúc của Đặng trăn Côn, Chinh bản dịch của Hồng hà nữ sĩ đã làm cho tên tuổi Đặng-Trần-Côn không mai một trong trí nhớ của dân gian.

Thời thế tạo anh hùng ; xã hội loạn lạc của thế kỷ thứ XVIII đã tạo nên một vị anh hùng áo vải : Vua Quang Trung ; và cái chết đáng tiếc của bậc anh hùng đó là cội nguồn hai áng văn tuyệt tác của một vị công chúa nổi danh tài sắc : bà Lê-ngọc-Hân.

Bà là con vua Lê hiến Tôn, rất thông minh và giỏi văn thơ. Thơ của bà có lẽ chỉ là những bài ca tụng cảnh phong hoa tuyết nguyệt với những đặc tính phù phiếm thông thường của thứ văn chương thượng lưu, quý phái, nếu định mệnh không đưa bà lên ngôi hoàng-hậu sủng ái của một đấng anh quân, rồi lại đẩy đoạ trong cảnh đau lòng của một sương-phụ mới ngoại 20 tuổi.

*Ôi, gió lạnh buồng đào, rơi cầm này sắt,
Xông pha cung nữ, hoen phấn mở gương...*

Việc vui vầy nhớ mãi rành rành, dịp ca múa bổng khuây chùng Thần ngự.

Buổi chiều chực tướng còn phảng phất, chuồng diêm hồi sao vắng chốn Cảnh-dương.

(Tế vua Quang-Trung)

Bài văn tế này với lời lẽ chải chuốt, đã phản-ảnh một văn tài ít có ; nhưng với những luật lệ chặt chẽ, quy mô đã định

sẵn, nó chưa chứng tỏ được tài văn chương của bà Lê ngọc Hân. Ta phải đọc bài Tự thán làm theo thể song thất lục bát của bà sau khi an táng vua Quang-Trung. Tình thương nhớ chân thành, nỗi tủi thân đau đớn đã được diễn tả trong những lời thơ thiết tha, cảm động :

Lênh đênh chút phận bèo mây,

Duyên kia đã vấy thân này nương đâu ?

Chữ tình nghĩa trời cao dứt rộng,

Nỗi đoạn trường còn sống còn đau...

Tiếng khóc nghẹn ngào của người đàn bà đau khổ, thực ra còn đáng thương hơn cả những lời kêu than trong bản Chinh-phụ ngâm. Bà Lê ngọc Hân đã vì một cảnh ngộ đau đớn trở nên một nữ thi sĩ xuất sắc. Bài Tự thán của bà đã tiến bộ hơn cuốn Chinh-phụ nhất là về phương diện tâm lý : tình cảm diễn tả đều là những tình cảm có thực, sâu xa, thâm trầm. Nhưng bà vẫn chưa thoát khỏi ảnh hưởng khuôn sáo của thời trước.

Sau bà Lê ngọc Hân, trong thời Lê mạt, Nguyễn sơ, đã nảy nở một nữ sĩ kỳ tài của Việt nam. Bà Hồ xuân Hương, khác hẳn các nữ sĩ đời trước, bà sinh trưởng trong giai cấp bình dân, cuộc đời của bà cũng không được an nhàn phảng lảng, như đời các bà mệnh phụ Ngô chi Lan hay Đoàn thị Điểm. Mồ côi cha từ thừa nhỏ, tuy nhà nghèo, bà cũng được theo đòi bút nghiên. Bà nổi tiếng có tài làm thơ nôm ngay từ thời trẻ. Qua những bài thơ còn truyền lại, ta được biết thân thế long đong của bà : lấy lẽ tổng Cóc, lấy lẽ ông Phủ Vĩnh-tường mà rồi cũng hai lần góa bụa... Phải đối chọi cùng hoàn cảnh khó khăn, trái ngược với tâm hồn, một tâm hồn tự do, lãng mạn, phóng túng không chịu ép mình theo những lễ giáo khắc nghiệt, nữ sĩ Hồ xuân Hương là bậc phụ-nữ trí thức đầu tiên, dùng thơ văn chống lại những thành-kiến bất công,

Bà cũng biết các phụ-nữ thôn quê thường không được quý-trọng bằng nam giới, như trong câu ca dao đã nói :

*Sao hôm đứng ở ngang đầu,
Em còn ở lại làm giàu cho cha,
Giàu thì chia bảy chia ba,
Phận em là gái được là bao nhiêu ?*

Vì vậy, bà đã dùng thơ văn chế giễu « miếng đỉnh chung » mà người ta đã khéo đem ra dụ dỗ nữ-lưu :

*Ai về nhắn nhủ đàn em bé,
Xấu số đừng tham miếng đỉnh chung.*

Xã hội loạn lạc đương thời đã bày ra lắm cảnh đảo điên, lắm trò múa rối ; bà Hồ xuân Hương đã không ngại châm biếm.

Đây một bọn thi sĩ bất tài, lại tự phụ :

*Dắt dúi đưa nhau đến cửa chiền.
Cũng đòi học nói, nói không nên.*

Kìa một bọn rơm thích đua đòi :

*Một đàn thẳng ngọng đứng xem chuông.
Nó bảo nhau rằng : ấy cái uông...*

Với tư tưởng, Hồ xuân Hương đã tỏ ra một nhà thi sĩ cấp tiến.

Với văn chương, bà lại càng xứng đáng là vị lãnh đạo thi sĩ cổ điển, trong công cuộc xây dựng nền quốc văn thuần túy. Bà đã dùng toàn tiếng Việt, hạ những chữ rất táo bạo, gieo những vần hiềm hóc oái oăm, khinh thường các lối thơ quy mô lệ luật, điển cố, đang ngự trị trong văn chương. Ta hãy nghe :

*Một dào một dào lại một dào,
Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo...*

Dùng toàn những tiếng linh động: những màu sắc thanh âm đặc biệt của nước nhà, thơ Hồ-xuân-Hương đã mở đường cho lối thơ văn bình dân đại chúng, tức là đã giữ được bản sắc của dân tộc,

Bước sang thế kỷ thứ XIX, quốc-văn đã đến cực độ của thời kỳ thịnh-vượng ; cả phẩm lẫn lượng đều tiến bộ. Riêng về số nữ-sĩ, các tác giả nhiều hơn ở mấy thế kỷ trước.

Các vua đầu tiên của nhà Nguyễn, sau khi thống nhất giang san, đã khôi phục được trật-tự trong xã-hội. Nho học lại thêm uy-lực mạnh mẽ. Phụ-nữ trí-thức trong thời nay, đã quay trở về xu-hướng văn-chương cổ-truyền của tiền nhân :

Nổi tiếng nhất có bà Huyện Thanh-Quan, một nữ sĩ mà tài nghệ, tâm hồn trái ngược hẳn với bà Hồ-xuân-Hương. Cùng một cảnh thu mà dưới mắt Hồ-xuân-Hương, thì là một bức tranh linh động, nét đậm nét nhạt, màu non, màu thắm, khéo pha trộn với nhau :

*Đường đi thiên theo, quán cheo leo...
Lớp lều, mái cỏ gianh sơ sác ;
Sẻ kẽ, cầu tre đốt khảnh kheo.*

Với bà Huyện-Thanh-Quan, cảnh vật lặng lẽ, màu sắc êm đềm đã gợi những tình cảm buồn dịu, của một người đa cảm.

*Thánh thót tàu tiêu mấy giọt mưa,
Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ.
Xanh om cỏ thụ tròn xoe tán,
Trắng xóa tràng giang phẳng
lặng tờ...*

Bà sống trong một thời đại yên hàn, lại là một mệnh phụ được nhà vua vời vào dạy các cung tần. Hoàn cảnh này đã có ảnh hưởng đến tâm hồn bà, một tâm hồn đoan chính, trầm tĩnh trong bóng dáng một bà quan đài các và nghiêm chỉnh. Cho nên từ lời thơ đến tình cảm và tư tưởng, tất cả đều mang dấu vết khuôn mẫu của Khổng giáo, trang trọng, lễ nghi.

*Bước tới đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa...*

Thật là thông thả, điềm đạm ; tình cảm đã được giáo dục uốn nắn ; tư tưởng đã được lý trí điều khiển trong vòng tôn ti trật tự ; tất cả đều trở nên thanh tao, kín đáo, trên ra trên, dưới ra dưới.

*Dừng chân dừng lại trời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

Xét về toàn thể, tính cách thơ của bà Huyện Thanh - Quan đã trở lại với tính cách cổ - điển của bà Ngô-chi-Lan. Nhưng từ thế-kỷ thứ XV đến thế-kỷ thứ XIX, phụ-nữ đã tiến nhiều về tư tưởng. Nhà nữ sĩ thời đại này không chú trọng đến những cảnh tầm thường nhợt nhẽ : giăng, tuyết, gió, hoa ; bà nhìn xa, nghĩ rộng, than tiếc cho cảnh huy-hoàng của thời-đại cũ, nơi cổ đô sầm uất :

*Tạo hóa gây chi cuộc hý trường,
Đến nay thấm thoát mấy tình sương.
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Ngõ cũ lân đài bóng tịch dương.*

Bà không dừng dưng với thời thế, như người ta đã có ý muốn vậy trong câu :

*Thành đồ đã có chùa xây,
Việc gì gái hóa lo ngày lo đêm ?*

Bà mang mối hoài-cổ u trầm của một người có lý-tưởng trung thành.

*Ngàn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường...*

Tranh niêm cổ quốc nghĩ mà đau...

Ngoài ra, lại còn có một nữ sĩ khác hẳn : em gái vua Minh - Mệnh. Cuộc đời đầy đủ của một nàng công chúa không khiến bà luyến tiếc cảnh giàu sang phú quý. Học vấn đã vạch rõ dưới mắt bà sự thực của đời người : toàn cảnh phù vân biến ảo, thoát có, thoát không. Đời chỉ là một giấc mộng giả dối, cho nên bà đã lánh cõi trần, dề tìm chân-lý dưới bóng Phật-Đài.

*Thế sự nhìn xem rồi cuộc cờ,
Càng nhìn càng ngắm lại càng dơ.
Chu tử ngàn mùi nên vãi ăm,
Đỉnh chung lợm giọng hóa chay ra.*

Quốc văn đã thêm được một bậc nữ-lưu đem quan-niệm nhân sinh của đạo Phật giải thích bằng những lời thơ giản dị.

Đến cuối thế kỷ thứ XIX, những biến cố xảy ra trong nước đã có ảnh hưởng rất lớn đến thơ văn : cảnh chiến tranh rùng rợn bất chợt xô đến giữa dân quê đang quen sống trong bầu không khí phẳng lặng của một xã-hội theo văn hóa Khổng-Mạnh ; tiếng súng hầu như làm bật tung cả nền đất yên lành, xé tan bức vách mong manh của những ngôi nhà cổ kính ; kinh-thành Huế vang dậy những tiếng kêu khóc, thảm thương. Nữ sĩ Nguyễn nhước thị Bích đã làm sống lại tất cả các biến thiên ấy.

Bà thuộc giòng giới khoa bảng, con quan Bổ-chính Nguyễn-nhước-Son, được vua Tự - Đức tuyển vào cung dạy học trong nội đình. Bởi vậy, bà được mục kích cảnh kinh-thành thất thủ năm 1884. Vua Hàm-Nghi phải đi trốn. Bà soạn bài Hạnh-Thục ca kể rõ mấy trang sử đó.

Hai chữ Hạnh-Thục nguyên dựa vào điển tích vua Dương-Huyền-Tôn, vì loạn An-lộc-Son, phải bỏ kinh-đô chạy vào đất Thục. Dùng hai chữ Hạnh-Thục, bà Nguyễn-nhước-thị-Bích muốn ám chỉ việc vua Hàm-Nghi phải bỏ kinh-thành Huế, ra đi trốn...

Có nhiều đoạn tả rất rõ rệt cuộc giao tranh thời bấy giờ :

*Vua tôi hoảng-hốt vội vàng,
Hộ phủ thánh giá một đoàn kíp ra.*

*Ầm ầm tiếng súng khắp nơi
Khói dùn mù đất, lửa loè hỏa mây...*

Rồi đây là cảnh đau lòng khi dân chạy tơi bời, dưới làn mưa đạn ;

Trẻ già la khóc vang trời,

Xa trông núi mịt khói bay lửa hồng!...

Nhưng vì không có chính kiến, nên bà Nguyễn - thị - nương - Bích nhiều khi không suy xét, đã kết an những người cảm mến bấy giờ một cách quá ư nghiêm-khắc :

Chết dầu dốt quán tung bùng,

*Là mưu Thốt-Thuyết chắc chừng
truy binh. . .*

Sang đầu thế-kỷ thứ XX, còn một vài phụ-nữ trí thức của lớp bà Huyện Thanh-Quan, cũng góp ít nhiều vào nền quốc-văn

cổ-diễn : Bà Bang-Nhân, bà Nhân-Khanh, bà Suong-Nguyệt-Anh v. v.

Rồi văn - minh Tây phương thay thế cho văn-minh không mạnh. Nền giáo dục cổ truyền không còn được duy trì nữa. Trong lớp phụ-nữ sau này được hấp thụ nền giáo dục mới, số nữ sĩ càng ngày càng nhiều, ma tài nghệ cũng càng ngày càng tiến, không kém phái nam nhi.

Kiểm điểm lại, ta phải nhận rằng, phụ-nữ ta thời xưa, đã gom-góp một phần đáng kể trong công cuộc xây dựng một nền quốc văn thuần túy.

SỞ HỌC-CHÍNH B. V.

Tinh - thần Đại - Học

Ở trong các quốc-gia chân-chính, nền Đại-học là bậc thang cuối cùng của việc tổ-chức giáo-dục và đồng thời là cái vườn ươm để bồi thực lấy những nhân-tài cần-thiết cho công cuộc đảm-nhiệm những chức-vụ quan-yếu trong mọi ngành hoạt-dộng của quốc-gia. Trình-độ tiến hóa của một dân tộc, có thể trông ở kết quả đã thu - lượm được của nền Đại-học mà đoán-dịnh được.

Nước ta, từ sau khi Hán-học bị truất-bỏ, những trường thi Hương thi Hội đều bị đóng cửa, một nền Đại-học còn phôi thai đã xuất hiện với các trường Cao-đẳng Pháp-Chính, Cao-đẳng Sư-phạm và Đông-dương Y-học thiết lập ở Hà-Nội, là thủ-đô của Đông-Pháp lúc bấy giờ. Dần dần để thỏa mãn cái chí-hướng hiếu học của một thế-hệ thanh-niên trí thức mà cái bằng tốt-nghiệp Trung-học đã trở nên làm-thường thiển-dị quá, các trường Cao-đẳng Pháp Chính

và Đông dương Y-học đã được đổi ra hai trường Luật khoa và Y-khoa Đại-học, với những điều-kiện nhập-học và chương-trình học khoa hoàn toàn tương-đương với những trường đồng-danh ở bên Pháp. Tiếp sau đây, các trường Khoa-Học, Đại-Học Cao-Đẳng Kiến Trúc và Cao-Đẳng

Mỹ-Thuật lần lượt được mở cửa để đón tiếp những thanh-niên hiếu học của Việt-Nam. Hai năm trước đây, trường Văn-Khoa Đại-Học Việt-Nam,

với cái bước lập-tên buổi đầu, lại ra mắt quốc-dân bên cạnh Viện Đại-Học Hồn-Hợp Pháp Việt.

Về phương diện hình-thức, thế là nước Việt-Nam đã có thể tự-hào với một nền Đại-Học tạm đầy đủ.

Kết quả tuy chưa được mười phần mỹ-mãn, những cũng đã đào tạo được nhiều những nhân-tài chuyên-môn, cần-thiết cho công cuộc kiến-thiết quốc-gia trong buổi

của
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

dầu độc-lập và xứng đáng để đại-diện nước nhà trong những Hội-nghị chuyên-môn quốc-tế.

Nhưng, ngoài những kiến-thức và tài-nghệ chuyên-môn ta cũng cần phải kiểm-diểm đến cái kết quả về phương diện tinh-thần của một nền Đại-học.

Trước hết, ta phải nhận định ngay rằng nền Đại-học, tổ-chức, như hiện thời, đối với các dân tộc Đông-phương, không phải là một điều mới lạ.

Trong thiên Vương-Chế sách Lê-Kỷ có chép : « Mạnh hương luận tú-sĩ thăng chi Tư-Đồ viết tuyền-sĩ; Tư-Đồ luận tuyền-sĩ chi tú giả nhi thăng chi Học viết Tào-sĩ; Đại-Nhạc-Chính luận Tào-sĩ chi tú giả dĩ cáo vu Vương nhi thăng chi Tư-Mã viết Tiến-sĩ; Tư-Mã luận Tiến-sĩ chi hiền giả dĩ cáo vu Vương nhi định kỳ luận, luận định nhiên hậu quan chi — Ra lệnh cho các làng chọn những người tuấn-tú dâng lên quan Tư-Đồ gọi là Tuyền-sĩ; quan Tư-Đồ chọn những người tuấn-tú trong các Tuyền-sĩ, rồi dâng lên nhà Học, gọi là Tào-sĩ; quan lại Nhạc-Chính chọn những người xuất sắc trong các Tào-sĩ để trình với Vua và dâng lên quan Tư-Mã, gọi là Tiến-sĩ; quan Tư-Mã kén chọn những người hiền-tài trong các Tiến-sĩ, để trình với Vua và quyết-định sự phê-bình; sự phê-bình quyết định rồi thì bổ làm quan. »

Như vậy chế-độ nhà Học ở đây, tức cũng tương tự như chế-độ Đại-học ngày nay, vì mục-dịch đều cốt để đào tạo và kén chọn lấy những kẻ hiền-tài để bổ dụng làm các quan chức.

Chương-trình giáo-dục nhà Học gồm vào ba điều :

1. — Lục đức là Trí, Nhân, Thánh Nghĩa, Trung, Hòa ;

2. — Lục hạnh là Hiếu, Hũu, Mục, Uyên, Nhậm, Taất ;

3. — Lục nghệ là Lễ, Nhạc, Sạ, Ngự, Thư, Số.

Tổ-chức giáo-dục này đã được thi-hành ở Trung-quốc suốt đời Tam-Đại cho đến khi chế-độ khoa-cử được thiết-lập. Ở Nước ta, trong các đời Lý, Trần, Lê, nhà Quốc-Tử-Giám, tức là nhà Học trong Vương-Chế, đã được dựng lên ở kinh đô để thu-dụng các nhân-tài tuấn-tú ở trong nước. Những công-sĩ tốt nghiệp ở nhà Giám ra được gọi là Thái Học-Sinh.

Xem thế, tuy chế-độ khoa-cử đã được ban hành, nhưng nền cổ-học vẫn được đồng thời duy-trì và tồn-tại

Đứng trước tổ-chức Đại-học ngày nay, nền cổ-học cố nhiên không đứng nổi được sự so-sánh. Tuy vậy, chính nhờ đây mà nền giáo-dục đời xưa đã đào-tạo nên được biết bao những nhân-vật hoàn-toàn, lỗi-lạc, mà tên tuổi đã tò-diềm cho lịch-sử Việt-Nam có những trang chói-lọi, vẻ vang. Cái kết quả tốt tươi ấy sở dĩ có được, là vì những bậc tiền nhân ta ngày xưa đã lĩnh-hội và tiên-lý một cách hoàn toàn cái tinh-thần đại-học, biểu-hiệu bởi câu: « Đại-học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chí u chí thiện = Đường lối của nền Đại học, là ở sự làm cho cái đức sáng của mình ngày một sáng-tỏ; ở sự thân-cận với dân chúng, và ở sự nghĩ-ngợi ở chỗ chí-thiện ».

Ta chỉ thấy ở đời này, nhiều bậc tài học ưu-tú, khi xuất-thân ở nhà trường ra, đã mang sẵn một tương-lai đầy hứa-hẹn; nhưng một khi đã chiếm được một địa-vị khả-quan trong xã-hội, thì bao nhiêu chí-hướng cao-thượng, trường-viễn đều tiêu-ma dần trong cuộc đời tự tồn tự-dại với các mục-dịch

duy-nhất là vinh thân phì gia! Cái đức sáng kia, nếu không một ngày một sáng tỏ thêm, tất nhiên phải dần dần thành ra lu-nhạt, mờ tối. Bấy giờ cái thiên chức mà hai chữ Đại-học đã gán cho, đối với họ sẽ không còn một ý-nghĩa gì nữa.

Trái lại, những bậc « Đại-Nhân chí học » đời xưa coi cái công-phu: cách, trí, thành, chính, tu, tề, trị, bình, là một nhiệm-vụ mà mình phải gánh vác suốt trong một đời. Dù ở trên lăng-miếu hay ở trong mái nhà tranh, dù ngồi một mình trong số nhà hay đứng trước sự chỉ thị của mười mắt mười tay, không một lúc nào mà cái thiên-chức ấy bị quên nhãng, bị trễ-nải; không một lúc nào mà không cố làm cho cái đức sáng càng thêm rạng tỏ; không một lúc nào mà không cố gắng để thực-hành cái câu châm-ngôn của vua Thang: « Cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân ».

Tuy nhiên, nếu điều-kiện thứ nhất đã thực-hiện, mà không dụng-tâm đến điều-kiện thứ hai, thì trong công-cuộc gánh vác cái thiên-chức của bậc đại nhân không khỏi còn có điều khiếm khuyết. Thật vậy, cái thiên-chức của bậc Đại-nhân, tức là những bậc theo cái học Đại-học, không phải chỉ chú trọng vào một mình. Đối với các bậc thành hiền, « độc thiện kỳ thân » là một hành-vi bất-dắc-dĩ, nên bao giờ cũng mong-mỏi có thể làm cho hết thầy mọi người đều đến được chỗ « chí-thiện ». kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân = ta muốn đứng được, thì ta phải làm cho người ta cũng đứng được; ta muốn tới nơi, thì ta phải làm cho người ta cũng tới nơi. » Huống chi cái nhiệm-vụ thiêng-liêng của các bậc Đại-học, chính là ở sự khai-đạo và hướng-dẫn cho mọi người. Nếu ta không thân cận họ, không đồng-hóa với họ, thì làm

sao ta có thể hiểu-biết được họ, mà mong dìu-dắt họ vào con đường chính? Đó tức là thâm-ý của hai chữ « thân dân ».

Chữ « dân » đây, trong thời-kỳ quá khứ với chế-độ quân-chủ, có thể giải-thích với ý-nghĩa một đối-từ của chữ « quan ». Nhưng trước phong-trào dân-chủ ngày nay, ta phải hiểu « dân » là hết thầy những người chung-quanh ta, hoặc có quan-hệ, có liên-lạc với ta, mà cần phải gạt bỏ hẳn cái ý-niệm so-sánh vì sang hèn hay trên dưới.

Hiểu nghĩa thế, thân dân chính là vị thuốc rất đối-bệnh cho một số thanh-niên kiêu-hãnh, coi mình bằng Đại-Học như cả một vũ-trụ, và tưởng rằng giá-trị mình càng được bật lên, mỗi khi mình cố dùng tách ra trên hẳn mọi người.

Cho nên, các bậc Đại-học chân-chính, ngoài việc giữ gìn cho đức sáng được càng ngày càng sáng lợi, còn cần nuôi lấy một đức-tính khiêm-nhượng thành-thực, để trong khi xử-kỷ tiếp-vật, biết nên được cái xu-hướng tự-tôn tự-dại của cái bản ngã ích-kỷ? Biết ta hùng mạnh đây, nhưng vẫn giữ cái thái-độ yếu kém, trong khi chung quanh ta còn có những người yếu-kém; biết ta trong-trắng đây, nhưng vẫn giữ cái tình-thế tối đen, trong khi chung quanh ta còn có những người tối đen. Sau khi đã cùng mọi người thấy đều « hòa quang đồng trần » (hòa-lân vẻ trong sáng, pha đều cảnh tro bụi), ta mới có thể thân người; có thân người ta mới có thể biết người; ta mới mong cùng người cùng bước vào vào đường chí-thiện.

Trong bức thư ngỏ trả lời những sinh-viên Đại-học hỏi ý-kiến ông về cách lập thân, Đại-Tướng Eisenhower, nguyên chủ-tịch viện Đại-học Columbia và hiện giữ chức thống-soái quân-đội Đại-Tây-Dương, có nói: « Tôi chắc nói hợp lý

trong khi tôi bảo các anh rằng muốn phát huy đầy đủ các nhân-cách của các anh, các anh cần phải hiểu biết cái nhân-cách của xứ sở các anh. Một cái cây thường bị định-đoạt bởi tính-cách của chỗ đất nó mọc lên. Các anh là một cái cây trí-thức, một cái cây biết tư suy. Các anh cần phải nghiên-cứu cái chỗ đất của các anh, nghĩa là xứ-sở của các anh, để sao cho có thể lấy cái sinh-lực của xứ-sở làm sinh-lực của mình = *Je suis certain d'être dans le vrai en vous disant : Pour développer pleinement votre personnalité, il vous faut connaître celle de votre pays. Une plante est déterminée par le caractère du sol dans lequel elle pousse. Vous êtes une plante consciente, une plante qui pense. Il vous faut étudier votre sol, c'est-à-dire votre pays, de façon que vous puissiez faire vôtre la force qui est la sienne* ».

Muốn nghiên-cứu xứ-sở của mình, các sinh-viên Đại-học sẽ bằng-cứ vào đâu? Chắc không phải ở mấy bộ sách

tử-thư, như lịch-sử, địa-lý, kinh-tế hay chính-trị; nhưng chính ở bộ sách thiên-biến bách-hóa, thiên hình vạn trạng-nghĩa là « bộ sách người ».

Mà nghiên-cứu sách ấy, không phải việc ngồi chễm chệ trong phòng sách, dở từng trang từng tờ ra đọc mà mong có kết quả được. Công-phu nghiên-cứu đây là phải thân-cận, phải tiếp-xúc từng người, từng đoàn-thể, từng giai-cấp, trong phạm vi sinh-hoạt hàng ngày của họ, nói khức đi, tức là phải thực hành các điều-kiện « thân dân ».

Đấy, tinh thần đại-học, thật đã được các bậc thánh-hiền đông tây nêu-vạch ra một cách thiết-thực, rõ-ràng. Có trau giồi được tinh-thần ấy, các trang thanh-niên luẩn-tủ của các trường Đại-học ta mới mong thực-hiện được cái sứ-mạnh mà hai chữ Đại-học đã phú-thác cho, và có thể, mới xứng đáng là những tay thợ tiên-phong trong công-cuộc tái-tạo quốc-gia dân-lộc.

Phụ-nữ với văn-đề học-thức và chức-nghiep

TỪ mấy năm nay, ta thấy số trẻ em gái được đi học rất đông. Trong các trường trung-học hỗn hợp, lớp nào số nữ-sinh cũng chiếm hết một phần ba. Các em ấy sau này sẽ là những phụ-nữ có học thức và chức-nghiep, một nhóm người sẽ sống một cuộc đời khác hẳn với khuôn-mẫu đã hoạch-định từ ngàn

xưa cho phụ-nữ là chuyên lo việc gia-đình.

Với học-thức và chức-nghiep, phụ-nữ có làm chi lợi cho nhân cách của mình không?

Và những phụ-nữ có chức-nghiep, vì phải làm việc bên ngoài, có lỗi gì với các thiên-chức của mình trong gia-đình không?

Sự giải-phóng phụ-nữ vẫn đi đôi với sự tiến-bộ của họ trên con đường học-thức và chức-nghiep.

Thời xưa, người đàn bà con gái phải phụ thuộc đàn ông không phải là lạ lắm. Phụ-nữ ngày trước làm gì có học-đường như bây giờ? Phong-tục ràng buộc các chị em không bao giờ ra khỏi khuê-môn. Ngọn gió học vấn chỉ hiu hiu thổi chốn lán son gác tía, chờ mấy khi lại thổi đến thôn quê.

Sự học-vấn chỉ dành riêng cho phái nam, thành thử phái nữ thất học không đủ kiến-thức để định-đoạt đời mình, nên bị xem khinh và muôn việc chỉ phải tuân theo người đàn ông.

Phái nữ lại không có nghề nghiệp, đành trọn đời ăn nhờ ở gối nơi phái nam, dầu những người ấy là cha, chồng, con hoặc chú bác.

Ngày nay, đời sống càng ngày càng khó khăn, giá sinh-hoạt càng ngày càng đắt đỏ, phụ-nữ phải chung vai chia sẻ với nam-nhi gánh nặng gia-đình. Thời-cuộc đã đưa phụ-nữ ra khỏi nhà, cho dự vào công việc quốc-gia xã-hội: ta thấy phụ-nữ đi bầu cử và cũng có người đi ứng-cử: hễ ở đâu có phái nam đua tài so trí, thì cũng có phái nữ dự phần.

Nhờ sự thông-minh, giỏi giảo, các chị em đã chiếm một địa-vị quan-trọng trong xã-hội và đã được bình-quyền với bạn trai, không còn bị xem là phụ-thuộc nữa.

Vậy giờ giải-phóng của phụ-nữ đã đến, không phải hô-hào, không phải đòi hỏi nữa; chẳng qua chị em tự trau giồi lấy nhân-cách mình cho xứng đáng được hưởng những quyền-lợi, những tự-do hợp-lý thôi. Và cái giá trị của cá-nhân do nơi công việc làm hoàn-hảo đến bậc nào, phạm-vi hoạt-động và ảnh-hưởng lan rộng đến đâu, sẽ là cái kết-quả hiển-nhiên của giai-đoạn giải phóng ấy.

Tuy nhiên, ta nên tự hỏi: bước tiến trên con đường giải-phóng của phụ-nữ có hợp với thiên-chức của chị em chăng, hay nó chỉ là một quái-tượng trong xã-hội văn-minh này?

Con người không phân-biệt nam nữ có cái sứ-mệnh làm cho xã-hội càng ngày càng tiến-bộ, và đời sống của nhân-loại càng ngày càng tươi đẹp và thanh-cao.

Nhưng trời phú cho nam nhi và phụ-nữ vài đặc-tính khác nhau. Nam-nhi thân-thể cường-tráng, thích hoạt-động, phóng-khoáng và có não qui-củ của đời sống về lý trí.

Phụ-nữ thì thân-thể yếu-đuối, thích sống âm-thầm, có tính nhẩn-nhục, có não tình-nhuệ và hay bị tình cảm sai-khiến.

Cho nên tự ngàn xưa, nam-nhi vẫn tung-hoành tứ-bải, đoạt lợi tranh danh, còn phụ-nữ thì núp bóng phòng khuê, tề-gia nội-trợ.

Dẫu vậy, phụ-nữ sanh ra cũng thông-minh như nam-nhi; chẳng vì lẽ gì mà phải mai một không cho tài-trí phát-triển, nếu sự học-hỏi của họ ích-lợi cho xã-hội và nhân-quần.

Có người lại e một phụ-nữ có học-thức và chức-ngiệp không khéo sẽ ngã theo văn-minh vật-chất mà xa hẳn đạo-lý luân-thường.

Xin trả lời: sự học chính-đáng chẳng bao giờ làm bại-hoại luân-lý cả. Trái lại, nó còn làm cho ta nhận-định bổn-phận mình và cho ta nhiều phương-tiện để thực-hành những thiện-ý sẵn có.

Phụ-nữ sinh ra có đức hy-sinh và lòng nhân-hậu; nếu chẳng phải là hạng vô-nhân-cách thì thường lấy sự sung-sướng của kẻ khác làm vui, cho nên cả đời cố gắng đem tài-trí làm cho đời sống của kẻ mình yêu-mến được vui tươi, tốt đẹp.

Ta hãy noi gương nhà nữ văn-sĩ Đoàn Thị - Diễm mà ông Thuần Phong đã thuật tiểu-sử một cách vắn tắt mà đầy đủ trong «Chinh-phụ ngâm khúc» giảng-luận.

« Bà chẳng những tư - chất thông-minh mà tính lại khoan-hòa, thanh nhã và khiêm-tốn. Bà là một người của phận-sự. Sau khi cha anh chết, Bà đã phải khi bốc thuốc, khi dạy học, khi viết thuê, thân yếu tay mềm mà vẫn cố sức nuôi lấy mẹ già, cháu dại. Thật là một bức hiệu hạnh hoàn-toàn.

« Bà lại là người hiền-nhu, một người biết khuất-phục dưới phận sự đối với nhà, với nước. Chẳng thế sao bà đã ưng-chịu ông Hạo-Hiên đến hỏi bà, viển lẽ phải vì việc nước sang Trung-hoa đi sứ, nên việc nhà thiếu kẻ trông nom? Chẳng thế sao bà theo chồng chảy trận Nghệ-An, chốn biên-thành là chỗ địa-dầu trong khi xứ-sở gặp hồi nội-biến?»

Ta thấy đó, thông-thái cũng như thất-học, người phụ-nữ bầm sinh vẫn lo thờ kính cha mẹ, chiều chồng, thương con.

Có người lại bảo: « Nội công việc gia-đình mà lo cho chu-tất thì đã hết ngày giờ rồi. Chính vì trong gia-đình trưởng-giả, đời sống phiền-phức, nên công việc mới bộn-bề. Nhưng đối với kẻ nào muốn sống thanh-đạm, giản dị, và biết xếp đặt thì việc nhà có là bao; lại nữa, sự tiến-bộ của khoa-học sẽ đem lại cho việc nội-trợ nhiều sự dễ dàng, tiện-lợi và mau mắn. Phụ-nữ Việt-Nam ta trong những gia - đình bình-dân đã chẳng sớm hôm buôn tảo bán tần, quán-xuyến tất cả việc nhà mà nào có được kẻ ăn người ở giúp đỡ cho dẫu. Bà Đoàn-Thị-Diễm mà ta vừa nhắc trên, đã một mình bốc thuốc, dạy học, viết thuê, nuôi mẹ, nuôi cháu, mà còn thêu may rất giỏi và tinh chuyên cách nhuộm tơ chỉ. Tục - truyền bà có may 3 cái túi da, « một cái thêu

hình bát-quái khéo thế nào mà có người đòi đòi một cái nhà gỗ năm gian ».

Vậy nếu có óc tổ-chức và tận-tụy với gia-đình, người phụ-nữ có chức-nghiệp, chẳng hề phí bỏ công việc nội-trợ chút nào.

Lại nữa, trong xã-hội thiếu chi nghề rất hợp với tính-tình và đời sống của phụ-nữ.

Tôi nhớ hồi nhật-báo đăng tin Nam-dương độc-lập có thuật truyện một nhân-viên của chính-phủ vừa thành-lập trả lời một cách hãnh-diện với một ký-giả ngoại-quốc đến phỏng-vấn ông : « Nội-các chúng tôi có một phụ-nữ giữ bộ Xã-hội. Mấy năm vừa qua, cũng là một phụ-nữ làm Bộ-trưởng Giáo-dục ».

Riêng về nghề dạy học, nó thật rất hợp và tiện cho phụ-nữ mọi bề, vì nó mở rộng phạm-vi hoạt-động của phụ-nữ trong gia-đình mà không có đôi phương-hướng gì cả ; ở nhà nuôi nấng con của mình, vào trường họ lại dạy dỗ con dân đất nước.

Vả chẳng, nghề giáo-hóa đảm-bảo nét-hạnh phụ-nữ được chín-chắn, vì đã là nhà sư-phạm thì luôn luôn phải là khuôn vàng thước ngọc cho đàn trẻ noi theo, thường ngày giữ mình nghiêm nhặt, đó là một bức rào che cho khỏi bị sa ngã.

Về thực-tế, có một điều rất lợi là : nữ giáo-viên hay giáo-sư chỉ đến trường một số giờ bằng nửa của nhân-viên các sở khác, vì vậy thường được ở nhà, vừa làm xong việc công, vừa trông nom việc nội-trợ.

Dù sao, ta cũng phải nhìn nhận công việc nội-trợ là phần chính ; mà người đàn bà không bao giờ được chảnh mắng ; nhưng ngày nay nhờ sự tiến-bộ của xã-hội phụ-nữ được đưa lên bình-quyền với nam-nhi, tức nhiên phải gánh thêm nhiều nhiệm-vụ : lo cho tròn nội-trợ và chức-nghiệp, hẳn không phải là việc dễ, cần phải nhiều cố-gắng và kiên nhẫn.

Chẳng riêng gì nghề dạy học, chị em còn phải quả-quyết bước qua ngưỡng cửa gia-đình mà lo toan công việc xã-hội khác, phải mạnh bạo gom tài góp sức, mỗi người tùy theo khả-năng của mình để làm những công việc mà nam-giới đang theo đuổi. Bình-quyền ở chỗ đó.

Như thế, chị em mới có thể tự-hào là đối với gia-đình đã làm phận sự, và đối với xã-hội, đã góp một phần nào vào công cuộc kiến thiết quốc-gia...

B.



Mừng Độc-Lập

Ngày 9-9-1947, đại biểu Việt - Nam đáp phi-cơ tới Hồng-Kông yết-kiến Cựu Hoàng-Đế Bảo-Đại, thỉnh cầu Ngài hồi-loan cứu-vãn tình-thế. Tối lại họp tại Kim-lăng lâu đàm-đạo. Trong số 25 người dự, có cả Cụ Nguyễn-Hải-Thần, đại biểu Đồng-Minh hội. Nhân dịp đó, bốn vị dưới đây liên ngâm một bài tứ tuyệt bằng hàn-tự:

L. T. S.

香港金陵酒店領宴席間即事

統一三圻是酒媒	(阮文心)
同心努力席吾儕	(阮海臣)
高皇功德豐碑在	(何春海)
獨立瓊延此屬開	(阮臣海)

Phiên-âm :

Thống nhất tam kỳ thị tửu mai, (Nguyễn Văn Tâm)
Đồng tâm nỗ lực thuộc ngô sai. (Nguyễn Hải Thần)
Cao hoàng công đức phong bi tại, (Hà Xuân Hải)
Độc lập quỳnh diên thử tịch khai (Nguyễn Hải Thần)

Dịch-nghĩa :

Men hòa ba xứ rượu nồng hương,
Thống nhất đồng lòng quyết một phương.
Cao tổ đức dày bia tạc đó,
Chén mừng độc lập tiến lên đường...

NGUYỄN-QUẢNG-XUÔNG dịch

Bóng người**Phiên-âm :**

Thủ cảnh tự dung quang,
Cảnh trung kiến lão nhân.
Diện sâu đầu thâm bạch,
Thi-vị khắp Vệ-Lan.

24-6-44

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

Dịch nghĩa (của tác-giả)

Ngồi buồn lấy kính soi mình,
Kìa ai trong kính giống hình lão-nhân.
Mặt buồn, tóc bạc, hoa râm,
Phải chăng người ấy khóc thầm Vệ-Lan ?

Đề ảnh Vệ-Lan.**Phiên-âm :**

Ai ta hồ Vệ-Lan,
Nhĩ khứ ngã lưu trần.
Sanh tử chung vô dị,
Chỉ sâu biệt lưỡng phương.

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

Dịch nghĩa (của tác-giả)

Tiếc thay khôn xiết Vệ-Lan,
Em về âm-cảnh, anh còn dương-gian.
Xưa nay còn mất sự thường,
Chỉ sâu vì nỗi mỗi đường một nơi.

Ẩn-tình**Phiên-âm :**

Nhị thập dư niên nhất ẩn-tình,
U-hoài duy chứng hữu thiên-thanh.
Tương-tư nhật nhật đồng tương kiến,
Hạn bán chi ngón bất cảm-tình.

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

Dịch nghĩa (của tác-giả)

Hai chục năm dư mỗi ẩn-tình,
Lòng thành xin chứng có trời xanh
Thương nhau bữa bữa từng trông mặt,
Mà nửa lời chưa dám tỏ tình.

Long - hải hoàng-hôn**Phiên-âm :**

Viễn lai Long-hải nhật tương trầm,
U-hiền di thường cảnh bán âm.
Thủy hạ miên ngư trầm biệt dạng,
Thiên cao hồi nhận khứ vô âm.
Sa trường phong lý cô hồn khởi,
Sơn cốc dạ tùng vạn quái xâm.
Chuyển miện có thân sâu lũy khách,
Lạm tuyến hà xứ kỷ thương-tâm.

Đêm 30-31 tháng 12 năm 1946

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

Dịch nghĩa (của tác-giả)

Vừa ra Long hải đã vừa chiều,
U-hiền cảnh này biết bấy nhiêu.
Đáy nước cá trầm trông vắng bật,
Bên trời nhận lạc ngó diu-hiu.
Trên non bóng quỉ đêm vắng-vắc,
Ngoài bãi hồn ma gió phưởng-phieu.
Quanh quẽ bốn bề sâu chắt ngất,
Thương-tâm này biết gửi nơi đâu ?

Gia-Cát viếng Chu-Du

Phiên-âm

Ô hô Đô-đốc Châu Công-Cần,
 Tam thập lục niên dĩ biệt trần.
 Bát đấu kinh-luân tung bích thủy,
 Thiên xa thao-lược ký thanh vân.
 Phá binh Xích-Bích mưu kinh quỷ,
 Phóng hỏa Tam-giang kể khốc thần.
 Đại trụ Đông-Ngô hà tảo chiết,
 Kỷ tuần tế lễ tòng thương tâm.

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

Dịch nghĩa (của tác-giả)

Ô hô Đô-Đốc Châu Công-Cần,
 Tuổi mới ba mươi sáu hết đời.
 Trí dũng muôn xe vừa thấy đó,
 Lược thao tám đấu thả trôi rồi.
 Phá binh Xích-Bích oai kinh sấm,
 Phóng hỏa Tam-giang tiếng dậy trời.
 Đại trụ Đông-ngô sao sớm gãy,
 Mấy tuần tế lễ luống than ôi !

11-7-49

VỊNH KIỀU :

Kiều vọng Từ-Hải

Từ chàng đời gót tới giờ nay,
 Đau đớn lòng này ai có hay !
 Sáu khắc ngập ngừng châu lụy nhỏ,
 Năm canh vơ vẩn mộng hồn bay.
 Bao phen trăng khuyết, bao phen nhớ,
 Mấy chén rượu sầu, mấy chén say.
 Muôn dặm chàng đi, chàng có biết,
 Trùng-phùng thiếp đợi suốt đêm ngày.

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

(4-6-1944)

Lầu thượng đề sầu.

Lạc bước giang-hồ tự bấy lâu,
 Tựa lầu buồn nghĩ nỗi xa sau.
 Duyên em thay chị duyên đành vậy,
 Số thiếp phụ chàng số bởi đâu ?
 Sương tuyết đã cam hoa rã cánh,
 Xuân huyên còn sợ lá phai màu.
 Nỗi trời chi xiết thân bồ liễu,
 U-uẩn lòng này tạm mấy câu.

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

(4-6-1948)

CHUYỆN NGÂN

Song Đào

(Tản-văn điệu Liễu-Trai)

của
TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

Câu chuyện đầy thơ mộng sau đây, đã do Nguyễn đại - nhân, Tổng-trưởng Bộ Nội-vụ, biên - tập. Mỗi hay ngọn bút của thi-nhân, ngay lúc viết tản-văn, cũng thường được một vẻ huyền diệu, êm-ái mà thanh-cao, phăng-phất như trong một bài thơ cổ...

L.T.S.

TRƯƠNG-ĐẠI-CHÍ nhà đủ ăn, không tham danh lợi, chỉ một tính ưa hoa. Trong vườn, ông trồng đủ các thứ cây hoa, hàng ngày tận tâm săn-sóc; mỗi khi hoa nở ông lại hân hoan khôn xiết. Ông hay nói giả ngợ: « Quả nhân hữu tật, quả nhân hảo sắc ». Ấy là mượn lời của Tề Tuyên Vương để chỉ rằng mình ưa hoa.

Gần đó, có một thửa vườn hoang, chủ mất đã lâu, mà con cháu gọi bán không ai mua, vì thiên hạ đồn rằng vườn ấy có ma. Trong vườn hoa rất nhiều, mà không ai săn sóc, nên mọc thành rừng, chen nhau đủ



Song Đào

màu lẫn lộn. Ngắm xem thì cái thú hoang vu cũng có vẻ đẹp xinh. Trương-lão vì mê hoa nên không ngại mua vườn ấy, xẻ đường đi, chỗ nào đẹp lại làm bàn thạch; khi nhàn hạ, thường đến ngồi thưởng thức một mình.

Ông có người con trai tên là Trương-Thuần ngoài hai mươi tuổi học khá, có vẻ phong lưu, mà giàu tình cảm, thường hay đến vườn

hoa mơ mây tưởng gió, có khi lãng quên, đến bữa ăn, cha cho gọi mới về. Một đêm kia, trăng tỏ gió êm, Thuần vào vườn ngồi trên bàn thạch một mình, mãi đến canh ba chưa về, liền ngâm rằng :

*Mơ nguyệt mơ hoa tự những
ngày,*

*Một bầu tâm sự có ai hay ?
Ba canh hồn bướm còn theo
mộng...*

Tới đây ngấp ngừng dường như kiểm đối không ra, bèn ngâm lại rằng :

*... Ba canh hồn bướm còn
theo mộng.*

Ba canh hồn bướm...

Thình-lình nghe sau một cụm hoa, cách vài chục bước, có tiếng đàn bà ngâm tiếp rằng :

...Trăm mối tơ lằm rồi lại ai ?

Thuần ngạc nhiên, vườn hoang, từ xưa không thấy ai vào, mà đàn bà nào lại nổi điều như vậy. Trong bụng hơi sợ, nhưng cái giọng thanh tao kia như gọi mình, chàng bèn sẽ lên noi theo đường nhỏ, bước dần tới một bụi trúc-đào um tùm, thì thấy dưới bóng cây một người con gái ngồi trên bàn thạch. Ánh trăng thấp thoáng, người đẹp như tiên sa; y-phục tha thướt, màu trắng như sương, trông thật ít có dưới phàm trần. Thuần ngại ngùng không dám bước tới, nàng ấy cười rằng : « Có chi mà ngần ngại, chàng hãy ngồi nói chuyện ». Thuần lại gần

thấy mùi thơm nhe nhàng : Thuần tê tái như say như tỉnh, sẽ hỏi rằng : « Nàng ở đâu tới đây đối thơ tôi ? » Đáp rằng : « Thường đêm chàng ngồi bên kia, thiếp ngồi bên này, mà chàng chẳng thấy sao... Thấy câu thơ lai láng cảm tình, nên thiếp đối thử... ». Đầu lạ sau quen, chuyện trò vui vẻ, Thuần có điều lả-lơi, nàng can rằng : « Ân tình đạo trọng, phải lấy tinh thần đãi nhau mới là tình cao thượng, làm chi cái thói nguyệt-hoa. Như vậy thì có khác gì con cáo cáo, con châu chấu đâu ».

Nàng nói mà vẫn tươi cười không vẻ phiền giận, làm cho Thuần thẹn mà chẳng buồn. Đêm vui rất ngắn, trống đã điểm tư, sương sa lác đặc, nàng dứt rằng : « Thôi chàng hãy về nghỉ, trời đã khuya rồi ». Thuần có ý dùng dằng, như đi không đành, nàng tiếp : « Đêm mai cũng chỗ này, còn gặp nhau nữa, chàng đừng lo ». Thuần muốn đáp, thì nàng lại nói : « Chàng đi trước, để thiếp theo sau ». Thuần vâng lời ra đi, vừa đến khúc đường quanh, quay lại thì nàng đã không thấy nữa.

Thuần về nhà, mơ màng, thao thức, rồi cả ngày trông cho mau tối để trở ra vườn. Chàng lại tự trách mình, nàng ấy tên gì, cha mẹ là ai, vì sao một mình dám đến vườn hoang... Song trời đã tối; vầng trăng ló mọc, dường ngo Thuần mà giục Thuần đi cho mau

Vừa đến cửa vườn, thỉnh linh bị người vỗ vai; Thuần giựt mình quay lại thì thấy người bạn thiết là Lưu Ân, xưa học một trường, nay về theo cha mẹ làm ăn, ở cách làng chừng hai ngày đường. Ân cười rằng: « Hèn lâu mới đến thăm anh vừa đến nhà thì nghe lão bá nói anh lại vườn, nên tôi lật đật đi theo ». Tuy là anh em bạn thân, mà Thuần trong bụng những giận anh chàng phá đám. Phần không nở cự tuyệt, phần e sai hẹn nàng áo trắng, Thuần bèn cứ đi, Ân cũng theo sau. Ngoài miệng nói lơ là, mà trong lòng những e ngại, vì mình đi có người theo, e sợ nàng không ra hoặc phiền trách chẳng?

Còn đương suy nghĩ, bỗng thấy đầu kia có bóng hai người con gái; đến gần thì rõ là cô áo trắng hồi hôm, mà lại có thêm một cô cũng còn nhỏ mặc áo sắc hồng xinh đẹp chẳng kém gì. Cô áo trắng chào, Rồi nói với Thuần rằng: « Thiếp biết Trương lang nay đi có bạn; nhưng chàng chớ e ngại, vì đó là sự tình cờ. Thiếp không trách đâu. Thiếp lại e Lưu huynh buồn, nên mời em thiếp theo đây mà tiếp chuyện Lưu Huynh » Lưu Ân thấy nàng ấy không ai nói trước mà biết có người đến, lại biết tên mình thì cả kinh; song thấy nàng áo hồng đẹp để nhan sắc tuyệt vời, thì Ân cũng lãng quên đi. Nàng áo hồng nói: « chẳng hiểu Lưu quân có bằng lòng để thiếp tiếp chuyện chẳng? ». Ân nghe giọng hỏi thanh tao

tao, bèn đáp: « Việc tình cờ, tôi mới đến đây mà nàng chẳng phụ thì lẽ đâu tôi chẳng vui lòng; tôi còn ước từ đây, mỗi ngày mỗi gặp gỡ, thì mới toại lòng ». Nàng áo đỏ nghe nói liền cười, rồi cùng đi tản bộ với Ân. Nàng áo trắng và Thuần đi theo một lượt. Hai bạn trong lòng hơn hờ dường đã đến Đào nguyên, theo hai nàng vừa đến bụi hoa đêm trước, thì đã có hơn mười người con gái khác chực sẵn, mặc áo đủ màu, người nào cũng xinh đẹp, mỗi người trên tóc đều có dặt một đóa hoa, cúc, nhài, lan, huệ, hải đường, thược dược, mẫu đơn, v.v... Thuần, Ân xem kỹ lại thì hai bạn mình mỗi người cũng có dặt một bông hoa trên đầu, một người bông trắng, một người bông đỏ. Mấy chị em đồng rộ lên rằng: « Mừng cho Bạch, Hồng, hai chị rầy đã có bạn chúc cho hai chị cầm kỳ hòa hiệp ». Bạch, Hồng cũng cười, trả lời rằng: « Giã ơn các em ». Chúng bèn nắm tay nhau, bao vòng hai chị và hai anh vào giữa, rồi vừa xoay chung quanh vừa dập tiếng ca rằng:

*Trời cao cao,
Trăng lâu lâu.
Sáng ngời sao,
Vũ trụ một màu,
Mừng thay hai chị đào
Mừng thay hai chị đào ...*

Rồi các cô mở vòng vây, vừa múa vừa ca, kéo nhau rần ra xa dần dần, nhẹ nhàng như bướm lượn trong hoa, phấp-phới như

sương bay trước gió. Các cô đã biến mất mà mùi hương còn bát ngát. Bạch Đào ngả đầu vào vai Thuần còn Lưu Ân thì tựa vào Hồng Đào mà ca rằng :

(Nam xuân)

*Trời sẵn dành mỗi tình đôi
loan*

*Thề cùng nhau cho trọn niềm
tao khang.*

*Dây tơ hồng khéo xe, anh
được gần nàng.*

Nghe ca, Hồng vội vã nói với Ân : « Chàng chờ vội nghĩ đến hai chữ tao khang. Càng vui gặp thì càng hết vui mau, thiếp có tiếc chi với chàng, song thiếp rất lo vì lạc cực sinh ưu, xin chàng xét lại ». Bạch Đào cũng tiếp rằng : « Chị em tôi đã trên hai mươi tuổi rồi mà chưa nên đôi bạn, vì số phận tiền định ; nếu trọn cuộc chung tình với ai thì người ấy phải chết. Vậy Lưu huynh hãy đánh lòng, lấy một cái tình thần trong sạch mà thương em thiếp mà thôi, vậy mới lâu dài ». Ân càng nghe khuyên dút, thì càng động tam tình, bèn nói : « Con người ở đời uống mà không say sao gọi rằng ngon, thương mà chẳng trót sao gọi rằng thương. Thôi thôi, ta quyết kết nghĩa với nàng, dầu phải ra sao, ta cũng đành dạ ». Hồng Đào than rằng « Ấy là tại nơi chàng ». Rồi Hồng Đào nhận lời kết nghĩa trăm năm. Bạch Đào thấy thế thì sợ hãi mà rằng :

« Không xong, đại nạn sắp đến. Vậy thì Trương quân chàng hãy dắt Lưu huynh về cho mau, để thiếp lo an ủi em thiếp ». Thuần không rõ đầu đuôi ; song cứ nắm tay Ân mà kéo đi, vừa được ít bước thì Bạch Đào chạy theo níu lại, gỡ đoá hoa cài trên tóc mình, đưa cho Thuần mà dặn rằng : « Nếu Lưu huynh có nạn, thì chàng hãy ngậm hoa này vào miệng, sẽ có thiếp đến liền ». Thuần vâng chịu, đón lấy bông hoa, vừa quay lại, thì Hồng, Bạch đã đi đâu mất.

Khi dẫn Ân về đến nhà, thì Ân đã tối tăm mảy mắt, bất tỉnh nhân sự. Trương lão cả kinh, một đẳng cho người thông báo cha mẹ Ân hay, một đẳng lập tức cho mời danh y đến điều trị. Thầy xem mạch rồi nói : « Người này nhiễm độc rất nặng ; nếu chẳng có thuốc tiên cứu cấp thì phải chết nội trong 3 ngày ». Ai nấy nghe đều sợ hãi. Thuần chợt nhớ lời dặn của Bạch Đào, sức nhớ tới đoá hoa nàng đưa lúc trở về. Chàng bèn lên giường nằm, lấy hoa đưa vào miệng, hoa vừa ngang mũi thì mùi thơm nhẹ nhàng như lúc mới gặp cô áo trắng. Như khi vào miệng rồi, thì phát ra một thứ nước đắng khó chịu. Thuần liền nhắm mắt. Vừa khi ấy, Bạch Đào đã đứng bên giường than rằng : « Vì Lưu huynh không nghe lời thiếp và em thiếp can gián, nên mới xảy ra nong nội ấy. Như chàng thương và

muốn cứu Lưu huỳnh, thì phải đi liền với thiếp kéo trể». Thuần lật đật vừa ngồi dậy, thì Bạch Đào đã nắm tay lôi kéo đi, không biết đi đâu, bằng đồng, bằng núi, qua rạch qua ngòi, mau như chớp nhoáng, gió thổi ào ào, mây bay cuộn cuộn. Thuần sợ sệt, chẳng dám mở lời; đi một lát thì trước mặt có một tòa núi nguy nga, cỏ cây rậm rạp, mây ủ bốn bề. Bạch Đào bèn dừng chân tại ngã ba đường, mà nói với Thuần rằng: « Đây là núi Linh-Sơn, chàng hãy đi một mình do theo tiểu lộ, hứt đường có một động tiên. Chàng vào đó cầu khẩn, ắt là Lưu huỳnh khỏi hại. Thiếp ở đây chờ chàng ». Thuần nửa mừng nửa sợ, nói theo tiểu lộ, hai bên có hoa đua nở, chim hót nhạn thưa, thật là một cảnh xinh đẹp. Phút đâu đã tới một tòa thạch động có đề ba chữ « Tiểu linh sơn » Thuần bước vào thấy một bà ngồi giữa, hai bên bao nhiêu thê nữ đứng hầu, đều có vẻ tiên căn, phật cốt. Thuần qui rạp thưa: « Tôi là Trương Thuần vì bạn thân là Lưu Ân đương lâm bệnh trọng, nên chẳng ngại ngàn dặm xa xôi, đến khấu đầu cầu xin thánh mẫu ra ơn cứu tử ». Thánh mẫu nghe rồi nhắm mắt, hồi lâu mở mắt trong, mà đáp rằng: « Đây là Sông-Đào đương nhiễu hại người lành; nhưng nó có tiên duyên với binh nhân, nên mới vì tình mà chỉ cho người đến đây cầu cứu ». Nói rồi, liền dạy thê nữ vào

hậu đường đem ra một vật trao cho Thuần, dặn đem về mài cho người bệnh uống. Thuần vâng lời lay tạ, rồi ra khỏi cửa động, đến ngã ba thì Bạch-Đào hãy còn chờ. Hai người nắm tay nhau mà giong ruổi trên đường về. Đến cửa thì Bạch-Đào bảo Thuần đưa thuốc cho mình, mà về trước; nàng sẽ theo sau.

Thuần vào nhà, mệt và khát nước, bèn kêu rằng: « Hãy đem nước cho ta uống ».

Lúc ấy thì Thuần nằm mê man đã hơn hai ngày. Trương Ông, Trương Bà rất lo sợ, nay nghe Thuần kêu xin nước thì vội vã đem lại. Thuần vẫn nhắm mắt hỏi rằng: « Bạch-Đào ở đâu? ». Trong nhà không hiểu Thuần gọi ai, còn ngờ là Thuần nói mê sảng, thì đã có hai người con gái bước vào, một người mặc áo trắng, một người mặc áo đỏ, thưa với Trương lão: « Chúng tôi nghe nói trong nhà Ngài có hai người bệnh nặng, nên mới đến đây; nếu Ngài chẳng chê hèn, thì chúng tôi sẽ ra tay cứu tử ». Trương lão mừng rỡ, dẫn hai nàng đến giường Thuần. Lúc ấy cha mẹ Lưu-An cũng đã đến, cùng cầu khẩn xin hai nàng cứu con mình. Hai nàng bèn dạy đem một cái đĩa, nàng áo trắng thò tay vào túi lấy ra một củ ngải dùng nước miếng, mà mài đồ cho Thuần. Nàng áo đỏ cũng lấy ngải ấy mài với nước miếng đồ cho An. Hai người bèn

mở mắt ngồi dậy, mà rằng : « Bạn đã cứu ta ».

Cha mẹ hai chàng không biểu duyên cớ ra sao, chưa kịp hỏi han, thì Thuần, Ân, đã cúi lạy xin cho cưới hai nàng làm vợ mà đền ơn cứu tử.

Trương - lão. Lưu-ông thấy con đã chí quyết, mà hai nàng cũng làm thính, thì ưng thuận, bèn chọn ngày làm lễ thành hôn, từ đây cầm sắt bén dây, vợ chồng hòa hợp.

Vợ chồng Thuần ở chung với Trương-lão, còn vợ chồng Ân thì theo cha mẹ về xứ.

Hai đôi loan phụng ăn ở với nhau đã được mười năm, tình nồng duyên mặn, mỗi năm thường dắt nhau đến thăm vườn hoa là chỗ đã gây nên mối tình đầm ấm. Trước hai cội tốt tươi, hương bay phảng phất như buổi mới gặp nhau lần đầu.

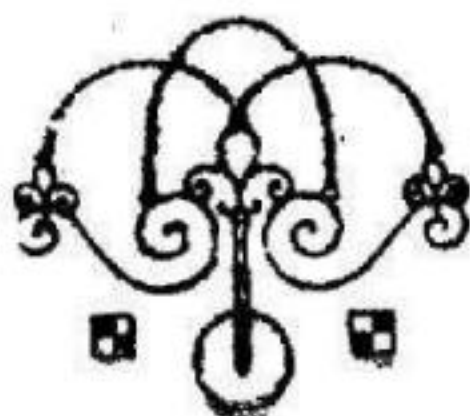
Một bữa kia, vợ chồng Thuần đương ngồi trò chuyện vui vẻ, xảy có người chạy vào báo : « Lửa phát tại vườn hoa ». Nghe qua, Bạch-Đào biến sắc. Trông về phía vườn hoa thì quả khói lên nghi ngút, ngọn lửa thấu trời xanh. Thình lình, Bạch đào vùng kêu lên : « Trời

oi, nóng dữ quá ». Rồi nhào xuống đất, và một lát thì tắt hơi, hình dung khô héo, chẳng khác đóa hoa tàn. Trương Thuần thương sót khóc than không cùng. Chôn cất rồi, tắc dạ chưa nguôi, thì đã thấy Lưu Ân đến nhà, đầu bịt khăn tang, mặt mày rã rượi, khóc rằng : « Anh Thuần ơi ! Hồng-Đào đã mất rồi ». Bèn kể chuyện lại thì mới hay Hồng Bạch chết cùng một ngày, cùng mắc một chứng bệnh. Hai người than thở, rồi dắt nhau ra vườn. Đến nơi, đã thấy hai cụm trúc-đào buổi nọ, nay đã hóa ra những khóm cây bị thiêu cháy cụt còi, bông trắng bông hường nhuộm màu than thê thảm. Thuần, Ân xem thấy lại càng đau lòng, vì cuộc ân ái mười năm đã thoáng qua như giấc mộng. Hai người ngậm ngùi rồi nhớ đến lúc đêm trăng, Thuần ca lại rằng :

*Trời cao cao
Trăng lâu lâu
Sáng ngời sao,
Vũ trụ một màu*

Ân tiếp rằng :

*Vũ trụ một màu
Đâu rồi hai chị Đào ?
Đâu rồi hai chị Đào ?
Đâu rồi....*



Phụ-nữ với ngày giỗ Tổ

Nhớ ngày giỗ tổ Hùng-Vương,
 Chị em ta nhớ con đường ta đi...
 Mặc cho sóng gió bất kỳ,
 Tắm riêng ta nhớ nặng vì non sông.
 Bắc Nam nhớ tạc chữ đồng,
 Cùng nhau tô-điểm vườn Hồng cho tươi.
 Giang sơn gây dựng bao đời,
 Nhớ ơn Quốc-Tổ giúp Người nên công...
 Nước non rạng vẻ má hồng,
 Càng thêm tỏ mặt con Rồng cháu Tiên.

VIỆT-NỮ

ẤN-KIỂM

Ngày Độc-lập 8-3-1952 mới rồi, đã cử-hành tại công-viên Hồng-Bàng Hà-nội lễ trao Ấn, kiếm, — hai bảo-vật đã thấy xuất hiện ở Nghĩa-Đô, cách Thăng Long chừng ba cây số. Dưới đây, mấy thi-sĩ đã nêu cao ý-nghĩa của ấn vàng kiếm ngọc kia...
L.T.S.

I

Dù xa cố-chủ bấy năm tròn,
 Quốc-bảo còn bền với nước non.
 Kiếm ngọc trời Nam màu vẫn chuốt,
 Ấn vàng đất Việt nét chưa mòn,
 Chủ-quyền mở rộng, thời-cơ thuận,
 Chính-lệnh truyền xa, đạo-nghĩa còn...
 Trời tựa giang-sơn dành ấn-kiếm,
 Gắn xa ai đó vững lòng son.

Gắn xa ai đó vững lòng son.
 Quốc - bảo còn đây, đất nước còn.
 Ấn kiếm Hoàng-triều lau vẫn sáng,
 Đá vàng Tổ-quốc ngại chi mòn.
 Trẻ già hăm-hở trừ gai góc,
 Trai gái miệt-mải gánh nước non.
 Ngang dọc xông pha đều rấn bước,
 Cơ-đồ gây dựng lại vương tròn...

VIỆT-DÂN

THƠ MỚI

II

Có những lúc ta mơ về dĩ-vãng,
 Tuổi ấu thơ say đọc truyện thần tiên.
 Bao anh-hùng, liệt-nữ, bậc tiên-hiền,
 Đã vì nước gây cơ-đồ, sự-nghiệp !
 Ôi ! hiền-hách ngàn thu trang sử chép :
 Truyện vua Lê thần kiếm ngát uy-linh,
 Mười năm trời lao-khổ đuổi quân Minh,
 Thu bờ cõi giang-sơn về một mối.

..

Nay phảng-phất khí thiêng hồn sông núi
 Ánh tương-vân, rồng lượn đất Thăng-Long.
 Ấn sáng ngời, kiếm ngọc vẫn còn trong
 Bồng xuất hiện, huy-hoàng trên lãnh-thổ...
 Để dẹp tan hết muôn ngàn đau khổ,
 Với muôn ngàn tang tóc cảnh lâm than,
 Vì chiến-tranh phải điêu-durng cơ-hàn,
 Cho đất nước một mai thêm cường thịnh.

..

Thanh kiếm báu tượng-trưng cho sức mạnh;
 Quả ấn vàng tiêu-biểu một lòng tin.
 Bồn-phận ta phải chung sức giữ gìn,
 Rồi mới tỏ những anh-thư hào-kiệt...
 Trời muốn giúp cho toàn dân nước Việt,
 Mới quy-hồi ấn kiếm giữa ngày nay.
 Hỡi đồng-bào Nam Bắc nghĩ sao đây ?
 Hãy trỗi dậy nâng cao cờ Độc-lập !

NGUYỄN-VĂN-NHÂN

Lòng con

Người ta bảo hăm sáu năm về trước,
 Tôi ra đời mới được chửa đầy năm.
 Phía trời tây muôn nghìn dặm xa xăm,
 Cha lúi bước ra đi không trở lại.
 Một vợ trẻ cùng hai con bé dại,
 Sớm lại chiều những mỗi mắt chờ mong.
 Nửa chừng xuân như đứt sợi tơ hồng,
 Ôi duyên kiếp mẹ tôi sao ảo não!
 Người thiếu-phụ trải bao phen gió bão,
 Từng đắng cay chịu nhiều nỗi oan khiên.
 Giữa kinh-thành vui-đẹp tựa thần-tiên,
 Lê cuộc sống tủi hờn không hạnh-phúc.
 Trong phòng vắng lúc đêm trường thồn thức,
 Ngồi bên song tiếc nhớ buổi hoa-niên.
 Ngọn đèn khuya như kêu gọi ưu-phiền.
 Qua khe cửa gió từng cơn rên xiết.
 Đâu những ngày mới lành duyên thắm thiết?
 Tưởng uyên-trong muôn kiếp chẳng lìa nhau.
 Nào hay đâu số-phận khéo cơ-cầu,
 Bao mộng đẹp bỗng vì đâu tan vỡ.
 Đời hiu-quạnh nặng những thương cùng nhớ.
 Vắng tình-yêu đời còn có chi vui.
 Nhớ người xa, xa thăm tít mù khơi,
 Hồn bay bổng trên muôn trùng mây nước
 Đâu có phải là cứ hồng nhan mệnh bạc,

Xót thương mình gặp nhiều bước truân truyên.
Một ngày qua gieo thêm một mối phiền,
Mẹ tôi thấy ngày mai không hy-vọng.
Thân liễu yếu từ đây mang bệnh trọng,
Nhìn hai con thương hạt lệ tuôn rơi.
Chốn trần-gian đau duyên nợ hết rồi,
Nên thang thuốc đã thành không hiệu quả.
Mong tin chồng đến những ngày tàn tạ,
An ủi lòng trong giây phút chia ly.
Nhưng tin đi sao chẳng thấy tin về,
Duyên tái-hợp thôi chờ nhau kiếp khác.
Đàn chim non chỉ nhìn nhau ngỡ ngác,
Tuổi còn thơ nào đã biết đau thương.
Nhớ như chơi đùa rộn ở bên giường,
Người mẹ ôm thân hình gầy như hạc.
Sống sao được với hai làn phổi nát,
Ngọn đèn tàn mỗi lúc mỗi mờ suy.
Giữa cảnh nhà tràn ngập nỗi ai bi,
Thân mệnh bạc đã hóa người thiên cồ.
Dưới mồ sáu mẹ nghìn năm yên ngủ.
Kiếp đoạn-trường ôi ! đã hết từ đây.
Nhưng nợ đời còn hai trẻ thơ ngây,
Không tình mẹ lấy ai người ấp ủ.
Thời gian qua, bao lần ôn chuyện cũ,
Nhớ mẹ xưa, tôi đã nhỏ lệ thương.
Tôi lớn lên trong khao khát yêu đương,
Chỉ còn biết một lòng vì Tổ-Quốc...

NGÔ-NGỌC-KHA

VỊNH - SỬ

Hai Bà Trưng

I

Nhà, nước hai vai nặng,
 Oan, thù một dạ chung.
 Vợ theo chồng khởi nghĩa,
 Em giúp chị thành công.
 Chị cả coi mình nhẹ,
 Gan trình giải nước trong.
 Giang sơn đem lại được,
 Nữ-chúa tiếng anh-hùng.

II

Anh-thư giòng Lạc-Tướng,
 Độc-lập hiệu Trưng-Vương.
 Mở nước chia bờ cõi,
 Thương nòi dựng kỷ cương.
 Uy phong tràn Bắc quốc,
 Ân đức dội Nam phương.
 Thanh sử ghi công-nghiệp,
 Nghìn năm dõi lửa hương.

. SƠN-NHÂN



Huyền-Trân công-chúa

Tấm thân vì nước lại vì nhà,
 Chiêm - quốc hòa duyên giọt lệ sa.
 Bồi đắp non sông nghìn dặm mới,
 Lỡ làng hương lửa một tình già.
 Rừng xanh cây quế đau lòng bạn,
 Ao nóng thành vàng đẹp dạ cha.
 Sơn phần mây rầu tuy vẫn có,
 Mấy ai mở cõi rộng sơn hà?

Kỳ-Hoa

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC

Dương-Quý-Phi

Đường vào Thục xa gần mấy độ ?
 Trạm Mã-Ngôi còn đó hay không ?
 Nàng Dương xưa gái má hồng,
 Duyên may sớm đã sánh cùng quân-vương.
 Trên chín bề lòng thương xiết kể,
 Dưới ba cung ai dễ độ cùng.
 Móc mưa đến cả giống giông,
 Anh em chú bác đều cùng thắm lấy.
 On nhường ấy còn thay đổi dạ,
 Thói dâm-ô mở cả lương-tâm.
 Mẹ con giả gá nghĩa thắm,
 Để mà yêu vụng dẫu thắm thương ôi !
 Lại còn nữ châm ngòi binh lửa,
 Rắp sum vầy cùng đưa gian-phu.
 Bốn phương mây khói mịt mù,
 Kinh-thành phút dời ra khu chiến-trường.
 Con nguy-biến vua Đường vỡ mặt,
 Giắt trăm quan tìm đất dung thân.
 Trời tây gió giục mây vần,
 Nàng Dương cũng phải rời chân cõi ngoài.
 Mưa gặp gỡ đành thôi đã lỡ,
 Bước chân ra lụy uá hai hàng.
 Ba quân này lúc kinh hoàng,
 Hóa-cẩn đều biết tự nàng mà ra.
 Dây báo oán dễ tha gái tội,
 Lòng quân-vương nhiều nỗi ngậm ngùi...
 Bên đường một nắm đất vui,
 Mã-Ngôi trạm ấy mồ người hồng-nha n.

Kỳ-Hoa

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC

BÀ PHAN-THỊ-THUẬN

Bắc-Hà gió bụi.

Đời Lê-quý, quân Tam-phủ giết Huy-quận Hoàng-đình-Bảo đề thành tựu việc phế lập ngôi chúa. Việc xong, quân ấy được Đoan-nam-vương Trịnh-Khai trọng thưởng. Từ đấy, quân Tam-phủ cậy có công phò lập nên ngày một lộng quyền.

Tướng tâm phúc của Huy-quận là Nguyễn-hữu-Chỉnh lúc cống Chỉnh đương làm phó-tướng ở Nghệ-An sợ phải va lầy nên mặt bàn với Trấn-Thủ Võ-tá-Giao tự cường một cõi. Giao sợ không dám làm. Chỉnh liền đem gia-quyển vượt bể vào Nam theo vua Tây-Sơn Nguyễn-Nhạc.

Có người cho chuyển đi này của Chỉnh là nguyên nhân cơn khói lửa đưa đến việc diệt Trịnh, vong Lê. Nhưng, xét kỹ thì việc Chỉnh vào Nam chỉ có thể làm sớm cuộc bắc chinh của vua Tây-Sơn lên ít ngày tháng mà thôi. Nhà Tây-Sơn và nhà Lê hay nói cho đúng, nhà Trịnh, hai nhà tất phải một mất, một còn; chỉ có chóng hay chậm.

Muốn rửa mối thù Huy-Quận, Chỉnh xui vua Tây-Sơn lấy Thuận-Hoá.

Vua Tây-Sơn nghe lời sai em là Bắc-bình-vương Nguyễn-Huệ làm Tiết - chế, rề là Vũ - văn - Nhâm

làm Tả quân Đô-Đốc, Nguyễn-hữu-Chỉnh làm Hữu quân Đô-Đốc, đem quân thủy bộ lên đường.

Phó tướng Thuận-Hoá là Hoàng-đình-Thể cùng hai con và ti tướng là Vũ-tá-Kiên tử trận ở trước cửa thành. Trấn tướng là Phạm-ngô-Cầu ra hàng. Bắc-bình-vương ghét Cầu phản phúc, ti tiện bắt giải về Quy-Nhon chém đầu răn chúng. Bắc-bình-vương Nguyễn-Huệ ý muốn giữ lũy Trường-Dục trở về Nam; nhưng Chỉnh cố xin trường khu đại tiến. Bắc-bình-vương nghe lời, cho Chỉnh đốc thủy-quân, còn mình đem bộ-binh đi sau.

Tin mất Thuận-Hoá về đến Thăng Long, Đoan-nam-vương sai Trịnh-tư-Quyền đem 27 cơ binh vào giữ Nghệ-An. Quyền thu xếp hơn 10 ngày mới lên đường. Chưa đi được 30 dặm có tin báo quân Tây-Sơn đã chiếm Vị-boàng. Quyền đem quân xuống giữ mặt Kim-Đông. Trấn-thủ Sơn-nam là Bùi-thế-Diên đồn binh ở xã Phù-Sa, thuộc huyện Đông-An. Đinh-tích-Nhưỡng giữ cửa Lục thuộc sông Luộc tỉnh Hưng-Yên. Bắc-bình-vương liền đánh. Nhưỡng thua chạy, Diên và Quyền cũng tan vỡ cả ba quân.

Chàng đi theo nước

Thủy-quân Tây-Sơn đến sông Thúy-Ái thuộc huyện Thanh-Tri, tỉnh

Hà-Đông lại gặp thủy-quân Bắc-Hà nghênh chiến. Trận này, có tướng coi đạo quân «Tiền-Trạch» là Ngô-cảnh-Hoàn rất dũng cảm. Mặc dầu một số đông thủy-quân đã kẻ chết người chạy, Hoàn vẫn hăng hái chống đánh. Nhưng một gáo nước trời sao tắt cả một xe củi cháy, nên thế cùng lực tận, ông tử trận ở khúc sông ấy.

Thiếp theo chồng

Người nhà ông Ngô-cảnh-Hoàn được tin, ai cũng thương khóc. Duy có vợ lẽ ông là Phan-thị-Thuấn, người phủ Thạch-Hà, tỉnh Hà-Tĩnh, vẫn cười nói như thường, và nhất định không thay tang phục. Có người hỏi thì bà đáp: Chết vì nước còn gì hơn mà phải thương tiếc. Ma chay xong, bà mặc đồ đỏ đến chỗ chồng chết trận khóc tế, rồi đâm đầu xuống sông tự tử.

Tiếng thơ m muốn thuở

Bà Phan-thị-Thuấn chẳng những là một liệt-phụ, lại còn là một kỳ-nữ ít người sánh kịp.

Đem cái chết để đền nợ nước để trả nghĩa chồng, từ ngàn xưa, không phải là không có; nhưng cười trước cái chết để cái chết sống lại ngàn thu, thực chưa thấy trong đám quần thoa.

Đức Dục-Tôn có thơ vịnh bà như sau :

*«Trượng-phu tử sự diệc hà vi !
Nhược chất hùng tâm dị vị khuy
Giang thượng thung dung thân khốc
liều,
Khiết thân dĩ định trạc liên y »*

Xin tạm diễn ra quốc âm :

*Trượng-phu vì nước thác là vinh,
Phận gái ai ngờ dạ sắt đing.
Đứng đĩnh trên sông sa giọt lệ,
Dòng trong quyết gửi lăm thân trinh.*

Ngay thời bây giờ, ông Huấn-Đạo Hà-sách-Hiến đã có thơ vịnh bà, lời lẽ rất bi tráng :

*«Tòng nhất nhi chung nghĩa bạc vân,
Cổ kim liệt-phụ hữu thủy luân.
Nhị-hà phong trịch cương thường lệ,
Thủy-ái ba đào tiết nghĩa thân.
Kích trọc nhất thời giang hữu sắc,
Lưu thanh thiên cổ thủy vô trần.
Khả lân tam bách dư niên quốc !
Thiên lý dân di phụ nhất nhân ».*

Xin tạm diễn ra quốc âm ;

*Mảnh gương tòng nhất chói mây
xanh,
Độ tiết xưa rầy thấy vắng tanh.
Giáo thét Nhị-hà dòng lệ nghĩa.
Sóng còn Thủy-Ái lăm thân trinh.
Một phen nước dẫu pha màu đục,
Nghìn kiếp sông còn rạng vẻ thanh.
Ngán nỗi mấy đời cơ-nghiệp ấy !
Riêng bà kỳ-liệt đáng lưu danh.*

Ông Dương-bà-Trạc, mới qua đời mấy năm nay, có thơ vịnh bà, lời ý rất cảm động :

*Chàng đi theo nước thiếp theo
chồng :*

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC



Văn-chương với thời-cục hay lòng ái-quốc trong thi-văn Nam-Việt

*Trai thì trung-hiếu làm đầu,
Gái thì tiết-hạnh làm câu sửa mình.*

NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

Người xưa thường có câu : « văn chương quan hồ thể-vận » ; vậy thi văn chương rất có ảnh-hưởng đến thời thế, nhưng trái lại văn-chương cũng còn là sản-phẩm của thời-cục. Ta có thể dẫn chứng bằng hai áng văn - chương : bài hịch tướng sĩ là tinh thần quân nhân của đời Trần, và bài cáo « Bình Ngô » là khúc ca khải hoàn của người chiến thắng đời Lê.

Nhưng vận nước có khi vinh khi nhục, lúc thịnh lúc suy ; cho nên văn-chương cũng theo đó mà hoặc bùng trảng, hoặc bi đát, ta thử nhận xét qua một vài nhà văn gần đây ở Nam Việt cũng đủ rõ.

1). Hoàn-cảnh lịch-sử.

Từ cuối thế kỷ thứ XIX, nhờ sự phát minh kỳ diệu của khoa-học,

kỹ nghệ Âu tây đã phát đạt mạnh ; người Âu thấy cần phải đi tìm những thị trường tiêu thụ ở các châu khác.

Những nước Trung Hoa, Việt Nam ở ven bờ Thái bình dương đã là những địa điểm rất quan-trọng để kinh doanh và nhất là để lập những thương - điểm, thương cảng. Bởi vậy, từ năm 1858, người Pháp thực-hiện chương trình chiếm đóng 6 tỉnh Nam-Kỳ và gây ảnh hưởng kinh tế, chính trị ở Bắc Kỳ và Trung-Kỳ.

Vì sự tiếp xúc đầu tiên với ngoại-nhân, một số đông các nhà văn đã khuynh hướng mỗi người một khác, ta gọi chung và cho văn-chương ấy là văn-chương thời cục.

Tiên-Đàm

NGUYỄN-TUÔNG-PHƯỢNG

2). Tính chất của văn - chương thời-cục.

Nhìn tổng quát văn chương này đã tiến cả về lượng và phẩm.

Ở Nam-Kỳ (I), lúc đầu, vài bài thơ của Phan-thanh-Giản ghi những cảm giác của ông khi đi sứ và biểu lộ lòng yêu nước tuyệt vọng của ông. Qua tập thơ « Tự Thuật » của Tôn-thọ-Tường và bài họa của Phan-văn-Trị, văn - chương đã tiến từ tâm sự một cá-nhân (Phan-thanh-Giản) đến hai phái sĩ-phu đối lập nhau: một phái ra cộng tác với tân triều mong đem lại an-ninh, trật-tự và một phái kháng-kháng theo quan niệm nho-giáo: muốn trung thành với dĩ-vãng.

Đến thơ văn của nhà nho tiết tháo Nguyễn-dinh-Chiều, thì văn-chương ấy lại tiến lên một bậc nữa, ngoài tâm-trạng một sĩ-phu, nó còn ghi những trang oanh-liệt của nghĩa dân lực tinh trong công cuộc kháng địch và tả được cái hoàn cảnh xã hội thời bấy giờ.

Văn-chương thời cục ở Bắc Kỳ thì có bài Hà thành chinh khải ca làm tiêu biểu; ở Trung thì bài « Hạnh thực ca » đã cho ta biết những nỗi gian-nan của vua Hàm-Nghi sau cái đêm binh biến năm 1885.

(I) Hồi ấy còn gọi là Nam-Kỳ.

Ở dưới đây, chúng tôi chỉ đề cập tới nhà văn Nam-Kỳ, và dành những bài văn ở Bắc và ở Trung vào một kỳ sau.

3). Các văn-gia và văn-phẩm.

Tiêu biểu cho cái khí tiết ở Nam-Kỳ, chúng ta phải nhắc ngay đến nhà danh nho: Phan-thanh-Giản (1796-1867)

Ta tạm chia tiểu sử của ông làm ba thời kỳ:

a). Thời kỳ hàn-vi (1796-1825)

Phan-thanh-Giản tự là Tỉnh Bá, là Đạm Như, hiệu Lương-Khê, biệt hiệu Mai Xuyên, người làng Tân-Thành, huyện Vĩnh-Bình, trấn Vĩnh thanh (nay là làng Bảo Thanh, quận Ba-tri tỉnh, Bến Tre). Mồ côi mẹ từ bảy tuổi, nhà nghèo, ông đã sống một cuộc đời giản dị, cần mẫn, năm 1825, thi hương tại Gia-định, đậu cử nhân, và năm sau thi hội tại kinh-đô đậu Tam-giáp Tiến-Sĩ. Khoa thi hội ấy, có 200 người ứng thi, chỉ lấy đỗ có 10 người, Bắc-kỳ 7, Trung kỳ 2 và Nam-kỳ 1. Người ở Nam-kỳ là Phan-Thanh-Giản, xem thể thi biết công phu học tập của ông già dặn và có nhiều sự cố gắng. Ông lấy vợ là Nguyễn-thị-Mỹ, nhưng năm sau bà mất.

b) Thời-kỳ làm quan (1826-1858)

Phan₂-Thanh-Giản làm quan dưới ba triều: Minh-Mệnh, Thiệu-Trị và Tự-Đức. Năm 1826, ông vào kinh thụ chức biên tu, sau được

cử làm Hiệp-trấn Quảng-Bình. Năm ấy, ông tục huyền lấy bà Trần thị Hoạch, và nhờ bà này về quê nhà phụng dưỡng cha già.

*Ăn nước nợ trai đành nổi bận,
Cha già nhà khó cậy nhau cùng.*

Năm 1828, mưa lụt rất tai hại, ông dâng sớ xin vua Minh Mệnh giảm bớt số cung nữ, phi - tần và thương đến dân. Năm 1831, giặc Mọi nổi loạn ở Quảng-Nam, quân của ông bị thua; ông bị giáng chức. Nhưng ông quyết chiến, giặc tan, ông được phục chức. Rồi được cử làm phó sứ sang Trung-quốc, khi về được bổ kinh lược Trấn Tây và Bố-chính Quảng Nam. Năm 1836, vua muốn ngự du vùng Quảng-Nam, ông dâng sớ can ngăn để cho dân được ở yên cây cấy, khỏi phải đón rước. Vua sai quan vào xét; quan ngự sử hạch ông vì chậm trễ công việc, cho nên ông phải giáng xuống hàm lục phẩm, trông nom việc quét dọn công đường và sau phải đi coi việc khai mỏ ở Thái-nguyên. Dần dần, ông lại thăng đến Hộ Bộ thị lang. Năm 1851, được cử cùng với Nguyễn-tri-Phương vào coi đất Nam-kỳ,

c) Thời - kỳ đi sứ (1859 - 1867)

Năm 1858, xảy ra chiến sự ở Nam-kỳ; việc ngoại giao giữa nước Pháp và nước ta thành khó khăn. Năm 1862, Phan - thanh - Giản lĩnh trọng trách điều đình và ký tờ hòa ước với Pháp. Năm sau, 1863,

ông vượt trùng dương sang Ba-Lê và I-Pha-Nho thương - nghị việc chuộc lại 3 tỉnh phía đông Nam-kỳ. Đi sứ về, ông sung chức kinh-lược ba tỉnh phía tây Nam-kỳ: Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên.

Năm 1867, binh thuyền Pháp tiến đánh và lấy nốt ba tỉnh ấy; biết không đánh nổi, ông nộp thành-trì cho khỏi hại dân. Ông gửi sớ về kinh xin nhận tội, rồi ông nhịn ăn 17 ngày và uống thuốc độc tự tử. Trước khi chết, ông dặn các con bỏ hết chức phẩm, chỉ đề lên minh tinh 9 chữ: Hải nhai thư sinh Phan Lương-Khé chi cữu (nghĩa là: quan của người học trò ở góc bể họ Phan hiệu Lương-Khé).

Văn-phẩm :

Qua tiểu sử trên, ta nhận thấy Phan - thanh - Giản là người hoạt động, nào dẹp giặc, nào đi sứ sang Tàu, sang Pháp, sang I-pha-Nho. Những lúc rảnh việc nước, việc dân, ông lấy sách làm bè bạn, ngâm vịnh văn thơ làm thú tiêu khiển. Lúc thanh-nhàn, khi đi sứ đối-cảnh sinh tình, ông đã ghi chép những cảm tưởng đã rung-động tâm-hồn ông.

Văn-phẩm của ông phần nhiều bằng hán văn: Kim-đài thi tập (làm khi đi sứ Tàu), Sứ trình nhật ký (làm khi đi sứ Pháp), Toại cầm tập; và ông đã làm Tổng-tài, soạn xong bộ Khâm-định Việt sử thông giám cương mục; tập Lương-Khé thi văn

thảo của ông có tiếng hơn cả. Vua Tự-Đức đã phải khen văn ông là : « Cỗ nhĩa ».

Về phần Việt văn, hiện còn truyền rất ít ; nhưng xét ra bài nào cũng bắt nguồn từ thực tế, gắn liền với thời cục ; lời lẽ giản dị, sáng sủa, âm điệu nhẹ nhàng và thấm thía.

Một ngày, trên con đường vào kinh nhậm chức, cảnh rừng vắng, trăng mờ, khích động thi tứ, Phan-thanh Giản đã hạ bút:

*Muôn dặm đường xa mới tới
kinh,
Bao nhiêu non nước bấy nhiêu
tinh ;
Rừng không, người vắng, chim
kêu rồn,
Trăng lặn, sao mờ, gió thổi rinh.*

Lúc đi sứ, trông thấy xe hoa, đưa ông từ Mạc-xây lên Ba-Lê, phăng-phăng chạy trên đường sắt như lướt không-gian, ông cảm tưởng :

*Chim bay ngựa chạy khôn tầy,
Đường đi ngàn dặm, một ngày
đến nơi...*

Sang Pháp, ông được dẫn đi thăm các nhà máy và được mục kích những kỳ công của khoa học, ông thành thực cảm phục :

*Bách ban sảo diệu tề thiên địa,
Duy hữu tử sinh tạo hóa quyền*

(Nghĩa là : trăm môn khéo bằng Tạo hóa, duy có sống chết là quyền của trời).

Bởi ông được mục kích những cái « sảo diệu », cho nên khi đi sứ về, ông đã hết sức kêu gọi đồng bào sớm tỉnh ngộ, mau canh tân để kịp người. Tiếc thay, tiếng kêu của ông đã rơi vào bãi sa-mạc :

*Từ ngày đi sứ tới Tây kinh,
Thấy việc Âu châu phải giạt mình,
Kêu gọi đồng bang mau kịp bước,
Hết lời năn nỉ chẳng ai tin !!!...*

Nbưng thơ văn của ông chưa cảm động bằng bài sớ chịu tội của ông dâng lên vua trước khi uống thuốc độc, thật là giống như nhời cồ-nhân đã nói : « Con chim lúc chết tiếng kêu bi ai » ; tôi chỉ xin lược dịch một đoạn để góp vào văn phẩm của ông.

Nay gặp thời gian bĩ, việc dữ khởi ở trong cõi, khí xấu hiện ở biên-thùy ; việc cõi Nam Kỳ một-chốc đến thế này, không thể ngăn cản nổi. Nghĩ tội đáng chết, không dám sống cầu-thả, để cái nhục cho quân phục, Đức Hoàng Thượng rộng xét xưa nay, biết rõ trị loạn : người thân kẻ hiền trong nước cùng lòng giúp đỡ, kính cần phép trời, thương người cùng khổ, lo trước tình sau, đổi dây, thay bánh, thế lực còn có thể được. Tôi tới lúc tắt nghỉ nghẹn ngào không biết nói sao, chỉ gạt nước mắt tỏ lòng quyến luyến, trông mong khôn xiết. (Đại nam chính biên liệt truyện quyển 26)

Những việc ở Nam-Kỳ còn làm nổi tiếng một số nhà văn mà cuộc bút-chiến của họ đã cung cho nền văn-học những tác-phẩm có giá trị ; đó là trường hợp của hai nhà thơ : Tôn-thọ-Tường và Phan-văn-Trị.

Tôn-thọ-Tường (1825—1877) là người huyện Bình dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia-Định. Sinh trưởng trong một vọng tộc, mà tổ tiên đã có công với triều Nguyễn, vì có người là Vọng các công thần đời Gia-Long.

Tường là con một viên tuần phủ ; vì vậy, thường gọi là cậu Ba Tường.

Mồ côi cha từ năm 15 tuổi, nổi tiếng là một người tài hoa, hào-nhã, 18 tuổi thi hương không đậu, bèn ra kinh-đô Huế, dựa vào công lao của Tổ Tiên xin lập ấm để ra làm quan, nhưng Triều đình chỉ cho lập ấm quan võ. Ông không bằng lòng, năm 1858 không chịu đi nhận chức. Rồi túng thiếu, gặp khoa thi ông đã làm gà bài, không may việc võ lở bị bắt giải về kinh. Vua Tự Đức xét là người tài tha cho.

Ông lại trở về Nam, mở một thi xã, cùng các bạn xướng họa, nhưng vẫn chưa chừa thói ăn chơi. Quan tỉnh Bình Thuận thấy ông là người có tài, cử bổ ông lên chức thông phán, nhưng bộ Lại không cho ; Tôn-thọ-Tường lấy làm phẫn uất.

Năm 1862, Vĩnh Long thất thủ ; người Pháp chiếm ba tỉnh Nam-kỳ,

ông mới ra giúp Tân Triều, năm ấy đã 37 tuổi.

Lúc đầu làm Tri-phủ Tân-Bình, Thống Đốc Bonard đề cử ông làm trung-gian điều đình với Trương-Định, đứng đầu nghĩa-quân chống Pháp.

Năm 1863, Triều đình Huế cử sứ bộ sang Pháp chuộc ba tỉnh ; Tôn-thọ-Tường được cử làm ký lục trong phái bộ ấy, một năm mới về nước.

Năm 1867, Thống Tướng De Lagrandière chiếm nốt ba tỉnh miền đông, kinh lược sứ Phan-thanh-Giản tử tiết, hai người con Phan-thanh-Giản là Phan-Tôn và Phan-Liêm họp nghĩa quân chống Pháp ở Bến Tre ; Tôn-thọ-Tường được cử đi giảng hòa, việc không thành.

Sau khi đặt xong cuộc Bảo-hộ, Tôn-thọ-Tường được cử dạy khoa Hán văn trường Hậu Bồi (1871) và thăng Đốc phủ sứ, ra giúp việc viên Lãnh-sự ; năm 1877, mất ở Hà-nội.

Người đồng thời với ông là *Phan-văn-Trị*, người làng Hưng-Thịnh, huyện Bảo-An, tỉnh Vĩnh-Long, đậu cử-nhân năm 1849, không ra làm quan. Sau khi ba tỉnh Nam-Kỳ bị chiếm đóng, một số sĩ phu ra giúp Tân-Triều, riêng Phan-văn-Trị không chịu ra, lui về nhà dạy học, thường làm bạn xướng họa với các danh sĩ đương thời như thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa.

Ông lại tự ví mình như Nghiê-m-tử-Lăng đời Hán.

Ông Tôn-thọ-Tường có tập thơ liên hoàn nhan đề là « Tự thuật » ; Phan-văn-Trị có họa lại, trong ấy có giọng mỉa-mai và công-kích.

Nhưng các bài xướng-họa đặc sắc nhất, và tả được nổi tâm sự của cả hai người là bài « Tôn phu-nhân quy Thục » trích dưới đây :

Nguyên xướng :

*Cật ngựa thanh gươm vện chữ lòng,
Ngàn thu rặng tiết gái Giang đông.
Là Ngô bịn rịn chòm mây bạc,
Về Hán trau tria mảnh má hồng,
Sơn phần thà cam dày gió bụi,
Đá vàng chỉ để thẹn non sông ;
Ai về nhẵn với Chu-công-Cẩn :
Thà mất lòng anh, dặng bụng chồng.*

TÔN-THỌ-TUỜNG

Bài họa :

*Cải trâm sửa áo vện câu lòng,
Mặt ngả trời chiều biệt cõi đông ;
Ngát tỏa đôi Ngô in sắc trắng,
Duyên về đất Thục dướm màu hồng.
Hài vai tơ tóc bền trời đất,
Một gánh cương-thường nặng núi
sông ;
Anh hỡi Tôn-Quyền anh có biết,
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng.*

PHAN-VĂN-TRỊ

Nhưng nói đến việc mất Nam-Kỳ, ta không quên được một nhân vật quan trọng của sĩ-phu lúc ấy là : Nguyễn-đình-Chiều.

Nguyễn-đình-Chiều (1822—1888) tự là Mạnh-Trạch, hiệu Trọng Phủ (sau khi lòa, lấy hiệu là Hối-Trai), sinh tại làng Tân-Thới (Thái) phủ Tân-Bình, tỉnh Gia-Định (nay thuộc thành phố Sài-Gòn).

Cha là Nguyễn-đình-Huy vốn người tỉnh Thừa-Thiên, vào làm thư lại trong dinh Tổng-Trấn Gia-Định, lấy một người thiếp tên là Trương-thị-Thiệt, và sinh ra Nguyễn-đình-Chiều.

Năm 1833, nhân việc Lê - Văn-Khôi nổi loạn, Nguyễn-đình-Huy bỏ trốn về Huế bị cách chức. Huy trở vào Sài-Gòn, rồi đưa con là Nguyễn-đình-Chiều ra Thừa-Thiên gửi một người bạn ; lúc ấy Nguyễn-đình-Chiều mới 12 tuổi. Học tập được 8 năm, Nguyễn-đình-Chiều trở về quê mẹ, thi hương trường Gia-Định đậu tú-tài năm 1843.

Về sau ông Chiều ra Huế thi hội, nhưng được tin mẹ mất (1848) bèn trở về cư tang. Trên đường về, ông thương khóc quá thành mù. Ông ở nhà cư tang, mở trường dạy học, nên thường gọi là Đồ-Chiều.

Năm 1858, quân Pháp hạ Gia-Định, ông chạy về quê ngoại, tiếp tục dạy học, về sau lại chạy ra Ba-Trì (Bến tre).

Người Pháp chiếm Nam-Kỳ, ông và một số nhà nho có tiết tháo không chịu hợp-tác và sống một cuộc đời ẩn-dật, Người Pháp ngờ ý muốn giúp ông về tiền tài, ông đều từ chối.

Vì phẩm-cách thanh cao ấy, ông được người Nam-Kỳ quý mến. Lãnh binh Trương - Định, trong công cuộc khởi-nghĩa, có yêu cầu ông làm quân sư, và mỗi lần hành quân lại nhờ ông xem một quẻ dịch.

Nguyễn-đình-Chiều là một bậc chân-chính trong phái nho-học ở Nam-Kỳ ; văn chương của ông có khuynh hướng về đạo lý, và cũng chịu ảnh-hưởng của thời cục.

Về văn chương đạo lý, chúng ta ai quên được tác phẩm trường thiên: « *Lục Vân tiên* » Trong môn này, cũng đã nêu cao gương đạo-nghĩa và kỳ thác tâm sự một cách kin đáo.

*Trai thì trung hiếu làm đầu.
Gái thì tiết-hạnh làm câu sửa
mình ;*

Trong tập Dương từ hà mậu, lời văn rất cương-quyết hăng-hái. Có lẽ tác-phẩm này ra đời trước lúc quốc biến.

Đến tập Ngự tiêu vấn đáp thì tính cách thời thế rất là rõ rệt : nước mất, nhà tan, Nguyễn-đình-Chiều đành trông vào y thuật để cứu dân, khỏi tật bệnh, giọng văn tiêu-cực.

*Dầu dui mà giữ đạo nhà,
Còn hơn có mắt ông cha không
thờ !*

*Sáng chi sầm nịnh theo đời,
Nay vinh mai nhục mang lời thị phi.*

Sau năm 1867, thi văn của ông đã đượm màu thời cục một cách rõ ràng hơn nữa. Cái chết của Phan - thanh - Giản đã làm cho ông đau sứt mà viết những câu thống-thiết, làm ly :

.....

*Ái bắc ngày trông tin nhận vắng,
Thành nam đêm quạnh tiếng
quên sầu.*

*Minh tinh chín chữ lòng son tạc,
Trời đất từ đây mặc gió thổi.*

Sau khi nghĩa binh ở Gò-Công tan rã và trước cái chết anh - dũng của Trương-Định, ông cũng có một bài văn tế than tiếc người anh-hùng :

Ôi !

*Trời Bến-Nghé mây mưa sùi sụt,
thương đấng anh hùng gặp lúc gian
trườn.*

*Đất Gò-Công cây cỏ ủ-ê, cảm
niềm thần tử hết lòng trung ái.*

*Xưa còn làm tướng, đốc rạng
trời hai chữ an dân ;*

*Nay thác theo thần, xin dung hộ
một câu phúc thái.*

Trong khoảng từ năm 1858 đến 1867, đất Nam-Kỳ luôn luôn có nạn binh cách, anh-hùng, hào-kiệt, thân sĩ, nhân dân chết vì nạn nước rất nhiều. Nguyễn - đình - Chiều được sống giữa cơn binh lửa ấy không sao quên được những người đã hy sinh vì nước ; ông đã khóc chung những « Trung thần nghĩa sĩ » ấy :

Làm người trung nghĩa đáng bia
son,

Đứng giữa còn khôn tiếng
chẳng mòn ;

Cơm áo đèn bồi ơn đất nước,

Râu mày giữ vẹn phận tôi con.

Tinh thần hai chữ phao sương
tuyệt,

Khí phách ngàn thu rở núi non.

Gắn truyện ngựa Hồ, chim
Việt cũ,

Lòng đây tưởng đó mất hay
còn ?...

Nếu bảo văn chương gắn liền với
thời cục thì những văn của sĩ-phu
Nam - Kỳ ở trên đáng gọi là văn
chương thời cục.

Văn chương ấy là sản-phẩm của
thời cục, nên nhờ nó mà chúng ta
hiều thấu một phần nào những tâm
sự khi đau thương, lúc khảng-khái
của các thi-sĩ đất Nam-Kỳ, những
bạc đây nhiệt huyết, và nặng lòng
vời non sông, xứ sở...

Văn chương trên đã đánh dấu
một giai đoạn trong quốc sử, cũng
như trong văn sử Việt-Nam vậy.

LỆ - HẢI BÀ - VƯƠNG

« **T**ôi muốn cưỡi cơn gió mạnh,
đạp luồng sóng dữ, chém cá
trường kinh ở bể đông, quét sạch bờ cõi
để cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối, chứ
không thêm bắt chước
người đời cúi đầu, cong
lưng làm tí thiếp người ta.

Đó là câu nói từ gần 2000 năm trước
của bà Triệu-thị-Trinh, một vị anh - thư
sau hai bà Trưng Sở dĩ câu nói ấy còn
lưu đến ngày nay, là vì nó đầy khí phách
có thể kích thích được tâm hồn. Với
đặc tính ấy nó được truyền khẩu từ
người nọ đến người kia ; rồi, tới khi có
sử sách, nó liền được ghi chép, để cùng
non nước cùng dài lâu và để biến thành
khẩu-hiệu của phụ-nữ nước nhà. Nói như
thế không phải là ngoa đâu, vì sau bà Triệu
nước Việt-Nam há chẳng đã sinh xuất biết
bao phụ-nữ đầy khí-khái, đầy tâm-huyết

đó sao ? Ngay trong thời hiện tại, cũng có
một số lớn phụ-nữ hiên ngang gánh vác
non sông. Người ta đã nhắc-nhở nhiều đến
lời nói của bà Triệu. Và đến cả trong nam-
giới nữa, chắc cũng chẳng
thiếu người vì kích-thích
bởi những ý-nghĩ tương-tự
mà đã trở nên những bậc anh-hùng
liệt-sĩ cứu nước, hộ dân.

Đã nhắc đến câu nói bất hủ của bà,
thiết-tưởng cũng nên nghĩ tới sự-nghiệp
oanh-liệt của bà. Cái giờ, đầu một lần,
cũng không nên nhắc đến, thì, trái lại,
cái hay có nhắc đến một trăm lần cũng
không sao.

Bà Triệu, như trên đã nói, tên là Thị-
Trinh, quê ở quận Cửu-Châu, thuộc huyện
Nông-Cống, tỉnh Thanh-Hóa ngày nay.

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC

Viết đến cái tên đáng tôn sùng này, tôi cho là sẽ thiếu sót nếu không đánh ngay ở đây một dấu ngoặc.

« Sử Tàu trước rồi một số người Việt sau đã gọi bà là Triệu Ẩu. Người Việt nào tưởng tên bà như thế đã vô tình ngộ nhận. Còn sử Tàu thì họ chẳng làm chút nào. Họ cảm giận bà chống lại họ trong bao nhiêu ngày tháng, suýt lật đổ cả nền đồ-hộ mà họ đã tốn bao nhiêu người, bao nhiêu của mới xây dựng nổi, nên xách mé gọi bà là « Ẩu » đó thôi. Chữ « Ẩu » là chữ Tàu dùng để gọi những người đàn-bà có tuổi như ta dùng chữ «暮». Người Tàu vì oán-hận nên dùng chữ ấy, để nhạo bà xấu như bà già.

Lại còn câu chuyện vú dài 3 thước mới càng vô lý. Dựa vào sinh-lý học mà xét, thì thân-hình người ta cao rộng là bao nhiêu, mà riêng vú lại dài được như vậy. Chắc hẳn kẻ nào có ác ý đã bày đặt, để chế giễu bà đó thôi.

Thậm chí các người có kiến thức cũng vì quá tin ở câu « hễ là dị tượng ắt là tài cao », mà cho chuyện vô lý ấy có thực. Ông Lê-ngô-Cát vịnh bà Triệu cũng hạ bút viết :

*« Vú dài ba thước vắt lưng,
Cưỡi voi đánh trống trong rừng kéo ra.
Cũng loan gánh vác sơn-hà.
Cho Ngô biết mặt đàn bà nước Nam ».*

Các nhà học-giả khác họp nhau làm « Nam-sử diễn ca » cũng không thoát khỏi ngộ-nhận ấy :

*« Cửu-Chân có ở Triệu Kiêu,
Vú dài ba thước tài kiêu muốn người.
Gặp cơn thảo mọii cơ trời,
Đem thân bồ liễu theo loài bông tang.*

Một nhà cựu học gần đây vịnh bà Triệu cũng viết :

*« Vùng vẫy non sông ba thước vú,
Xông pha tên đạn một đầu voi ».*

Không cần nói đến chữ « vùng vẫy non sông » là những chữ không thể phù-hợp với « chủ-từ ba thước vú », chỉ nói riêng các chữ « ba thước vú » cũng đủ tỏ là ta hay chịu những ảnh-hưởng của định kiến...

Bà Triệu vốn dòng nhà tướng. Từ nhỏ mồ côi, bà vẫn ở với anh là ông Triệu-quốc-Đạt.

Đến năm chừng 20 tuổi vì không chịu được người chị dâu quá ác nghiệt, nên bà bỏ nhà vào núi ẩn. Bà vừa có sức khỏe vừa có chí-khí. Bà chiêu mộ các tráng-sĩ trong vùng, tự gây một thế lực, ngỗ hầu đạt chí khí của mình.

Thời bấy giờ, nước Việt-Nam thuộc quyền thống trị của nước Ngô, một nước trong ba nước Ngụy, Thục, Ngô cuối đời Đông-Hán. Nước Ngô tuy ở Trung quốc bắc hàng Ngụy, tây sợ Thục ; nhưng về phía nam đối với Việt-Nam bé nhỏ nội thuộc từ đời Hán Quang-Vũ thì lại đè nén hết sức !

Năm mậu-thìn tức là năm 248 dương-lịch, vì quan-lại nhà Ngô tham tàn bạo ngược làm khổ dân gian nên ông Triệu-quốc-Đạt dấy quân đánh quận Cửu-Chân. Bà Triệu-thị-Trinh đem bọn tráng-sĩ sẵn có xuống giúp anh. Quân-sĩ thấy bà can-đảm khác thường, nên tôn làm chủ tướng gọi là « Nhụy-Kiều tướng quân ». Mỗi khi ra trận, bà mặc giáp vàng cưỡi voi, xông pha tên đạn, gieo sự khùng-khiếp giữa quân Tàu.

Nhân dân thời bấy giờ cũng cảm phục bà như hơn 200 năm trước, người ta đã cảm phục hai bà Trưng. Câu ca-dao bà quân tượng cưỡi voi đánh công để hiệu lệnh tướng-sĩ xông pha nơi hàng trận, là câu ca-dao chỉ bà Triệu :

*« Ru con, con ngủ cho lành,
Để mẹ gánh nước rửa bánh con voi.
Muốn coi lên núi mà coi,
Kìa bà quân tượng cưỡi voi đánh công »*

Vì tài chiến đấu của bà mà quân Tàu đã bao phen thất đảm. Thấy vẻ oai phong lẫm liệt của nữ tướng, quân thù tuy ghét cũng phải tôn bà là « Lê-Hải bà-vương ».

Thứ-sử Giao-Châu là Lục-Dận phải tự cầm quân đối địch với bà, mà trong năm, sáu tháng ròng cũng không sao thắng nổi.

Về sau, quân Ngô càng ngày càng đông. Lại chẳng may, gặp lúc Ông Triệu-quốc-Đạt bị đầu độc mất, nên bà một tay khó võ nên kêu, dần dần phải thua trước sức mạnh của số đông.

Bà đem quân chạy về xã Bồ-Điền, nay là xã Phú-Điền, huyện Mỹ-Xá, tỉnh Thanh-Hóa.

Thời-thế chẳng tựa vị nữ anh-hùng; bà đến đây vì sức cùng lực kiệt, nên tự tử để tròn tiết tháo.

Hiện nay ở xã Phú-Điền còn có đền thờ Nhụy-Kiều Trưng-Quân hay Lê-Hải Bà-Vương.

Công nghiệp của bà, vì thời thế, đã không thu được những kết quả mỹ mãn, nhưng tấm gương cứu quốc của bà đã rực rỡ một góc trời Nam.

*Nổi gót bà Trưng lại có bà,
Một phen mưa gió chuyển sơn hà.
Thà đem sức liễu xoay non bẻ,
Hà chịu quán Ngô sáo nước nhà?
Phất ngọn cờ vàng mong cứu vớt...
Cưỡi đầu voi trắng quyết xông pha.
Tấm gương ái quốc treo trời Việt,
Trải mấy nghìn thu vẫn chữa nhòa.*

LỄ - GIÁO

Định-nghĩa. — Lễ giáo là nền giáo hóa lấy lễ làm tôn chỉ. Lễ là gì? Lễ là gồm cả những phép-tắc mà cổ-nhân đặt ra, để duy trì trật tự trong xã hội khiến đời sống được êm-dềm đẹp-đẽ.

Sách Lễ-ký định nghĩa chữ Lễ như sau: « Lễ giả nhân nhân chi tình nhi vi chi tiết văn, dĩ vi dân

phòng giả dã. (1) Lễ là nhân cái tình dục của người ta sẵn có, mà tiết chế nó và làm cho nó được đẹp đẽ để giữ gìn đạo đức cho người ta ».

Ý nghĩa của Lễ, bao quát cả trong hai chữ *tiết, văn* (2). *Tiết* là hạn chế,

bắt vào kỷ luật, không để cho tự nó phóng dật; *văn* là tô điểm cho nó có vẻ đẹp.

Người ta có những thị-dục xấu-xa làm cho lương tâm bị mờ-ám, nhân cách

bị hạ thấp xuống hàng thú tính. Vì vậy mà cổ nhân đã thức mắc đến đức dục để giữ gìn nhân

cách, phòng ngừa những ảnh hưởng của thị dục xấu xa. Đối với bản thân, lễ dùng để giữ gìn đạo đức « Lễ dĩ phòng đức » (Lễ Ký). Đối với xã hội, lễ để phân giới hạn cho quyền lợi mỗi người; khiến cho

NGUYỄN-QUẢNG-XUÔNG

những thị dục của người này không lấn sang quyền lợi của người khác ; có như vậy, trật tự mới duy trì được trong xã-hội.

Ông Tuân Tử đã nói rõ trong thiên Lễ-luận như sau :

« Lễ khởi thủy sinh ra từ đâu ? Đáp : Người ta sinh ra ai cũng có lòng muốn, muốn mà không được, thì không thể không cầu cho được ; cầu mà không có hạn chế, độ lượng thời không thể không tranh giành lẫn nhau ; tranh giành thời sinh ra loạn, loạn thời hóa cùng. Đứng Tiên Vương (các bậc vua chúa hiền triết ngày xưa) ghét loạn, cho nên đặt ra lễ để phân giới hạn, để nuôi cái lòng muốn của người ta, cung cấp cho sự nhu cầu của mọi người, khiến cho lòng muốn tất nhiên không đến chỗ cùng, mà cái vật muốn tất nhiên không bị lòng muốn làm khuất phục..... gốc lễ bắt đầu từ đây ». (Tuân Tử) (2)

Tinh-thần Lễ-giáo

Thường nói đến lễ giáo, phần nhiều người chỉ chú trọng đến hình thức bề ngoài, mà không nghĩ đến cái ý nghĩa, cái cốt trù, tức là phần tinh thần của lễ giáo. Những cái mà ta gọi là lễ nghi, lễ thức, lễ văn, lễ mạo, lễ độ v.v...(1) chỉ là cái vỏ ngoài của lễ. Nếu ở trong không có một tinh thần linh hoạt, vững bền thì cái vỏ ngoài chỉ là hư ứng và vô dụng.

Ở đời phần nhiều chỉ chuộng những cái hư ứng bề ngoài, mà quên mất tinh thần của lễ giáo ; cho nên ta thấy trong phép giao tế nhiều sự giả dối, điêu đảo, trái với tôn chỉ của lễ giáo.

Muốn biết tôn chỉ của lễ giáo, tức là tinh thần của lễ giáo, ta hãy xét tôn chỉ của kinh Lễ, một trong 5 kinh chính của đạo Nho.

Bỏ hết những điển lễ, những nghi thức riêng của các triều đại không có gì

thực-tế cần biết, ta chỉ xét chủ trương của sách Lễ Ký về phương diện đức-dục.

Chủ trương ấy là gì ? — Là : Lễ nghĩa, — cung kính, — hòa hợp, — trật-tự xứng đáng, — công bình và hoàn bị.

Lễ-nghĩa

Nho giáo ít khi nói đến bình đẳng mà thường chỉ nói đến lễ nghĩa, nhưng chữ lễ nghĩa hàm súc cả ý niệm bình đẳng. Bình đẳng (3) không phải, như phần nhiều hiểu lầm, là ai cũng như ai. Trời sinh ra muôn vật, thể chất mỗi giống một khác, không có vật gì giống nhau, vậy người cũng không thể giống nhau được, có kẻ ngu cũng có người hiền, có kẻ phạm tục cũng có bậc thánh nhân.

(1) Lễ nghi, lễ thức = nghi thức, những vật bày biện, trang hoàng bề ngoài cho long trọng. Lễ văn = vẻ đẹp của lễ hoặc câu văn trong Lễ. Lễ mạo = diện mạo hình dung kính cẩn. Lễ độ = thái độ kính cẩn, hợp lễ.

(2) Lễ khởi ư hà dã ? Viết : nhân sinh nhi hữu dục, dục nhi bất đắc, tắc bất năng vô cầu, cầu nhi vô độ lượng, phân giới, tắc bất năng bất tranh ; tranh tắc loạn ; loạn tắc cùng ; Tiên vương ố kỳ loạn dã, cổ chế lễ nghĩa dĩ phân chi, dĩ dưỡng nhân chi dục, cấp nhân chi cầu, sử dục tất bất cùng hồ vật, vật tất bất khuất ư dục... Thị lễ chi sở khởi dã. (Tuân tử)

(3) Bình đẳng chia ra hai loại chính : 1) bình đẳng về chính trị nghĩa là trước pháp luật người ta ai ai cũng bằng nhau ai cũng phải theo luật pháp, và được hưởng những quyền lợi như nhau về chính-trị 2) bình đẳng về kinh tế nghĩa là ai ai cũng có quyền sống còn, có nghĩa vụ làm việc, để mưu sinh và có quyền hưởng thụ những sản phẩm của xã-hội v.v...

Vì có sự khác nhau ấy cho nên cổ nhân đặt ra lễ nghĩa để định cách đối đãi giữa người này với người khác khiến cho đời sống chung đụng có trật tự và bởi đó được hòa nhã. Trật tự tức là lễ; cách cư xử hợp lễ đối với mọi người, điều nên làm để giữ cái trật tự ấy gọi là nghĩa. « *Nghĩa giả nghi dã, vị các đắc kỳ nghi* ». Các đắc kỳ nghi, nghĩa là mọi sự điều hợp lễ phải. Hợp lễ phải là gì? Tức là coi quyền lợi của mình cũng như quyền lợi của người (nói khác đi là bình đẳng). Thí dụ: quyền sống tự do, quyền tin ngưỡng, ai ai cũng có đều như nhau tuy vẫn có kẻ ngu, người hiền, kẻ sang người giàu.

Tóm lại, lễ định thứ bậc trong xã hội mà nghĩa hạn chế quyền lợi của mọi người và ngăn ngừa sự xung đột lẫn nhau.

« Ôi ! Lễ dùng để định rõ kẻ thân người sơ, quyết đoán sự ngờ vực, phân biệt cái giống nhau với cái khác nhau, biết rõ lễ phải lễ trái » (Khúc lễ) (1)

Ta xem như vậy thì người biết lễ không những có tinh thần kỷ luật nghiêm khắc lại còn có trí phán đoán sáng suốt. Cho nên « Người giàu sang mà biết chuộng lễ nghĩa thì không kiêu ngạo và dâm dật, kẻ nghèo hèn mà biết chuộng lễ nghĩa thì chỉ không e-dè dút-dát » (Khúc lễ). (2)

Công dụng của lễ giáo lại to rộng hơn nữa: lập được trật tự trong xã-hội, tức là xây nền tảng cho cuộc kiến thiết quốc gia. Cổ nhân lấy lễ giáo mà trị dân thì dân không loạn, dân sẽ cảm hóa dần dần mà tự mình không biết. Nếu lấy uy quyền pháp luật mà trị dân, thì dân chỉ sợ hình phạt mà theo pháp luật, không được cảm hóa một cách sâu xa như bằng dùng lễ giáo. Pháp trị sinh ra thù oán và xảo trá, mối loạn vẫn còn

lễ giáo có một hiệu lực không trông thấy phát hiện ra ngoài, nhưng ngấm ngấm ở trong, ngăn ngừa những tội lỗi trước khi nó hiện ra; « *nó ngăn sự gian tà trước khi chưa hiện* ». Cổ nhân vì lễ giáo như con đê chống giữ nước lụt: « Ôi ! lễ ngăn ngừa rối loạn không cho phát sinh ra như đê ngăn nước không cho tràn đến. Cho nên lấy có đê cũ vô dụng đem phá đi tất có thủy tai lấy có lễ cũ rách mà bỏ đi tất sinh rối loạn ». (3)

Cái công dụng của lễ, vĩ đại như vậy ta hãy xem dưới đây nó biểu diễn ra ngoài như thế nào:

1) **Bằng sự cung kính.**— Kính là lòng thành thực, tôn sùng một vật hay một người có một giá trị cao quý khác thường, hoặc đã cho ta chịu những ơn huệ nặng sâu: ta kính Trời, kính những bậc tôn trưởng, kính những bậc thánh hiền. Biểu lộ lòng thành kính ấy ra ngoài bằng lời nói, thái độ, cử chỉ, gọi là *cung*.

Trong lòng có thành, thời hình ra ngoài mới thực. « *Thành ư trung tắc hình ư ngoại* » (Đại Học). Cho nên lễ chủ kính tức là chủ thành. Kính là tinh thần của lễ, kính là một yếu tố

(1) *Phù lễ giả sở dĩ định thân sơ quyết hiểm nghi, biệt đồng dị, minh thị phi dã.*

(2) *Phù qui nhi tri hiếu lễ tắc bất kiêu bất dâm, bần tiện nhi tri hiếu lễ tắc chỉ bất nhiếp.*

(3) *Phù lễ cấm loạn chi sở do sinh do phóng thủy chi sở tại dã; cố dĩ cự phóng vi vô dụng nhi hoại chi giả tất hữu thủy bại; dĩ cự lễ vi vô dụng nhi khử chi giả tất hữu loạn sinh (Kính giải thiên)*

trọng đại của lễ. Nếu không kính nghĩa là không thành tất nhiên không có lễ. « Cho nên giữ lễ phải lấy kính làm trọng đại rất mực kính cần » (Thiên Ai công vấn) (1).

Cái mà ta phải tôn kính trước nhất là nhân cách của ta, vì nhân cách có một giá trị tuyệt đối. Đạo Nho dạy người ta tôn sùng nhân cách, cho nên nói : « Người quân tử thận trọng khi ở một mình » ; (2) người quân tử khi ở một mình cũng phải kính cần, thận trọng như có « mười ngón tay trở vào mình, mười con mắt trông vào mình ; người quân tử nghiêm trang biết bao ! » (Đại Học). Cũng vì lễ trọng nhân cách mà trong thiên Khúc lễ, sách Lễ Ký khuyên người ta *tại không nên nghe một cách bất chính, mắt không nên nhìn một cách dâm tà, đừng không nên nghiêng ngả, ngồi không nên xoắn cẳng*. (Khúc Lễ) (3).

Vì ta có bốn phận tôn kính nhân cách của ta, nên thân ta ta phải kính, nghĩa là phải gìn giữ. Gìn giữ thân thể tức là hiếu với đấng thân. Cho nên « Người quân tử không thể không kính ; kính bản thân là điều quan trọng ; bản thân là một cái cành của cội là cha mẹ ; dám không kính ư ? Không kính được bản thân ấy là làm tổn thương đến cha mẹ ấy là làm tổn thương đến cội gốc ; cội gốc bị tổn thương thì cành cũng theo mà chết mất » (Ai công vấn) (4).

Ta đã biết kính trọng cái nhân cách ở trong bản thân ta tất nhiên ta cũng phải biết kính trọng cái nhân cách của những người khác ; vì người khác cũng là người như ta, vậy cũng có nhân cách như ta. Ta không có lý do gì khinh thị cái nhân cách của kẻ khác mà chỉ biết tôn trọng cái nhân cách của ta. Cho nên Kinh Lễ trong thiên Ai-công-vấn còn khuyên những nhà cầm quyền chính

phải có lòng nhân, lòng bác-ái đối với muôn dân, lòng bác ái ấy cũng do cái lòng biết trọng nhân cách của mọi người mà ra : « Người đời xưa trị dân coi sự thương người làm quan trọng ; cho nên thương người thời phải đối xử với người lấy lễ làm quan trọng. (Ai công Vấn) (5)

..

2.) **Bằng sự hòa-hợp.**— Lễ qui nhất là hòa hợp (Thiên Nho hạnh). (6)

Người trên biết thương yêu kẻ dưới, kẻ dưới biết cung kính người trên, đó là công dụng của lễ giáo mà kết quả là trên dưới hòa hợp. Hòa hợp bởi trật tự mà thành. Trật tự là sự điều hòa thiên nhiên của vũ trụ ; người ta ăn ở hòa hợp với nhau tức là theo sự điều hòa của Trời Đất : như mặt trời, mặt trăng lúc ẩn lúc hiện, bốn mùa thay đổi theo một lẽ thường, một định luật, không bao giờ trái với trật tự của trời đất đã an bài. Khí nặng sa xuống thấp, khí nhẹ

(1) Sở dĩ trị lễ, kính vi đại, kính chi chi hĩ. (Thiên Ai công Vấn)

(2) Quân tử tất thận kỳ độc... Thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ kỳ nghiêm hồ !

(3) Vô trắc thỉnh... vô dâm thị,... lập vô phả, tọa vô cơ, (Khúc Lễ).

(4) Quân tử vô bất kính dã ; kính thân vi đại ; thân dã giả thân chi chi dã, cảm bất kính dư ? Bất năng kính kỳ thân (mình) thị thương kỳ thân (cha mẹ) ; thương kỳ thân thị thương kỳ bản, thương kỳ bản chi tông nhi vong (Ai công Vấn).

(5) Cổ chi vi chính, ái nhân vi đại ; sở dĩ ái nhân lễ vi đại. (Ai công vấn)

(6) Lễ chi dĩ hòa vi qui (Thiên Nho hạnh).

bay lên cao, mưa rồn, sấm động, suối reo, sóng thét, tức là những âm nhạc hùng vĩ của trời đất để giúp cho sự sinh hóa của muôn loài. Trật-tự an bài ấy là lẽ của trời đất, mà âm nhạc điều hòa ấy là nhạc của trời đất. « *Lẽ là sự phân biệt của trời đất... nhạc là sự hòa hợp của trời đất* » (1) (Lễ ký).

Tôn chỉ chung của lẽ nhạc là điều hòa trật tự, cho nên khi nói đến lẽ không thể không nói đến nhạc được.

Quan niệm của cổ nhân về âm nhạc có chỗ không giống với quan niệm của người thời nay. Người đời nay cho âm nhạc thuộc về phạm vi mỹ thuật, không lệ thuộc vào khu vực đạo đức : « Nghệ thuật là nghệ thuật » là một quan niệm mà người đời xưa không bao giờ nghĩ tới. Sách Lễ Ký : « *Đức Tiên vương chế ra lẽ nhạc, không phải cốt để thỏa mãn đến cực điểm lòng nhục dục của người... Lẽ để tiết chế lòng dân, nhạc để hòa tiếng của dân* » (2) Lòng dục của con người ta vô cùng tận ; nếu không biết tiết chế nó thì nó che mắt lẽ phải mà sinh ra lòng bội phản giả dối, khiến cho người ta làm những việc dâm dật, nghịch loạn. Sở dĩ cổ-nhân đặt ra lẽ nhạc là để giữ gìn trật tự, điều hòa, mà ngăn ngừa trước cho mỗi loạn khỏi phát sinh ra. (3)

Lẽ để giữ trật tự trong xã hội ; nhưng nếu chỉ có lẽ mà không có nhạc thì kỷ luật trở nên khô khan và lòng người sinh ra ly tán, vì trên dưới xa cách quá ; nên chỉ phải có nhạc điều hòa giúp cho trên dưới cùng thân ái nhau. Vậy lẽ để phân loại, nhưng cần phải có nhạc để hợp tình. (4) Lẽ tiết chế lòng dục bắt cho nó « *hợp hồ đạo* » nghĩa là hợp lý ; nhạc điều hòa lòng dục để cho nó « *đắc hồ trung* » nghĩa là đúng mực trung, không thái quá, không bất cập.

Ông Thái-Thâm chú thích kinh Lễ nói:

Lẽ nhạc cũng chỉ là một lẽ thôi ; cái hòa hợp của lẽ tức là nhạc, cái tiết tấu của nhạc tức là lẽ (5).

3) Bằng trật-tự. — Trong thiên Nhạc Ký giải thích chữ lẽ nói rằng : « *Lẽ là trật tự của trời đất* » (6) Trật tự có hai trạng thái : trật tự ở trong bản thân và trật tự ở ngoài sự vật. Trật tự trong bản thân tức là kỷ luật của phép tự-trị. Đời sống tâm lý của con người ta nếu cứ để tùy nó tự do phóng túng, tất nhiên có hại ; cảm tình không có gì tiết chế sẽ sinh ra dâm dật ; tri tưởng tượng không có gì tiết chế sẽ sinh ra hồ tu, loạn tưởng ; tập quán xấu xa không có gì chế ngự tất nó khu sử người ta như một cái máy vô tri, vô giác. Cho nên trong đạo tu thân, ông Mạnh tử dạy người ta phải « *cầu kỳ phóng tâm* », nghĩa là cầu cho cái tâm phóng dật trở về với bản thân. « *Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ*.

(1) *Lẽ giả thiên địa chi biệt dã... Nhạc giả thiên địa chi hòa dã.* (Lễ ký)

(2) *Tiên vương chi chế lẽ nhạc dã phi dĩ cực khẩu phúc, nhĩ, mục dã... Lẽ tiết dân tâm, nhạc hòa dân thanh.*

(3) *Phù vật chi cảm nhân vô cùng nhi nhân chi hiếu ố vô liết, tắc thị vật chi nhi nhân hóa vật dã ; nhân hóa vật dã giả, diệt thiên lý nhi cùng nhân dục giả dã, ư thị hữu bội, nghịch, trá, nguy chi tâm, hữu dâm dật tắc loạn chi sự.* (Lễ ký)

(4) *Nhạc giả vi đồng, lẽ giả vi dị, đồng tắc tương thân, dị tắc tương kính, nhạc thăng tắc lưu, lẽ thăng tắc ly ; hợp tình sức mao giả lẽ nhạc chi sự giả.*

(5) *Lẽ nhạc diệc chỉ thị nhất lý ; lẽ chi hòa tức thị nhạc ; nhạc chi tiết tức thị lẽ.* (Thái Thâm)

(6) *Lẽ giả thiên địa chi tự dã*

phóng tâm nhi dĩ hĩ » nghĩa là : đạo học vẫn không có gì khác, chỉ cốt cầu cho cái tâm phóng dật trở lại với mình mà thôi. (Chương Cáo Tử). Xem Như thế thì phép tu thân trong đạo Nho là cốt duy trì trật tự trong tính tình mới mong lập được trật tự ở ngoài bản thân, nghĩa là ở nhà, ở nước. Chính tâm là cái đầu mối của đạo tu, tề, trị, bình. « *Dục tri kỳ quốc giả tiên tề kỳ gia, dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân, dục tu kỳ thân giả tiên chính kỳ tâm...* » (Đại Học) (1).

Khi đã chính được tâm nghĩa là đã giữ được trật tự ở trong bản thân, thời sẽ lập được trật tự ở trong nhà, trong nước, trong khắp thiên hạ. Muốn lập được trật tự trong nhà, người ta phải hiếu thảo với cha mẹ và hòa thuận với anh em. Chữ hiếu suy rộng nghĩa ra là trung; trung đối với vua với nước cũng như hiếu đối với cha với mẹ. Chữ để suy rộng ra thành lễ-nhượng đối với mọi người; đối với mọi người trên kính, dưới nhường, cũng như trong nhà anh đối với em phải thuận, em đối anh phải kính.

Người Á-đông từ nghìn xưa theo chế độ phụ hệ, nên trật tự trong xã-hội cũng phỏng theo khuôn mẫu của trật tự trong gia đình. Trong gia đình, cha phải làm kỷ cương cho con; chồng phải làm kỷ cương cho vợ; suy trật tự ở nhà ra đến trật tự ở nước, thời vua phải làm kỷ cương cho bầy tôi. Do đó mà thành ra tam cương, ba mối ràng buộc của một xã hội quân chủ tổ chức theo lễ giáo.

..

4) **Bằng sự xứng đáng.** — Thế nào là xứng? Không thái quá, không bất cập, là xứng; hợp lý, hợp thời, hợp địa vị, hợp cảnh ngộ, hợp tự cách v.v., cũng

là xứng. Vậy xứng đáng với hợp đạo trung cùng một nghĩa. Thiên Khúc Lễ khuyên người ta: « *Không nên tự phụ quá, không nên ước muốn quá, không nên toại chí quá, không nên vui sướng quá* ». (2) Tự phụ quá sinh ra kiêu ngạo, ước muốn quá sinh ra thất vọng, toại chí quá sinh ra phóng dật, vui sướng quá hóa ra đau thương. (3) đều là những cái hại của sự đi quá mực trung. Không đi tới được mực trung là bất cập; bất cập cũng có hại: người có tính đề hèn tự khinh mình bị người khinh thị; người ở trong mực sống thấp kém không biết ước muốn gì ngoài cái trình độ thấp kém ấy, thì không tiến bộ được; người không biết lập chí và hưởng cái thú vui sau khi chí đã đạt sẽ sống một cuộc đời không chí hướng và buồn tẻ.

Cho nên chỉ cư xử thế nào cho được xứng đáng mới hợp lễ, nghĩa là hợp với nhân cách. « *Lễ thời vi đại* »; Lễ lấy sự hợp thời làm quan trọng (Thiên Lễ khí) (4). Hợp thời nghĩa là tùy lúc nên thì làm, không nên thì không làm, không chấp nhất. « *Ở địa vị phú quý thì cư xử ra bậc phú quý ở địa vị nghèo hèn thì cư xử theo cách nghèo hèn; ở trong lúc hoạn nạn thì cư xử theo lúc hoạn nạn; ở*

(1) Muốn trị nước trước hết phải xếp đặt gia đình cho có trật tự; muốn xếp đặt gia đình cho có trật tự, trước hết phải sửa mình; muốn sửa mình trước hết phải làm cho tâm được ngay thẳng.

(2) Ngạo bất khả trường, dục bất khả túc, chí bất khả mãn, lạc bất khả cực (Khúc Lễ).

(3) Lạc cực sinh ai.

(4) Lễ thời vi đại,

với quán rợ mọi lại phải cư xử theo tục rợ mọi » (Luận Ngữ) (1)

Không những tùy thời, lễ còn tùy cảnh ngộ, tức là *thuận* « *Thuận thứ chi* » (2) (Thiên Lễ Khi) Thuận nghĩa là theo, theo đúng hoàn cảnh, địa vị của mình. Là bậc trên phải cư xử cho xứng đáng là bậc trên, kẻ dưới phải cư xử cho thích hợp với địa vị người dưới; người trên lạm quyền thời kẻ dưới phản nghịch; người trên không nghiêm trang thời kẻ dưới sẽ khinh nhờn. Lễ tự nhiên như vậy cho nên *thuận* tức là hợp lý.

Hợp thời, thuận cảnh, sau nữa mới đến nghi thức bề ngoài: « *Thễ thứ chi* » (3) Đã nói lễ là phải tùy thời nghi như vậy tức là không nên chấp nhất; lễ nghi có thể thay đổi miễn là vẫn theo đúng ý nghĩa của lễ. Ý nghĩa của lễ như ta đã xem ở trang đầu, là cốt để điều hòa và tô điểm tính tình của ta cho được đẹp đẽ, thanh cao.

Vậy thì theo trường hợp quan trọng nhiều hay ít, lễ nghi đặt ra cũng phải tùy từng trường hợp mà biến đổi: hoặc long trọng, hoặc bình thường, giản dị. *Lễ có nhơn, có nhỏ, có rục rờ, có kìn đáo: lễ nhơn không nên làm bé đi; lễ nhỏ không nên làm thêm lên; lễ rục rờ không nên dấu diếm, lễ kìn đáo không nên làm thành to ra* » (Thiên Lễ Khi) (4). Tùy từng trường hợp lễ độ, lễ mạo, ngôn ngữ, xưng hô cũng phải biến đổi để được hợp nghi, hợp thời, thuận cảnh.

5.) **Bằng lễ công bình.** — Ta đã xem ở trang đầu câu định nghĩa của chữ Lễ, và biết rằng Lễ cốt để tiết chế lòng ham muốn của người ta; nói khác đi, lễ là để hạn chế quyền lợi của mỗi người. Coi quyền lợi của kẻ khác làm giới hạn quyền lợi của mình, thế là công

bằng. Công bằng có thể coi là lý tưởng của lễ giáo và cũng là căn nguyên của lễ giáo. Vì loài người chỉ đến khi kết hợp thành đoàn thể mới đặt ra lễ nghĩa, để giữ cho quyền lợi của cá nhân không xung đột nhau.

Câu « *Kỷ sơ bất dục vật thi chư nhân* » (5) tóm tắt được hết đạo công bằng, tức là đạo « *trung thứ* » (6) nói trong sách Trung Dung hay đạo « *hiệt củ* » nói trong sách Đại Học. Trung-Thứ là suy bụng ta ra bụng người, nhiệt củ (6) là lấy bụng ta làm đơn vị để đo bụng người.

Công bằng là khởi đoan của nhân ái Lễ chủ hòa, cho nên lấy công bằng làm cốt yếu: có biết kính trọng quyền lợi của kẻ khác mới đi đến chỗ hòa hợp; từ hòa hợp mới đi đến chỗ nhân ái. Vì nhân ái mà người ta biết lễ nhượng, nghĩa là nhường một phần quyền lợi, của mình cho người mình thân mến, có khi nhường hết cả quyền lợi của mình, như vậy gọi là tinh thần hy sinh. Công bằng là tiêu cực, mà nhân ái là tích cực. Đời sống nếu chỉ có công bằng không thôi thì hẹp hòi, cần phải có nhân ái mới đạt

(1) *Tổ phú qui hành hồ phú qui, tổ bần tiện, hành hồ bần tiện tổ hoạn nạn hành hồ hoạn nạn, tổ di địch hành hồ di địch.*

(2) *thuận thứ chi: sau đến thuận.*

(3) *Thễ thứ chi.*

(4) *Lễ hữu đại, hữu tiểu, hữu hiền hữu vi, đại giả bất khả tồn, tiểu giả bất khả ích, hiền giả bất khả yếm, vi giả bất khả đại dã (Lễ khi thiên).*

(5) *Cái mình không muốn đừng làm cho người.*

(6) *Hiệt là đo, củ là khuôn vuông.*

được lý tưởng đạo đức. Lý tưởng đạo đức ấy đã được nêu cao trong đoạn văn sau đây trích dịch trong thiên Lễ-vận.

« Thi hành cái đạo lớn tức coi thiên hạ là công đồng cả mà không chủ trương tây riêng : lựa chọn người hiền tài, giảng dạy cho mọi người ăn ở thành thực và hòa hợp với nhau. Cho nên mọi người không những mến yêu người thân của mình, không những nuôi nấng con cái của mình, mà còn khiến cho hết thảy người già chết không khổ sở, trai tráng có việc làm ăn, trẻ-thơ có nơi nương tựa mà khôn lớn, người góa bụa, trẻ mồ côi, người tàn tật đều được trông nom nuôi nấng, con trai có phận, con gái có chồng. Tài hóa thì ghét những của bỏ phí ở dưới đất, nhưng không cần dấu trong mình; cho nên những cơ mưu đều bế tắc, không nầy nở lên được, không ai đi ăn trộm ăn cướp, cho nên cửa ngõ ở ngoài không phải đóng. Người ta coi thiên hạ như một nhà « Dĩ thiên hạ vi nhất gia » ; coi cả nước như một người. « Dĩ trung quốc vi nhất nhân » (Lễ vận) – Đoạn văn trên đây trong kinh Lễ chứng tỏ tinh thần của Lễ giáo khởi phát từ công bằng, đi xa đến kiêm ái, từ tư tưởng cá nhân vượt lên đến tư tưởng xã hội. Vậy tinh thần Lễ giáo rất rộng rãi và có tinh cách dân chủ.

6.) Để đạt đến nhân-cách hoàn-bị

Tinh thần lễ giáo còn chủ trương một nhân cách lý tưởng, một nhân cách hoàn bị. Thế nào là hoàn bị? Trong thiên Tế-thống nói: « Hoàn bị là mọi điều thuận cả (nghĩa là hợp lý cả.) Không có điều gì là không thuận, nghĩa là : ở trong thì hết bốn phận đối với mình, ở ngoài thì thuận với đạo-lý. Tôi trung

thờ vua, con hiếu thờ cha mẹ : trung với hiếu gốc cùng là một. Trên thuận với quỷ thần, ngoài thuận với tôn-trưởng, trong hiếu với đấng thân : Như thế gọi là hoàn bị, chỉ có bậc hiền nhân mới được hoàn bị ». (2)

Bậc hiền nhân ấy, Mạnh tử gọi là bậc « đại trượng phu » hoặc dùng những danh từ : đại nhân, quân tử, tuần kiệt, hào kiệt chi-sĩ để biểu thị. Ông không gọi là bậc đại trượng phu những kẻ đặc chỉ một thời « đường cao cổ nhận... thực tiền phương trượng » nghĩa là nhà lầu cao ngất, ăn uống sang trọng. Ông cũng không coi là bậc đại trượng phu những hạng đế vương hống hách, đặc chí hoành hành, « nhất nộ nhi chư hầu cự » một cơn giận làm cho các chư hầu phải khiếp sợ. Những bậc có thể gọi là đại trượng phu phải là những người : « Ở chỗ rộng rãi trong thiên hạ » (ý nói là có nhân), đứng ở nơi chính vị

(1) Đại đạo chi hành dã, thiên hạ vi công tuyền hiền dĩ năng, giảng tín tu mục, cố nhân bất độc thân kỳ thân, bất độc tử kỳ tử, sử lão hữu sở chung, tráng hữu sở dụng, ấu hữu sở trường, cang quả cố độc phế tật giả giai hữu sở dưỡng, nam hữu phận, nữ hữu qui : hóa ở kỳ khi ư dĩ dĩ bất tàng ư kỷ, lực ở kỳ bất xuất ư thân dã bất tất vị kỷ, thị cố mưu bế nhi bất hưng ; đạo, thiết, loạn, tắc nhi bất tác, cố ngoại hộ nhi bất bế...

(2) Bị giả bách thuận chi danh dã, vô ở bất thuận giả chi vị bị, môn nội tận ư kỷ, nhi ngoại thuận ư đạo dã. Trung thân dĩ sự quân, hiếu tử dĩ sự thân, kỳ bản nhất dã. Thượng tắc thuận ư quỷ thần, ngoại tắc thuận ư quân trưởng, nội tắc hiếu ư thân : như thử thì vị bị, duy hiền giả năng bị. (Tế thống thiên),

trong thiên hạ (ý nói là có lễ) đi con đường lớn trong thiên hạ (ý nói là trọng nghĩa); lúc hiền đạt cùng với dân noi theo đạo thánh hiền (ý nói thi hành ba điều nhân, nghĩa, lễ); lúc không thành đạt thì ở một mình đề tu đạo thánh nhân; lúc giàu sang không dâm dăng; lúc nghèo hèn không bỏ đạo của mình; không sợ vũ lực uy hiếp mà phải phục tòng. (Mạnh tử chương hạ Đảng văn-Công) (1)

Bậc đại trượng phu của Mạnh - tử không khác gì với bậc thánh nhân của Tuân tử, đều là những danh từ chỉ một nhân cách lý tưởng. Trong thiên Nho hiệu, Tuân tử tả khí tượng của bậc thánh nhân như sau :

« Bậc thánh nhân tính hiền hậu, giản dị, cử chỉ hợp lý; thái độ nghiêm nghị ai cũng kính nể; cư xử thủy chung như nhất; vui vẻ giữ vững đạo của mình; dùng trí sáng suốt;... thư thái mà có văn chương;... dung mạo tỏ vẻ lo lắng cho đời... »

Đức Khổng tử và ông Mạnh tử có thể coi đã làm tiêu biểu cho cái nhân cách hoàn bị ấy. Khí độ của đức Khổng tử được các hậu nho mô tả bằng năm chữ sau đây : ôn (hòa nhã), lương (hiền hậu), cung (kính cần), kiệm (không xa hoa), nhượng (hay nhường nhịn). Ông Mạnh tử thì tính khí cương quyết, có dũng cảm, lòng thẳng thắn và hăng hái lại biện bác giỏi. Đức độ của Khổng-phu-Tử là đức độ của bậc thánh hiền, tượng trưng cho tuổi lão thành; phong cốt của ông Mạnh Tử là phong cốt của bậc anh hùng, tượng trưng cho tuổi thanh niên đầy nhiệt huyết. Cả hai đức độ ấy hợp đúc lại sẽ cho ta một tấm gương nhân cách hoàn bị, tức là kết tinh của nền lễ giáo nghìn xưa.

Lễ-giáo với dân-tộc Việt-Nam xưa và nay

Dân tộc Việt-Nam bị nước Trung-Hoa thống trị hàng bao thế kỷ, không thể không chịu ảnh hưởng sâu xa của văn hóa nước ấy. Lễ giáo mà người Tàu gieo rắc trên đất Việt-Nam, khởi nguyên từ khi họ bước chân sang đô hộ; vì lễ-giáo, như ta đã xem ở trên, không những là một hệ-thống giáo dục mà còn là một lợi khí về chính-trị nữa.

Lễ-giáo thuở xưa.— Vì vậy, cho nên trong xã-hội người Việt-Nam, từ trong nhà cho đến ngoài ta thấy những vết tích rất in sâu của nền lễ giáo ấy.

Ở trong gia đình đứa trẻ sinh ra đời mới nhớn lên đã được dạy cho biết những câu lễ phép thông thường: gọi dạ, bảo vâng, đi đứng nghiêm chỉnh, thưa gửi khiêm tốn. Những động tác cử chỉ ấy, tuy chúng chỉ biết bắt chước người lớn một cách máy móc, nhưng sau này đến tuổi hiểu biết sẽ nhận thức những ý nghĩa sâu xa. Khi ngồi vào mâm ăn cơm, phải nói năng, cử chỉ thế nào; khi có khách đến chơi nhà phải tiếp đãi thế nào; cha mẹ sai bảo, anh lớn khuyên răn phải vâng lời thế nào v.v... bất cứ nhà ai cũng phải đã dạy bảo con em theo đúng lễ độ. Những ngày giỗ tết cũng là những dịp thuận tiện để con trẻ Việt-Nam học lễ nghi. Ta có thể coi lễ giáo trong gia đình là những bài đức dục thực hành.

Khi trẻ con đã đến tuổi đi học bấy giờ chúng học lễ trong các sách thánh,

(1) *Cư thiên hạ chi quảng cư, lập thiên hạ chi chính vị, hành thiên hạ chi đại đạo, đắc chi dĩ dân do chi, bất đắc chi độc hành kỳ đạo; phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất (Mạnh-tử — Chương Đảng văn công hạ)*

hiền. Hầu hết các sách chữ Hán ngày xưa cho học trò học đều là sách tu thân luân lý, nghĩa là những sách về lễ giáo. Học trò phải « Tiên học lễ hậu học văn » ; mà văn chương cũng không ra ngoài mục đích đạo đức « Văn dĩ tải đức » (Văn chương để chở đạo đức). Thầy đồ ở trường học thay mặt cha ở nhà, vậy học trò ăn ở đối với thầy cũng như đối với cha vậy. Bạn đồng song cũng coi nhau như anh em trong một nhà ; người xứng đáng hơn được chọn làm trưởng tràng, tức cũng như anh cả trong gia đình học đường. Đến khi thầy đồ qua cố, tất cả học trò « đồng môn », lo liệu ma chay cho thầy. « Quan, sư, phụ », đạo tôn sư là một đạo chính trong lễ giáo.

Học trò đã đến tuổi trưởng thành ra đời, sống với xã hội ai nấy tùy danh phận mình, ở chốn đình trung sẽ dự vào việc phe, việc giáp. Ở đấy những ngôi hương ẩm đã định rõ ràng, tùy từng giai cấp, chiếu trên chiếu dưới trật tự phân minh. Trên bảo dưới nghe « Phép vua thua lệ làng », kỷ luật ở đây nghiêm khắc. Những ngôi hương ẩm không kém giá-trị so với phẩm tước của Triều đình. Tổ-chức hương thôn ở nước ta theo đúng tinh thần dân chủ cũng là nhờ tinh cách rộng rãi của Lễ giáo.

Ở chốn Triều đình, giai cấp cũng rõ rệt lắm. Trên nhất là vua, dưới bách quan văn võ hai ban, phẩm trật định rõ hàng thứ. Bất luận người nào cũng có thể được Triều-đình trọng dụng miễn là có đủ tài đức. Từ thượng cổ theo lễ giáo, nước ta chỉ tuyển dụng nhân tài bằng cách mở khoa thi. Như vậy, bất luận kẻ sang người hèn, kẻ giàu người nghèo, đều có quyền ra ứng thi cả, ai đỗ được bổ dụng làm quan. (Trừ một vài trường hợp phạm vào tinh thần lễ giáo không kể). Cũng do những nguyên tắc « xứng đáng » « công bình » của lễ giáo, mà giá trị quan lại ngày

xưa được quý trọng. Vì thanh danh nhiều hơn vì bổng lộc, kẻ sĩ ngày xưa học-hành cần khổ để được ra làm quan. Người làm quan ngày xưa rất sợ thanh nghị, cho nên ít khi nhúng lạm. « Dương thanh danh, hiền phụ mẫu » đó là một điều chí hiếu đối với nhà nho ngày xưa, cho nên vì sợ mang tiếng đến cha mẹ ít khi dám làm những điều trái phép. Lễ giáo đã gìn giữ thanh danh cho nhà nho thuở xưa.

Lễ giáo ngày nay. — Ngày nay ta nhận thấy nền lễ giáo suy kém cho nên xã hội ngày nay so với ngày xưa có phần khác nhau.

Trong gia đình, quyền cha, anh không được tôn trọng như ngày xưa, vì chủ nghĩa cá nhân lan tràn làm cho mỗi người nghĩ đến quyền lợi riêng của mình hơn là quyền lợi chung của gia-đình. Tinh thần gia tộc vì đó mà sút kém. Trong khá nhiều gia đình, con không vâng lời cha, em không theo ý anh. Lễ giáo không được tôn trọng nữa, cho nên tai hại gây nên rất nhiều. Ngày xưa quyền cha có phần độc đoán, nhưng lòng thương con tự nhiên tiết chế đi: không bao giờ cha mẹ không nghĩ đến quyền lợi và hạnh phúc của con. Ta chỉ thấy có con bất hiếu không phụng dưỡng cha mẹ, còn những trường hợp cha mẹ bỏ liều không nuôi nấng con cái thực rất hiếm. Đạo vợ chồng ngày nay cũng dễ ly tán, vì có sự so sánh và xung đột giữa quyền lợi đôi bên trên lập trường bình đẳng, tự do. Vì kém tinh thần hy-sinh của Lễ giáo, mà nhiều gia đình không có nền tảng vững chắc như xưa nữa.

Ở chốn học đường cũng vậy. Một trò đã không biết hy sinh một phần nhỏ quyền lợi của nó để làm vui lòng cha anh, vâng lời bậc tôn trưởng, thì sao còn biết uốn mình theo kỷ luật của học đường. Thầy cũng như cha; nhưng chính cha ở

nhà, nó còn không biết kinh, phương chi thầy học. Vì lễ giáo suy kém, nên kỷ luật trong các trường học ngày nay không được tôn trọng như xưa. Đức dục tuy vẫn coi là một môn học chính, nhưng thường thiếu tinh thần lễ giáo.

Nhìn xa ra ngoài xã hội, cũng lại thấy những kết quả tai hại của nền lễ giáo suy vi. Bề bần kết giao vì nhân nghĩa rất hiếm, chỉ thấy vì lợi, vì danh là nhiều. Đối với làng xóm, tình liên kết cũng rất mong manh; ngoài những người trong thân tộc không kể, tình đoàn kết với nhau không có như xưa nữa; trái lại thường có những sự xung đột vì quyền lợi giữa phe này với nhóm kia. Sự xung đột ấy khởi nguyên từ lòng vị kỷ, trái ngược với tinh thần lễ giáo, là « vị công ».

Nguyên-nhân của sự sút kém tinh-thần lễ-giáo

Nguyên nhân thứ nhất là vì Hán học bị bỏ từ lâu, người đời đua chuộng khoa học thực tế hơn là luân lý lễ nghĩa. Tinh thần lễ giáo vì vậy mà ít ai nhận xét. Những phong tục, lễ nghi từ xưa truyền lại, mọi người chỉ biết theo một cách máy móc, cho khỏi bị chỉ trích, chứ ít khi chịu suy-lự để am hiểu.

Vì mê tín và cũng vì tinh thần nhân-tuần thủ-cựu nên những lễ thức cổ hủ không ai dám thay đổi cho hợp thời nghi. Thậm chí nhiều người đã phải tự hỏi: lễ giáo cổ truyền còn có giá trị gì nữa không? Những hình thức không hợp thời nữa tất nhiên tự bị đào thải, và bị thay thế bằng những hình thức của một lễ giáo mới, lễ giáo Âu Tây. Từ cách ăn mặc cử chỉ, nói năng, thù tạc, cưới xin, tang lễ, đều bắt chước theo thời đời mới; nhưng nhiều người chỉ bắt chước được bề ngoài, không thích hợp với tính cách của người Á-đông.

Thành thử tinh thần lễ giáo cổ truyền đã quên lãng, mà cái tinh túy của nền lễ giáo ngoại lai cũng không hấp thụ được.

Đồng thời, thế-nhân đua nhau bắt chước ăn ở như người Âu Tây giàu sang. Mục sống vật chất trong xã hội vì vậy mỗi ngày tăng cao; sự cùng xa cực xỉ gây ra những thói hư, tật xấu có hại cho tinh thần lễ giáo cổ truyền chuộng đời sống giản dị và cần kiệm.

Kết-luận

Lễ giáo là tinh túy của đạo Nho. Nước Việt-Nam ta cũng như các nước khác ở Viễn Đông đã chịu ảnh hưởng của Nho-giáo, nên đã thành một Quốc gia có thể-thống.

Sở dĩ được như vậy là vì lễ giáo cổ truyền bao hàm tất cả những điều kiện cần thiết để xây dựng một xã hội có tổ chức, tất cả những yếu tố căn bản của một hệ thống giáo dục hợp lý. *Kinh* là đạo xử kỷ; *hóa* là đạo tiếp vật; *trật tự* là điều kiện của óc tổ chức; *xứng đáng* là tiêu chuẩn của mọi hành vi; *công* là lý tưởng đạo đức của nhân loại; *bị* là mục đích lý tưởng của nhân cách.

Nước ta vừa qua những cơn khùng hoảng ghê gớm về chính trị làm lay chuyển đến cốt rễ nền lễ giáo cổ truyền ấy. Đời sống cá nhân trở nên vô định hướng; hệ thống gia đình bị tan rã; non sông bị đe dọa.

Đứng trước trạng thái ấy, ai là người nghĩ đến tương lai Tổ quốc mà không lo đến sự duy trì nền lễ giáo cổ truyền, để kiến thiết quốc gia? Bước đầu của sự kiến thiết ấy, căn bản và điều kiện của sự kiến thiết ấy, theo một vĩ nhân của nước Trung hoa hiện đại là « *Tâm lý kiến thiết* ».

Tâm lý kiến thiết là gì, nếu không phải, trong trường hợp hiện tại của quốc gia Việt-Nam, là khôi phục tinh thần lễ giáo cổ truyền và bồi bổ cho nó có một sinh lực mới, hợp với thời nghi hơn. Ấy là sứ mệnh của tất cả các nhà dạy trẻ ngày nay.

Để thực hiện cái sứ mệnh ấy, điều cốt yếu thứ nhất là phải khôi phục nhân cách *hoàn bị* của lễ giáo cổ truyền đang bị rầy xéo, phải khôi phục cái giá trị của quan niệm *tôn kính* mà những chủ nghĩa phá hoại đang làm tiêu tán đi.

Về thực tế, các nhà giáo dục trong nước nên đồng tâm nhất chí đề bài trừ những quân thù địch chung của lễ giáo cổ truyền, tức là những tập quán xấu xa. Muốn nâng cao nhân cách của Thanh niên, cần phải dạy chúng những điều lễ nghĩa liêm sỉ. Nhà giáo dục phải tìm mọi phương tiện thích nghi để tân thế hệ hiểu rõ những lý do chính đáng về bốn phận, phải tôn kính những cái đáng tôn kính, những người đáng qui trọng, các bậc ân nhân tiền bối, các bậc tôn trưởng lão thành; bất cứ cái gì cao qui cũng nên cho thanh niên hiểu rõ. Cũng cần cho thanh niên có một ý niệm sáng suốt về chân giá trị, để không lầm với những cái giả dối, hư ửng.

Việc diu dắt thanh niên dĩ nhiên là nhiệm vụ của học đường; nhưng về

đức dục, gia đình cũng có trách nhiệm không kém gì học đường. Nếu những cha hiền mẹ thảo là những tấm gương cao quí cho con trẻ thời, trái lại những gương mẫu xấu xa trong gia đình tất có một ảnh hưởng tai hại cho nền lễ giáo. Những con thịnh nộ của người trên, tỏ ra bằng những ngôn-ngữ, cử chỉ quá đáng đều là những gương xấu, trái với đạo tự trọng và phạm vào nhân cách của đứa trẻ. Cả đến những câu nói dối « xã giao » (?), những lời hứa hẹn không bao giờ giữ đúng, đều có một ảnh hưởng tai hại cho lễ giáo mà chủ trương là nâng cao nhân cách.

Nói về phép dạy con trẻ tập kính cần, thì gia đình là nơi mà chúng nhận được những bài học thực hành quí giá. Từ việc cúng lễ tổ tiên đến việc thù tiếp tân khách, ngày ngày con trẻ trông gương cha, anh mà bắt chước. Nếu cách y phục, cử chỉ, ngôn ngữ của bậc tôn trưởng không nghiêm trang, thận trọng, con em sẽ không hiểu thế nào là kính cần nữa. Lòng thương yêu của cha mẹ đối với con cái lại thường là một trở lực cho công cuộc lễ giáo, vì lòng yêu quá độ, không biết tiết chế, sẽ sinh ra sự khinh nhờn, còn hại hơn là sự nghiêm khắc quá độ. Phải chăng vì thế mà gia-đình cần đi sát học-đường, để hướng dẫn con em trong lễ-giáo?

NGUYỄN-QUẢNG-XUÔNG

ĐÍNH CHÍNH

Trang 71 dòng 6, 7, 8 (Số V. H. Ng. S. số 1) câu « *bàn về trước sau..... không chán* » xin đọc là : « *có chân mà không mất thì cũng như không chán ; bàn về trước sau thì biết (trí) là trước.....* »

Một danh-nho đời Trần : Ông CHU-AN

CHU-AN tiên-sinh, tự là Linh-Triệt, là một bậc túc nho đời Trần, người làng Quang-Liệt, huyện Thanh-Đàm (nay là Thanh-Tri), tỉnh Hà-Đông tính cương-trực, sửa mình, thanh-đạm giữ tiết chịu khổ, không cầu danh-lợi, chỉ cốt giữ gìn tiết-tháo, tổ đạo thánh-hiền và bài xích dị-đoan. Tiên-sinh chỉ ở nhà đọc sách, đặt hiệu chỗ ở là Văn-thôn, lập nhà thư-viện ở cái gò trên bờ đầm làm trường dạy học.

Xa gần nghe tiếng đến theo học rất đông, các môn-sinh về sau hiền đạt cũng nhiều, có lắm người làm đến quan to tại Triều.

Đời vua Minh - Tông nhà Trần (1134-1329), nghe tiếng tiên-sinh là người đạo-đức mô-phạm, đón làm chức Quốc-Tử-Giám Tư-nghiệp để dạy Thái-tử học. Đức nghiệp của tiên-sinh làm khuôn mẫu cho một thời, ai cũng tôn-trọng.

Đời vua Dụ - Tông (1341-1369) trong mười mấy năm đầu, quyền chính ở Thái-thượng-hoàng, nên trong nước còn trật-tự. Từ năm 1358 trở đi, Thượng-hoàng mất rồi, các cựu thần không còn ai, vua Dụ-Tông sinh ra hoang-dâm vô độ,

chính sự ngày một suy đốn, quần-thần nhiều người làm sự phi-pháp.

Tiên-sinh thấy chính-sự đổ nát khuyên can, vua và các bạn đồng-liêu không nghe, bèn dâng sớ xin chém bảy người nịnh-thần đều là những kẻ quyền-thế hách-dịch lúc bấy giờ. Người đương thời gọi là

« Thất trăm sớ » mà về sau sử-gia Lê Tung đời Lê - trưng - Dực khen là: « Thất trăm chi sớ, nghĩa động can khôn ».

Sớ dâng lên, vua không nghe Tiên-sinh bèn cởi mũ áo, trả chức quan trở về làng cũ.

Tiên sinh yêu phong cảnh núi Chí-Linh bèn dời đến ở đó. tự hiệu là Tiều-Ẩn. Ôm bầu tiết-tháo, sống một cuộc đời nhàn tản giữa chông sách nát, nhà ẩn-sĩ thường nhật vẫn hay một mình tản bộ trong rừng thông bao-la bát-ngát, hoặc tiêu dao trên một con thuyền trên đầm hay trong sông, ngâm thơ uống rượu làm vui :

*« Thân với mây nhàn thường luyện
Tâm cùng giếng cũ chẳng sinh tâm,
(Thân dữ cỏ vân thường luyện
Tâm đồng cỏ tỉnh bất sinh tâm)*

PHAN-VĂN-SÁCH
Giáo-sư

Dầu vậy, cứ mỗi kỳ triều hội nhón, Tiên-sinh vẫn tới cửa khuyết bái yết. Vua Du-Tông muốn đem chính-sự ủy giao cho Tiên-sinh, nhưng Tiên-sinh chối từ không chịu làm quan nữa. Thái-Hoàng Thái-Hậu nói rằng: « Người ấy là bậc cao sĩ, Thiên-Tử không có quyền bắt làm tôi được, giao thế nào được chính-sự cho người ta? ».

Vua bèn sai đem y-phục ban cho Tiên-sinh, Tiên-sinh nhận lấy, nhưng lại đem cho người khác, thiên hạ ai cũng khen cái phong-tiết cao-thượng của Tiên-sinh.

Khi vua Du-Tông mất rồi, trong nước rối loạn, quốc thống tưởng như sắp tuyệt, đến khi nghe tin quần-thần đón lập vua Nghệ-Tông, Tiên-sinh cả mừng, chống gậy lên yết-kiến, rồi lại xin cáo về ở nhà, nhất quyết từ chối không chịu phong chức gì cả. Vua rất kính nể tôn trọng, sai quan đưa Tiên-sinh về tận nhà.

Không bao lâu, Tiên-sinh mất ở nhà, vua Nghệ-Tông sai quan đến dự tế, ban tên thụy là Văn-Trình công và hiệu là Khang-Tiết Tiên-sinh, cho được tòng tự văn-miếu, ngang hàng với các bậc tiền nho.

Nguyên quán Tiên-sinh ở làng Quang cũng dựng đền riêng thờ phụng và sắc phong Thần Thượng-đẳng, trong có câu đối nôm cũng đề:

« Thất-trăm sáu còn thơm, gương sử thẹn cho tuồng mai-quốc:

Lục kinh gió chưa nguội, biển huỳnh treo mãi chốn danh-hương».

Dân vùng ấy đều tôn Tiên-sinh là « Đức Thánh Chu » cũng như tiếng « Đức thánh Khổng » ở nước Nam.

..

Tiên sinh tự nhiệm lấy đạo làm thầy, long-trọng và cương-nghiêm, nên học-trò coi Tiên-sinh như núi Thái-Sơn, như sao Bắc-Đẩu, trọng-vọng vô cùng. Phạm-sư-Mạnh, Lê-bá-Quát xuất chinh làm quan Hành-khiển (tể-tướng) bấy giờ mà cũng giữ lễ đệ-tử, mỗi khi đến thăm thầy, đều đứng hầu dưới đất; nếu được cùng bàn điều gì thì rất lấy làm mừng; nếu có điều gì không phải thì cũng bị trách mắng.

Tiên-sinh nghiêm-nghị như thế, khiến ai cũng kính sợ, đức vọng lại cao, khiến các quan công khanh phải hướng mộ. Thời bấy giờ, ông Trần-nguyên-Đán có tặng thơ rằng:

« Sóng rợn làn văn bể học đầy,
«Đầu sơn người ấy đáng ngôi thay!
« Tài cao bác học trên nhường lão,
« Lễ trọng sùng nho dưới kính thầy»
(Học hải hồi lan tục tái thuần,
Thượng tượng Sơn Đầu đắc tư nhân,
Cùng kính bác sử công phu đại,
Kính lão sùng nho chính hóa tân)

Văn-Trình công có soạn « Tiều ần thi tập », « Quốc-ngữ thi tập » và « Tứ thư thuyết-ước », về sau bị

người Minh thu cả sách vở đời Trần về Tàu, nên ngoài mấy bài thơ chữ nho ra, tác-phẩm của Tiên-sinh không còn gì nữa. Ý giả đạo học của Tiên-sinh chỉ lấy đạo Khổng, Mạnh làm cốt, học-trò của Tiên-sinh cũng theo tôn-chỉ thầy mà bài-xích những thuyết hư vô tịch diệt, kỳ quái huyền bí.

Văn-Trinh công học nghiệp thuần-túy, tiết - tháo cao - thượng, đương thời ai cũng suy tôn, ai cũng cảnh ngưỡng. Kể các bậc nho trong nước ta, cổ kim được như Tiên-sinh chỉ có một người vậy.

Sử quan Ngô-Sĩ-Liên đời Hồng-Đức có bình phẩm Tiên-sinh rằng : « Thờ vua dám phạm nét mặt mà không nịnh, xử thân chỉ lấy đạo chính mà không tà, gây dựng nhân-tài thi công khanh cũng có là học-trò, cao thượng phong tiết thì Thiên-tử chẳng khinh như tôi tớ ; huống chi là thể-mạo chững-chạc mà đạo thầy càng tôn, thanh-khi oai ghê mà kẻ nịnh càng khiếp ; kẻ sau ngàn năm kia nghe tiếng ấy, dầu người ngoan-ngu cũng phải liêm lại, mà người lười hèn cũng biết lập chí ».

Tiến-sĩ Nguyễn-Công-Thái đời Lê-Dụ-Tông soạn bài văn bia đền thờ Văn-Trinh công có viết : « Người sĩ quân-tử hơn người là ở điều dốc đạo bền lòng, cử động theo nghĩa, không theo thường mà tự dối mình. Kể các bậc nho-sĩ nước ta, chỉ có Tiên-sinh là đáng trọng hơn cả. Đương lúc làm quan không tham danh-lợi, hạnh thật là cao ! Những khi ở nhà, chăm giảng kinh điển, học thật là chính : Lại đáng kính phục nữa là đạo thầy rất mực tôn-nghiêm, học-trò nhiều người thành - tựu. Cái ơn Tiên-sinh đào-tạo nên người, thật là vô cùng vậy... »

Khi sung chức Tư-Nghiep trông nom dạy Thái-Tử làm mô-phạm cho bọn học-trò, danh tiếng thật là vói vói ! Khi giận kẻ quyền-thần, dâng sớ chém bảy đầu, làm rung mình cả bọn gian-nịnh, trung-nghĩa thực là chói lọi !.....

Than ôi ! Đời thánh hiền đã xa, không Tiên-sinh làm gương ! thì kẻ học-giả lấy ai làm Thái-Son ? Thôi liêm sĩ đã tẻ, không có Tiên-sinh cao-thượng thì kẻ sĩ-phu lấy ai làm nêu cột ? »

Cồ-học cách-ngôn

(Trích trong Bộ Đông-Lai Bác-ngệ)

I

Kẻ lừa dối người lại mang hại
vào thân

BÁC câu phụ cá, chứ cá nào có
phụ bác câu ! Bác đi săn phụ
thú rừng, chứ thú rừng nào có phụ bác
đi săn !

Vả lại đem mỗi ngon để dử cá, là
tự bác câu, đặt cạm bẫy để lừa thú rừng,
là tự bác đi săn. Thế mà người đời đã
chẳng trách bác câu thì chớ, lại còn chê
cá cắn mỗi ; không trách bác đi săn, lại
còn cười thú rừng mắc bẫy, liệu có hợp-
lý chăng ?

Con cá nào thấy mỗi ngon mà chẳng
đớp ! Thú rừng nào thấy cạm bẫy mà
chẳng sa vào !

Thiết tưởng đáng trách nhất những
bác đi câu, đi săn là phải, chính họ đã
dem lòng nham hiểm để quyến dũ, để
lừa dối.

Ôi ! những kẻ đem lòng giả dối để
lừa người tự dối tâm mình trước đã. Họ
chỉ thấy nhiều kẻ mắc lừa là thích,
nhưng có biết đâu họ đã tự dối tâm họ
rất nhiều !

Cái hại bị lừa dối là hại ở ngoại
thân, mà cái hại dối người lại hại ở
trong tâm khảm. Đáng thương nhất
chẳng gì bằng tâm bị chết ! Mà thân chết
còn đứng vào hạng nhì. Kẻ bị dối, thân
dẫu chết mà tâm vẫn được thản nhiên ; kẻ
dối người, ngoại thân tuy được đắc thắng,
nhưng tâm khảm đã bị rách nát từ lung !
Kẻ bị dối thì mắt của còn nhẹ, kẻ dối,
người thì của mắt rất đau.

Thế là bác câu lại tự nuốt lấy mỗi
câu của mình, bác đi săn lại tự nhảy vào
cạm bẫy của mình. Hai chàng này
chẳng hóa ra khờ vụng lắm sao ?

II

Nên hiểu cảnh-ngộ mà giữ
bản tâm cho bền vững

Những kẻ ở cảnh hèn lại ghét lao
khô ; ở cảnh nghèo lại ghét khổn cùng,
ở cảnh hoạn nạn lại ghét tủi nhục, đều
tự gây lấy vạ vào thân.

Cứ theo thường lý, cảnh hèn không
hẹn với lao khô mà lao khô tự đến ; cảnh
nghèo không hẹn với khổn cùng mà
khốn cùng tự đến ; cảnh hoạn nạn
không hẹn với tủi-nhục, mà tủi nhục
tự đến. Thế mà lại muốn chán ghét
những điều gì không sao lìa bỏ được là
tự gieo tai vạ vào mình đó.

Quán-tử thì coi lao khô là sự thường
của cảnh hèn, khổn cùng là sự thường
của cảnh nghèo, tủi nhục là sự thường
của cảnh hoạn nạn.

Biết tự-xử cần lao, dẫu ở cảnh hèn
vẫn được yên phận, tự-xử khổn cùng,
dẫu ở cảnh nghèo vẫn được vui vầy ; tự-
cam nhục nhã, dẫu ở cảnh hoạn nạn
vẫn được yên lòng.

Xét theo thường tình, trong cảnh
khốn cùng, còn gì bất bình bằng bị
người lăng áp, khinh nhờn ! Nhưng ta
cũng tự nên hiểu rằng :

Đương lúc sang giàu, người ngoài
xu phụ ta, không phải vì ta, mà chỉ là
xu phụ những người sang giàu đó thôi !
Đương khi nghèo hèn, người ngoài lăng

áp ta không phải ác cảm với ta đâu mà chỉ là lẳng áp một kẻ nghèo hèn đó thôi. Sao vậy ?

Xin trả lời rằng : « Vi bằng, trước kia ta được sang giàu, đến sau ta mới nghèo hèn, ta với ta vẫn là một, chẳng khác chút nào, những kẻ xu-phụ ta lúc trước đã thấy thay đổi thái độ rất nhiều. Ta thấy họ lẳng áp ta bây giờ thì nên nghĩ ngay rằng : « Những kẻ xu phụ ta ngày trước, có phải họ thực lòng xu phụ ta chẳng ? »

Vi dù, ngày trước, ta còn nghèo hèn, ngày nay ta mới trở nên sang giàu, những kẻ lẳng áp ta khi trước, bây giờ

lại xu-phụ ta. Ta hãy nghĩ mà xem : những kẻ lẳng áp ta ngày trước, có phải thực ý lẳng-áp bản-thân ta chẳng ? Chúng chỉ đã xu phụ những bọn sang giàu đó thôi. Sao ta lại mừng ?

Chúng chỉ lẳng áp những kẻ nghèo hèn đó thôi. Sao ta lại giận ? »

Tâm tư, tri nghĩ là của ta, để làm việc cho ta, rồi đâu ta lại dùng nó để mừng những kẻ xu phụ giàu sang và để giận những hạng người khinh rẻ nghèo hèn làm chi !

Bằng-Vân

NGUYỄN-TRỌNG-HÀN

dịch thuật

Nữ cảnh-binh tự-trào

Cuồng-phong đồn-dập mấy năm nay,

Mù-mịt non sông cát bụi bay.

Vẫn tưởng phần son dành giữ phận,

Nào ngờ cung kiếm phải ra tay.

Gion phi, theo đuổi thây thù oán,

Nguy hiểm, xóng pha mặc rủi may.

Nữ giới, cao treo gương dũng - cảm,

Ngắm mình mình cũng gớm ghê thay !

ĐỖ-THỊ THANH-TÂM

NGHIỆP THI - NHÂN

Kịch thơ của
NGUYỄN - HUYỀN - LINH

Xưa nay, thi nhân vẫn là người giàu tình cảm, nên luôn luôn đau lòng bởi những điều trông thấy, và cả những việc không đâu. Phải chăng vì vậy, mà tác-giả tưởng tượng thi-sĩ là một vị kim-dồng bị dầy ải giữa chốn trần ai, chịu nhiều tân khổ hơn cả các khách « hồng nhan bạc mệnh ».

L.T.S.

CÁC NHÂN VẬT

- 1-) PHẬT TỔ (một ông già hiền hậu)
- 2-) HỒN (một người trẻ tuổi, không phải gái mà cũng chẳng là trai).
ĐÓA HOA (hoa gì cũng được ; cốt cho khán giả trông thấy được thi thôi).
- 3-) CÂY CĂN CỎI (cây gì cũng được, nhưng phải theo giống hoa trên).

HỒI THỨ NHẤT

Màn từ từ mở lên... Ta thấy sau một lớp màn mỏng khác, hai hình ảnh lơ mơ trong một thứ ánh sáng dịu dàng. Cảnh bài trí như là một cảnh lâu đài điểm lệ...

CẢNH THỨ NHẤT

...PHẬT TỔ, HỒN...

PHẬT TỔ,

Hôm nay đưa con về Hạ-giới
Mang lối hoa đọi kiếp Luân-Hồi.
Nợ đời mong trả xong xuôi,
Thương con bé-bỏ, ngậm ngùi lòng ta...

Ta không thể dung tha con được ;
Cơ trời kia dễ vượt khỏi nao !

Thời gian phút chốc có bao !
Càng tan-hợp lắm, càng cao giá đời.

Ta đưa con, trông vời trời cũ :
Trời mệnh mông, mây rủ khăn tang.
Con còn ao ước gì chẳng ?

Đó-trì, Ta sẽ công bằng chở che...

HỒN

Phật thương con lo e dạy bảo,
Con nghe mà áo não tâm-can !

Đội ơn Trời Phật muôn vàn,
Cơ-Trời há dám thờ than nỗi niềm !

Con xin già áo-xiêm trong trắng,
Lặng trở về nẻo vắng xưa kia.

Trước khi trở gót chia lìa,
Con xin Phật độ vài tia cuối cùng.

Đội lối hoa không mong cùng lứa,
Nở theo mùa, ở giữa muôn hoa.

Thân con nào khác sao sa,
Dám đâu tiếm-vọng tiến-ngà dưới trần.

Con rất thích được gần cảnh khổ,
Nở muộn màng ở chỗ cô-liêu.

Xấu xa, hay quá mỹ-miêu,
Cũng qua tiết lạnh trọn chiều xót thương !

Con sẽ đưa làn hương cao-quí,
 Thức gió buồn thũ-thỉ không gian;
 Muộn màng chốc lát miên-man,
 Đời bình tĩnh dậy, duyên tàn hiem hoi.
 Trong hồn Đông con soi bóng dáng,
 Mơ mùa xuân muôn dáng xinh tươi.
 Ôi mùa xuân! sắc tuyệt vời!..
 Đẹp như hy-vọng rạng ngời ước ao...
 Con những mu'n bước vào cõi ấy,
 Để hồn con vũng vầy trong mơ;
 Để qua một kiếp nương nhờ,
 Con mong Phật-tổ xá ngơ lỗi lầm...

PHẬT TỔ

Ta quyết sẽ nói tâm mong-mỏi,
 Cố chịu con nơi cõi đau-thương.
 Con đi...mưa gió thế lương...
 Con đi...
 ...Ta những ngại đường...
 ... Con đi !

(MÀN HẠ)

HỒI THỨ HAI

Màn mở lên cho ta rõ thấy :
 Một cảnh mùa đông gió mưa rơi tả,
 giữa một vườn hoang; một thân cây cằn
 cỗi, trơ trụi lá, chỉ có một đọt non vừa
 lớn, mang một búp hoa tơ.

CẢNH THỨ NHẤT

CÂY CẦN CỎI.— BÚP HOA

CÂY CẦN CỎI

Mùa đông sao lâm ly đến thế !
 Gió mưa về, lạnh kè bao nhiêu !
 Thân đau cần cỏi tiêu điều,
 Chừng nghe nhựa chuyển, mạch dịu bấy
 nay !

Một mầm non hôm nay đã nở
 Muộn màng lên, dang dở tơ-duyên.
 Gió mưa phai lạnh hương nguyên
 Lá cong lạnh lá, thân thuyền chuyển dần.
 Hoa đã lộ, mấy lần đổi dáng;
 Ôi con ta đáng xót thương thay !
 —Trẻ thơ mang số họa-dày.
 Chị, Anh, sung sướng, mình may khổ thôi !
 Ta ngậm ngùi ghét-ghen số kiếp.
 Trót sinh con để nghiệp đau thương.
 Con tôi đi lạc hướng đường
 Kiếp xưa di-lụy, biết nương chốn nào !
 BÚP HOA

Sao Mẹ nữ kêu gào bi thiết ?
 Một đời con đáng tiếc gì đâu !
 Rồi ra đổi sắc, thay màu,
 Trời xinh chỉ khiến lòng đau tiếc buồn !
 Thân hình con vẫn suông đầy chữ !
 Tắc lòng con vẫn giữ khuôn xưa.
 Duyên trời trao gửi mây mưa,
 Ất là diễm tốt để ngửa cho con !
 — Màn từ từ hạ —

CẢNH THỨ HAI

Màn mở lên. Vẫn cảnh trước.
 Một mình trong cảnh mùa đông. Cây
 cằn cỗi kêu than náo nức. Phong cảnh lờ
 mờ như trong một đêm rằm gặp tiết
 mưa.

CÂY CẦN CỎI

Đêm nay rằm, trăng mồn-mỏi lạnh,
 Mây đầy trời canh cánh sầu lây.
 Con ta sắp mở cánh dày,
 Ra đời giữa lúc ngậm đầy tang thương.
 Ta nào đau vương sầu, vương tủi.
 Ôi niềm vui ngắn ngủi có bao !
 Tuế-tinh (1) đã lặn phương nào ?
 Mừng con mất lệ ghen-ngào trông con..
 Màn hạ dần..

(1) Tuế-tinh : sao số mệnh.

CẢNH THỨ BA

Màn mở lên đề lộ:

Cũng một cảnh trước, duy trời lạnh ráo, và búp hoa to đã nở; Cảnh đều đặn, không rõ sắc màu. Hương đưa lên ngà o-ngạt. Văng vẳng có tiếng hoa ngâm



BÚP HOA

BÚP HOA NỞ

(nói một mình)

Trời mờ mờ, gió còn lạnh-lẽo...
 Ôi trần gian hẻo lánh bao nhiêu!
 Đêm nay không thể trốn liêu;
 Số trời đã định, dễ kêu nài gì!
 Ta mở cánh trong thì yếu ớt,
 Thiếu sắc trời, lọt lọt ai hay!
 Hương vương hơi rộng lan đầy,
 Đêm nghiêng hồn lạnh, rừng say thần thờ.
 Muôn đời bức lại niềm mơ...
 Tinh hoa ngun ngút... Mong ngơ ngàn
 Hồn ta non nước cùng in... [nhịp!]
 Hồn ta ngời rộng tỏa vìn nẻo trời...

Lên cao, là bỏ cõi đời.

Đêm nay trọn kiếp, ta rời thân đau...

Gió về...gió thoảng mau mau...

Hương lên ngùn ngụt, xóa màu thời gian...

Màn từ từ hạ

HỒI THỨ BA

Khi màn vừa kéo lên, ta thấy những cảnh như ở hồi thứ nhất, cũng lầu son gác tía... Hồn đang qui ở trước « Cửu trùng ». Trên cao Phật Tổ ngự.

CẢNH THỨ NHẤT

HÒN... PHẬT TỔ

HÒN

(nói với mình)

Đây uy nghi thiên đàng điện các,
 Cuộc đời xưa nào khác gì đâu!
 Trước cung ta vội dập đầu..
 Kìa kìa Phật-tổ nhiệm-mầu trông lên...

Giờ đây ta đổi lối tiên,
 Bỏ khi túi cực chịu phiền đắng cay ..

(Tâu cùng phật tổ)

Thưa Đức Phật con rày siêu thoát,
 Đây con về lưu-loát như xưa.

Nhờ ơn Phật-tổ khuyên ngừa
 Giờ đây hội-ngộ, rộng thưa một lời ..

PHẬT TỔ

Con đã về! vạn trời luân chuyển!
 Thỏa khát khao lưu luyện bấy nay!

Trông con khỏi kiếp đọa đầy,
 Lòng mừng thoáng rợn, buồn lây ngại ngùng.

Đời sung sướng chưa cùng bầu bạn,
 Con phải còn hoạn nạn đời phen!

Mấy mươi kiếp trước chắt chên,
 Bao !nhiều tội lỗi đã len lõi-về...

Giòng-dời xưa quá náo-nề,
 Nay con phải chịu mọi bề chua cay !
 Ta phụng mệnh dày con lần nữa,
 Mà buồn thương, khổ-sở biết bao !
 Một đi, cơ-cực đường nào.
 Lần này con phải đạt dào khá lâu !

HỒN

Nghiep Luân-hồi con đâu dám cưỡng !
 Cố vẹn toàn để hưởng đời sau.
 Con xin cam chịu cơ cẩu,
 Có gian nan lắm, mới sâu tình đời !

PHẬT TỒ

Con ơi con ! cơ trời đã định.
 Ta tái tể truyền lệnh con hay.
 Trở về hạ - giới lần này,
 Lốt người con đợi muốn ngày mới thôi !

HỒN

Con nghe nói làm Người khổ lắm,
 Trong sầu đau chìm đắm triền miên.
 Hồn con sẽ lạnh hương nguyên.
 Cơ trời chuyển vận, biết truyền cho ai !
 Con không muốn hóa làm trai,
 Sợ rồi điều đứng miệt mài túi thân !
 Con mong làm một giai-nhân
 Để đời ca tụng muôn phần nằng niu...
 Cho con sống giữa nương chiều,
 Một thời ghi lại mấy triều hưng vong !

PHẬT TỒ

Con nhẹ dạ, tưởng chường hóa nghiệp
 Làm giai-nhân là kiếp cao sang.
 Con ơi, đời quá dở-dang !
 Gái trai, một phận, dễ màng hơn ai ?
 Càng tài ba càng nhiều thống khổ.
 Chung một đời, thua lỗ bao nhiêu !
 Giai-nhân mà lỡ kiếp yếu
 Khác chi hoa núi tiêu điều mòn phai...
 Cốt lòng ăn ở khôn sai
 Những lời phát-nguyện, mới dài danh
 thơm.

Con chớ trách đời không cơ áo,
 Lấy gian-nan ảo não làm vui,
 Đất trời ắt sẽ ngậm ngùi,
 Đời con vui nhẹ sẽ lùi lỗi xưa...
 Thôi con đi, gió mưa chốn cũ
 Lấy cảnh đời vui thú con nghe !
 Thi - Nhân là kiếp náo nê
 Vẹn toàn trọng-trách mới về thấu nơi.

Con, con ơi ! lốt người Thi-Sĩ
 Hăng cho con phỉ chí đôi phen.
 Mắt tiên giữa cảnh sang, hèn,
 Rõ trong nét đẹp để khen ngợi đời.
 Tiên đưa, ta những ghen lời...
 Thôi con đi nhá...

...Con !..

...Người Thi-Nhân !

Màn hạ nhanh nhanh
 và

HẾT





Phải chăng người ta có thể lên thăm nguyệt-điện ?

*Người ta đã tốn bao giấy mực để bàn đến cuộc du-lịch trên cung trăng
Dưới đây là những tài liệu, mới đang trên các tạp chí khoa học ngoại-quốc
cho ta hay những cuộc thí-nghiệm cùng những sự tìm tòi về loại hỏa tiễn
mục đích đưa thể-nhân tới chốn Quảng-hàn.*

L.T.S.



GẦN đây, trên miền hoang-vu của
bãi sa mạc White Sands, các giới
khoa học Mỹ đã thí nghiệm một hỏa tiễn
lạ lùng : hỏa tiễn Viking mở đường cho
loài người lên cung trăng. Trong có 75
giây đồng hồ, hỏa tiễn lên cao tới
40.000m. Đến chiều cao này, 4 tấn dầu
đốt, gồm có ốc xy và cồn, cháy hết
khiến động cơ ngừng lại ; tuy vậy, tốc
lực hỏa tiễn vẫn trên 6.500 kilômét một
giờ vùn vụt bắn lên khoảng không. Máy
Radar không ngừng theo sát hỏa tiễn ,
và đến 215.000m, chiếc Viking mới chịu
rơi xuống. Như vậy, 1/1.800 khoảng cách
giữa mặt trăng và trái đất đã được vượt
qua. Cuộc thí nghiệm này so với cuộc
thí nghiệm ngày 24-7-1949 cũng tại White
Sands còn kém xa, vì bữa đó, hỏa tiễn
Wac Corporal đã lên tới 400.000m đến
vùng không khí thật lỏng. Sở dĩ chiếc

Wac Corporal lên cao đến mức nói trên
vì được lắp thêm ở dưới một hỏa tiễn
kiểu V2 của Đức. So sánh hỏa tiễn Wac
Corporal và Viking thì chiếc thứ hai đã
tự lực bay ; và nếu cứ tiếp tục như vậy
trong khoảng 60 giờ nữa, loài người sẽ
nhờ nó mà lên tới cung trăng.

Sau cuộc thí nghiệm này, một số
người biểu kỳ đã tới ghi tên tại Hayden
Planetaryarium dự cuộc du lịch mặt trăng
tương lai, vì theo lời tuyên bố của mấy
nhà bác học Mỹ, người ta sẽ dùng năng
lực nguyên tử trong chiếc hỏa tiễn Viking
để đưa du khách thăm một thế giới kỳ lạ :
Nguyệt-Điện. Số du khách ghi tên hiện
nay lên đến 25.000 người, và lạ lùng hơn
cả, cuộc du lịch này chưa ấn định phí
tồn là bao nhiêu, ngày và giờ khởi hành
là bao giờ.



Hỏa tiễn lên cung trăng

Nói về thăm mặt trăng, nhà thiên văn Robert R. Coles cho hay rằng ý định này có thể thực hiện được chậm lắm là cuối thế kỷ XX ; và chiếc hỏa tiễn đầu tiên tới cung trăng sẽ không có người ở bên trong. Tiếp theo là một hỏa tiễn thí nghiệm nữa bay chung quanh mặt trăng rồi trở về điểm khởi hành ;

và từ đó, loài người bắt đầu cuộc du lịch táo bạo, cuộc du lịch ngoài trí tưởng tượng của thế nhân.

Sau một cuộc thảo luận kỹ lưỡng, các bác học Mỹ thấy chỉ có hỏa tiễn mới thực hiện được mộng lên cung trăng. Cần sao cho hỏa tiễn đi nhanh hơn tốc lực âm thanh 8 lần ; và khi vượt qua các tầng lớp không khí, người bên trong hỏa tiễn tránh được sức ép mãnh liệt và sức nóng do sự cọ sát gây nên. Do lẽ đó, người điều khiển hỏa tiễn phải có những máy móc tối tân giúp đỡ khi bị ngắt đi ; và nhờ các bộ óc máy mà hỏa tiễn cứ theo đúng đường đã định cho đến khi người điều khiển tỉnh lại sau khi hết áp lực. Ngoài tinh lực nguyên tử ra, còn có thể dùng chất ô-dôn (ozone) lỏng làm chuyển động hỏa tiễn khiến động cơ nổ, tung hỏa tiễn lên cao ; nhưng có điều trở ngại là dùng chất này khá nguy hiểm. Hiện nay một động cơ chạy bằng tinh lực nguyên tử đang được nghiên cứu, tốc lực sẽ trên 10.000km một giây.

Một vài người bi quan đã lo nếu loài người lên tới cung trăng, có lẽ nơi này sẽ thành một căn cứ quân sự ; và rồi đây nếu chiến tranh diễn ra thì nguy hiểm biết bao, nếu bom đạn cứ từ hành tinh trên rơi xuống trái đất. Nhưng đó chỉ là một mối thắc-mắc viển-vông, khiến con người ta không đến nỗi chán ghét cuộc đời bình thản bằng ngày trên trái đất quá ư cũ-kỹ này...

NGUYỄN-HỮU-BẮNG

TRUYỆN NGÂN KHOA-HỌC

Đề của hay ở hiền gặp lành

Dưới đây là một câu truyện « đề của » do các bà già con trẻ vùng chợ Chò Bắc-Ninh, còn truyền tụng. Tác-giả đã kể lại những điều nghe thấy trong khi đi kinh-lý ; nhưng ở đoạn kết, đã không quên giải-thích bằng khoa-học, những chi tiết mà từ xưa tới nay, người ta vẫn gán cho một tính-cách dị-đoan huyền-bí.....

L.T.S.



CHÙA Chò có từ đời thượng cổ ở địa phận huyện Phù-Dung thuộc Đàng Châu (1). Bên cạnh chùa có một cái chợ, tức gọi là chợ Chò ; chợ tuy nhỏ nhưng được trên bến dưới thuyền, đông người mua bán, cho nên có vẻ sầm uất. Dân cư bốn tổng quanh đây cứ ngày 3 và ngày 7 thường

NGUYỄN-CÔNG-HUÂN

đem đến đây bán rau, dưa, ngô, khoai, thóc, gạo, vừng, đỗ. Thỉnh thoảng có thuyền buôn qua lại đem hàng đến, chở hàng đi, làm cho bến chợ tăng phần hoạt-động, nhất là những phiên chính. Về mùa buôn thịnh hành,

(1) Chợ Chò hiện nay thuộc địa-hạt tỉnh Bắc-Ninh.



Đền Kim-Quy

gặp độ có trăng sáng, gió thuận buồm xuôi, mấy cô lái thuyền chèo qua bến chợ Chò, nhịp nhàng cất giọng hò đua, khi bỗng lúc trầm, thật là du-dương trong quầng vắng đêm khuya. Hát rằng:

«Chợ Chò trên bến dưới thuyền,
«Có sông Ngọc-Trụ có đền Kim-Quy
«Đền Kim Quy từ vì cồ thụ,
«Sông Ngọc-Trụ thủy tự minh đường.
«Những khi thanh vắng đêm trường,
«Nào ai trông thấy rùa vàng qua sông?»

Trong câu hát hò đua trên kia, ta đã thấy mô tả cái vẻ sầm uất của chợ Chò, cái cảnh âm u của đền Kim-Quy và cái hình địa lý của con sông Ngọc Trụ. Ta lại còn thấy ở trong câu hát ấy một truyện hoang đường làm cho người ta bán tín bán nghi, ấy là truyện rùa vàng. Vàng thật kim khí, chứ không phải rùa sắc vàng ngoi qua sông những khi thanh vắng đêm trường...

Truyện hoang đường kia đã làm cho người ta đề ý đến một ngôi đền cồ ở đằng đầu chợ. Trên một khoảng đất cao, hình vuông, chung quanh có cây cồ thụ góc khúc khuỷu, cảnh lá um tùm, là nơi nướng nấu của lũ quạ già và cũng là nơi leo trèo của bọn trẻ chăn trâu. Chính giữa khoảng đất ấy, có một ngôi đền nhỏ xây cuốn, vôi trát ở ngoài đã theo thời gian mà trôi dạt mất cả, còn để lại tro tro cảnh gạch sứt sỡ, loang lổ, rêu cấu đen sì. Trong đền chẳng có đồ thờ đồ tự, hương cắm ngay vào lỗ thủng ở giữa kẽ hai hòn gạch trên bệ thờ.

Trước cửa chùa, cách xa một trượng có một con rùa đá to bằng cái nia, lưng mang bia đá nét chữ đã mờ, nằm chầu vào đền. Đầu rùa ngẩng nhìn trời, hai lỗ mũi hếch lên, thủng xâu, người đến lễ bái thường cắm hương vào để thay bát hương.

Trước cửa đền, xa hơn nữa, có một cái sân khá rộng, lát toàn gạch cổ, lâu

ngày có chỗ đã ngửa nghiêng. Những nhà buôn ngô, đỗ ở dưới xóm chợ Chò thường phơi nhờ sân ấy.

Bà lái Tư là một nhà buôn to nhất hay chiếm mất một phần lớn sân; nhưng bà ấy lại là một người hăng tâm hăng sản nhất xóm, sân hồng đâu bà bỏ tiền ra chữa đấy. Ngày tuần rằm, bà chăm lễ bái ở đền Kim Quy; vì bà tin tưởng rằng nhà bà buôn may bán đắt, con trai cả của bà học thành nghề thợ bạc, con trai thứ đang theo cụ Cử, mới đỗ khóa sinh và con gái út của bà mới lấy được chồng giàu, đều là nhờ thần Kim-Quy, bà kêu cầu mà được cả. Bà hay tin ngưỡng và nổi tiếng là có từ tâm, thương người hoạn nạn, cứu kẻ cơ hàn, làm mọi điều phúc đức.

Hôm ấy vào đầu mùa hè, trời nắng to, bà lái Tư gánh đồ xanh lên sân đền phơi la liệt, bà lúc đi lúc về, nhờ con bé chơi mát ở đấy coi sân giúp bà. Con bé, tên là cái Còi, là con thằng mỗ trong làng, mẹ nó chết sớm, ở với bố trong một túp lều tranh dựng ở sau chùa; nó nghèo nên lên 9 tuổi mà bé bằng cái kẹo, nom chỉ bằng đứa trẻ lên năm. Nó biết thân nghèo hèn, bé bỏng, nên không dám xuống chợ chơi với trẻ con khác mà suốt ngày chỉ quanh quẩn ở trên sân chùa.

Cái Còi trước còn chơi xa, sau lần la đến gần nong phơi đồ xanh. Nó tỷ tỷ lấy đồ rắc xuống khe gạch sân đền; rồi đổi trò chơi, nó lấy đồ của bà lái Tư bỏ vào hai lỗ mũi con rùa đá nằm kề gần đấy. Bỏ vào thun thút mãi, mà chẳng thấy đầy hai cái lỗ cái mũi nom nhỏ tí tý kia. Ngày đầu chưa đầy, ngày hôm sau con bé lại ra công bỏ, vẫn chưa thấy đầy. Rồi nó cứ bỏ luôn mãi đến ngày thứ ba mới thấy hai lỗ mũi rùa đã ngạt đồ xanh, không thở làm sao được nữa, bấy giờ thích chí cái Còi mới thôi; thật con bé đã bền lòng không thua gì rùa đá vậy.

Trời có cơn mưa, đồ phơi đã già; bà lái vội vã dồn đồ vào thùng gánh về nhà, đến gánh cuối cùng thấy hụt mất non một thùng cái; bà lấy làm lạ, nhưng cho là đồ non phơi già nắng thế nào cũng phải hao, rồi bỏ qua không nghĩ đến nữa.

Trời nổi gió rồi đồ mưa tẩm tã, từ chập tối đến đêm khuya mới ngớt.

Nắng đã lâu mới có trận mưa to, cá ở hồ tù ao hãm thì nhau mà lạch nhảy nơi này đi nơi khác. Nhiều chỗ lập lờ lửa sáng, ở bờ ao, bờ chuôm, ở bãi tha ma và đền Rùa làm cho người tin nhầm tưởng là ma chơi hay ông Đồng hiện lên; kỳ thực đấy chỉ là ánh sáng của người bắt cá bắt ếch ban đêm.

Ngày hôm sau, trời còn vẫn mây, không phơi phóng được, bà lái Tư lấy làm sốt ruột vì chưa phơi xong cốt đồ xanh.

Ngày thứ ba trời đẹp, mọi tang täng sáng mà vàng đồng đã đốt cháy hầu hết những đám mây còn sót lại trên khoảng trời xanh. Bà lái đợi sáng rõ, trở dậy, chưa kịp ăn cơm đã vội gánh đồ ra chùa phơi. Vừa đề gánh đồ xuống sân thì bà lấy làm lạ quá: cái bia đá trên lưng Rùa đã lặn xuống sân và mình con Rùa đá gãy ngang ra làm hai đoạn. Bà cố chấn tĩnh lại gần thì thấy đồ xanh mọc mầm tung tóe ra chung quanh con Rùa vỡ. Bà gánh đồ ra nong phơi rồi lấy thùng ra bốc lấy đồ nứt nanh đem về ngâm làm giá ăn. Bà bốc được một thùng có ngọn rồi mà chưa hết, bà lại bốc nốt. Khi hết đồ, bà thấy trơ ra cái gì như....vàng cốm..... bà dúm lên gần mắt xem, tưởng là chiêm bao, ngỡ là hoa mắt. Thực rồi, đích là vàng! Sao mà nhiều thế này! Bà trông trước nom sau, không có ai, bà bốc vàng dấm vào dưới thùng đồ này mầm, bốc mãi, dấm mãi, được một gánh nặng vàng cốm. Bà lái Tư chấp tay, tâm thành khẩn thần

Kim Quy, cảm tạ thần thiêng đã dùng phép thần thông làm cho đồ xanh thành vàng cốm. Tạ thần xong, bà ung dung kịu kịt gánh đồ lặn vàng về cất kín trong buồng, để sau cho con cả bà là thợ bạc chế thành đồ nữ trang bán dần...

Chiều hôm ấy, cả làng biết tin Rùa đá vỡ, ai ai cũng chạy đến xem. Người thì bảo sét đánh mấy hôm trước, kể thì rằng khách về lấy của đêm hôm mưa to gió lớn. Nhưng người ta chỉ biết rằng là mấy năm sau, bà lái Tư đã trở nên giàu có, nhà ngói cây mít, tậu ruộng nương kìn kìn, và hay làm việc phúc, đi lễ bái, lại bỏ tiền tu sửa các đền chùa; nhất là chùa Rùa được bà bỏ ra mấy nghìn bạc cho trùng tu lại, nom thật nguy nga; trong đền có bức đại tự sơn son thiếp vàng đề bốn chữ «Kim Quy Linh Tự» ngày nay hãy còn.

Truyện hạt đồ xanh hóa ra vàng là thế, nhưng ngày nay thời khoa học và nguyên tử, chúng ta mới hiểu rằng hột đồ xanh từ đậu nẫu chè hay đậu nhỏ, do tay con Còi coi đồ phơi đã nghịch bỏ vào đầy lỗ mũi con Rùa đi, nghĩa là đầy cả bụng vì lỗ mũi ăn thông xuống bụng. Nước mưa cũng theo lỗ mũi mà chảy xuống bụng, làm cho hột đồ chương lên nứt nanh, mọc mầm. Ta thử tưởng tượng mỗi hột đồ chương lên gấp hai, gấp ba lần, hàng nghìn hàng vạn hột ở trong bụng con Rùa cũng chương lên, thì cái sức ép đầy ở trong ấy mạnh là nhường nào, không đủ chỗ thoát, nên làm gãy đôi con Rùa để lập lại quân bình. Tại các phòng thí nghiệm khoa học tự nhiên, người ta có dùng đồ xanh để tách bửa các mảnh sọ người hay sọ loài vật; làm thế, những mảnh sọ được chu nguyên, không có lốt dao, lốt búa, giữ trọn vẻ thiên nhiên.



Cái hơn cái kém của tranh Tàu

TRONG những tác-phẩm hội-họa khắp thế giới, người ta nhận thấy hai lối chính là lối Tây và lối Tàu.

Tranh lối Tây như lối Pháp, Anh, Tây-ban Nha, Đức, Ý, v.v.. thì chú trọng về cách tả đúng sự thật, còn tranh lối Tàu, như loại tranh Trung-Hoa, Nhật, Việt-Nam thì chú trọng về nét bút cho gân guốc cổ kính.

Lối nào cũng có ưu-điểm của nó; nên các nhà họa-sĩ lắm người thích cả hai lối, tập theo lối nọ thì tiếc lối kia.

Ngoài ra, một số họa-sĩ cùng một số các nhà chơi tranh, chia ra làm hai phái, mỗi phái bênh vực một lối mà công kích đối phương.

Người bênh lối Tây thì chê tranh Tàu không đúng sự thật. Họ cho rằng vẽ tức là tả theo cảnh thiên nhiên, thì cần theo sát sự thật đã.

Người bênh lối Tàu thì nói rằng lối này có một tinh cách cao thượng, ý nhị, tranh như thế mới cảm được lòng người.

Kỳ thật thì lối nào cũng có sở trường và sở đoản, và người thiên vị thì chỉ bênh cái sở trường của lối mình, bênh mà không nghĩ đến sở trường của đối phương.

Giả thử trong một bức tranh mà được cả cảnh đúng sự thật, lại thêm nét

bút dẫn dỏi nữa thì là thập-toàn rồi còn nói gì nữa.

Nhưng có bao giờ được như thế.

Bởi vì ở sự thật, ở cảnh thiên-nhiên thì mọi hình thể vốn không có « nét » bao bọc xung quanh, vậy theo lối Tây-phương đã vẽ đúng sự thật thì tất không thêm được cái « nét » ấy vào.

Còn người Tàu thì nhìn phong-cảnh rồi lập thể, tả theo ý mình chứ không theo cảnh thật, chỉ lấy nét bút gân guốc hay mềm dẻo, mà tả đủ mọi trạng thái của thiên nhiên.

Cứ như thế thì ta không thể nói bên nào hơn, bên nào kém được.

So sánh hai lối ấy mà đặt thứ bậc cao thấp, thật chẳng khác gì so sánh một bức vẽ phong cảnh với một bức tranh chữ vậy.

Tôi xin giải thích rõ hơn.

Nếu lấy nhẽ rằng vẽ thì tức là phải dựa vào sự thật, dựa vào cảnh thiên-nhiên, và phải cho đúng với cảnh mình đã trông thấy, thì cố nhiên tranh lối tây đúng điều kiện hơn, nhưng đúng điều kiện đã hẵn là hơn đâu.

Nay nếu lại lấy cái nhẽ rằng bức tranh là một vật làm cho người ta trông thấy mà thích mắt, mà vui lòng, tóm lại

NGYM



Bức tranh Tàu

jà dễ cảm xúc vào tinh tình người ta, thì tranh Tàu lại đúng điều kiện hơn.

Vả lại, mỗi dân tộc có một tính tình riêng, cho nên bức tranh lối Tây phương cảm người Tây phương hơn là người Á-đông. Người Á-đông, khi đã thích chơi tranh chữ, thì đối với bức tranh lối Tàu với những nét già giãn gân guốc cảm xúc cũng dễ dãi hơn.

Nếu ta có dịp ngồi yên lặng ở trong một nơi treo đầy tranh Tàu và tranh Tây thì thoát đầu tiên, nếu ta có khiếu về mỹ-quan, tất nhiên ưa cả hai loại đã. Rồi, khi đã ưa, đã yêu, đã thích chê chán rồi, mà còn thừa thì-giờ, ta mới trở nên khó tính, bấy giờ mới bới lông tìm vết mà bắt bẻ, thì người tây-vị đến đâu cũng phải nhận thấy rằng bên mà

minh bênh cũng có cái dở, mà bên bị minh công kích đến đâu cũng không phải là không có cái hay.

Lấy bình tình mà nói, ta thử xem những cái hay cái dở ấy.

Tranh lối Tây thi theo cổ cho đúng sự thật ; có lẽ cũng vì nhờ có khoa-học mà họ chế ra thứ dầu pha sơn, lại tìm ra được đủ chất màu sắc thuận tiện ; nhân đó, các nhà hội-họa tha hồ pha trộn màu sắc cho kỳ đến được đúng như cảnh thiên nhiên. Cũng bởi thế, họ tả cái « chất » của mọi vật rất đúng. Đám mây thì vừa trong, vừa nhẹ, vừa xa ; chất nước thì trong mà bóng, gợn sóng linh-động, coi rất tự-nhiên, cho đến chất đá, chất vải, chất kim-khí, chất thủy tinh, da người, vây cá, thầy đều in như thật, hơn cả chụp hình.

Cái « chất » này là một khuyết điểm của tranh Tàu. Ta chưa từng thấy trong bức tranh Tàu nào tả đúng được cảnh trời tối sáng trắng, hoặc một cái lư đồng một cái bầu thủy tinh cho ra giáng.

Trái lại ở tranh Tàu, ta được thưởng thức những nét rất thần tình. Một nét bút ngoằn ngoèo thành ra thân con ngan rất linh hoạt. Những nét chân chim, chân vịt, cứng cáp, gọn ghẽ, ít thấy có ở tranh Tây. Nhất là những cụm lá trúc, cái non, cái già, ta có cảm tưởng là đúng hơn sự thật.

Đứng trước một bức tranh lối Tây, ta nhận thấy ngay vẻ đẹp ; nhưng sau khi đã nhận xét hết cái đẹp rồi thì ta dễ quên đi. Chứ khi đứng trước một bức tranh Tàu đẹp thì người ta thường thức không chán ; và sau khi đã quay gót rồi, người ta còn nhớ đi nhớ lại cái thể đàn-xếp, cái nét gân guốc, với những cái tiêu tiết nên thơ của bức tranh đã ngắm xem.

Sở dĩ tranh Tàu có cái duyên là khi đẹp thì vô cùng... cũng như đã xấu thì vô hạn — là vì thường họa sĩ vẽ theo những thể lập sẵn.

Người Tàu tập viết chữ thì theo thiếp. Thiếp là những mẫu chữ của các tay danh bút, đem in ra, thường là nền đen chữ trắng. Người thì tập theo lối Vương-Hi-Chi, người thì tập theo lối Triệu-Tùng-Tuyết; lối Nhan-chân-Khanh, lối Liễu-công-Quyền, lối Tăng-quốc-Phiên, lối Lý-Hồng-Chương, nhiều lắm, kể ra không xiết.

Trong phạm-vi hội-họa cũng vậy, người ta in ra những kiểu vẽ đã lập thành sẵn. Hạng sách « Thư họa-đồng-trân », « Giới-Tử-Viên », đều là những kiểu vẽ cho người ta tập theo.

Trong những sách này, người ta cứ chọn thể nào mình thích thì vẽ theo. Nào thể trúc, thể lan, mai, cúc, thể chim đậu, chim bay v.v...

Cứ một thể đã chọn người tập vẽ tập đi tập lại cho đến khi cầm bút vạch ngay lên giấy được những nét thật vừa

ý mới thôi. Cứ một thể ấy mà trải bao nhiêu đời, người ta hạp lực lại mà tô điểm cho nó đẹp thêm, thì, ta thử ngẫm xem, cho đến một ngày kia, nó có thể tăng vẻ đẹp lên đến mực nào.

Cách tập này, có lợi cho vẽ đẹp bức tranh, nhưng có hại hoặc ít ra là bất lợi—cho người tập. Vì người tập vẽ, nếu ra ra ngoài phạm vi những thể đã định ấy, thì luống-cuống ngay, không biết lối nào mà lần nữa.

Tôi đã có dịp được xem một tay danh bút có tiếng là chữ tốt ở Hà-thành, vẽ một cái đầu chim. Ông ta vẽ cái đầu, cái-mỏ, cái mắt, mào, lông chim, rất linh hoạt, hạ bút vẽ ngay, và được ngay chữ không phải dặm đi dặm lại. Nhưng, chỉ vẽ được cái đầu thôi, còn cái thân chim, cái đuôi, đôi chân, thì đành bỏ, không vẽ được. Tôi nài ông ta vẽ nốt thì ông ta trả lời rằng, hồi trước ông ta có tập vẽ ở nhà một ông thầy, thầy dạy vẽ đến đấy, thì phải về nước, rồi không trở lại nữa. Thành thử ông ta cũng chỉ biết vẽ đến cái cổ chim thôi.

Tranh vẽ bằng bút sắt

THƯỜNG thường trong những sách, báo, nhất là trong cuốn tự-vị Larousse, có những bức vẽ nhỏ, nét lẫn tẩn, hình thật rõ, đó là những bức vẽ bằng ngòi bút sắt, rồi in ra.

Vẽ bằng bút sắt thì dùng mực tím, xanh, nâu, hoặc bất cứ màu gì, kể cả vẽ bằng mực trắng trên giấy đen nữa—Tiện lợi, đẹp và rõ rệt nhất, có lẽ là mực tàu.

Mực tàu này mài ra nước, rồi dùng ngòi bút vào mà vẽ.

Ngòi bút dùng vào việc vẽ cũng có nhiều thứ, thứ thì thật nhọn, thứ thì nhọn vừa, cũng nhiều thứ ở tận đầu ngòi có một viên tròn, dùng vẽ được những nét đậm và đều.

Giấy thì thường là hạng giấy mặt nhẵn, mịn, cho khỏi bị ngòi bút xước lên. Hạng giấy ta vẫn dùng làm danh-thiếp, thích-hợp nhất.

Khi mực đã mài cho đủ, cho vừa độ đặc, thì dùng ngòi bút vào mà vạch thử

ít nhiều nét trên một mảnh giấy bỏ đi—phải là cùng hạng với thứ giấy định dùng,—để xem đã vừa ý chưa. Thử như thế, để liệu xem vẽ hạng nét nào là vừa, nét đậm hay mảnh; nếu định vẽ cả nét đậm lẫn nét mảnh thì thử xem nét đậm có thể đến mức nào, và mảnh cũng đến chừng nào.

Phải thử trước cho chu-đáo, và trù liệu cách vẽ; vì, nếu chưa thử đã nhe dạ vẽ ngay, đến khi vẽ được ít nhiều nét rồi mới nhận thấy hạng nét ấy không vừa ý, không thích-hợp với bức tranh thì thật là bất tiện. Bấy giờ chữa lại không được, tẩy hay cạo đi thì rộp giấy lên, mặt giấy sẽ gợn, nét bút sẽ mất cả vẻ tinh-tế.

Vì không thể trình bày ngay ở đây, kèm với bài này, một bức vẽ bằng bút sắt, để giải-thích một cách rõ-rệt hơn, tôi xin cố giải-thích, được phần nào hay phần nấy.

Bất cứ vẽ bằng cách nào cũng chỉ là phác hình thể, rồi tô bằng một hay nhiều màu chỗ tối và chỗ sáng, khiến người xem bức tranh ấy, cũng nhận thấy những cái mà họa-sĩ đã nhận và đã vẽ ra.

Ở bức vẽ bằng chì, thì những chỗ tối đều bôi bằng chì cho đến mức đúng như chỗ tối ở cảnh-vật thật.

Thì vẽ bằng ngòi bút cũng vậy, cũng cố tả chỗ tối chỗ sáng, chỉ có khác là đáng lẽ bôi bằng chì, thì ở đây gạch,—gạch nhiều nét xát khít với nhau cho thành ra những mảng đen thẫm hay đen vừa, đủ tả chỗ tối nhiều hay tối ít.

Họa-sĩ vẽ quen bằng ngòi bút, thì mỗi khi định vẽ một bức tranh, đã lập-thành sẵn trong óc cách thức vẽ từng chỗ một như thế nào rồi.

Vẽ mặt rộng, bằng phẳng, nhẵn nhụi thì gạch những nét mảnh đều nhau, ngắn

đều nhau, và nét nọ cách nét kia cũng đều loạt. Chỗ nét nọ nổi với nét kia phải làm cho khéo, để tránh những chỗ đọng mực làm mất cả vẽ đều đặn của mảng vẽ ấy.

Cũng có thể cùng trong một mảng vẽ, mà chỗ này thì gạch theo một chiều, chỗ kia lại gạch theo một chiều khác, làm như là một lá phen đan. Cũng có thể gạch theo một chiều, để cho khô nét; rồi lại gạch chéo đi trùm lên trên. Có khi đan đến 3 lượt nét trong một chỗ. Trên đây nói để cho khô nét rồi mới lại vẽ lên, là vì nếu nét mực trước còn ướt mà lại vẽ đè lên ngay thì lắm khi bị nhòe, mất cả vẻ đẹp.

Vẽ một mặt phẳng lên thì dùng nét cong vòng lên, vẽ chỗ lõm xuống thì dùng nét cong vòng xuống.

Cả những nét thẳng lẫn nét cong đều có thể đan chéo, nét nọ với nét kia, để khoảng vẽ đen tối hơn.

Như vẽ một nền trời tối có mặt trăng với vài đám mây sáng, thì cố nhiên chỗ mặt trăng để giấy trắng, còn những đám mây, đối với nền trời tối tuy có sáng hơn, song đối với mặt trăng thì lại là tối. Cho nên nền trời thì tối hẳn, mà vẽ bằng những gạch thật khít nhau, và chồng chất đan đi đan lại đến bốn năm hoặc sáu lần. Những đám mây thì gạch sát nhau vừa vừa thôi, và đan đi đan lại độ hai ba lần đã đủ.

Vẽ cảnh trăng như trên đây, cái khéo là ở chỗ lựa chiều nét cho rõ những đám mây cuộn cuộn, mà cạnh nào hướng vào mặt trăng thì để sáng hơn.

Vẽ những đám mây ấy tất phải dùng những nét cong, còn nền trời thì dùng nét thẳng. Song, xung quanh mặt trăng có quang sáng thì khi vẽ đến chỗ ấy, cũng phải dùng nét vòng cong cho đúng với cảnh thiên nhiên.

Bức vẽ mặt trăng này mà xong thì phần tối nhiều hơn phần sáng ; và ở chỗ nền trời tối, người ta chỉ thấy chỉ chút những nét đen, với những hạt cát trắng lăn tăn, do nền giấy trắng còn để sót lại.

Nếu dưới nền trời mây và mặt trăng này lại có cảnh vật, như cây cối, nhà cửa nữa, thì những cây ấy, những nhà ấy lại tối hơn nền trời, nếu vẽ ra thì tất phải gạch nét cho tối hơn nữa, nghĩa là đan thêm vào đó vài lần.

Như trên đã nói, vẽ bằng ngòi bút thì quan-trọng nhất là lựa chiều nét bút. Tỉ như vẽ một con chim, thì cần phải xem chiều lông của nó mà vẽ cho đúng. Ai đã để ý nhận xét ở những bức thêu hoa-điều, thì thấy ngay chỗ hơn kém trong bức có theo chiều lông chim với bức không theo. Những thợ thêu thiếu kinh-nghiệm thì cứ đặt liều đường chỉ, cho đây chỗ cần phải thêu lên, nên lắm khi người ta thấy lông chim chạy ngang từ mỏ đến đuôi. Thợ có ý tứ thì khác hẳn. Họ đặt đường thêu quanh mắt con chim, rồi ở đầu theo đúng chiều ở đầu, ở cánh lại đặt những đường-chỉ đúng như ở lông cánh, và ở phần đuôi cũng vậy.

Người không biết trông thì nhìn một con chuột, chỉ biết rằng ngoài da nó có lông, nhưng ít khi nhận thấy chiều lông mọc ở đầu, ở chân, ở cổ ra sao, cũng như trông vào một cái lá thì chỉ biết hình thê cái lá ấy như thế, chứ

hỏi đến những gân lá di như thế nào thì ít ai đã trả-lời được.

Người vẽ bằng bút sắt, khéo hay vụng, cũng bởi cách khiến chiều những nét bút ấy.

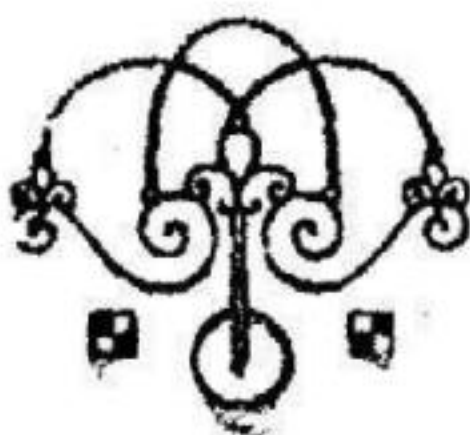
Ngoài cách vẽ cảnh vật nói trên đây, với bút sắt, người ta lại còn vẽ những kiểu nhà, kiểu bàn ghế, và tỉ-mỉ nữa thì vẽ máy móc.

Một cách xử dụng ngòi bút-sắt nữa, là vẽ bằng thuốc trắng trên giấy đen. Bằng cách này, người thợ vẽ có thể trình bày những kiểu ren (dentelle) rất đẹp.

Ai chả đã nhận thấy ở loại giấy bạc năm trăm những nét vẽ bằng bút sắt ngòi nhọn hoắt. Nét thì là màu đỏ, nét thì là màu vàng, màu nâu, màu xanh, nét nọ đan với nét kia, thành hình người và những kiểu trang-trí như hoa, lá, quả v.v.. Trên khuôn mặt người, lại có những chỗ bóng đánh thật mịn màng, mà nếu soi kính hiển-vi mà xem thì toàn là nét bút rất mảnh.

Có họa-sĩ tỉ-mỉ dùng ngòi bút vẽ, nhưng không gạch nét dài hoặc ngắn, mà chỉ làm toàn những chấm, chấm chỉ chút thành một bức tranh rất khéo. Thật đã công phu—vì, tính ra, cứ cho mỗi phân vuông là 50 gạch hoặc 250 chấm, thì, trong một bức tranh cao 20 phân, rộng 60 phân, có không kém 15 vạn chấm hoặc 3 vạn nét gạch như nói trên đây.

NGYM





HỘI-NGHỊ PHỤ-NỮ tại toàn-bộ Thái-Bình-dương

MỘT Đại Hội nghị phụ nữ, gồm hàng trăm đại-biểu trong gần 15 xứ đã nhóm tại Christchurch ở Tân Tây Lan (Nouvelle Zélande), từ ngày 11 tới 24 tháng giêng năm 1952. Nước chúng ta có được mời đi dự hội, và Chính-phủ Trần-văn-Hữu có gửi đi 4 đại-biểu : Bà Tăng-xuân-An, Hiệu-trưởng trường Trung-học Trưng-Vương tại Hà-nội, Cô Hồ-thị-Thanh, Hiệu-trưởng trường Trung-học Đồng-Khánh tại Huế, Bà Nguyễn-đình-C hi, hội viên Hồng-thập-tự tại Huế, và tác-giả bài này là Nữ Trưởng phái đoàn Việt-Nam.

Chúng tôi dự Hội nghị phụ nữ Thái-bình-Dương, với những đại-biểu « Hồi quốc » (Pakistan), đại-biểu xứ Ấn-độ, Miến-điện, Thái-lan, Cao-miên, Nam-dương, Phi-luật-Tân, Úc-đại-Lợi, Tân Tây-Lan, Nhật-bản, Mỹ, vân vân...

Vài cù lao ở Thái-bình-Dương ; Hawai, Samoa, Figi, Tanga cũng có gửi đại-biểu đi dự...

Thật là cuộc nhóm họp tốt đẹp và sắc sảo về phương diện y phục riêng của mỗi xứ, đủ các màu sắc, và đủ kiểu khác nhau : Saris Ấn-độ, choàng Mã-lai, áo dài Việt-Nam, khăn màu rực rỡ của Xiêm, Miến-điện, vân vân...

Nhưng mục đích của Hội nghị phụ-nữ này không phải là đề trưng bày y phục. Ấy là một việc quan trọng hơn : là sự nghiên cứu tình hình xã hội và « quyền pháp luật » về phụ nữ trong các nước dự hội. Những đại-biểu trình bày cách sinh hoạt và hành động của phụ-nữ trong xứ của mình, vai tuồng của phụ nữ trong gia-đình và ngoài xã-hội : quyền lợi thâu được và quyền lợi chưa có.

Nói tới vấn đề này, thì phải đề cập tới vấn đề giáo-dục. Cho nên, các vấn đề giáo dục đã được đem ra nghiên cứu trong cuộc hội nghị ; giáo dục nơi gia-đình, nơi trường, giáo dục kẻ đã trưởng thành.

Những vấn đề quốc tế cũng được đem ra xem xét : trợ giúp kỹ thuật của các nước giàu cho những nước ít được mở mang ; thương mại và tài-phiet quốc-tế ; những lý do về biến loạn xã-hội. Những vấn đề này đều liên kết với nhau và có ảnh hưởng quan trọng trong cuộc sinh hoạt của xứ và mỗi gia-đình.

Vì vai tuồng quan trọng của phụ nữ trong các nước văn-minh tiến bộ, nên Hội nghị chú trọng đến những việc mà phụ nữ có thể gánh vác trong các ngành hoạt động xã hội, như trong nền kinh tế là chính trị của xứ mình. Vì sự thực-

Bà NGUYỄN-THỊ-CHÂU

hành và uy tín của mình, phụ nữ có thể giúp vào việc tiến bộ xã hội và thịnh vượng của xứ sở. Bởi vì đàn bà thường sống gần thực tế hơn đàn ông, nên phụ nữ có thể cứu giúp những sự khốn khổ, băng bó những vết thương xã hội, như nạn hành khát và những sự truy-lạc.

Nhiều người tưởng rằng một cuộc hội nghị như thế là cốt ý để tranh cho nữ-quyền chủ nghĩa, nghĩa là đàn bà luôn luôn đòi hỏi quyền lợi của mình, vì muốn bình đẳng hoàn toàn với đàn ông. Nhưng đó là một ý tưởng sai-lầm, vì nơi hội nghị ở Christchurch, người ta đã xác nhận rằng « địa-vị trọng-yếu » của phụ nữ là nơi gia-đình, và vai-tuồng chính của họ là : làm vợ và làm mẹ. Nên phụ nữ phải được huấn luyện về bổn phận và trách nhiệm của mình, chẳng những về phương diện gia-đình, mà cả đến phương diện xã hội nữa.

Ấy là một bài học mà đàn bà Việt-Nam thâm nhập được trong hội nghị này. Chúng ta còn cần phải học thêm với mấy xứ như Hợp-chủng-quốc, Úc-đại-lợi, Tân Tây-Lan và Pháp. Phụ nữ trong các xứ ấy hoạt động nhiều hơn phụ nữ Việt-Nam. Bởi sự kết hợp, và tinh thần tương trợ, họ giúp đỡ những kẻ nghèo và tàn tật trong xứ họ; họ cứu trợ những sự khốn khổ và làm dịu bớt các sự bất công xã-hội.

Đáp lại, mấy xứ này tỏ tình hân hạnh tiếp rước phái đoàn Việt-Nam, và muốn rõ biết tình hình về đời sống của phụ-nữ Việt-Nam. Bà Tăng-xuân-An có bày tỏ về « quyền pháp luật » của người đàn bà ở Việt-Nam, và chính tôi có giảng giải nhiều lần về gia-đình Việt-Nam và các giai cấp xã hội nơi xứ sở của chúng ta. Tôi cũng có lên đài phát thanh bàn về tình hình giáo-huấn nơi xứ Việt-Nam. Câu truyện này đã

được truyền thanh ra khắp xứ Tân Tây-Lan, ngày thứ hai, 21 tháng giêng. Tôi có đem theo một cuốn phim màu chụp mấy ngày Tết 1951 tại Saigon với các lễ tiết chính nơi đài kỷ-niệm và cảnh náo-nhiệt của đô thành trong mấy ngày đó. Cảnh thiên hạ đi mua bông cúc, xe xích-lô đạp và xích-lô máy chạy ngồn ngang ngoài đường làm vui mắt đại-biểu các xứ.

Thêm nữa, tôi có trưng ra một tấm tranh lớn bằng lụa thêu bông hoàng cúc, và tôi có bày một cuộc triển lãm hình chụp đàn bà và trẻ con Việt-Nam. Cuộc trưng bày này được hoan nghênh vẻ vang nơi Hội nghị.

Sự tiếp đãi của Phụ nữ Tân Tây-Lan đối với phái đoàn Việt-Nam rất ân cần trọng hậu. Chúng tôi với các phái đoàn khác, được mời dự tiệc trà liên tiếp và đi tới đâu, người ta đều khen ngợi vẻ đẹp tha thướt của y phục phụ nữ Việt-Nam.

Chúng tôi có đi viếng các trường tiểu học và trung học thành Christchurch; chúng tôi có thăm các nhà thương và các « nông sở chăn nuôi thú vật ». Chúng tôi đã ngạc nhiên trước một tiểu-tiết tổ-chức trong các trường nam, bậc trung-học : nơi đây người ta dùng roi mây để sửa trị những trò ương ngạnh. Chúng tôi cũng có viếng các nhà sửa trị trẻ con đã phạm pháp—traí và gái—cả thấy những nhà trên đây đều sạch-sẽ bóng loáng với những dụng cụ tân thời.

Có một cảnh mà ai nấy đều ưa thích, là du khách nhận thấy vô số vườn hoa với những bông tươi đẹp nhất trên thế giới : bông hường, bông le-on (glaiuils) và bông ơ-ê (oeillets).

Điều thú nhì là sự thanh khiết hoàn toàn trong nhà cửa, từ phòng ăn, ngủ, tới buồng tắm và phòng rửa mặt.

Về phương diện xã hội, Tân Tây-Lan là một xứ tiến bộ khả quan, trên thế giới. Ngoài đường, không có kẻ đi ăn xin. Mọi người đều tìm được việc làm và ai nấy đều kiên gan làm việc đặng xứng đáng với địa vị mình.

Trên đường về, phái đoàn Việt-Nam được ông De Fonscolombe là người thay mặt Đặc sứ thần Pháp ở Wellington tiếp rước trọng hậu. Qua tới Sydney, ông Strauss là Lãnh sự của Pháp quốc

tại Sydney cũng tiếp rước phái đoàn Việt-Nam rất ân cần.

Nhờ Hội nghị này, phụ nữ Việt-Nam đã kết tình bạn hữu với đại-biểu các xứ ở toàn bộ Thái-bình-dương.

Tôi ước mong tình bạn hữu này sẽ bền chặt lâu dài.

(Đã đọc tại đài Phát-thanh Quốc-gia, trong một buổi đặc-biệt do Bộ Quốc-gia Giáo-dục tổ-chức)

Xuân tin-tường

Mưa liên miên mấy thuở đến bây giờ ?
 Mưa theo gió đang say sưa tàn hại...
 Cả cảnh rừng nghiêng ngã mình rồ dại...
 Mưa trút mưa...Sấm rung động tung hoành.
 Ôi ! cảnh đời e nhuộm ý mong manh :
 Cả Vũ trụ sắp tan tành chốc lát...
 Gió rượt gió... Mưa trút mưa ồ ạt...
 Muôn cuộc đời phiêu bạt khóc đau đây...
 Nỗi đớn đau đưa gửi ý sầu lây.
 Buồn Đất Nước khơi về hồn vạn đại.
 Tôi tưởng thấy qua gió mưa quẩn quại,
 Những cảnh gì là màu nhiệm say sưa.
 Đưa tay bưng ấp lấy trán bơ vơ,
 Một sức mạnh không bờ khơi rộng ý.
 Mưa gió rống, sấm rưng rờ âm ỹ.
 Cây gãy dần... cuộn cuộn thác sông trôi.
 Mưa trút mưa hút gió réo đời hồi :
 Cả Vũ trụ tưởng chừng gần nứt rạn...
 Nhưng hồn ơi !

Ngày mai trời lại sáng !
 Hồn nghe chẳng muôn vạn tiếng hoan hô ?

NGUYỄN-HUYỀN-LINH

PHÊ BÌNH *thời sự*

Cảm-tưởng về ngày « Phụ-nữ » 1952

MÙNG 6 tháng 2 ! Nhằm ngày kỷ-niệm Trung-Vương, hai vị nữ anh hùng của dân tộc, Đức Quốc-Trưởng Bảo-Đại đã cho tổ chức trong khắp nước, ngày Hội Phụ-Nữ,

Sáng kiến đẹp đẽ và cao cả ấy sẽ sửa chữa các nguyên-tắc sai lầm « nam tôn nữ ty », và « trọng nam khinh nữ ».

Thực là một vinh dự lớn cho Phụ - Nữ. Dưới đây, ta thử nhìn lại quá-khứ và nhận xét ở hiện-tại xem phụ-nữ Việt-Nam có đủ năng lực và hoàn cảnh thuận-tiện để bước chân ra ngoài xã - hội, cùng cộng - tác với nam-nhi chăng ?

1 — *Tinh-thần dân-tộc.* — Dưới sự hà-khắc của nhà Đông-Hán, bà Trưng-Trắc và em là Trưng-Nhị nổi lên đánh đuổi Tô-Đĩnh, làm vua được 3 năm.

Làm tướng thì có bà Lê-Chân, bà Triệu-Âu, hai bà đều có sức mạnh, chí khí, can trường và thao lược.

« Tôi muốn cưới con gió mạnh, đập làn sóng dữ, chém cá tròng kinh ở bể đông, quét sạch bờ cõi, để cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối, chứ không thêm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng làm ty thiếp người ta ».

Đó là lời nói khẳng khái của Nhụy-Kiều tướng quân, tức là Triệu-Âu, ngụ đầy một chí khí anh hùng.

Đã có Bà Trưng, phải có Bà Triệu, đã có Bà Triệu, phải có bao vị nữ-anh-hùng Việt-Nam khác nữa.

Vi lễ giáo, vi phong tục, vi tập quán, trải bao thế-kỷ, phụ nữ Việt-Nam phải sống dưới chế độ phục tòng : ở nhà, phục tòng cha, xuất giá, phục tòng chồng, chồng chết, phục tòng con, mà vẫn có đủ bốn nết : Dung, Công, Ngôn, Hạnh.

Tuy sống trong khuê khốn, có bậc đã nêu cao tinh thần dân tộc, có bậc đã được tiếng khen là mẹ hiền, vợ đảm.

Chứng minh về đức trinh thực, có truyện mẹ ông Thủ-Khoa Nguyễn-Cao, cương quyết thờ chồng nuôi con, truyện bà Phan-thị-Thuần tuần-tiết và nhiều bà quả phụ khác, tòng nhất nhi chung.

Riêng chứng minh cho đức đảm đang, có đôi câu đối của Cụ Yên-Đồ khóc cụ bà :

« Tôi, trước cũng nghèo thay ! May gặp bà hay lam hay làm, thất lưng bó que, sẵn váy quai cồng, vôi vàng chân nam đá chân chiêu, thu xếp cửa nhà nên mọi việc.

Bà NGUYỄN-DUY-CẦN

Bà, đi đâu vội thế, để cho tôi vất vợ vất vương, búi tóc củ hành, buông quần lá tọa, gật gù tay đũa với tay chén, cùng ai kể lẽ truyện trăm năm».

Đầu đội vai mang, hai sương một nắng, phụ nữ nước ta có cái đức nhẫn nại, chịu khó hơn phụ-nữ các nước, cho việc nuôi chồng đi học, đi thi, nuôi con nên vợ nên chồng là việc bổn phận.

Quanh năm buôn bán ở mom sông
Nuôi đủ năm con với một chồng....
Đó là hai câu mở đầu bài thơ của ông Tú-Xương tả bà vợ đảm của ông. Bài thơ này có thể tặng vô số các bà nội trợ Việt-Nam.

Từ tản cư đến hồi cư, nước nhà đã sinh-xuất ra nhiều bà Tú-Xương như thế.

Mặc dầu có những phong trào phụ nữ giải phóng ở ngoài đồn dập sang đất nước nhà, trừ một số ít chị em thiếu giáo dục, thiếu quan sát, thiếu suy nghĩ, nhiễm phải những cái lỗ lã, của người thì hay mà ta bắt chước thì dở, làm mất bản chất thuần túy của gái Việt-Nam, còn nhiều người sáng suốt, nhận định, duy trì được những lời giáo huấn tốt đẹp hợp với phong tục, hợp với trào lưu.

II. Tinh-thần học hỏi.— Dưới chế độ thủ cựu, phần nhiều gia-đình có thành kiến : con gái đã giỏi về chữ thì kém về đức. Cho nên có câu : « Nữ tử vô tài tiện thị đức » nghĩa là con gái không tài, tức là đức đó. Thế mà văn học sử nước, nhà cũng đã ghi danh nhiều bậc nữ-lưu xuất-chí, nhiều nữ-sĩ mà tiếng thơm còn lưu lại ngàn thu...

Các bà Đoàn-thị-Điểm, Hồ-xuân-Hương, Ngọc-Hân và bà Huyện Thanh-Quan thì giỏi về thơ ca bằng chữ nôm, khiến các danh-sĩ thuở ấy như ông Đặng-trần-Côn cũng phải phục tại. Bà Điểm có

soạn quyển « Tục Truyện Kỳ » bằng chữ nho và diễn nôm cuốn Chinh-phụ-Ngâm.

Bà Hồ-xuân-Hương có một lối thơ biệt phái di-dễm và tài tình :

Thân em thì trắng phận em tròn,
Bầy nòi ba chìm với nước non.

Bà dùng chữ thuần nôm, tả rất khéo, lại hay gieo những vần oái oăm. Thơ bà đầy tình tứ chua chát, nghe như ngâm đắng nuốt cay...

Nửa cung gầy phím cầm lạnh,
Nỗi con côi-cút, nỗi mình bơ-vơ...

Đó là lời văn bi đát, lâm ly của bà Ngọc-Hân khóc vua Quang-Trung.

Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia-gia...

Đó lại là hai câu luận trong bài thơ tức cảnh «qua Đèo Ngang» của bà Huyện Thanh-quan dưới thời Tự-Đức.

Sau thời các bà, phụ-nữ đã được bình đẳng về văn học. Đàn bà được đi học, đi thi, viết báo, làm sách. Phong trào học hỏi không còn sức mạnh nào kìm hãm.

Mặc dầu các triết-nhân đã nêu lên những sự khác nhau về tâm-lý giữa nam và nữ, chị em cũng đã gắng công đèn sách không kém gì nam giới.

Học mới, phụ-nữ đã thông thạo tiếng nước người, lại còn trau dồi quốc văn rất nhiều. Có nhiều bậc đi du-học ngoại-quốc ; lại có các vị viết báo làm sách, nổi tiếng là những văn-nhân thi-sĩ...

III. — Tinh-thần xã-hội.— Trong các thời đại thủ cựu, phụ-nữ cũng có làm việc xã-hội, nhưng chỉ trong phạm-vi nhỏ hẹp.

Sang thời đại duy tân, mọi việc xã-hội đều có tổ chức và mở rộng phạm-vi hoạt-động. Chị em đã bước qua ngưỡng cửa gia-đình, mạnh bạo dấn mình vào

những công tác xã-hội. Các việc nghĩa, các hội như Phụ-Huynh học sinh, Du-học bảo trợ, Cấp tế nạn nhân chiến tranh, Hồng-thập-tự, v.v... đều có bàn tay từ-bi, bác ái của nữ-giới nhúng vào.

Trong nước có hàng trăm nghìn vạn bà Mạnh thường quân như bà Cả Mộc Hà-nội.

Phụ-nữ nước ta tuy nghèo về tiền bạc, nhưng rất giàu về từ tâm.

Là vì chịu ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo, Thiên Chúa giáo, phụ-nữ tin tưởng ở việc nhân nghĩa, ở thuyết từ-bi của đức Như-Lai, ở lòng bác ái của đức Cứu thế.

Ở hiền thì lại gặp lành, ở ác thì lại tan tành ra gió.

Tóm lại, phụ-nữ Việt-Nam trong lịch sử 4.000 năm, tạm chia làm hai thời đại : thời đại thủ-cụu và thời đại duy tân; trong mỗi thời đại có những tinh thần đấu tranh, tinh thần gia-đình, tinh thần học

hỏi, tinh thần xã-hội như trên tôi vừa nói. Sau ngày Hội Phụ-nữ năm nay, tinh thần cố-hữu ấy tất sẽ được phục-hưng và phát-buy thêm mãi.

Phụ-nữ đã chiếm một nửa dân số, đã được quốc dân chú ý. Đức Quốc-Trưởng Eáo-Đại đã khai sinh ngày Phụ-nữ. Đức Hoàng Thái Hậu đã treo giải-thưởng về nữ-công nữ-hạnh, Đức Nam Phương Hoàng-Hậu sẽ cấp học bổng cho nữ sinh du học.

Ba cử chỉ cao quý đó sẽ kết hợp, đan luyến ra một thứ linh đơn bồi dưỡng cho Phụ-nữ thành những trang nữ-tử thông-minh, nét-na, đảm-đang, hoàn toàn là gái kiều mẫu Việt-Nam. Đã có năng-lực lại gặp hoàn-cảnh thuận-tiện,, ta có lo gì phụ-nữ chẳng sẽ cùng nhau đoàn-kết với nam-nhi, mạnh bạo bước ra ngoài chốn hương-khuê, để góp phần vào công-cuộc phục hưng Tổ-Quốc và kiến-thiết tương-lai ?

Phụ-nữ Nhật-Bản trên đường dân-chủ

TỪ ngàn xưa tới gần đây, Phụ-nữ Nhật cũng như phụ-nữ Việt-Nam, Trung-Hoa, thường không vượt khỏi ngưỡng cửa gia-đình Công việc quốc-gia xã-hội đều đã có các bạn nam-nhi phụ-trách. Phụ-nữ chỉ còn thiên-chức là tề gia nội-trợ ; cuộc đời ngoài nghìn dặm đối với họ hầu như không đáng kể.

Ngay mấy năm trước, phụ-nữ Nhật, cũng như chị em nước nhà, đã nỗ-lực làm ăn trong vòng cổ-tục. Đồi phen du khách ngoại-quốc dạo trên lề đường thành-phố Đông-Kinh, trông thấy những

thiếu-phụ hoặc thiếu-nữ thướt tha trong bộ « kimono » sắc sỡ, đã tưởng lầm là họ rong chơi. Nhưng, thực ra, họ đang lo mua bán cho gia-đình !...

Nhưng, từ sau trận đại-chiến thứ hai, dân-tộc Nhật-Bản đã bắt đầu làm quen với chế-độ dân-chủ, do tướng Mác A-Tơ gieo mầm, và từ đấy, cuộc sống hàng ngày của họ cũng bắt đầu thay đổi. Vừa dịp bản Hiến-pháp 1945, đã đến lời cuốn phụ-nữ Nhật theo con đường dân-chủ, khiến họ đảm nhận một vai trò mới trong đời sống trên đất Phù-Tang.

Do đạo-luật này, nhiều sự cải-cách đã được thi-hành, để dọi những tia sáng trong trời giữa chốn hương-khuê. Phụ-nữ đã trở nên những cá-nhân trước pháp-luật. Họ được quyền bầu-cử và ứng cử, được làm việc trong các công-sở.

Nhiều chi-tiết còn quy-định rằng từ nay, hôn-thú sẽ được thực-hiện theo sự thỏa-thuận của đôi bên trai gái, trên một căn-bản hoàn-toàn bình-đẳng.

Khoản thứ ba lại cho phép phụ-nữ được quyền hưởng gia-tài và xử-dụng tư-sản theo lòng sở-nguyện. Pháp-luật về mục ly-hôn cũng đã được cải-cách ; và họ có quyền xin ly-dị như nam-giới.

Phụ-nữ Nhật đã nhiệt-liệt hoan-ngênh các đạo-luật mới này ; bằng chứng cụ-thể là trong cuộc bầu-cử năm 1946, số phụ-nữ đi bỏ phiếu đã lên tới hai phần ba tổng-số những người đến tuổi trưởng-thành.

Từ nước Nhật-Bản cổ-diễn cho đến nước Nhật-Bản duy-tân, lần này là lần đầu tiên mà phụ-nữ đã được đóng một vai trò quan-hệ trên vũ-đài chính-trị. Con số 39 nữ nghị-viên Nhật-bản đã chứng tỏ một cách hùng hồn bước tiến mạnh mẽ của họ trên đường dân-chủ. Hiện giờ trong các công-sở, số nữ-lưu làm việc đã khá đông.

Trong cuộc đầu phiếu toàn quốc năm ngoái, số phụ-nữ đi bầu-cử lại đã trội hơn cả số nam-giới.

Trông người, lại nghĩ đến ta. Địa-vị của phụ-nữ Việt-Nam hiện nay ra sao ? Nhưng trước hết, ta hãy nêu lên câu hỏi : phụ-nữ nước nhà đã làm được những gì ? Kề ra chị em đã tỏ rõ có nhiều thiện-chí. Biết bae vị vợ thảo, mẹ hiền đã không ngại tảo-tàn trong lúc tản-cư, nay

đây mai đó, để nuôi nấng gia-đình. Một số đông khác đã đóng vai công-chức, để bae dân cộng-tác với nam-nhi. Trong các trường trung-học và đại-học, số nữ sinh, đối với các thời kỳ trước 1945, đã tăng lên gấp bội. Trong các công cuộc xã-hội, bạn nữ-lưu lại chiếm một địa-vị khả quan... Tuy nhiên, chúng ta còn phải gắng công nhiều, để dự một phần xứng-đáng vào công cuộc kiến-thiết non sông. Nào có cần gì phải đi ra ngoài ngàn dặm, hay giữ những nhiệm-vụ lớn lao, mới có thể bồi đắp giang-sơn, trong cơn giông-tổ, giữa lúc chân trời còn vẫn đục những nỗi tang thương, và tiếng rên rỉ còn vang dội sau khắp các lũy tre xanh ! Ngay trong chốn hương-khuê, nếu ta biết rung-động trước tiếng gọi thiết-tha của đất nước, nếu ta biết khuyên nhủ cha anh hay con cái, bằng-hữu hay lân-bang, nếu ta biết đặt Tổ-Quốc trên cả gia-đình yêu-dấu, thì ảnh-hưởng của ta chẳng phải là nhỏ mọn nào. Xưa kia, sở-dĩ dân Sparte đã nổi-danh là một xứ hùng-cường, một phần lớn cũng là tại các phụ-nữ đã nhấn nhủ con em : « Nếu gương của người ngấn, thì hãy cố tiến lên bước nữa, để đánh trúng kẻ thù. »..

Nếu ta làm tròn nhiệm-vụ, thì có lo gì Tổ-quốc thân-yêu chẳng nghĩ đến ta, trong khi nêu cao quyền lợi của công-dân ? Giờ hành-động đã điếm rồi. Trong nước Việt-Nam độc-lập, không còn có chỗ cho kẻ đôn hèn, dù là gái hay trai... Muốn tranh-thủ cho nữ-quyền ư ? Ta hãy gắng công phụng-sự, để đất nước được hùng-cường. Uy-quyền và địa-vị sẽ đến tới ta, nếu ta thành-công trong việc củng-cố giang-sơn, và xây dựng nền tự-do dân-chủ, chống lại ách độc-tài.

NGUYỄN-PHƯƠNG-LAN



A. - Công-văn

Sắc-lệnh số 6-GD ngày 20-1-1952 ban hành lệ cưỡng-bách giáo-dục đối với trẻ con Việt-Nam từ 6 đến 14 tuổi.

ĐỨC BẢO-ĐẠI QUỐC-TRƯỞNG

Chiều.

Sắc-lệnh :

Điều thứ 1 — Nền tiền-học sẽ cưỡng-bách đối với con trai, con gái Việt-Nam từ 6 đến 14 tuổi. Các trẻ con ấy phải theo học tại các trường, công hay tư. Các gia-trưởng có thể dạy lấy các con mình hay nhờ người dạy. Hạn học tối-thiểu là ba năm.

Chiều theo lời đề-nghị của Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục và Tổng-Trưởng Bộ Y-Tế, Thủ-Tướng Chánh-Phủ sẽ ban-hành nghị-định xác định những điều-kiện áp-dụng về sự cưỡng-bách đi học đối với trẻ con bất túc hay bất thường và trẻ con tàn tật (mù hay điếc và câm),

Điều thứ 2. — Những người có trách-nhiệm : cha, giám-hộ hay bất cứ người nào trông nom đưa trẻ từ 6 đến 14 tuổi chẵn, tính đến ngày khai trường, phải ghi tên, ít nhất là một tháng trước ngày khai trường, vào danh-sách học trò do nhà cầm quyền sở tại giữ :

Phải khai rõ tên, họ, ngày và nơi sinh đứa trẻ, tên họ, chỗ ở và nghề-nghiệp người có trách-nhiệm cùng cách thức cho trẻ theo học thể nào : trường công, trường tư hay học tại nhà. Trong hai trường hợp sau này phải chỉ rõ danh hiệu và địa-chỉ trường tư thực hay tên họ và chỗ ở của người dạy đứa trẻ.

Đối với những trẻ con nào đã học hết thời hạn bắt buộc nói trong điều thứ nhất, phải ghi rõ thời hạn học là bao lâu hay theo học người nào,

Những người có trách nhiệm, trước đã khai cho trẻ con học ở một trường công, phải xin Hiệu-Trưởng trường mình đã chọn ghi tên ngay các trẻ con ấy.

Điều thứ 3. — Hàng năm, trước ngày khai trường một tháng, nhà chức trách địa-phương phải lập một bản danh sách trẻ con từ 6 đến 14 tuổi và báo bằng yết thị hay bằng các cách khác cho người có trách-nhiệm trông nom đưa trẻ biết ngày khai trường.

Đối với trẻ con nào có tên trong bản danh-sách này theo điều-kiện xác định ở điều khoản trên, những người có trách-nhiệm phải tùy theo trường-hợp, xác nhận hay đình - chánh lời khai trước. Trái lại, tên nó sẽ ghi đúng theo thể-thức dự liệu ở điều khoản 2 trên đây.

Mười lăm hôm, trước ngày khai trường, các nhà chức trách địa-phương sẽ gửi đến các Thanh-Tra Tiểu-học hàng tỉnh danh-sách những trẻ con phải xin vào học, nói rõ cách học chọn lựa y theo lời khai của những người có trách-nhiệm. Bản danh-sách ấy chia làm ba đoạn, tùy theo cách thức dạy học (trường công, trường tư, trường gia-đình) trong hai đoạn nói trên có chia từng đoạn nhỏ đối chiếu vào mỗi học hiệu.

Điều thứ 4. — Khi một đứa trẻ, chưa học hết thời hạn bắt buộc, mà bỏ trường học, người có trách-nhiệm trông nom đứa trẻ phải báo ngay viên Hiệu-Trưởng và phải nói rõ đứa trẻ ấy về sau này sẽ tiếp tục sự học bằng cách nào.

Điều thứ 5. — Cứ mỗi cuối tháng, các viên Hiệu-Trưởng (công hay tư) sẽ gửi đến viên Thanh-Tra tiểu-học hàng tỉnh danh-sách những học-sinh đã thôi học tại trường mình.

Điều thứ 6. — Trong trường - hợp các Hiệu-Trưởng các trường tư-thực không tuân theo các điều-khoản ấn-định ở điều thứ 5 trên này, thì Ông Thủ-Hiến địa-phương hay là do sự ủy-nhiệm đặc-biệt các ông Quận-Trưởng, Thị-Trưởng

hay Tỉnh-Trưởng sẽ áp-dụng các khoản trừng phạt sau này, chiếu tờ trình của ông Thanh-Tra tiểu-học hay các nhà chức trách sở-tại :

a) — Cảnh cáo.

b) — Đóng cửa trường trong thời hạn nhiều nhất là 1 tháng,

c) — Nếu tái phạm trong cùng một niên học, đóng cửa trường trong thời hạn nhiều nhất là 3 tháng.

Điều thứ 7. — Khi người có trách-nhiệm trông nom một đứa trẻ đúng tuổi đi học quên hay là không chịu khai đúng theo điều 2 và 3 trên đây hay khi một đứa trẻ đang học mà nghỉ quá 15 buổi học trong một tháng không có bằng có thì người có trách-nhiệm trông nom nó sẽ được mời trong kỳ hạn 3 ngày đến trình diện với nhà chức trách có thẩm quyền đề nhắc lại cho họ các khoản đã ấn-định trong đạo Dự này và giải-thích cho họ nghe bổn-phận của họ.

Điều thứ 8. — Nếu không có giấy khiếu vi lý do chánh đáng người được mời đúng theo điều 7 trên đây, không đến trình diện trong thời hạn nhứt định, nhà chức trách có thẩm quyền sẽ ra lệnh niêm yết một tháng tại nơi công trường tên, họ, nghề-nghiệp của người có trách nhiệm trông nom đứa trẻ và ghi rõ lỗi đã phạm.

Điều thứ 9. — Trong trường-hợp tái phạm, người có trách-nhiệm phải chịu hình phạt ghi ở điều 475 và 478 bộ hình luật ; viên Thanh - Tra tiểu-học, chiếu theo tờ trình của nhà chức trách, phải gửi đơn khiếu tố đến viên thẩm-phán hòa-giải.

Điều thứ 10. — Trong năm nào mà tổng cộng những buổi đứa trẻ nghỉ học không xin phép tính ra quá một phần ba tổng số các buổi học thì năm ấy không kê vào thời hạn học bắt buộc.

Điều thứ 11. — Thủ-tướng Chính-phủ, Phó Thủ-Tướng, Tổng-trưởng Bộ Tư-Pháp, các Tổng-Trưởng, Bộ-Trưởng và Thứ-Trưởng, các Thủ-Hiến các Phần chiếu nhiệm-vụ thi hành Sắc-lệnh này.

Làm tại Sài-gon, ngày 20-1-1952

Ký tên : BẢO-ĐẠI.

Phó thư

Thủ-tướng Chính-phủ

Ký tên : TRẦN-VĂN-HỮU

Tổng-Trưởng Bộ Q.G.G.D.

Ký tên : VƯƠNG-QUANG-NHUỜNG

Sắc-lệnh số 7-GD ngày 20-1-1952 hạn-định trong 2 năm mỗi công-dân Việt-Nam phải biết đọc và biết viết chữ quốc-gia.

ĐỨC BẢO-ĐẠI, QUỐC-TRƯỞNG,
Chiếu

Sắc - lệnh

Điều thứ 1. — Trong hạn hai năm kể từ ngày ký Sắc-lệnh này, mỗi công dân Việt-Nam bất luận nam nữ từ 13 đến 50 tuổi, phải biết đọc và biết viết chữ quốc-gia.

Điều thứ 2. — Hàng năm, trong tháng giêng dương-lịch, người gia-trưởng phải gửi đến các nhà chức trách nơi trú quán của mình một tờ khai nói rõ tên, họ và nghề - nghiệp những người trên 13 tuổi không biết đọc, biết viết ở trong nhà mình.

Điều thứ 3. — Mỗi năm các nhà chức trách địa-phương lập một bản danh-sách các người trên 13 tuổi mà không biết đọc, biết viết. Nhà chức trách địa-

phương sẽ đảm-nhiệm việc ghi tên và cho họ vào học các lớp buổi tối do những cơ-quan chống nạn thất học tổ-chức và báo cho họ biết trước 8 hôm ngày khai giảng của những lớp ấy.

Điều thứ 4. — Các viên chức-giáo các lớp ấy sẽ báo ngay cho nhà chức trách địa-phương biết những người nghỉ học không xin phép. Sau mỗi một khóa học, các học-sinh phải dự một kỳ thi mãn khóa.

Điều thứ 5. — Nếu Hội-đồng giám-khảo kỳ thi mãn khóa xét thấy một học-sinh nào mà học-lực còn kém thì học-sinh ấy phải học lại một khóa thứ hai nữa và là khóa cuối cùng.

Điều thứ 6. — Những thể-thức áp-dụng đạo Dụ này sẽ xác định do nghị-định của Thủ-Tướng Chính-phủ chiếu theo lời đề-nghị của Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

Điều thứ 7. — Thủ - Tướng Chính-Phủ, Phó Thủ-Tướng, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, các Tổng-Trưởng, Bộ-Trưởng và Thứ-Trưởng, các Thủ-Hiến các phần, chiếu theo nhiệm-vụ thi hành Sắc-lệnh này.

Sài-gon, ngày 20 tháng 1 năm 1952

Ký tên : BẢO-ĐẠI

Phó thư

Thủ-tướng Chính-phủ

Ký tên : TRẦN-VĂN-HỮU

Tổng-Trưởng Bộ Q.G.G.D.

Ký tên : VƯƠNG-QUANG-NHUỜNG

Nam-Phương Hoàng-Hậu với vấn đề Phụ-Nữ

Nhân dịp ngày Phụ-nữ (1-3-52), Ngài Nam-Phương Hoàng-Hậu đã hiệu-triệu Phụ-nữ Việt-Nam bằng những lời tha-thiết như sau. L.T.S.

Hỡi các phụ nữ Việt-Nam,
Tôi rất vui lòng nói chuyện cùng
chị em như người bạn thân, như người
chị ruột.

Hôm nay, ngày đầu tiên làm lễ Đại
hội của Phụ nữ Việt-Nam xui chúng ta
nhớ lại nhiều kỷ-niệm vĩ đại. Vậy ngày
nay cũng phải khiến chúng ta thêm chú
ý tới nhiều nhiệm vụ mới và cần
kịp.

Hai bà Trưng, hai nữ anh hùng của
nền độc lập nước nhà, là hiện thân những
đức tốt cao quý nhất của gia đình góp
vời tấm lòng yêu nước thiêng liêng tôn
kinh nhất. Bà Trưng-Trắc vừa cứu nạn
nước vừa trả thù chồng. Bà Trưng-Nhi
tiêu biểu lòng thờ nước đi đôi với tình
thương chị và sự hoàn toàn tận tâm
cùng chị.

Lựa chọn ngày kỷ niệm hai Bà để
đặt làm ngày hội của Phụ-nữ Việt-Nam,
Đức Quốc-Trưởng trong lời hiệu triệu
dịp Tết Nhâm Thìn của Ngài, đọc một
tháng trước đây đã nhắc lại rằng Ngài
chờ đợi ở tình yêu nước nồng nàn và
lòng bác ái, tương trợ của chị em
chúng ta sự hoạt động làm cho tình
đồng bào tương thân thâm nhuần tất
cả mọi tầng lớp trong xã hội.

Hỡi các chị em thân mến, tôi rất
cảm động khi lên tiếng nói chuyện lần
thứ nhất với chị em sau bao nhiêu năm
trời.

Lời nói đầu tiên của tôi sẽ gửi lời
chị em lòng yêu mến, biết ơn và tin
tưởng của tôi.

Ở thôn quê cũng như ở thành thị
tại xứ nhà cũng như trong loạn côi L.H.P
trên đất Pháp và khắp thế giới, dù
trình độ và hoàn cảnh có khác nhau,
chị em Việt-Nam thay mặt cho cả
một phương diện của tâm hồn đất
Việt và tương lai nước nhà. Tôi rất
đẹp lòng tin rằng tất cả các chị em
đều hiểu rõ như vậy, các chị em vẫn
luôn luôn biết làm tiêu biểu cho những
truyền thống cao quý của gia đình và
Tổ quốc Việt-Nam có thêm những lý
tưởng tốt đẹp nhất của văn hóa thế
giới đã đến tận thức và thúc đẩy.

Các chị em cũng như tôi, đã nghe,
đã đọc, đã ngâm nghĩ lời Hiệu triệu của
Đức Quốc Trưởng. Những tấm lòng tận
tụy, lặng lẽ, bền bỉ, không nao núng của
các chị em, đã nhận được ở lời hiệu
triệu ấy một nguồn khuyến khích mới.
Lòng tận tâm của các chị em sẵn sàng
hoạt động thêm nữa, trước công cuộc
to lớn mong mệnh đang chờ đợi phụ nữ
chúng ta. Chúng ta sẽ tổ chức, sẽ kết
hợp những tấm lòng tận tâm ấy. Hơn khi
nào hết, bây giờ đây những sự tận tâm
ấy phải nhằm vào mục đích lấy bác ái,
từ bi, tương trợ góp phần vào xây dựng
một bầu không khí mới, công bằng và
hòa hợp, không khí mà cả thế giới đang
mong ước và nước Việt ta đã quyết
tâm đứng vào hàng những nước đầu
tiên để thực hiện dần dần.

Hỡi chị em thân mến, tôi cảm ơn
các chị em và tôi tin chắc rằng các chị
em gặp những khó khăn cũng không hề
nản chí.

Tôi đặc biệt yêu cầu các chị em nhớ luôn luôn rằng chúng ta vừa phải ngó cao nhìn xa, vừa phải tha thiết kiếm tìm những kết quả thực sự hàng ngày, kiên tâm, cộng lại thành ra nhiều. Chúng ta vừa tổ chức hoạt động xã hội, vừa phòng ngừa một khuynh hướng thường, muốn phô trương những công cuộc đồ sộ mà ít kết quả và phòng ngừa những cách bố thí làm mất lòng người được bố thí. Những điều này tất cả các chị em ở nước nhà đang dốc lòng làm việc thiện, đều đã biết rõ rồi.

Tổ chức quốc tế Hồng thập tự là gương mẫu quý báu nhất cho chúng ta noi theo. Rất nhiều tài năng, rất nhiều thiện chí đã dồn về để giúp tôi làm cho công cuộc Hồng thập tự đạt cơ sở sâu xa và vững chãi ở đất Việt ta, và được thích hợp với những điều kiện thực tế ở nước nhà. Tôi xin cảm ơn tất cả các vị ấy.

Cuộc tranh đấu từ thiện chống lại đau khổ bệnh tật, ngu dốt là một công cuộc to tát vô cùng, ngoài Hội Hồng thập tự, còn cần rất nhiều tổ chức khác, nhiều hội Phước thiện có sẵn hay là sẽ lập ra dần dần thêm mãi, ở mọi miền nước ta, và tương lai, sẽ có ở tận các hương thôn, các nơi hang cùng ngõ hẻm.

Tôi không thể cầm lòng không nhớ lại các năm qua, khi đó, tôi hằng có mặt giữa các phụ nữ Bắc, Nam, Trung và vì vậy đã đem lại ít nhiều phần khởi cho các chị em trong sự cố gắng rất đáng khen của phụ nữ, để đoàn kết và hòa hợp tất cả mọi tầng lớp bằng tình thương, bằng lòng từ thiện.

Cùng những người bạn gái đã gần tôi trong những cuộc thăm viếng chuyên trò ấy, tôi gửi lời riêng, yêu cầu các bạn nhớ đến tôi thì càng đua nhau trong một sự cố gắng cao quý, để vượt cào hơn các chị em phụ nữ khác

trong sự truyền bá ý nghĩa của nhiệm vụ xã hội bạn phụ nữ chúng ta.

Và cùng tất cả các chị em phụ nữ Việt-Nam, tôi xin phép nhắc lại rằng : lòng tốt, tính nhân từ, đức quên mình, là những tính tốt chung của cả loài người, nam giới và nữ giới, nhưng đó có lẽ là đặc tính phụ nữ nhiều hơn. Những tính tốt ấy là phần riêng của phụ nữ chúng ta, những tính tốt ấy, giữa thế kỷ này, hóa ra một món nợ mà Bề trên trao cho phụ nữ. Tôi tin rằng không có người đàn bà Việt-Nam nào mà chẳng biết hy sinh. Chúng ta phải nhớ bao hy sinh phụ nữ Pháp đang chịu cho độc lập của ta.

Cuối cùng, tôi muốn nói một lời với các thiếu nữ, thanh niên sẽ hưởng những học bổng trong cơ quan giáo dục thành lập với chữ tên của tôi. Các bạn trẻ nữ giới ấy đại diện cho tương lai. Tôi chúc các bạn ấy hưởng nền giáo dục hòa hợp cả lòng từ và tinh cương nghị với học vấn và văn hóa.

Hỡi các chị em phụ nữ Việt-Nam, trong khi chờ đợi những ngày tôi sẽ lại quay quẩn cùng các chị em như xưa, cùng chị em lo công cuộc từ thiện lớn lao ở trên giải đất của Tổ Tiên, nơi mà lòng tôi không khi nào xa vắng, tôi yêu cầu các chị em nếu nhớ đến tôi và mến tôi, thì đoàn kết với nhau, cùng yêu thương nhau, cùng chia sẻ khó khăn cũng như ngọt bùi, làm cho đất nước yêu dấu thành ra một đại gia đình, như Đức Quốc Trưởng đã mong muốn và kêu gọi.

Trong ngày hội long trọng này, cũng như trong hết cả mọi ngày của cuộc đời tôi, tôi luôn luôn thiết tha cầu nguyện Bề-Trên cho tâm lòng tưởng niệm Hai Bà Trưng-Vương sẽ chỉ rõ đường đi cho phụ nữ Việt-Nam, và giúp cho Đức Quốc-Trưởng đem vinh quang trả lại cho Tổ quốc rất yêu quý.

Diễn-văn đọc hôm khai-mạc

Cuộc triển-lãm tác-phẩm Học-sinh chuyên-nghiep

Thưa ông Thủ-Hiến,

Thưa vị Đại-diện ông Tổng-Trưởng
Bộ Quốc-gia Giáo-Dục,

Thưa các Cụ, các Bà và các Ngài.

Nhân danh Chánh-Sự-Vụ Sở Văn-Hóa tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, và đại-diện ba trường chuyên-nghiep trực-thuộc Bộ, tức là các trường Kỹ-Nghệ, Mỹ-Nghệ và dạy người mù, chúng tôi trân trọng cảm ơn ông Thủ-Hiến và vị Đại diện ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục tới chủ-tọa, các Cụ, các Bà và các Ngài đến dự-kiến lễ khai-mạc cuộc Triển-Lãm hôm nay, khiến buổi hội-hợp tưng vể long-trọng và thêm phần ý-nghĩa.

Các Ngài đã thừa hiểu rằng : cuộc trưng bày này nhằm những mục-dịch thiết-thực và giản-dị :

Thấy ba trường chuyên-nghiep trực-thuộc Bộ, nhờ có các vị Hiệu-trưởng và giáo-sư lành-nghề, đã thu được kết-quả khả-quan trong những ngành học chẳng dễ-dàng nào, ông Tổng-Trưởng Phụ-Tá Thủ-Tướng, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, đã hân-hoan cho phép mở cuộc Triển-Lãm hôm nay, để đồng-bào hiểu rõ sự gắng công của Chính-phủ, và sự tận-tâm của giáo-giới trong việc huấn-luyện thanh-niên.

Đồng thời, ông muốn khích-lệ sĩ-tử nên đã định rằng : 25% số tiền bán các tác-phẩm trưng-bày, sẽ dành riêng để tặng thưởng các học-sinh có công trong cuộc Triển-lãm, lại đáng khen về cả hai phương diện kiến-thức và tinh-thần.

Sau hết, nhân dịp này, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục mong rằng thanh niên sẽ lưu-tâm đến công-nghệ, — một nguồn sinh-lực

rồi rào và cần thiết trong việc phục hưng Tổ-quốc mà xưa nay, biết bao người vẫn không qui-trọng bằng các nghề tự-do.

Vì các lẽ ấy, ba trường chuyên-nghiep lớn nhất Hà-thành đã được triệu-tập để đồng-tâm hiệp-lực, với sự giúp đỡ của Nha Giám-đốc Thông-Tin Bắc-Việt, Tòa Thị-Chính và Sở Công-Chính thành-phố để xếp đặt có phương-pháp cuộc Triển-lãm giản-dị nhưng đầy ý-nghĩa, mà các Ngài tới đây khai mạc, giữa một buổi sớm mai trong-trẻo của cảnh đầu xuân...

Bên hữu phòng Triển-lãm là tác-phẩm của trường trung-học Quốc-Gia Mỹ-Nghệ, với những nét đan-thanh, và những màu rực-rỡ hay êm-đềm.

Bên trong, xung quanh chân - dung Đức Quốc-Trưởng, là nơi dành cho học sinh trường chuyên-nghiep người mù, với những đồ thủ-công khéo léo, và những trang vở viết theo lối chữ Braille.

Bên tả, là những vật dụng chuyên-môn và tinh-sảo trưng bày có qui-củ, do học sinh trường Kỹ-Nghệ tạo tác, theo những khoa-học tối-tân, dưới sự điều khiển sáng suốt của một vị giám-đốc đầy nhiệt-huyết.

Đó là bản sắc, và nội-dung của cuộc Triển-Lãm. Riêng đứng về phương-diện văn-hóa, chúng tôi xin mạn phép nhấn mạnh vào một đặc-điểm, một quan-niệm chúng tôi cho là tối quan trọng trong việc hướng dẫn các ngành chuyên-nghiep, mà triết nhân đã có lần bàn đến. Thật vậy, ở các nước tân-tiến mà kỹ-nghệ đã lên tới một bậc khá cao, các thức giả thường thấy sự mâu-thuẫn giữa nền học phổ-thông và nền học chuyên-nghiep,

Một đảng, người ta ca tụng những kiến thức tổng-quát, tin rằng đó là một nền văn-hóa cao-thượng, phóng khoáng, rộng rãi, tự-do và đầy đủ. Người ta cho rằng : văn học phải đứng trên cả những sự thực nhỏ nhen, những điều quá ư vật-chất để trau-dồi tất cả các khả-năng, khiến con người thành một phần-tử toàn hảo. Lý-tưởng ấy khiến ta nhớ tới những quan-niệm của ít nhiều học-giả Á-Đông. — những vị chỉ mong được ẩn mình trong lầu ngà, đề ngâm hoa vịnh nguyệt, coi thường cả sự vật và nhân-sinh. Nhưng ngày nay, kẻ thực-giả đã công nhận rằng : nền học đó thường thiếu hẳn tính-cách thực nghiệm, dễ đưa sĩ-tử đến lối học từ-chương, đến hư-văn, một tai-hại đã bao lâu ngăn cản sự tiến-hóa của non sông. Trái lại, một đảng nữa, người ta hiểu biết công dụng của các ngành học chuyên-môn ; song lại có vị tưởng lầm rằng : quan-niệm chuyên-nghiệp có tính-cách eo-hẹp, chỉ bó bó trong vòng sinh-kế, chỉ phát-triển một vài khả-năng phù hợp với nghề, không đào-tạo những nhân cách hoàn toàn, không mở rộng kiến văn tới những chân trời lý tưởng xa xăm, đầy những thi-vị cao-cả của non xanh, nước biếc...

Nhận rõ nỗi phức-tạp, khó khăn của vấn-đề. Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã đánh tan các ngộ-nhận, các bậc phụ-trách đã hướng-dẫn thanh-niên một cách khéo léo, khiến nền học chuyên-nghiệp đi đôi và hòa-nhập với các kiến-thức phổ-thông, lại có một tinh-thần sáng suốt, một tinh cách thanh-cao, hữu-ích cho Quốc-Gia, xã-hội... Trong các trường chuyên-nghiệp Việt-Nam, bên cạnh những buổi tập chuyên-môn, thời-khóa-biểu không quên xếp đặt những giờ học phổ-thông ; như vậy ngay trong khi học nghề, thanh-niên còn thu-nạp những khái-niệm bao-quát, những khái-niệm văn-chương hay khoa-học, không những giúp ích cho công-việc

hàng ngày, mà còn trau-dồi hầu hết các tri-năng của sĩ-tử, khiến họ khảo-sát, suy xét, phán-đoán để sửa soạn ra đời.. Hơn nữa, học-sinh không bao giờ bị bó buộc trong những khuôn-khổ nhỏ hẹp, cằn cỗi của những công-tác máy-móc khô-khan. Họ đi sát thực-tế, tránh nạn hư-văn, nhưng vẫn biết nghĩ rộng trông xa, họ biết rung-động trước những cảnh-vật bao la, cũng như hồi-hộp trước những tiếng đàn trầm bổng, những nét đậm tài-tinh, những màu sắc tươi sáng, những đường họa dẫn dỗi hay dịu-dàng... Họ hiểu biết có một sự mệnh cao cả đối với non sông, xứ sở. Họ thường nhắc nhở tới lời bình-luận của nhà sư-phạm Luc : « Nền giáo-dục chuyên-môn không những đóng một vai trò kinh-tế. Nó phải sửa soạn sự tiến-bộ của xã-hội. Những phần tử ưu-tú giữa các bạn công-nhân phải tham-dự việc tổ-chức sự cần-lao. Nền học chuyên-môn phải lấy một lý tưởng chuyên-nghiệp làm phong cảnh : mục-đích của nó là gây dựng một trật tự kinh-tế hợp-lý, mà nó phải cố giúp làm sao cho thực - hiện được nhanh chóng » (1).

Lát nữa, chỉ nhìn qua các hình-ảnh lượm-trung lòng ái-quốc, sự thống-nhất của non sông, và trí tiến-thủ của đồng bào, các Ngài cũng hiểu là chúng tôi đã không mô-tả bằng những màu sắc quá ư tươi sáng..

Chúng tôi chỉ cần thêm rằng : các trường chuyên-nghiệp dự cuộc Triển-lãm

(1) — « *L'enseignement technique n'a pas seulement un rôle économique. Il doit préparer le progrès social. L'élite ouvrière doit participer à l'organisation du travail. L'enseignement technique a pour toile de fond un monde professionnel idéal : il a pour horizon l'ordre économique rationnel, dont il doit contribuer à hâter la réalisation* »

hôm nay, không ngại rèn tập thanh-niên trong ba bốn năm ròng, giữa những công việc đầy nhần nại mà tinh-vi, để ai nấy có những kiến-thức chắc chắn, sâu rộng, những quan niệm tối-tân, minh-chính...

Học-đường Việt-Nam không muốn bắt chước những học-thuyết ngoại-lai quá khích chỉ huấn-luyện con em trong một vài tuần, cốt đào-tạo nên những phần-tử mù-quáng, làm nô-lệ cho các lý-tưởng sai lầm...

Chúng tôi đã bình-luận quá nhiều, không dám lạm-dụng thời giờ của các Ngài hơn nữa. Trước khi chấm dứt, chúng tôi ước mong các Ngài khoan-dung trong khi đi khảo-sát các tranh-ảnh và vật-dụng trưng-bày, vì đó chỉ là những tác-phẩm học-sinh — những công-trình cần-cù và cố gắng của những mầm non đầy nhựa sống, của những nghệ-sĩ tương-lai, của những thanh-niên rồi ra sẽ lãnh nghề, để tô-điêm và củng-cố Giang-sơn. .

B. - Tin trong nước

● Ngày 20-1-1952, Đức Quốc-Trưởng đã ký 2 đạo sắc lệnh số 6 GD và số 7 GD (đăng trong số báo này, mục Công văn) ban bố trên toàn cõi Việt-Nam chế-độ cưỡng-bách giáo-dục. Như thế, nền giáo-dục quốc-gia từ nay có một căn bản dân tộc; và nước nhà sẽ thêm một lợi khí vừa để duy trì, vừa để kiến thiết một nền văn-hóa Việt-Nam, ăn nhịp với sự tiến-triển kinh-tế và xã-hội của hoàn-cầu.

● Ngày 20-1-1952, một cuộc biểu-diễn thanh-niên và thể-dục tại trại *Nhất Chi* do các trường tiểu-học công thành phố đã tổ-chức ở Văn-Miếu Hà-nội dưới quyền chủ tọa của Ngài Tổng Trưởng kiêm Thủ Hiến Bắc-Việt *Nguyễn-văn-Tâm*.

Nơi cắm trại này nhắc nhở thiếu-niên tinh-thần đạo Khổng, một tinh-thần đã sinh xuất ra bao nhiêu bậc anh-hùng liệt-nữ. 9 trường tiểu học nam nữ đã dự cuộc cắm trại và đã trình bày nhiều trò chơi có ý nghĩa. Nhân dịp này, Ngài Thủ-Hiến có khuyên học-sinh cần lễ-độ, siêng-năng để sau này phụng sự Tổ quốc.

● Ngày 7-2-1952, Bộ Quốc-gia Giáo-dục, theo lệ thường, đã tổ chức tại giảng-

đường trường Đại-Học Hanoi một cuộc diễn-thuyết hàng tháng về *Văn-Minh Nhật-Bản thời Minh-Trị*. Diễn-giả là Giám-mục Hoàng-văn-Đoàn, một học-giả uyên-thâm kiêm một nhà truyền-giáo có biệt tài. Bài diễn-thuyết của Giám-mục là cả một công-trình khảo-cứu công-phu, nói rõ thân thế và sự-nghiệp vua Minh-Trị. Nhờ công cuộc duy-tân của nhà vua nước Nhật đã trở nên một cường-quốc, và văn-minh nước Nhật đã nêu một tấm gương sáng cho các dân-tộc nhược-tiểu muốn canh-cải và tự-cường.

● Cũng trong tháng 2 năm 1952, ngày 28, Bộ Q.G.G.D. đã tổ-chức 1 cuộc diễn-thuyết đặc-biệt tại giảng-đường trường Đại-Học Hà-nội. Diễn-giả là nữ-giáo-sư Tăng-xuân-An nói về *Phụ-nữ Việt-Nam tại Hội-nghị Thái-bình-Dương*, một Hội-nghị quốc-tế mà bà vừa tham dự. Bà An đã giải thích rõ-ràng mục-đích của Hội-nghị: nâng cao đời sống vật-chất và tinh-thần của phụ-nữ để phụng-sự Hòa-bình và Tự-do. Đoàn, diễn-giả nói tới công-việc của Phái-đoàn Việt-Nam đã khiến Hội-nghị (gồm có 20 nước) rất

chú-trọng đến nền Độc-lập Việt-Nam và sự gắng công của Chính-phủ Quốc-gia—Câu truyện đã đem lại những quan niệm rõ ràng, thiết thực, không những về Hội-ngệ T.B.D. mà còn cả về vấn-đề Phụ-nữ.

• Ngày 13-3-1952, Bộ Q.G.G.D. lại tổ-chức một cuộc diễn-thuyết khác nói về *Sứ-mệnh Văn Nghệ sĩ Việt-Nam*. Diễn-giả, ông Ngô-ngọc-Kha, kiểm-soát bưu-điện, đã trình bày sứ-mệnh ấy trong năm điểm chính : 1) Làm sứ-giả giữa nhân-dân và chính-quyền ; — 2) Phát huy và củng-cố tinh-thần dân tộc ; — 3) Bài trừ hủ tục và mê tín ; — 4) Xây dựng một nền văn-hóa phù-hợp với thời-đại ; — 5) Phụng-sự hòa-bình. Câu truyện phù-hợp với tinh-thần thủ-đô văn-hóa đã đem lại những quan-niệm chắc-chắn và hữu-ích cho nền văn-hóa nước nhà.

• Ngoài việc tổ-chức cuộc diễn-thuyết hàng tháng tại giảng-đường trường Đại-học Hà-nội, Bộ Q. G. G. D. vẫn tổ-chức những buổi phát-âm hàng tuần ở đài Phát-thanh Quốc-gia Sài-gòn và đài Phát-thanh Hà-nội. Từ trung tuần tháng giêng đến đầu tháng 3 năm 1952, Bộ Q.G.G.D. đã cho bình-luận về nhiều vấn-đề liên-quan đến văn-hóa và giáo-dục. Xin kể mấy vấn đề chính như sau :

1.) Tổ-chức Văn-hóa Liên-hiệp-quốc—Tinh-thần Đại học (đọc tại Hà-nội và Saigon).

2.) Thông-diệp của Ngài Tổng-Trưởng Bộ Q.G.G.D. gửi các vị giáo-chức các cấp trong toàn quốc (đọc tại Hà-nội và Saigon).

3.) Tiểu-sử ông Chu-văn-An—Trưởng Cao - đẳng Sư - phạm Hà - nội (đọc tại Hà-nội và Saigon).

4.) Trường Đại-học Văn-Khoa Việt-Nam—Bình-luận của trường dạy người mù (đọc tại Saigon và Hà-nội).

5.) Phụ-nữ tại toàn bộ Thái-bình-Dương—Tư cách của giáo-chức (đọc tại Hà-nội và Saigon).

6.) Phụ-nữ với vấn-đề học-thức và chức-nghiệp—Kỷ-luật ở Học-đường (đọc tại Saigon).

7.) Học nghề ở nước ta—Khoa ca nhạc áp-dụng trong học-đường (đọc tại Saigon).

• Ngày 12-2-1952, Thủ-tướng Trần-văn-Hữu đã chủ tọa lễ khánh-thành nhà máy bơm nước Phú-xá và khu nông-giang Sơn-Tây. Nhờ công cuộc tái tạo nhà máy bơm nước đó, vụ chiêm thu thêm ở vùng này được mỗi năm 14.400 tấn thóc, và vụ mùa thu đôi ra mỗi năm được 2000 tấn thóc. Như vậy, mỗi năm có thể thu thêm được 7.800.000\$ (nếu đứng về phương-diện tài chính); hoặc số thóc thu đôi ra có thể nuôi thêm được 5 vạn dân (nếu đứng về phương diện tiếp tế).

• Chiều 13-2-1952, Ngài Tổng-Trưởng Vương-quang-Nhường, phụ tá Thủ-Tướng Tổng-Trưởng Bộ Q.G.G.D. và Ngài Tổng-Trưởng Bộ An-Ninh kiêm Thủ-Hiến Nguyễn-văn-Tâm đã đi thăm nhiều trường Trung-học và Tiểu-học trong thành phố Hà-nội. Nhân dịp này, Ngài Tổng-Trưởng kiêm Thủ-Hiến cấp 5 học-bổng cho học-sinh và Ngài Tổng-Trưởng Bộ Q.G.G.D. mong các nữ sinh sẽ xứng-đáng là con cháu bà Trưng, bà Triệu.

• Ngày 24-2-1952, hội Phụ-huynh học-sinh Việt-Nam đã tổ-chức tại giảng-đường trường Đại-học Hà nội lễ tặng giải thưởng cho các văn-hữu đã dự cuộc thi truyện cho học-sinh có tính cách luân-lý và tinh thần quốc-gia—Kết quả như sau :

Giải nhất (1500\$ và văn-phòng tư-bảo) : « Cuộc phiêu lưu của thằng người gỗ » của ông Bửu-Kế, phòng-trưởng phòng Thông-tin Trung-Việt.

Giải nhì (1000\$ và văn-phòng tư-bảo): « Các thiếu-nhi kỳ lạ trên thế-giới » của ông Vũ-ngọc-Thuận, giáo-học trường tiểu-học Nguyễn-công-Trứ Hà-nội.

Giải ba (500\$ và văn-phòng tư-bảo): « Tự-lập » của cậu Trần-khắc-Cần, học sinh lớp đệ ngũ B 3 trường trung học Chu-văn-An Hà-nội.

Ngoài ra, còn 2 giải khuyến-khích :

1.) « Tèo » của ông Linh-Tâm, 14, phố Trần-xuân-Soạn Hà-nội.

2.) « Chiếc áo len » của cậu Trần-khắc-Cần, học-sinh lớp đệ ngũ B 3 trường Chu-văn-An Hà-nội.

● Nhân dịp ngày kỷ-niệm Hai Bà Trưng, Đức Quốc-Trưởng đã quyết-định lấy ngày đó làm ngày « Phụ-nữ Việt-Nam » ; năm nay, ngày đó đúng vào ngày 1-3-1952.

Đức Quốc-Trưởng đã ấn-định :

1.) Thành lập cơ-quan đoàn Nam-Phương mỗi năm cấp 3 giải thưởng, mỗi giải thưởng 30 vạn quan dành cho những thiếu nữ, đề khích-lệ họ trong việc tây-học.

2.) Thành lập tại Sài-gòn, Chợ-lớn, Huế, Đà-nẵng, Hà-nội và Hải-phòng trong ngày 1-3-1952 những cuộc thi chọn lựa người nữ-công giỏi nhất, người đàn bà nội-trợ giỏi nhất. Mỗi giải thưởng 1 vạn bạc.

3.) Thành-lập những giải thưởng hàng năm về liết hạnh do Đức Hoàng-thái-Hậu ban khen, nhất là những mẹ và vợ các chiến-sĩ. Mỗi phần có ba giải thưởng, mỗi giải 3000\$ (Năm nay sẽ phát 3 tháng sau ngày Phụ-nữ Việt-Nam).

Nhân dịp này, Văn-phòng Đức Quốc-Trưởng treo giải thưởng 1 vạn bạc cho những tác-giả các bài hay nhất bàn về « Địa-vị người đàn bà trong xã-hội Việt-Nam xưa và nay »

● Cùng ngày 1-3-1952, Ngài Nam-Phương Hoàng-Hậu đã đọc tại đài Vô-tuyến-điện Ba lê lời hiệu-triệu Phụ-nữ Việt-Nam. Ngài thiết tha cầu nguyện cho tấm lòng tưởng-niệm Hai Bà Trưng sẽ chỉ rõ đường đi cho Phụ-nữ Việt-Nam, và giúp Đức Quốc-Trưởng đem vinh-quang trả lại cho Tổ-quốc yêu-quý (lời hiệu-triệu đăng trong số báo này) — Tới ngày 8-3-1952, nhân dịp ngày kỷ-niệm độc-lập, phụ-nữ Việt-Nam đã tỏ ra phấn-khởi sau khi nghe lời hiệu-triệu đó.

● Theo lệnh Đức Quốc-Trưởng Bảo-Đại, một cuộc thi văn-chương bình-luận được tổ-chức cho tất cả mọi người Việt-Nam nam hay nữ. Đầu đề bài thi là : *Cá-tính Quốe-gia Việt-Nam*. Có nhiều giải thưởng : giải nhất là 20.000\$, các giải sau từ 15.000\$ đến 2000\$. Cuộc thi bắt đầu tuyên-bố ngày 8-3-1952, tức là ngày lễ Độc-lập ; và hạn nộp bài cuối cùng vào ngày lễ Thống-nhất (tức là 25-5-1952) — Đến ngày 8-10-1952, tức là lễ kỷ-niệm Đức Trần-hưng-Đạo, sẽ tuyên bố kết-quả.

● Trong tháng hai và đầu tháng ba năm 1952, tại Hà-nội, đã mở nhiều cuộc triển-lãm nghệ-thuật, như cuộc triển-lãm ảnh của 23 nghệ-sĩ nhiếp-ảnh và cuộc trưng-bày tranh-lựa của họa-sĩ Thịnh Del, Nguyễn-trọng-Niết. Những cuộc trưng bày đó tỏ rõ các nghệ-sĩ đã tiến bước trên đường nghệ-thuật về bố-cục cũng như về kỹ-thuật — Lại cuộc triển-lãm về « Phụ-nữ Việt-Nam xưa và nay » do Sở Thanh-niên và Bình-dân giáo-dục tổ-chức tại Nhà Thông-Tin Bắc-Việt (Hà-nội) vào đầu tháng 2 năm 1952. Cuộc triển-lãm này chứng tỏ sự hoạt-động của Phụ-nữ Việt-Nam đã ăn nhịp với sự tiến-triển xã-hội và văn-hóa nước nhà.

• Từ 4-3-1952 đến 23-3-52, Bộ Q.G.G.D. đã tổ-chức tại nha Giám-đốc Thông-tin Hà-nội một cuộc triển-lãm tác-phẩm học-sinh chuyên-nghiệp, do ba trường Kỹ-nghệ, Mỹ-nghệ và Dạy người mù tham-dự. Hôm khai-mạc, ông Chánh-sự-vụ Sở Văn-hóa Mỹ-thuật bộ Q.G.G.D., đã đọc diễn-văn giải-thích mục-đích cuộc trưng-bày : Bộ đã tổ chức cuộc triển-lãm để khích lệ học-sinh, giúp việc chấn-hưng công-nghệ và tỏ rõ sự cố gắng của Chính-phủ Quốc-gia (bài diễn-văn in trong số báo này). Ngài Tổng-Trưởng kiêm Thủ-hiến Đình-xuân-Quảng tới chủ-tọa cuộc trưng-bày và đã hân hoan nhận thấy sự khuyếch-trương của nền công-nghệ nước nhà. Ngài nói : « Từ nay, người ta không thể khinh rẻ, như xưa, các tác-phẩm do đồng bào làm ra ». Cuộc triển-lãm này đã là một thành công đầy ý-nghĩa, nên đồng-bào tới thưởng-lãm rất đông.

• Nhân ngày lễ đệ-tam chu-niên nền độc-lập Việt-Nam (8-3-1952), Đốc Quốc-Trưởng Bảo-Đại chủ-tọa lễ tấn phong Tân Nội-các Trần-văn-Hữu. Trong nội-các mới này, ông Vương-quang-Nhường, nguyên Tổng-Trưởng Phụ-tá Thủ-Tướng, nguyên Tổng-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục, nay giữ Bộ Tư-Pháp, còn ông Nguyễn-thành-Giung, giữ Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Thanh-niên.

Sinh năm 1894, ông Nguyễn-thành-Giung từng học ở Pháp và đỗ Tiến-sĩ khoa-học. Về nước, ông đã làm giáo-sư nhiều trường ở Nam-Việt, nhất là trường Pétrus Trương-vĩnh-Ký (Sàigòn). Năm 1949, ông đã giữ Bộ Quốc-gia Giáo-dục trong chính-phủ Nguyễn-văn-Thịnh.

Sau đó, ông giữ chức Giám-đốc nha Học-chính Nam-Việt rồi Phó viện-trưởng trường Đại-học Hà-nội. Gần đây (năm 1951), ông đã cầm đầu Phái-đoàn Việt-Nam tại Hội nghị Văn-hóa Liên-hiệp-Quốc (UNESCO) ở Ba-Lê, và Hội-nghị Học-chính ở Genève (Thụy-sĩ); ông cũng cầm đầu Phái-đoàn Việt-Nam ở Hội-nghị các Ủy-ban quốc-gia Văn-hóa Liên-hiệp-Quốc ở Đông-Nam-Á nhóm tại Vọng-Các (Thái-Lan).

• Cũng nhân ngày lễ độc-lập (8-3-52), nha Bưu-Chính Việt-Nam đã phát-hành ba thư tem Bưu-Chính hàng không Việt-Nam loại « Độc-lập ». Đáng chú ý là loại thư nhất và thư hai, tức loại « Việt-Nam tung cánh » (*Việtnam ailé*). Về nội-dung cũng như về ấn loát (do nhà khắc hình in chìm Hélios de Vangia ở Ba-Lê khắc), tem Bưu-chính hàng-không V.N đã tiến bước khá dài. Với ngọn bút linh-hoạt, họa-sĩ L. Đ. Khai đã tả Việt Nam tung cánh, tượng-trưng một quốc-gia mới trỗi dậy, như chim bằng mới cất cánh trên vòm trời cao rộng.

C. - Tin các nước

• Ngày 23-2-1952, Hội-chợ triển-lãm Tích-Lan ở Colombo đã khai mạc. Hội-chợ này tổ-chức rất long-trọng, để phản ảnh sự khuyếch-trương kinh-tế của các nước miền Nam và Đông-Nam Á-châu.

Gian hàng Việt-Nam đã được đặc-biệt chú-trọng. Thủ-tướng Tích-Lan có

đến thăm gian hàng này. Ngày 26-2-1952, phái-đoàn Việt-Nam đã tổ-chức « một ngày Quốc-gia Việt-Nam » và đã thu được những kết-quả mỹ-mãn.

• Ngày 2-3-1952, ông Trần-văn-Khả Tổng-trưởng Bộ Quốc-gia Kinh-tế Việt-Nam đã đáp phi-cơ đi Pakistan, để nhân

danh nước Việt-Nam dự lễ khai-mạc cuộc triển-lãm quốc-tế Karachi (thủ đô nước Pakistan) mở từ ngày 5-3-1952 đến 16-4-1952.

Có 14 nước tham-dự Hội-chợ này. Trong đó, gian hàng Việt-Nam, với một kiểu kiến-trúc trang-nhã, là một trong những gian hàng đặc sắc. Những sản-phẩm về tiểu công-nghệ trưng-bày ở đó, đã được dân-chúng Pakistan chú-trọng.

• Từ 11-1-1952 đến 24-1-1952, một cuộc Hội-ngập Phụ-nữ Thái-bình-Dương đã họp tại Tân Tây-Lan. Có hơn 20 nước ở ven bờ biển T.B.D. dự Hội-ngập này, trong số đó có nước ta. Phái-đoàn phụ-nữ V.N. do nữ giáo-sư Nguyễn thị-Châu, hiệu-trưởng trường Trung-học Gia-Long (Sàigòn) cầm đầu. Mục-dịch Hội-ngập là nghiên-cứu đề nâng cao đời sống vật-chất và tinh-thần của Phụ-nữ để phụng-sự Hòa-Bình và Tự-do.

• Khoảng đầu tháng 2 năm 1952, một cuộc hội nghị, gồm có các y-sĩ và các nhà tâm-lý-học của nhiều nước, đã họp ở Amsterdam (Hollande) dưới quyền bảo trợ của chi bộ Hòa-lan trong cơ-quan Văn-Hóa và Giáo-Dục Liên-hiệp-quốc và của Hiệp-hội Thần-kinh-học Hòa-lan,

Đề tài của Hội nghị là « *sưu tầm những phương tiện để chữa các dân tộc khỏi bệnh chiến tranh, mà người ta coi là triệu chứng của một sự bất tương về thần kinh* ».

Hội-ngập còn định sửa soạn một Hội-ngập Y-tế Quốc-tế, họp trong năm nay ở Tân-Đề-Li để nghiên-cứu nhiều vấn-đề Y-tế, trong số đó có việc tìm những giải pháp tâm-lý cho những sự rối loạn xảy ra sau cuộc chiến tranh,

• Chương-trình cấp vé mua sách của Tổ-chức UNESCO được khởi sự từ năm

1951, đã giúp cho nhiều người được tham dự những chương trình kiến-thiết giáo-dục do Tổ-chức này đỡ đầu. Ủy-ban quốc-gia của Tổ-chức Văn-hóa, khoa-học và giáo-dục L.H.Q. tại Hợp-chủng-quốc là một tổ-chức đầu tiên đã hưởng ứng chương-trình đó bằng cách mua những con niêm với một số tiền nhỏ, những tư nhân làm việc trong các tổ chức và đoàn thể có thể góp phần vào việc mua những vé biểu để gửi đi các học đường tại những khu-vực bị chiến tranh tàn phá hoặc tại những nước hậu-tiến. Các học đường này sẽ dùng những vé ấy như những tấm giấy bạc quốc-tế để mua đủ các loại sách giúp tài-liệu giáo-dục và văn-hóa.

• Theo tin Ba-Lê, vừa rồi, tại Ý, võ-sĩ nhu-đạo Việt-Nam (tức võ Nhật Jiu-jitsu) là Phạm-Lợi đã đấu với các võ-sĩ vô-địch Ý trong một buổi đấu nhu-đạo rất hào-hứng trước 12.000 khán-giả.

Kết-quả võ-sĩ Phạm-Lợi trong 9 phút đã hạ luôn được 12 võ-sĩ Ý. Võ-sĩ Việt-Nam được hoan-hô nhiệt-liệt, được tặng-thưởng một số tiền lớn và được cấp bằng danh-dự: thực đã không bỏ tiếng mang chuông đi đấm nước người....

Liên-đoàn nhu-đạo Tây-ban-nha có mời các võ-sĩ nhu-đạo sang Madrid. Võ-sĩ Phạm-lợi đã được sang độ sức.

• Ngày 18-3-1952, trong một buổi lễ long-trọng ở Allahabad (Ấn Độ), bà Eleanor Roosevelt đã được trường Đại-học đó tặng hàm tiến-sĩ Luật-Khoa.

Ông Phó-viện-trưởng trường đại-học này đã đọc bản tuyên-dương công-trạng Roosevelt phụ-nhân mà ông gọi là một trong những phụ-nữ nổi danh trên thế-giới. Ông nhấn mạnh: « *Công lao của bà trong việc làm cho các quốc-gia trên thế-giới thêm tiến-bộ và hiểu nhau hơn đã mang lại cho bà tấm lòng ngưỡng-mộ và biết ơn của hàng bao nhiêu triệu dân* »

●-Ngày 18-3-1952, ở Ba-Lê đã cử hành lễ kỷ-niệm 50 năm của trường Viễn-Đông Bác-Cổ tại Đại-giảng-đường trường Đại-Học Sorbonne dưới quyền chủ-tọa của ông Tổng-Trưởng Bộ Liên-Quốc và với sự hiện-diện của Tổng-Thống Pháp.

Nhân dịp này, báo « Thế-giới » ngày 18-3-52 đã đăng một bài (Ký tên ông René Grousset) viết rằng : « Ở Gò-Công trên bờ biển Nam-Việt, ông Louis Malleret, Giám-Đốc của trường V.Đ.B.C

vừa tìm thấy, một hải-cảng rất cổ OCFO. Lui tới hải-cảng này, không những là những người Ấn-Độ, những người văn-minh đầu tiên ở vùng này, mà còn là những thương-nhân La-Mã nữa. Điều này đã xác-nhận những lời chỉ dẫn của nhà địa-lý-học Ptolémée. Ở bên cạnh những bức tượng con của người Ấn-Độ ở trường Amaravati, ông đã tìm thấy những đồng-tiền La-Mã, trong số này có đồng Antonin Le Pieux.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Thanh-niên đã xuất - bản

a. — Bậc Trung-học

— Hóa-học	lớp Đệ-Tứ	của Nguyễn-hữu-Tài	6\$90
— " "	» Đệ-Ngũ	» Nguyễn-dinh-Phú (in lần thứ hai)	5.00
— " "	» Đệ-Lục	» " " " " " "	5.00
— " "	» Đệ-Thất	» " " " " " "	4.00
— Vật-lý học	» Đệ-Tứ	» Nguyễn-hữu-Tài	10.00
— " "	» Đệ-Ngũ	» " " " " " "	10.00
— " "	» Đệ-Lục	» " " " " " "	9.00
— " "	» Đệ-Thất	» " " " " " "	7.00
— Việt-Nam thi-văn hợp-tuyển	của Dương-quảng-Hàm	(in lần thứ hai)	14.00
— Việt-Nam văn học sơ-yếu	" " " "	" " " "	23.00

b. — Bậc Tiểu-học

— Khoa-học thường-thức	(lớp ba)	của Nguyễn-dinh-Huê	6.00
— Sử Việt-Nam	(lớp nhì)	của Bùi-dinh-San	10.00
— Sách học quốc-văn	(lớp ba)	(in lần thứ hai)	3.50
— " "	(lớp tư)	" " " " " "	5.00
— Vệ-sinh	(lớp tư và lớp năm)	" " " " " "	1.50

c. — Thông-tin-bạ

— Thông-tin-bạ	bậc Trung-học	đệ-nhi-cấp	3.00
— " "	» " "	đệ-nhất-cấp	2.00
— " "	» Tiểu-học	" " " "	2.00

Từ-ngữ hành-chính

(Pháp - Việt đối - chiếu)

Sơn-giả : NGUYỄN-ĐÌNH-KHANH
NGUYỄN-HỮU-TÚY
BÙI-QUANG-KHÁNH

Trong lúc văn-hóa nước nhà đang kiến-thiết trên một nền tảng mới, việc chỉnh-chỉnh và bổ-sung từ-ngữ là một điều-kiện cần thiết. Các nhà trước tác đều công nhận rằng nhiều khi phải tra-cứu để tìm một danh từ thích hợp, và đã từng vấp phải một trở lực lớn trong lúc hành văn, là « từ bất đạt ý ». Hiện biết như vậy, Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Thanh-niên đã trù liệu thảo-soạn dần dần những tập từ-ngữ về các ngành học chuyên-môn hay phổ-thông. Hiện Bộ đang cho in một cuốn danh từ triết-lý. Từ nay, chúng tôi lại bắt đầu đăng ở tạp chí « Văn-hóa nguyệt-san » này để trưng cầu ý kiến, tập « từ-ngữ hành-chính » do ba ông Nguyễn-dình-Khanh, Nguyễn-hữu-Túy và Bùi-quang-Khánh thảo-soạn.

Tác-giả là những nhà chuyên-môn đầy kinh-nghiệm, đã tốt nghiệp ở trường Đại học, lại đã giữ những chức-vụ hành-chính từ lâu năm. Tuy nhiên, trong một bản sơ-cảo tạm coi là tài-liệu, không khỏi có những khuyết điểm. Vậy dám mong các bạn đọc, vì nền văn-hóa nước nhà, sẽ gửi lời Tòa-soạn, những điều nhận xét, để chúng tôi kịp chỉnh-chỉnh, trước khi cho xuất bản tập từ ngữ này thành sách. Chúng tôi xin thành thực cảm ơn.

L. T. S.



A

A ce titre : vì danh nghĩa ấy, với lĩnh cách ấy.

A ce destiné : để dùng về việc ấy, vào việc ấy.

A ce requis : vì được thời triệu, về việc ấy, bị thời triệu về việc ấy.

A cet effet : vì chủ đích ấy, vì mục đích ấy, vì lẽ ấy, về việc ấy.

A cet égard : về phương diện ấy.

A charge de retour : xin phục hoàn; xét xong xin hoàn lại.

A classer : để xếp vào, định cứ.

A dessein : dụng tình, dụng ý, cố ý.

A forfait : khoán, theo giá khoán.

A l'appui de : để chứng minh, chứng thực.

A la requête de : theo đơn khiếu tố, do ai đứng xin.

A l'improviste : xuất kỳ bất ý, thỉnh lình, đột nhiên.

A l'effet de : để mà...để dùng về...

A l'ordinaire : Theo thường lệ; thời thường.

A personne : *đích thân.*

A domicile : *đến tận nhà, tại trú sở, tại địa chỉ.*

A jour : *Đầy đủ đến ngày nay.*
Mettre à jour : *làm cho đầy đủ.*
Mettre à jour un registre : *chép sổ đầy đủ.*

A moins que : *trừ phi.*

A mi chemin : *trung đồ, giữa chừng.*

A terme : *có kỳ hạn, định kỳ.*

A terme échu : *hết hạn, đến hạn, đáo hạn, đáo kỳ, mãn hạn.*

A reporter : *đem sang cột (kế toán) đem sang trang.*

A titre consultatif : *với tính cách tư vấn, với danh nghĩa tư vấn.*

A titre de : *vì danh nghĩa, với danh nghĩa, với tính cách.*

A titre de compte rendu : *để tường trình, để trình chiếu.*

A titre d'information : *Để cáo tri, để tường tri.*

A titre exclusif : *một cách đặc biệt ; một cách độc hữu.*

A l'exclusion de : *trừ ngoại, trừ... ra.*

A titre exceptionnel : *đặc cách, với tính cách đặc biệt, ngoại lệ.*

A titre personnel : *lấy tính cách riêng, tư ; về cá nhân.*

A titre indicatif. A titre d'indication : *để chỉ dẫn, để làm thí-dụ, để dẫn li-dụ.*

A juste titre : *hợp lý, chính đáng, đúng lý, một cách xứng đáng*

A titre officiel : *công nhiên ; với tính cách công, chính thức ; với danh nghĩa công, chính thức.*

A titre officieux : *với tính cách tư, với danh nghĩa tư, riêng, vì tư tình.*

A titre de documentation : *để tham khảo.*

A titre de renseignement : *để tham chiếu, để tường, để cáo tri, để tham khảo.*

A titre gratuit : *vô điều kiện, bất xuất phí, không có đòi khoản, không mất tiền.*

A titre onéreux : *có đòi khoản, mất tiền.*

A titre intéressé : *có ý vụ lợi.*

A titre particulier : *với tính cách tư, tính cách riêng biệt, cố hữu ; với danh nghĩa riêng biệt, tính cách cá nhân, tư nhân.*

A titre précaire et révocable : *với tính cách tạm thời, và khả thủ tiêu. Một cách vô định, vô thường.*

A titre principal : *với tính cách chính, với tính cách chủ yếu.*

A titre transitoire : *với tính cách tạm thời, tạm hành ; có tính cách chuyển biến.*

A titre universel : *với tính cách toàn thể ; bao quát, cai bác, phổ thông.*

Au titre de : *về khoản, về mục, về điều....*

A tour de rôle : *luân phiên.*

A tous égards : *về mọi phương diện.*

A valoir sur : *để tính vào, để trừ vào, để khấu vào...*

- A toutes fins utiles : *để tùy nghi xử dụng, để tùy nghi xét xử, tiện nghi xử lý, để liệu lý, để tiện nghi liệu lý, để quyền nghi.*
- A toutes suites utiles : *để tùy nghi xử, tri để liệu lý, để tiện nghi liệu lý, quyền nghi, tiện nghi xử lý.*
- A venir : *hậu lai.*
- A l'avenir : *mai hậu, mai sau.*
- Au nom de : *đứng tên ai, thay mặt ai, nhân danh ai.*
- A fortiori : *cổ nhiên, tự nhiên, huống chi là, huống hồ, phương chi, lẽ tất nhiên*
- A postèriori : *bằng cứ vào thực nghiệm, suy quả đến nhân.*
- Vérification à postèriori : *Kiểm điểm bằng thực nghiệm.*
- A priori : *tiên thiên theo phép diễn dịch.*
- Concept à priori : *khái niệm tiên thiên, khái-niệm trực-giác.*
- Abaissier : *giảm, hạ thấp.*
- Abaissier une taxe : *giảm thuế.*
- Abaissier une peine : *giảm hình.*
- Abaissier le degré d'une peine : *giảm cấp hình.*
- Abaissier les barrières douanières : *giảm thuế quan, bỏ thuế quan*
- Abandon : *sự bỏ, sự nhượng bộ.*
- Abandon de domicile : *bỏ trú quán, bỏ nhà.*
- Abandonné : *đời phế.*
- Abandonné sans culture : *hoang phế, hoang đồn.*
- Abandon de famille : *bỏ gia đình, khi gia, tội bỏ gia đình không cấp dưỡng.*
- Abandon de la procédure : *hưu nại, thôi kiện.*
- Abandon de poste : *bỏ việc ; đào nhiệm ; bỏ sở.*
- Abandonné : *vô thừa nhận, vô nhân thừa nhận*
- Abandonner : *bỏ, phế, phế tuyệt, triệt phế, nhượng độ, vong khước, vong khi, khi xả, khoáng phế.*
- Abandonner le pouvoir : *giải binh.*
- Abandonnataire : *người nhượng thụ.*
- Abandonnateur : *người nhượng độ.*
- Bien abandonné : *của vì thừa nhận, của không ai nhận.*
- Enfant abandonné : *trẻ vô thừa nhận, không ai nhận.*
- Abandon du domicile conjugal : *bỏ nhà chồng.*
- Faire abandon de : *bỏ, nhượng ; nhượng cho.*
- Abattage. —
- Abattage : *sự hạ xuống, đồn, dẫn, đánh chết,*
- Abattage des arbres : *dẫn cây, đồn cây, hạ cây, chặt cây.*
- Abattage des animaux : *sát sinh đồ sát.*
- Taxe d'abattage : *thuế sát sinh.*
- Abattement (impôts) : *số tiền, khoản tiền thuế được giảm.*

Abattoir : lò sát sinh,
 Abattre : hạ xuống, triệt hạ,
 hủy phá.
 Abattu : khốn quỵ, khốn đốn,
 lãnh lạc, kiệt quệ.
 Abdiquer : thoái vị, nhường ngôi,
 tổn vị.
 Abdiquer ses biens : nhường của,
 nhường tài sản.
 Abdiquer ses droits : nhường
 quyền.
 Ab intestat : không có di chúc,
 không có chúc thư để lại.
 Succession ab intestat : thừa kế
 không có di chúc.
 Héritier ab intestat : người thừa
 kế không có di chúc, người
 pháp-dịnh kế thừa.
 Abimo pectore : tự đáy lòng.
 Abnégation : lòng vong kỷ, xả kỷ.
 — Abois.
 Etre aux abois : cùng khốn, quần
 cấp.
 Abolir. — bỏ đi, hủy bỏ, bãi bỏ.
 phế bỏ, phế trừ, thủ tiêu, phế bãi,
 triệt phế, triệt tiêu, bãi trừ.
 Abolir une loi : bãi bỏ một đạo
 luật, thủ tiêu một đạo luật.
 Abolition. — Sự bỏ, phế bỏ, hủy bỏ,
 bãi bỏ, phế bỏ, phế trừ, thủ tiêu,
 tiêu trừ.
 Abolition d'une loi : sự bãi bỏ,
 thủ tiêu một đạo luật.
 Abolition de l'esclavage : sự bãi
 bỏ chế độ mãi nô.
 Abolition de la prostitution : Sự
 bãi trừ chế độ mãi dâm.
 Abolition des privilèges : sự bãi
 bỏ các đặc quyền

Droit d'abolition : quyền đại xá
 Abonner. —
 S'abonner à : mua dài hạn, thuê
 khoán.
 S'abonner à un journal : mua báo
 dài hạn.
 S'abonner à un avocat : thuê
 khoán luật sư.
 S'abonner à un médecin : thuê
 khoán y sĩ.
 Abonnement. —
 Abonnement à un journal : sự
 mua báo dài hạn.
 Abordage. — Sự tàu bè đụng nhau,
 sự bắt đánh tàu địch.
 Aborder. — Lại gần, áp mạn, cập
 bến — đề cập đến, đến nói chuyện
 với ai.
 Aborder une question : đề cập
 đến một vấn đề, khởi xét một
 vấn đề, bắt đầu xét đến một vấn
 đề.
 Aborigène : thổ dân, thổ trước
 dân, dân bản địa, bản xứ.
 Aborner. — phân định giới hạn,
 vạch định giới hạn, định giới,
 cắm mốc.
 Abornement : sự định giới, sự cắm
 mốc.
 Abortif : làm trụy thai, làm dọa
 thai.
 Remède abortif : thuốc dọa thai.
 Aboutissants : những sự liên
 quan.
 Tenants et aboutissants d'un
 terrain : từ phía một thửa đất ; từ
 chí, bốn bề.

Tenants et aboutissants d'une affaire : *tai lịch nguyên, ủy một việc.*

Abrégé : *văn tắt, tóm tắt, lược lược, giản lược.*

Ecrire en abrégé : *viết tắt.*

Texte abrégé : *lược văn.*

Exposé abrégé : *lược thuật.*

Mot abrégé : *tiếng viết tắt.*

Abréger : *lược lự, lược thuật.*

Abréviatif : *có tính cách ước lược*

Signes abréviatifs : *dấu tắt.*

Abréviation : *sự viết tắt, giản tả, chữ tắt, lời tắt.*

En abréviation : *giản tả, viết tắt, nói tắt.*

Abri : *nơi trú ẩn.*

Abri pour canon : *ô súng đại bác.*

Abrogation : *sự phế bỏ, hủy bỏ, bãi bỏ, thủ tiêu.*

Abrogation d'une loi : *sự bãi bỏ một đạo luật.*

Abrogation d'une coutume : *sự bãi trừ một tập tục.*

Abrogation expresse : *minh thị phế chỉ, minh thị thủ tiêu, minh phế.*

Abrogation tacite : *ám thị phế chỉ, ám thị thủ tiêu, mặc nhiên phế chỉ, mặc phế.*

Abrogation implicite : *mặc thị thủ tiêu, mặc thị phế chỉ.*

Abroger : *phế hủy, hủy bỏ, bãi bỏ, thủ tiêu, phế chỉ, xuất bãi.*

Abroger un contrat : *giải ước, bãi ước, thủ tiêu khế ước.*

Absence : *sự vắng mặt, khiếm diện, khuyết pháp, thiếu, không có, đi vắng, thất tung, mất tích.*

Absence de condition : *thiếu điều kiện.*

Absence déclarée : *thất tung tuyên cáo.*

Absence présumée : *thất tung ước đoán.*

Jugement déclaratif d'absence : *án tuyên cáo thất tung.*

Déclaration d'absence : *tuyên cáo thất tung.*

Présomption d'absence : *ước đoán sự thất tung, dự đoán sự thất tung.*

Absent : *vắng mặt, khiếm diện, khuyết lịch, khuyết pháp, kháng, lịch, thất tung, khuyết vị.*

Absentéisme : *tính quen xuất ngoại, ngoại tại chủ nghĩa, bàng quan chủ nghĩa.*

Absentéiste : *người có tính xuất ngoại, người không tham dự, người bàng quan, người đứng ngoài.*

Absolu : *tuyệt đối, chuyên chế, độc đoán, tuyệt đích.*

Défense absolue : *thậm giới, cấm ngặt.*

Majorité absolue : *đa số tuyệt đối, đại đa số.*

Valeur absolue : *trị số tuyệt đối, (số) giá trị tuyệt đối.*

Droit absolu : *tuyệt đối quyền, quyền tuyệt đối.*

Pouvoir absolu : *quyền chuyên chế, độc đoán.*

- Gouvernement absolu : chính phủ chuyên chế ; chính phủ chuyên đoán ; chính thể chuyên đoán, chính thể chuyên chế.
- Monarchie absolue : quân chủ chuyên chế.
- Absolument : nhất thiết, tuyệt nhiên, nhất định, hoàn toàn, một cách tuyệt đối.
- Absolument pas : tuyệt vô, tịnh vô.
- Absolument nécessaire : tối cần, cực kỳ cần thiết.
- Absolument faux : hoàn toàn sai.
- Absolutisme : tuyệt đối luận, chính thể chuyên chế, chính đoán, thiện quyền chủ nghĩa chuyên chế, chủ nghĩa độc tài.
- Absolutisme étatique : chủ nghĩa quốc gia chuyên chế, chuyên đoán.
- Absolutisme de la majorité : đa số chuyên chế, chuyên đoán.
- Absolutiste : theo chính thể chuyên chế, thuộc phái chuyên chế, chuyên đoán, độc đoán.
- Gouvernement absolutiste : chính phủ, chính thể chuyên chế, độc đoán.
- Tendance absolutiste : khuynh hướng chuyên chế, chuyên đoán.
- Absolution : sự miễn xá, miễn tội, ân xá.
- Absolutoire : dùng để xá tội, đề tuyên cáo vô tội.
- Sentence absolutoire : xá tội trạng, tuyên cáo vô tội.
- Excuse absolutoire : miễn xá hưu thứ.
- Cas d'excuse absolutoire : trường hợp miễn xá hưu thứ, trường hợp vật luận.
- Absorber : kiềm thôn, thôn lĩnh, đồng hóa.
- Absoudre : xá miễn, miễn tội, giải tội.
- Absoudre un accusé : miễn xá bị cáo nhân, tha kẻ bị cáo.
- S'abstenir : hồi tị, tự cấm, tự giới.
- Abstention : sự không tham dự ; sự hồi tị, sự tự cấm, tự giới.
- Abstentioniste : người không tham dự, người khí quyền.
- Abstraction : sự bỏ ra ngoài, trừ ra.
- Abstrait : trừu tượng.
- Abstrus : bí hiểm, nan giải.
- Abus : sự quá lạm ; lạm dụng, lạm phí, lộng hành, vi bội, điều tệ lạm.
- Abus administratif : chính tệ.
- Abus de pouvoir : lạm quyền, chuyên hoành.
- Abus d'autorité : lạm quyền, áp chế, độc chức, lộng quyền, việi quyền, vượt quyền.
- Abus de fait : lộng hành.
- Abus de jouissance : lạm hưởng, lạm hoạch.
- Abus de confiance : tội thiện thủ, bội tín.
- Abus de perception : lạm thu.

- Abus de l'usage d'un sceau ou cachet de l'autorité : lạm dụng kiểm ấn, công triện.
- Abus de blanc-seing : lạm dụng giấy lưu không.
- Causer des abus : sinh tệ, sinh ra tệ đoan, sinh ra mối tệ.
- Réforme des abus : kiểu chỉnh tệ lạm.
- Origine des abus : tệ đoan.
- Abusivement : một cách quá lạm, lạm dụng.
- Abuser quelqu'un : lừa dối, lừa gạt.
- Abuser de... : lạm dụng, lộng hành, vi bội, vũ lộng, mạo dụng, mạo lạm.
- ...Abuser de la loi : vũ pháp, lộng pháp.
- Abuser d'une femme : hiếp dâm
- Abuser de son autorité : lộng quyền, vũ quyền, lạm quyền.
- Abusif : lạm dụng, quá lạm.
- Acte abusif : lạm hành, lộng hành.
- Emission abusive (de billets de banque) : lạm phát (giấy bạc).
- Usage abusif : võng dụng, lạm dụng, dùng quá.
- Perception abusive : lạm thu, lạm bỏ, phù thu lạm bỏ.
- Politique abusive : tệ chính ; chính sách hà lạm.
- Interprétation abusive : lạm giải, ngộ giải, ngộ hội.
- Académie : hàn lâm viện, bác học viện.
- Accaparement : sự chiếm đoạt, độc chiếm, lũng đoạn.
- Accaparement du marché : sự lũng đoạn thị trường.
- Accaparer : chiếm đoạt, lũng đoạn, chuyên chiếm, thống lăm, võng lợi, chớp chiếm, tranh hoành.
- Accaparer le pouvoir : chiếm quyền, tiếm quyền, tống lăm.
- Accaparer le marché : lũng đoạn thị trường, độc chiếm thị trường, chuyên chiếm thị trường.
- Accéder : đến, tới ; chấp thuận.
- Accéder à une demande : chấp đơn.
- Accélérer : xúc tiến.
- Acense : dân nghèo không đóng đủ thuế để có quyền bầu cử, thuộc lại của thẩm phán.
- Acensement : khế ước, giao kèo thuê ruộng đất.
- Acenser : thuê ruộng đất, cho thuê đất.
- Acceptable : có thể nhận được
- Condition acceptable : điều kiện có thể nhận được.
- Prix acceptable : giá phải chăng
- Acceptation : sự thừa nhận, nhận được, ưng thuận, nhận trả, thụ lĩnh, thừa đoạt, thừa thụ.
- Acceptation d'hérédité : thừa nhận kế lập.
- Acceptation de la communauté : thừa nhận cộng đồng tài sản.
- Acceptation d'une donation, d'un legs : thừa nhận tặng dữ, tặng di vật sản.

- Acceptation d'une lettre de change : *thừa nhận hối đoái phiếu.*
- Acceptation d'un mandat : *sự thừa nhận ủy nhiệm.*
- Acceptation par intervention : *tham gia thừa đoái, tham gia thụ lĩnh.*
- Acceptation sous bénéfice d'inventaire : *thừa nhận hạn định.*
- Acceptation en blanc : *lưu-không thụ lĩnh.*
- Acceptation expresse : *minh nhận.*
- Acceptation tacite : *mặc nhận.*
- Acceptation pure et simple : *thừa nhận đơn thuần, thuận nhận vô điều kiện, vô bảo lưu.*
- Acceptation conditionnelle : *thừa nhận có điều kiện.*
- Acceptation inconditionnelle : *thừa nhận vô điều kiện.*
- Acceptation par procuration : *đại quyền thừa nhận, ủy nhân thừa nhận, thay mặt thừa nhận.*
- Refus d'acceptation : *cự tuyệt, suy từ không thừa đoái, không thừa nhận.*
- Protêt faute d'acceptation : *giấy chứng nhận không đoái.*
- Acceptation de fonctions publiques : *sự thụ nhiệm chức vụ, sự nhậm chức.*
- Accepter : *nhận; nhận trả, thừa nhận, bằng lòng, ưng thuận, thuận đoái, thừa thụ, thụ nhập, thu nạp, lãnh nhận, lãnh thu, lãnh nạp, tiếp thụ, nhận lấy.*
- Accepter un don : *nhận của cho, nhận di, tặng sản.*
- Accepter une requête : *nhận đơn, chấp đơn.*
- Accepter une lettre de change : *thừa đoái hối phiếu.*
- Accepter une traite : *thụ lĩnh, nhận trả hối phiếu.*
- Accepté : *ký nhận, thuận nhận.*
- Acception : *ý nghĩa.*
- Dans toute l'acception du terme : *theo toàn nghĩa của danh-từ.*
- Accès : *sự tới gần, sự tiếp cận, sự tham dự,*
- Voie d'accès : *thông lộ, lối vào.*
- Avoir accès dans une carrière : *được bổ nhiệm vào ngạch nào*
- Avoir accès dans une assemblée : *được tham dự vào một hội đồng.*
- Accessible : *có thể lời, lại gần, có thể lung lạc.*
- Accessible à l'intérêt : *có thể lung lạc bằng tài lợi.*
- Accession : *sự ưng thuận, chấp nhận, gia dịch, gia nhập, tham gia, nhận chức, tham dự, tựu nhiệm, gia tăng, phù hợp, phụ thêm, quyền tính hữu.*
- Accession à une demande : *sự chấp nhận đơn.*
- Accession à un traité : *sự tham dự hiệp ước.*
- Accession au pouvoir : *sự lên cầm quyền, sự nhậm quyền.*
- Accession à une fonction : *sự nhậm chức, sự tựu chức, tựu nhiệm.*

- Accession par adjonction : *phụ thêm, phụ hợp, gia tăng, phụ hợp.*
- Accession naturelle : *phụ thêm thiên nhiên, gia tăng thiên nhiên.*
- Accession artificielle : *phụ thêm nhân tạo, gia tăng nhân tạo.*
- Droit d'accession : *phụ thêm quyền, quyền sở hữu gia tăng.*
- Accessoire : *phụ thêm, phụ thuộc, phụ trợ, phụ khoản, phụ tùng.*
- Peine accessoire : *phụ hình.*
- Principal et accessoires : *khoản chính và khoản phụ, chính tủy, chính phụ.*
- Accessoire de solde : *khoản lương phụ, phụ cấp.*
- Intervention accessoire : *phụ thuộc can thiệp.*
- Accessoires essentiels : *phụ thuộc thiết yếu.*
- Contrats accessoires : *phụ ước, tùng ước.*
- Travail accessoire : *việc phụ.*
- L'accessoire suit le principal : *tử lòng mẫu.*
- Demande accessoire : *đơn phụ tố.*
- Accident : *sự rủi ro, tai nạn, tai biến, biến cố, ngẫu nhiên, ngẫu tính.*
- Accident d'avion : *nạn máy bay.*
- Accident de chemin de fer : *nạn xe lửa.*
- Accident d'automobile : *nạn xe hơi.*
- Accident de travail : *rủi ro lao động, tai nạn lao động.*
- Assurance contre accident : *tồn hại bảo hiểm, tai nạn bảo hiểm.*
- Par accident : *ngẫu nhiên, bất kỳ, bất ngờ.*
- Accident imprévu : *tai nạn bất kỳ, tai nạn bất ngờ.*
- Refus de secours en cas d'accident : *lợi không ứng cứu khi có tai nạn.*
- Accidentel : *nhất thời, ngẫu nhiên, rủi ro.*
- Domicile accidentel : *trú quán nhất thời.*
- Visite accidentelle : *sự đến thăm, đến khám xét bất thần, bất kỳ.*
- Mort accidentelle : *chết vì tai nạn, vì rủi ro, bất đắc kỳ tử.*
- Acclamatif : *bằng cách hoan hô.*
- Vote acclamatif : *quyết nghị bằng cách hoan hô.*
- Accommodant : *ôn hòa, nhu hòa, dễ thương lượng.*
- S'accommoder : *chăm chú.*
- Accompli : *đầy đủ, thành tựu, hoàn toàn, trọn vẹn, hoàn thành.*
- Fait accompli : *sự đã rồi, việc nghiệp dĩ, thành sự bất thuyết.*
- Temps accompli : *mãn kỳ.*
- Mettre devant un fait accompli : *đặt trước sự đã rồi.*
- Travaux accomplis : *công việc đã xong, công việc hoàn thành.*

Mariage accompli : hoàn hôn, đã kết hôn.

Vingt et un ans accomplis : đủ 21 tuổi, 21 tuổi đúng.

Accomplir : làm xong xuôi, trọn vẹn, đầy đủ, hoàn toàn, hoàn thành, thực hành, thi hành.

Accomplir le mariage : hoàn hôn, kết hôn.

Accomplir un projet : thực hành dự định.

Accomplissement : sự làm xong, hoàn thành, thành tựu, thực hành, thi hành.

Accomplissement d'un travail : hoàn thành công việc.

Accomplissement d'une formalité : sự theo đúng thể thức, làm theo thể thức, chiếu theo thủ tục.

Accomplissement des fonctions : phục vụ, thừa hành nhiệm vụ.

Dans l'accomplissement des fonctions : trong lúc thừa hành nhiệm vụ, trong lúc làm việc, phục vụ.

Mort dans l'accomplissement de ses fonctions : tuấn chức, chết trong khi thừa hành nhiệm vụ.

A l'occasion de l'accomplissement des fonctions : nhân vì thừa hành nhiệm vụ, nhân vì làm việc, phục vụ.

Accord : sự đồng lòng, đồng ý, bằng lòng, thỏa thuận, tán đồng, thỏa-hiệp, ý hiệp, hòa hợp, thích hợp, hiệp ước, đề ước.

Etre d'accord : thỏa thuận, đồng ý, tán đồng, hiệp định hòa giải.

Mettre d'accord : giải hòa, hòa giải.

D'accord parties : đôi bên bằng lòng, đồng ý, thỏa hiệp.

Accord commercial : hiệp ước thương mại, thỏa hiệp thương mại, thương ước.

Accord préliminaire : hiệp ước sơ bộ, hiệp định sơ bộ.

D'accord avec : đồng lòng với, đồng ý với, thỏa hiệp với...

Accord de principe : thỏa hiệp về nguyên tắc.

Accorder : bằng lòng, thỏa thuận, tán đồng, ban, chấp nhận, điều chỉnh, y chuẩn, chiếu chuẩn, phê chuẩn, ưng cho.

Accorder une grâce : ân xá.

Accorder un congé : cấp giả.

Accorder une proposition chấp nhận đề nghị, y chuẩn đề nghị.

Accorder après examen : hạch chuẩn.

Accorder un délai : gia hạn, cho một kỳ hạn, triển kỳ.

Accorder une faveur (accorder un bienfait) : ban ân, ra ân, thi ân.

S'accorder : đồng ý, thông mưu, thông đồng.

Accouchement : thai sản.

Accouchement prématuré : đẻ non, đẻ thiếu tháng, tiểu sản.

Congé pour accouchement : nghỉ hộ sản, nghỉ thai sản.

Accoucheuse : bà mẹ, bà đỡ, sản bà.

Accréditer : tín nhiệm, tín dụng, bảo chứng, uỷ nhiệm, phái khiến, ban tín phù.

Accréditer un ministre : ban tín phù cho sứ thần, cấp uỷ nhiệm thư cho sứ thần.

Accréditeur : người bảo lãnh, bảo chứng, đảm bảo.

Accréditif : về lệnh chuyển hối, (lệnh nhà ngân hàng này cho nhà ngân hàng khác trả tiền).

Accroissement : sự thêm lên, tăng lên, tăng tiến, tăng gia, sự phụ thêm, sự tăng thu, sự khuyếch trương

Accroissement de la population : tăng gia nhân khẩu.

Droit d'accroissement : quyền tăng thu.

Accroître : tăng gia, tăng trưởng, khuyếch trương.

Accroître la production : tăng gia sản xuất.

Accroître l'autorité : làm tăng quyền hành, cho thêm quyền hành.

Accrue : đất bồi, rừng lan rộng.

Accueil : sự đón tiếp, nhận, chiêu đãi.

Accueil cordial : hậu ngộ, hậu đãi.

Accueil favorable : sự chấp thuận.

Accueillir : tiếp nhận, chấp nhận, chiêu đãi, tiếp đãi.

Accueillir une demande : chấp đơn.

Accumulation : chứa chất, súc tích, lũy tích.

Accumulation de témoignages : chồng chất chứng cứ, quần tụ chứng cứ.

Accumulation du capital : tư bản lũy tích.

Ordre d'accumulation : thủ lập mệnh lệnh.

Accusable : có thể buộc tội, trách cứ, tố cáo, khống cáo.

Accusateur : người buộc tội, tố cáo, khống tố, khống cáo.

Accusateur public : công tố viện.

Accusation : sự buộc tội, tố cáo, khống tố bên cáo tố.

Fausse accusation : hư cáo, cáo gian, võng cáo.

Accusation calomnieuse : vu cáo.

Droit d'accusation : cáo tố quyền.

Acte d'accusation : bản cáo trạng, tố trạng.

L'accusation et la défense : bên cáo tố và bên kháng biện ; bên cáo tố và bên biện hộ.

Accusé : bị cáo, người bị cáo.

Accusé de : bị cáo về tội.

Absoudre un accusé : xá miễn bị cáo.

Acquitter un accusé : phóng miễn tha bổng người bị cáo, cho người bị cáo được miễn nghị, tha trắng án.

Accusé de réception : hồi đơn, thụ nhận chứng, thụ lĩnh chứng, giấy báo đã nhận,

Accuser : khống tố, tố cáo, buộc tội, trách cứ, cáo tố, khống cáo.

- Accuser fausement : cáo gian, võng cáo, vu thác, hư cáo.
- Achalandage : mỗi hàng, sự giắt mỗi hàng.
- Achat : sự mua, tậu.
- Achat au comptant : mua liền mặt, mua tiền ngay.
- Achat ferme : mua đứt, đoạn mãi.
- Achat à crédit : mua chịu.
- Prix d'achat : giá mua.
- Pouvoir d'achat : mãi lực, cấu mãi lực.
- Achat non révocable : đoạn mãi.
- Achat de seconde main : mua lại.
- Acquérir par l'achat : mua được.
- Acheter : tậu mãi, mua, tậu, thủ đắc, cấu mãi.
- Acheter au détail : mua lẻ.
- Acheter en gros : mua buôn, mua cất.
- Acheter à reméré : mua đợ, tậu đợ.
- Acheter définitivement : mua đứt, tậu được, đoạn mãi.
- Acheter un témoin : mua chứng.
- Acheter à terme ou à crédit : mua chịu.
- Acheter quelqu'un : hối mại ai, dứt lót ai.
- Témoin acheté : chứng hối mại.
- Acheteur : mãi chủ, cỗ chủ.
- Achever : thành tựu.
- Achevé : đã xong, kết thành, hoàn thành, cáo thành.
- Achèvement de travaux : hoàn thành công việc.
- Acompte : tiền trả dần, trả góp. Phân kỳ, phân đoạn.
- Payer par acomptes : trả góp, trả phân kỳ.
- Voter par acompte : biểu quyết phân kỳ.
- Acquéreur : người mua, chủ mua, mãi chủ.
- Acquéreur à pacte de rachat : người mua đợ.
- Acquéreur de bonne foi : người mua, người hoạch đắc, tình ngay.
- Acquéreur de mauvaise foi : người mua, người hoạch đắc, tình gian.
- Acquérir : mua, tậu, thủ đắc, hoạch đắc, tậu mãi, chiếm thủ.
- Acquérir par occupation : chiếm được.
- Acquérir par achat : mua được.
- Acquérir un droit : được hưởng một quyền lợi, chiếm hữu một quyền lợi.
- Acquérir la propriété : được quyền sở hữu, thủ đắc quyền sở hữu.
- Acquérir la certitude : xác tín.
- Acquérir la preuve : có chứng cớ.
- Droit acquis : quyền đã được hưởng, ký đắc quyền, quyền hiện hữu.
- Bien mal acquis : hoành tài, của phi nghĩa.
- Fait acquis : việc dĩ nhiên, sự đã thành, việc đã rồi.

Bénéfice du droit acquis : sự hưởng kỷ đặc quyền, quyền hiện hữu.

Etre acquis au trésor : được xung vào, bỏ vào ngân khố, qui thuộc công quỹ.

Acquêts : của hoạch đặc (trong khi vợ chồng lấy nhau).

Communauté réduite aux acquêts : Cộng hữu, cộng thông tài sản hạn chế.

Acquiescer : thuận nhận, thừa nhận, ưng thuận.

Acquiescer par écrit à un jugement : cụ kết.

Acquiescement : sự bằng lòng, ưng thuận.

Acquis : đã mua tậu, thủ đắc, đã thành, qui thuộc.

Acquis au trésor : xung vào công quỹ, qui thuộc công quỹ.

Prescription acquise : thời hiệu đã tới kỳ, đã được hưởng thụ.

Acquisitif : thủ đắc, hoạch đặc.

Prescription acquisitive : thủ đắc thời hiệu.

Acquisition : sự mua tậu, sự thủ đắc, hoạch đặc.

Acquisition de la propriété : thủ đắc quyền sở hữu.

Acquisition de la propriété immobilière : thủ-đắc bất-động-sản.

Acquisition de la possession : thủ-đắc quyền chiếm hữu.

Acquisition à titre gratuit : vô tổn thủ đắc, sự được của tặng.

Acquisition à titre onéreux : hữu tổn thủ đắc, sự mua, sự tậu.

Acquisition à titre particulier : thủ đắc riêng biệt, thủ đắc chỉ-định danh-nghĩa, thủ đắc đặc-định danh nghĩa.

Acquisition à titre universel : thủ đắc toàn thể, thủ đắc bao quát danh nghĩa.

Acquisition originaire : nguyên thủy thủ-đắc (khởi thủy).

Acquisition dérivée : chuyển lai thủ-đắc.

Acquit : thanh toán, xong nợ, sạch nợ, hết nợ, giấy biên nhận, biên lai, lưu tự phát lai, ngân phiếu đã lĩnh tiền rồi.

Pour acquit : đã trả xong, đã thanh toán, đã nhận đủ số tiền, thay phát lai nhận tiền; nhận thực đã thanh toán.

Donner acquit à quelqu'un : biên nhận việc gì cho ai.

Agir en acquit de : trả liền thay cho ai.

Par acquit de conscience hoặc : pour l'acquit de sa conscience : cho yên tâm, cho khỏi ăn năn hối hận.

Acquit à caution : giấy miễn thuế đoan, giấy chuyên chở hàng hóa tự do, giấy cho phép chở hàng, miễn thuế chuyển vận đơn.

Acquittement : Sự trả nợ, nộp thuế, hoàn nạp. Sự ký nhận, biên nhận. Miễn nghị, tha tội.

Acquittement d'une dette : sự thanh toán một món nợ, thanh trái.

Acquittement des droits : sự nộp thuế.

Acquittement d'une facture : sự ký nhận 1 hóa đơn đã thanh toán.

Acquittement d'un prévenu : tha bổng bị can, miễn nghị một bị can; tha trắng án một bị cáo.

Jugement d'acquittalment : án tha bổng, án phóng miễn, án miễn nghị.

Acquitter : trả xong, ký nhận đã trả rồi, tha bổng, tha trắng án, cho miễn nghị, phóng miễn.

Acquitter une dette : trả xong nợ, miễn trái, thanh thường.

Acquitter une facture : ký nhận hóa đơn đã thanh toán.

Acquitter un accusé : tha bổng bị cáo, miễn nghị một bị cáo, tha trắng án.

Acquitter une obligation : thi hành nghĩa vụ, tận trách vụ.

S'acquitter d'une dette : trả sạch nợ, thanh trái.

S'acquitter d'une mission : làm tròn nhiệm vụ, tận chức vụ.

Acte : việc làm, hành động, hành vi, sở hành, chứng thư, văn thư, văn kiện, trạng từ, văn khế, văn tự, thư khế, khế khoán, quyết nghị.

Acte arbitraire : hành động chuyên chế, hành vi độc đoán.

Acte authentique : văn thư, văn kiện xác thực, chính thức hợp pháp.

Acte administratif : hành chính văn thư, hành chính quyết nghị, quản trị hành vi.

Acte-condition : tiên định khế ước.

Acte de conciliation : giải hòa chứng thư, văn thư hòa giải, quyết nghị hòa giải.

Acte de cession : di nhượng chứng thư, di nhượng văn thư, tờ di nhượng.

Acte certifié : chứng thư nhận thực, thị thực.

Acte collectif : văn thư tập hợp, hành vi tập hợp.

Acte confirmatif : văn thư xác nhận.

Acte consensuel : thuận tình khế ước, khẩu thuyết khế ước.

Acte conservatoire : hành vi bảo thủ, bảo thủ văn thư.

Acte constitutif de société : giấy lập hội, khế ước lập hội.

Acte bilatéral, acte synallagmatique : song phương văn thư, song vụ khế ước.

Acte plurilatéral : đa phương văn thư, khế ước.

Acte unitatéral : đơn phương văn thư, khế ước.

Acte d'exécution : sự chấp hành, sự thi hành.

Acte exécutoire : chấp hành văn thư, chứng thư.

Acte d'emprunt : lá cử, trái phiếu, trái khoán, văn tự nợ văn tự vay.

Acte de dénonciation : cáo phát trạng, tố cáo trạng đơn tố cáo.

Acte d'accusation : bản cáo trạng, tố cáo trạng, tố trạng.

Acte diplomatique : ngoại giao văn thư, hành vi ngoại giao.

Acte de naissance : giấy khai sinh, chứng thư khai sinh.

- Acte de mariage : giấy giá thú, chứng thư giá thú.
- Acte de décès : giấy khai tử, chứng thư, khai tử.
- Acte de notoriété : chứng thư công khai, công-tri chứng thư.
- Acte de vente : văn tự bán.
- Acte fictif : trá thư khế, thư khế giả thiết.
- Acte d'amnistie : quyết nghị đại xá.
- Acte de gouvernement : quyết nghị chính phủ, chính quyền hành vi.
- Acte d'appel : kháng cáo trạng.
- Acte de commerce : hành vi thương mại, văn kiện thương mại.
- Acte de donation : giấy tặng dũ, tặng dũ văn thư, chứng thư nhường cho.
- Acte de dernière volonté : di-chức, chung-ý hành vi.
- Acte de disposition : xử dụng hành vi, xử lý hành vi.
- Acte d'administration : quản trị hành vi.
- Acte de gestion : quản lý hành vi.
- Acte de violence : bạo cử, sự hành hung.
- Acte d'engagement : giấy cam đoan, giấy cam kết, giấy lịnh nguyện.
- Acte d'institution de l'héritier cultuel : giấy lập tự, lập tự phủ.
- Acte de guerre : hành vi chiến tranh, sự tác chiến.
- Acte de pourvoi : giấy kháng tố, thượng tố, thượng khố.
- Acte de la vie civile : hành vi về việc hộ.
- Acte de partage : san thư, san đạo.
- Acte d'instruction : hành vi thẩm cứu.
- Acte préparatoire : hành vi chuẩn bị, dự bị.
- Acte de pure faculté : tùy nghi hành vi.
- Acte de reconnaissance d'un enfant : chứng thư nhận con, lời khai nhận con.
- Acte de procédure : tố tụng văn thư, tố tụng hành vi.
- Acte probatoire : năng-lực chứng minh thư.
- Acte de société : giấy lập hội, điều lệ hội.
- Acte d'usage et de jouissance : sự xử dụng, và sự hưởng thụ.
- Acte de tolérance : hành vi khoan dung.
- Acte entier : toàn-văn.
- Acte exécutoire : chấp hành văn thư.
- Acte formel : chứng thư minh thị, minh xác, minh văn.
- Acte frustratoire : hành vi lừa dối, chứng thư hoành đoạt.
- Acte judiciaire : tư pháp văn thư, tư pháp hành vi, tài phán văn thư, tài phán hành vi.
- Acte extra judiciaire : tài phán ngoại hành văn thư, tài phán ngoại thức văn thư.
- Acte juridique : pháp luật hành vi.
- Acte illicite : hành vi trái phép, trái luật.
- Acte inexistant : văn thư bất thành, không có.
- Acte législatif et réglementaire : qui luật văn thư.
- Acte nul : văn thư vô hiệu.

Acte primordial : khởi thủy
văn-thư, văn thư nguyên thủy.

Acte primitif : cựa khế

Acte privé : tư khế.

Acte notarié : công chứng văn
thư, chứng thư do quản lý
văn khế (chứng khế) lập,
chứng khế chứng thư.

Acte officiel : công văn.

Acte reconnaissant : văn thư truy
nhận.

Acte réglementaire : văn thư
qui định, văn kiện quy tắc.

Acte respectueux — Somme
respectueuse : giấy xin phép
kết hôn, cầu hứa hôn thư,
thỉnh nặc hôn thư.

Acte rescindable : khế ước có
thể thủ tiêu, khả tiêu khế ước.

Acte solennel : trọng-thức hành
vi, trọng-thức văn-thư.

Acte sous-seing privé : tư thư
chứng thư, tư thư văn thư,
giấy tờ tư lập.

Acte arbitraire sur les biens du
débitteur : hành vi độc đoán
đối với người mắc nợ.

Prendre acte de : ghi chép.

Donner acte de : công nhận,
chứng nhận.

Dresser un acte de : lập khế.

Faire acte de présence : đến cho
có mặt, đến hiện diện.

Faire acte de soumission : qui
phục, qui thuận.

Dont acte : đã có văn thư về việc
ấy, có thư khế.

Faire acte de bonne volonté : tỏ
ra hết lòng, hết sức, tỏ rõ thiện
chí.

Faire acte de complaisance. làm
đẹp lòng người.

Acte de charité : hành vi từ thiện,
công đức.

Actif : siêng năng, mẫn tiệp, cần
mẫn, mẫn cán, hiện dịch,
thường động, chủ động.

Armée active : thường bị quân.

Résistance active : hoạt động
kháng chiến.

Cadre actif : ngạch thường
động, hiện dịch.

Défense active : hoạt động
phòng thủ.

Dette active : số tiền cho vay,
phóng trái.

Servitude active : quyền địa
dịch chủ động.

Servitude passive : quyền địa
dịch thụ động.

Membre actif (société) : hoạt
động hội-viên.

Actif : tổng hữu tài sản, tích sản ;
tá hạng, tá phương.

L'actif et le passif : tư sản và trái
khoản, tích sản và tiêu sản.

Actif social : tổng hữu tài sản
của hội, vốn của hội.

Noter à l'actif de quelqu'un : ghi
làm thẳng điểm cho ai.

Action : hành động, hành vi, lễ
hành vận động, tác dụng, sự
trạng, — hành trạng tổ quyền,
việc kiện, tổ tụng, — cớ phần,
cớ phiếu, hối chung phần.

Règle d'action: hành vi luật, thông
phương châm hành động.

Action civile: tư tố, tư tố quyền,
dân sự tố, kiện về dân sự.

Action en justice: tố quyền.

Action réelle: tố quyền đối vật,
vật thượng tố quyền, kiện về
vật quyền.

Action personnelle: đối nhân tố
quyền, kiện đối với người, kiện
về nhân quyền.

Action mobilière: động sản tố
quyền, động sản tố tụng, kiện
về động sản.

Action immobilière: bất động
sản tố quyền, bất động sản tố
tụng, kiện về bất động sản.

Action publique: công tố quyền;
kiện về hình sự.

Mettre en mouvement l'action
publique: khởi động công tố
quyền, phát vận công tố quyền.

Action civile: kiện về dân sự,
dân sự tố quyền.

Action principale: chính tố
quyền.

Action privée: tư tố quyền.

Action mixte: hỗn hợp tố quyền
(vừa về vật vừa về người).

Action en nullité: kiện xin vô
hiệu, xin thủ tiêu.

Action prescrite: tố quyền đã bị
tiêu diệt.

Action en déchéance: đầu đơn
xin truất quyền.

Action en partage: phân sản tố
tụng, phân sản tố quyền.

Action pétitoire: sở hữu tố quyền,
thỉnh cầu duy trì quyền sở hữu.

Action possessoire: chiếm hữu tố
quyền.

Action jointe: phụ tố quyền.

Action en réparation: kiện đòi
bồi tổn, bồi thường.

Action en garantie: kiện đảm bảo.

Action en rescision: kiện đòi thủ
tiêu.

Action en pétition d'hérédité:
kiện đòi di sản, khởi tố để đòi
di sản.

Action révocatrice: kiện đòi phế
bãi.

Action subrogatoire. Action indi-
recte: thế vị tố quyền.

Action récursoire: thượng cáo tố
quyền.

Action en restitution: kiện đòi
hồi phục nguyên trạng.

Action engager une. Exercer une
action: khởi tố.

Action mettre en: huy động, phát
vận, khởi động.

Action par voie d': do cách thừa
kiện, do cách tố tụng.

Action nominative: ký danh cổ
phiếu, cổ phần; hữu danh cổ
phiếu, cổ phần.

Action au porteur: vô danh cổ
phiếu, cổ phần.

Action d'apport: hiện vật cổ
phần.

Action de capital: hiện ngân cổ
phần, hiện ngân cổ phiếu.

Action de fondateur: sáng lập cổ
phần, sáng lập cổ phiếu.

Action privilégiée: đặc quyền cổ
phần, đặc quyền cổ phiếu.

- Action de jouissance : hưởng thụ.
cổ phần, hưởng thụ cổ phiếu.
- Action de priorité : ưu tiên cổ phần, ưu tiên cổ phiếu..
- Actions société par : công ty hợp cổ — công ty tập cổ.
- Actions société en commandite par : hội hợp tư cổ phần, hữu hạn công ty.
- Action au dessus du pair : cổ phần trên định ngạch, quá ngạch cổ phần.
- Actions émission d' : phát hành cổ phần.
- Actions réunir des : hợp cổ
- Actions rassembler des : lập cổ.
- Action négociable : cổ phần có thể mua bán được.
- Action républicaine : vận động cộng hòa.
- Action féminine : vận động phụ nữ.
- Action d'éclat : công trạng, công huân.
- Action politique : hành động chính trị.
- Action gracieuse : việc phi tụng, phi tụng lỗi quyền.
- Action contentieuse : việc lố tụng, hành chính tài phán quyền.
- Actionnaire : người có cổ phần cổ đông, cổ viên, động chủ.
- Actionnaire au porteur en nature : người cổ động góp bằng hiện vật.
- Droit des actionnaires : cổ quyền.
- Assemblée des actionnaires : cổ đông đại hội.
- Actionner : kiện, khởi tố, khích động.
- Activité : sự hoạt động, lực tác, hiện dịch.
- Activité économique : hoạt động kinh tế.
- Activité politique : hoạt động chính trị.
- Activité sphère d' : phạm vi hoạt động.
- Activité fonctionnaire en : viên chức hiện dịch, tại chức, đương thứ.
- Activité soldat en : lính tại ngũ, tại dinh.
- Activité rayer des cadres de l' : cho về hưu trí, giải ngũ.
- Actuaire : thư ký, thủ bạ, hội kê, hội bảo hiểm.
- Actualités : thời sự, thời vụ.
- Actuel : hiện tại, tức kim, hiện thời, hiện hữu, hiện hạ, mục hạ.
- Situation actuelle : hiện trạng, hiện tình, tình thế hiện thời.
- Créance actuelle : trái quyền hiện tại.
- Etat actuel : hiện cục.
- Temps actuel : hiện đại, hiện thế, hiện thời.
- Actuellement : hiện kim, hiện nay.
- Adage : ngôn ngữ, châm ngôn, cách ngôn, cổ ngữ, tục ngữ.
- Adaptation : sự hợp dụng, phù hợp thích hợp, thuận ứng, chế biến hợp nghi.
- Adapter : hợp dụng, chế biến — thuận ứng, làm cho thích hợp.
- S'adapter aux circonstances : ứng biến, hợp thời cơ.

- Adapté à l'usage : *hợp dụng, tiện dụng, thích dụng.*
- Addendum : *bản bổ khuyết, phụ tặc.*
- Additif : *phần thêm, phụ, bổ sung, gia thêm, truy gia, thêm vào những điều đã qui định.*
- Additif au budget : *bổ sung ngân sách.*
- Addition : *thêm, tăng gia, phụ tặc.*
- Addition ou altération des clauses : *tăng gia hay biến tạo các khoản.*
- Additionnel : *thuộc sự thêm ; phụ, ngoại phụ, gia tăng ; bổ sung, bổ khuyết.*
- Convention additionnelle : *tục ước, phụ ước.*
- Acte additionnel : *tăng bổ án.*
- Taxe additionnelle : *thuế ngoại ngạch, ngoại phụ ngoại bổ.*
- Centième additionnel : *bách phân ngoại phụ, bách phân phụ thu.*
- Adduction : *sự dẫn đến.*
- Adduction d'eau : *cách dẫn nước.*
- Adéquat : *thích hợp, thích đáng, thích ứng.*
- Adhérent : *tham dự, tham gia, gia nhập, người vào hội, tán đồng, đồ đảng, tương liên.*
- Membre adhérent : *hội viên tán đồng, hội viên gia nhập.*
- Adhérer : *tham dự, tham gia, gia nhập, vào hội, tán đồng, khế hợp.*
- Adhésion : *sự tham gia tán thành, thỏa thuận, thuận tình, thỏa hiệp, ý hiệp.*
- Demande d'adhésion : *đơn xin gia nhập, xin vào hội.*
- Donner son adhésion : *thỏa thuận, tán thành, thỏa hiệp.*
- Ad hoc : *chuyên về, riêng về, thích hợp về việc ấy.*
- Adirer : *đánh mất, thất lạc.*
- Addition : *sự thừa nhận.*
- Addition d'hérédité : *thừa nhận kế lập.*
- Adjoindre : *phụ vào.*
- Adjoint : *phụ, phó.*
- Direction adjoint : *phó giám đốc.*
- Adjoint au chef de Province : *Phó Tỉnh Trưởng.*
- Adjoint au maire : *phó xã trưởng, phó thị-trưởng.*
- Adjoint au chef de village : *phó xã trưởng.*
- Adjonction : *sự phụ vào, phụ hợp, thêm vào, phụ gia, phụ thuộc.*
- Accession par adjonction : *phụ thêm phụ hợp ; gia tăng phụ hợp.*
- Adjudant : *quản, thượng sĩ.*
- Adjudant chef : *chánh quản.*
- Adjudication : *cước bỏ thầu, đấu giá, phát mại, bao thầu đấu giá.*
- Avis d'adjudication : *cáo thị đấu thầu.*
- Vente par adjudication : *bán đấu giá.*
- Adjudication publique : *bán đấu giá công khai.*
- Adjudication judiciaire : *tư pháp phát mại, tài sản phát mại.*

- Adjudication administrative : hành chính phát mại.
 Avoir l'adjudication de : bao thầu làm gì.
 Mettre en adjudication : cho bán đấu giá, cho bỏ thầu, gọi thầu.
 Adjudicataire : người bỏ thầu, người mua công mại, người được bao thầu, người được thầu, người lĩnh thầu, chủ thầu.
 Fermier adjudicataire : người lĩnh trung.
 Adjuger : phán định, phán mại, phát mại.
 Adjuger un prix : cho giá.
 Ad libitum : tùy ý.
 Ad litteram : theo đúng nguyên văn.
 Admettre : chuẩn nhận, thừa nhận.
 Admettre une requête : chấp đơn.
 Admettre une solution : chấp nhận một giải pháp.
 Admettre une preuve : công nhận, dung nạp một chứng cứ.
 Admis en non valeur : được miễn kê, coi như vô giá trị, như không có.
 Administrateur : người quản trị, quản lý, quản tài, viên chức hành chính, cai trị.
 Administrateur délégué : ủy viên cai-trị, viên đại lý, đại diện.
 Administratif : về cai trị, hành chính, quản trị.
 Unité administrative : hành chính đơn vị.
- Acte administratif : hành vi, quản trị, văn thư hành chính, hành vi hành chính.
 Abus, erreurs administratifs : chính lệ.
 Autorité administrative : viên chức hành chính, chức trách hành chính, quyền chức hành chính.
 Droit administratif : luật hành chính, hành chính pháp.
 Pouvoir administratif : quyền hành chính,
 Circonscription administrative : hành chính khu vực, khu hành chính.
 Service administratif : công sở chính lịch.
 Contentieux administratif (Conseil du) Tòa-Án cai-trị; hành chính tư pháp.
 Adjudication administrative : hành chính phát mại.
 Compte administratif : tài khóa bản, hành chính kết toán.
 Certificat administratif : công chứng chỉ, giấy công chứng.
 Surveillance administrative : hồi dân quản thúc.
 Administration : sự quản lý, quản trị hành-chính, trị sự công sở; cơ quan hành chính, cục sở, quyền hành chính quản hạt, việc cai trị, chính sự, chính vụ, chính hóa, chính cục,

Auto-administration : *địa phương tự trị.*

Conseil d'administration : *hội đồng quản trị, ban trị sự.*

Administration civile : *dân chính.*

Administration militaire : *quân chính.*

Administration des biens : *quản trị tài sản.*

Décret d'administration : *hành chính sắc lệnh, sắc lệnh hành chính.*

Droit d'administration : *quyền quản trị, quyền quản lý.*

Comité d'administration : *ủy ban quản-trị, ban trị-sự.*

Administration judiciaire : *cơ quan quản-trị ngành tư pháp, tư pháp, quản-trị vụ, nha tư pháp, nha giám đốc tư pháp, pháp chính.*

Administration des P.T.T. : *bưu chính cục, bưu điện sở.*

Administration centrale : *hành chính trung ương, tổng cục.*

Administration régionale locale : *hành chính địa phương.*

Administrations publiques : *công sở, công sản.*

Administration sanitaire : *y chính, y-lễ cục.*

Administration de la justice. Administration judiciaire : *nha pháp chính, nha tư pháp.*

Administration de la Police : *cảnh sát cục.*

Décret portant règlement d'administration publique : *hành chính sắc-lệnh, sắc lệnh ấn định hành chính pháp quy.*

Mauvaise administration : *tệ chính.*

Bonne administration : *thiện chính, huệ chính, nhân chính, lương chính.*

Administration directe : *trực trị.*

Administration draconienne : *hà chính, chính sự hà khắc.*

Administration communale : *hương chính, cơ-quan hành chính hàng xã.*

Administration municipale : *thị chính, thị xã hành chính.*

Administration provinciale : *tỉnh hạt hành chính, tỉnh chính, cơ quan hành chính tỉnh.*

Œuvre administrative : *chính tích, công cuộc hành chính.*

Acte d'administration : *quản trị hành vi.*

Administration tyrannique : *ngược chính, hà chính, chính sách áp chế.*

Administration tracassière : *chính sự phiền nhiễu.*

Administrer : *quản lý, cai trị, vi chính, kiểm lý, lý sự.*

Administré : *trị hạ, dân bị trị, dân thuộc hạt.*

Administrer une preuve : *viện chứng, dẫn chứng.*

Administrer son patrimoine : *điều lý, quản trị gia sản.*

- Admirable** : đáng khâm phục, bội phục, bái phục, kỳ dị.
- Admirer** : ngưỡng mộ.
- Admis** : được chấp nhận.
- Candidats admis** : thí sinh trúng tuyển, trúng cách, đỗ.
- Admis en non valeur** : được miễn kể, coi như vô giá trị, như không có.
- Admissibilité** : tính cách có thể chấp nhận, khả thừa nhận tính, khả thu nạp tính.
- Admissibilité d'une demande** : đơn có thể chấp nhận.
- Admissible** : có thể chấp nhận.
- Candidat admissible** : thí sinh gần trúng cách, được vào vấn đáp.
- Preuve admissible** : bằng chứng có thể chấp nhận, có thể cho được.
- Admission** : sự chuẩn nhận, thừa nhận, thu nạp.
- Concours d'admission** : thi hạch gia nhập, thi hạch nhập học.
- Arrêt d'admission** : thượng thẩm thụ lý phán quyết.
- Demander l'admission à (une société)** : xin gia nhập một hội.
- Adoptant** : cha nuôi, người nuôi con nuôi, nghĩa phụ, dưỡng phụ.
- Adopté** : con nuôi, dưỡng tử; nghĩa tử.
- Adopter** : chấp nhận, thuận, nuôi làm con nuôi.
- Adopter un héritier** : tục tự.
- Adopter un projet de loi** : thừa nhận một luật án, chấp thuận một luật án.
- Adopter un livre** : duyệt ý một cuốn sách.
- Adoptif** : thuộc về sự nuôi
- Père adoptif** : cha nuôi, nghĩa phụ, dưỡng phụ, kế phụ.
- Mère adoptive** : mẹ nuôi, nghĩa mẫu, dưỡng mẫu.
- Enfant adoptif** : con nuôi, dưỡng tử, nghĩa tử, kế tử.
- Frère adoptif** : nghĩa huynh, nghĩa đệ.
- Sœur adoptive** : nghĩa tử, nghĩa muội.
- Adoption** : sự nuôi con nuôi; lập con nuôi quá phòng, thừa nhận, chấp thuận, duyệt ý.
- Patrie d'adoption** : ý-trung tổ quốc, tâm-trung tổ-quốc.
- Adresse** : chỗ ở, địa chỉ.
- Adresse postale** : địa chỉ bưu điện.
- Adresse télégraphique** : địa chỉ điện tín.
- Adresse inconnue** : địa chỉ không rõ, không biết.
- Adresse incomplète** : địa chỉ không đủ.

(Kỳ sau đăng tiếp)

MỤC - LỤC

	Số trang		Số trang
I — Luận-thuyết			
— Phụ - nữ với văn - hóa (Vi- Hoàng)	115	văn Nam - Việt (Nguyễn - tường-Phượng)	177
— Việt-Nam tại Hội-nghị Phụ- nữ Thái - bình - dương (Bà Tăng-xuân-An)	123	— Lệ-Hải Bà vương (Nguyễn- văn-Trước)	181
— Cường-bách giáo-dục, một lợi-khi để duy-trì văn-hóa (Huyền-Thanh)	133	— Lễ - giáo (Nguyễn - quang- Xương)	186
— Phụ-nữ trong nền quốc-học xưa (H. C. B. V.).	147	— Một danh - nho đời Trần : Ông Chu-An (Phan-v-Sách)	198
— Tinh - thần Đại - học (Ngô- thúc-Địch)	152	— Cô-học cách-ngôn (Nguyễn- trọng-Hàn)	201
— Phụ-nữ với vấn-đề học-thức và chức-nghiệp (B.)	155	— Nghiệp thi - nhân (Nguyễn- Huyền-Linh)	203
II — Văn-chương		IV — Khoa - học	
— Thơ Hán và Việt (Trương- Chinh-Đạo)	159	— Phải chăng người ta có thể lên thăm Nguyệt - điện (Nguyễn-hữu-Bảng)	207
— Song Đào (tản văn điệu Liễu trai) (Trương-Chinh-Đạo)	162	— Đề cử hay ở hiền gặp lành (Nguyễn-công-Huân)	209
— Phụ - nữ với ngày giỗ Tổ (Việt-nữ)	168	V — Mỹ - thuật	
— Ân Kiêm (Việt - dân và Nguyễn-văn-Nhân)	168	— Cái hơn cái kém của tranh Tàu (Ngym)	212
— Lòng con (Ngô-ngọc-Kha)	170	— Tranh vẽ bằng bút sắt (Ngym)	214
— Vịnh sư : Hai bà Trưng (Sơn-Nhân)	172	VI — Văn-hóa các nước	
Huyền-trần công chúa (Kỳ- Hoa, Nguyễn-văn-Trước)	172	— Hội-nghị Phụ-nữ toàn bộ Thái - Bình - dương (Bà Nguyễn-thị-Châu)	217
Dương - quý - phi (Kỳ - Hoa Nguyễn-văn-Trước)	173	VII — Phê-bình thời-sự	
Bà Phan-thị-Thuần (Kỳ-Hoa Nguyễn-văn-Trước)	174	— Cảm tưởng về ngày phụ-nữ 1952 (Bà Nguyễn-duy-Cần)	220
— Thủy-tiên năm Nhâm-Thìn (Kỳ-Hoa Nguyễn-v-Trước)	176	— Phụ-nữ Nhật-bản trên đường dân-chủ (Nguyễn Phương- Lan)	223
— Ca-dao mới (Thùy-Thiên)	137	VIII — Tin-tức văn-hóa	
— Nữ cảnh-binh tự-trào (Đỗ- thị-Thanh-Tâm)	202	— Công-văn	224
— Xuân tin tưởng (Nguyễn- Huyền-Linh)	219	— Tin trong nước	231
III — Khảo-cứu		— Tin các nước	234
— Văn chương với thời - cục hay lòng ái-quốc trong thi-		IX — Từ-ngữ hành-chính	237